TẠP A HÀM

Lược Giải

TẠP A-HÀM *Lược Giải*

Bản quyền tiếng Việt © 2025, Thích Thắng Giải

Không phần nào trong cuốn sách này được sao chép hoặc chuyển sang bất cứ dạng thức hoặc phương tiện nào, dù là điện tử, in ấn, ghi âm hay bất cứ hệ thống phục hồi và lưu trữ thông tin nào nếu không có sự cho phép bằng văn bản của chủ sở hữu.

Thái Hà Books trân trọng cảm ơn mọi ý kiến đóng góp của độc giả.
Mọi thông tin xin gửi về:

- Góp ý về biên tập: publication@thaihabooks.com
- Tư vấn dịch vụ xuất bản: dichvuxuatban@thaihabooks.com

THÍCH THẮNG GIẢI

TẠP A HÀM

Lược Giải

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

THAIHABOOKS
Phụng sự để dẫn đầu

MỤC LỤC

Lời Thưa *11*

Kinh 1: Vô Thường 13

Kinh 2: Vô Tri 25

Kinh 3: Vô Tri 28

Kinh 4: Yểm Ly 32

Kinh 5: Phi Ngã 36

Kinh 6: La-hầu-la Sở Vấn 41

Kinh 7: Đa Văn 48

Kinh 8: Thiện Thuyết Pháp 51

Kinh 9: Niết-bàn 54

Kinh 10: Vô Minh 58

Kinh 11: Vô Gián Đẳng 63

Kinh 12: Diệt 71

Kinh 13: Phú-lưu-na 75

Kinh 14: Bào Mạt 82

Kinh 15: Hà Lưu 92
Kinh 16: Ưu-đà-na 96
Kinh 17: Hữu Thân 108
Kinh 18: Tri Pháp 111
Kinh 19: Trọng Đảm 114
Kinh 20: Pháp Ấn 118
Kinh 21: Phú-lan-na 121
Kinh 22: Thanh Tịnh 132
Kinh 23: Chánh Quán Sát 136
Kinh 24: Thập Lục Tỳ-kheo 140
Kinh 25: Hoại Pháp 145
Kinh 26: Trưởng Giả 147
Kinh 27: Chánh Kiến 154
Kinh 28: Tham Dục 156
Kinh 29: Năng Đoạn Nhất Pháp 159
Kinh 30: Phú-lâu-na 163
Kinh 31: Đại Hải 169
Kinh 32: Niết-bàn Đạo Tích 172

Kinh 33: Hữu Lậu Vô Lậu 175
Kinh 34: Thế Gian 179
Kinh 35: Câu-hi-la (1) 182
Kinh 36: Câu-hi-la (2) 186
Kinh 37: Nhị-thập-ức-nhĩ 194
Kinh 38: Luật Nghi Bất Luật Nghi 200
Kinh 39: Lộc Nữu (1) 203
Kinh 40: Pháp Thuyết Nghĩa Thuyết 207
Kinh 41: Câu-hi-la 218
Kinh 42: Chuyển Pháp Luân 231
Kinh 43: Nhân-đà-la Trụ 249
Kinh 44: Luận Xứ 251
Kinh 45: Thiêu Y 253
Kinh 46: Bách Thương 257
Kinh 47: Khổng 260
Kinh 48: Manh 264
Kinh 49: Nghi (1) 267
Kinh 50: Ngũ Tiết Luân 269

Kinh 51: Tu-Đạt 272
Kinh 52: Tuyết Sơn 277
Kinh 53: Hồ Trì Đẳng 281
Kinh 54: Ngũ Chuyển 284
Kinh 55: Hành 304
Kinh 56: Đồng Pháp 310
Kinh 57: Xúc Nhân 316
Kinh 58: Tiễn 318
Kinh 59: Thiền 324
Kinh 60: Chỉ Tức 331
Kinh 61: Tiên Trí 337
Kinh 62: Sa-môn Bà-la-môn 340
Kinh 63: Đế Thích 343
Kinh 64: Bốn Mươi Thiên Tử 351
Kinh 65: Nhị Lực (1) 354
Kinh 66: Tứ Nhiếp Sự 357
Kinh 68: Thiện Tri Thức 363
Kinh 69: Thiện Tri Thức 365

Kinh 70: Quảng Thuyết Bát Thánh Đạo 367
Kinh 71: Sanh Văn 367
Kinh 72: Chánh Niệm 404
Kinh 73: Tứ Chánh Đoạn (3) 412
Kinh 74: Dục Định 417
Kinh 75: Đương Tri 423
Kinh 76: Ngũ Lực Đương Thành Tựu 428
Kinh 77: Thất Giác Chi 431
Kinh 78: Sa-môn Sa-môn Pháp 443
Kinh 79: Sa-môn Sa-môn Quả 444
Kinh 80: Sa-môn Pháp Sa-môn Quả 445
Kinh 81: Ngũ Pháp 479
Kinh 82: An-na-ban-na Niệm 481
Kinh 83: Bất Bì 485
Kinh 84: Học (2) 490
Kinh 85: Li-xa 493
Kinh 86: Chuyển Luân Vương 496
Kinh 87: Xá-lợi-phất (1) 499

Kinh 88: Ca-Lê 504
Kinh 89: Sơ Thiền 511
Kinh 90: Đệ Nhị Thiền Thiên 513
Kinh 91: Đệ Tam Thiền 515
Kinh 92: Giải Thoát 517
Kinh 93: Tam Chủng Tử 520
Kinh 94: Dã Hồ 524
Kinh 95: Hiếu Dưỡng 527
Kinh 96: Ngoại Đạo 530
Kinh 97: Mục-Liên 535
Kinh 98: Thâm Diệu Công Đức 539
Kinh 99: Lệ 543
Kinh 100: Hằng Hà 549

LỜI THƯA

Bộ *Tạp A-hàm* gồm một ngàn ba trăm sáu mươi bản kinh là do Hòa Thượng Đức Thắng Việt dịch, Hòa Thượng Tuệ Sỹ hiệu chính và chú thích. Nay người viết chỉ tuyển chọn lại một trăm bản kinh để viết lược giải. Với khả năng tu học của người viết cũng không thể nào thấu hiểu hết ý nghĩa của một trăm bản Kinh này, nhưng hiểu được nghĩa kinh tới đâu thì người viết xin được chia sẻ tới đó.

Mùa Phật Đản, Phật lịch 2567 (2023)
Với tất cả tấm lòng trân trọng,
Thích Thắng Giải

KINH 1

VÔ THƯỜNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Các ông hãy quán sát sắc là vô thường[2]. Quán sát như vậy gọi là quán sát chân chánh. Khi đã quán sát chân chánh thì sẽ sanh ra nhàm tởm[3]. Khi đã nhàm tởm thì dứt sạch hỷ tham[4]. Sự dứt sạch hỷ tham được gọi là tâm giải thoát[5].

---

[1] Đại Chánh, quyển 1. Tham chiếu Pāli, S. 22. 12-14. Aniccam.

[2] *Sắc vô thường* 色無常. Pāli: *rūpaṃ aniccaṃ.*

[3] Hán: *yểm ly* 厭離. Pāli: *nibbindati,* chán ghét, ghét bỏ.

[4] Hán: *Hỷ tham tận* 喜貪盡. Pāli: *varajjati/ virāga*, không còn mê đắm, ly nhiễm, ly tham.

[5] Pāli: *virāgā vimuccati. vimuttasmiṃ vimuttam iti ñāṇaṃ hoti,* do ly tham mà được giải thoát. Khi giải thoát, có nhận thức là đã giải thoát.

"Cũng vậy, các ông hãy quán sát thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Quán sát như vậy gọi là quán sát chân chánh. Khi đã quán sát chân chánh thì sẽ sanh ra nhàm tởm. Khi đã nhàm tởm thì dứt sạch hỷ tham. Sự dứt sạch hỷ tham được gọi là tâm giải thoát.

"Như vậy, Tỳ-kheo, nếu muốn tự chứng tâm giải thoát này thì có thể tự chứng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong và tự biết không còn tái sanh đời sau nữa[1].'

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải:

Đức Phật dạy: chúng ta phải quán sát năm thủ uẩn của chính mình là vô thường, khổ và vô ngã. Năm thủ uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

---

[1] Phát biểu của vị đã chứng quả A-la-hán: *ngã sanh dĩ tận, phạm hạnh dĩ lập, sở tác dĩ biện, tự tri bất thọ hậu hữu* 我生已盡, 梵行已立, 所作已辦, 自知不受後有. Pāli: *khīṇā jāti vusitaṃ brahmacariyaṃ kataṃ karanīyaṃ nāparam itthatayāti pajānāti.*

Uẩn: nghĩa là tập hợp, tụ hợp, tích hợp, nhóm; hoặc có khi các Ngài dịch là ấm, nghĩa là ngăn che, hay che phủ.

Sắc uẩn: là yếu tố vật chất bao gồm: địa, thủy, hỏa, phong.

Theo Câu-xá luận, trang 99, do Hòa Thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, giải thích nghĩa sắc uẩn là gì? *"Sắc là chỉ cho năm căn, năm cảnh, cùng vô biểu. Nói năm căn, đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân. Nói năm cảnh, đó là sắc, thanh, hương, vị và xúc. Cùng với vô biểu, tức vô biểu sắc. Chỉ trong giới hạn ấy lập danh sắc uẩn."*

"Vô biểu sắc là sắc không biểu hiện cụ thể cho mắt, tai, mũi, lưỡi, thân tiếp xúc. Đó là chỉ cho pháp trần, nó là đối tượng phân biệt của ý thức." (Trích Bát nhã Tâm Kinh, trang 66, Hòa Thượng Thái Hòa dịch và chú giải)

Thọ uẩn: là nhóm cảm giác gồm khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ (cảm giác không vui không khổ).

Tưởng uẩn: *"Tưởng, nắm bắt tín hiệu. Sự nắm bắt các tín hiệu xanh, vàng, dài, ngắn, nam, nữ, khổ và phi khổ các thứ, đó là tưởng uẩn* (Câu-xá luận).

"Tưởng, tự tính của nó là tiếp thu ảnh tượng nơi đối tượng. Chức năng của nó là quy ước các loại danh ngôn khác nhau. Nghĩa là, cần phải ấn định hình thái giới hạn của đối tượng mới có thể tùy theo đó phát khởi các danh ngôn khác nhau" (*Luận Thành Duy Thức*)

Hành uẩn: *"Này các Tỳ-kheo thế nào là hành? Có sáu tư thân: tư sắc, tư thanh, tư hương, tư vị, tư xúc và tư pháp. Đây gọi là hành"*. (Theo kinh *Tương Ưng Bộ*)

Tư chính là động lực quyết định, là ý muốn để dẫn tâm theo hướng thiện, hay bất thiện.

Tư gồm thẩm tư lự, quyết định tư và phát động bởi tư. Tư chính là hành. Hành uẩn chính là các tâm hành thiện và bất thiện tạo nghiệp để dẫn đến quả báo của nghiệp. Hành uẩn là những tâm hành thuộc tâm sở. Duy thức đã chia làm 51 tâm sở bao gồm cả thọ và tưởng. Trong *Trung A-hàm*, *Kinh Đại Câu-hy-la*, số *211*, Tôn giả Đại Câu-hy-la

dạy thọ, tưởng và tư hợp nhất không riêng biệt như sau: *"Thọ, tưởng, tư, ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt. Không thể thi thiết ba pháp này là riêng biệt. Vì sao? Những gì được cảm thọ bởi thọ, cũng được tưởng bởi tưởng, được tư bởi tư. Cho nên nói ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt, và không thể thi thiết ba pháp này riêng biệt."*

Thức uẩn: thức gồm tám loại như nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, thức thứ bảy và thức thứ tám. Thức là nền tảng của thọ, tưởng và hành. Thức là tâm vương, còn thọ, tưởng, hành là tâm sở. Tâm vương và tâm sở được ví như mặt trời và ánh sáng. Tâm vương ví cho mặt trời, còn tâm sở ví cho ánh sáng (Theo *Luận Thành Duy Thức*).

Bởi vì năm thủ uẩn là pháp duyên sinh nên vô thường, khổ và vô ngã. Trong năm thủ uẩn gồm sắc pháp và tâm pháp. Sắc pháp là pháp do bốn đại tạo thành nên thuộc thân thể của mỗi chúng ta. Tâm pháp là sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức (vọng niệm). Sắc pháp và tâm pháp đó đều thuộc về pháp hữu vi. Pháp hữu vi là pháp

do nhân duyên hòa hợp để hình thành nên chúng cũng sẽ do nhân duyên để đi đến hoại diệt. Với ý nghĩa này, tất cả chúng ta đều nhận thức được như vậy.

Chúng ta biết rằng nhận thức về vô thường và nhận biết được như thật (trong các biết chỉ là cái nhận biết) về vô thường là hai ý nghĩa hoàn toàn khác nhau. Khi chúng ta nhận thức về vô thường đối với pháp hữu vi thì tâm nhận thức này cũng vô thường. Do đó, những người học Phật và kể cả những người không học Phật đều có thể nhận thức được như vậy. Tất nhiên, chúng ta đều có thể nhận thức được rằng năm thủ uẩn của chính mình đều là pháp duyên sinh nên vô thường, vô ngã. Ví như chúng ta đã nhận thấy một sự thật rằng những người trong quá khứ sinh ra đời nhưng rồi sau đó cũng phải dẫn đến già, bệnh và chết. Mọi người trong hiện tại và tương lai cũng đều có chung ý nghĩa là như vậy. Như vậy, chúng ta đều nhận thức rằng tất cả pháp hữu vi là pháp do duyên sinh nên vô thường. Vì thế, trong kinh *Kim Cang,* Đức Phật dạy: *"Các pháp hữu vi như giấc mộng, như ảo hoá,*

như bọt nước, như bóng hình, như sương mai, như điện chớp, hãy quán chiếu như vậy".

Nhờ học Phật pháp nên chúng ta có được nhận thức về vô thường đối với các pháp hữu vi như thế. Rồi chúng ta tin rằng có chư Phật, các bậc Đại Bồ-tát, các bậc thánh A-la-hán, các bậc thánh nhân, hàng chư thiên, hàng A-tu-la, ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục, và có vô cùng thế giới như Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Đồng thời, chúng ta cũng nhận thức được rằng khổ đế - tập đế cần phải đoạn, diệt đế cần phải chứng và đạo đế cần phải tu tập. Nhờ đó, chúng ta sẽ có một đời sống tốt đẹp như biết tôn kính Phật, tôn kính Pháp và tôn kính Tăng cũng như các bậc hiền thiện. Không những như vậy, chúng ta biết thương kính cha mẹ, anh em, dòng tộc, bạn hữu cũng như tất cả chúng sanh hữu tình. Chúng ta biết thực hành các hạnh lành như bố thí tiền tài, vật chất như các thực phẩm, thuốc men, áo chăn... cũng như phát tâm đóng góp tịnh tài để xây dựng Tam bảo. Nếu là những người cư sĩ tại gia thì sẽ biết tu tập các thiện pháp cũng như biết phụng dưỡng cha mẹ, giúp đỡ anh em

ruột thịt, bạn hữu. Còn nếu là những người xuất gia sống trong một tu viện thì sẽ biết tu tập tất cả các thiện pháp cũng như biết kính trọng Sư trưởng và thương quý huynh đệ.

Tuy nhận thức và thực tập như vậy nhưng với chánh kiến ấy cũng không thể điều phục, đoạn trừ được tham, sân, si của chính mình. Vì sao? Bởi vì chánh kiến đó là chánh kiến thuộc hữu lậu nên nó cũng vô thường. Nghĩa là, chánh kiến văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ thuộc hữu lậu chỉ nhận thức được vô thường đối với các pháp hữu vi, chứ chưa nhận biết được như thật (trong cái biết chỉ là cái nhận biết) vô thường đối với các pháp ấy. Bởi vì, chỉ có chánh kiến vô lậu mới nhận biết được như thật năm thủ uẩn là pháp duyên sinh nên vô thường, khổ, phi ngã. Điều này có nghĩa là tâm hữu lậu không thể nhận biết được như thật tâm hữu lậu vì đồng tính chất. Chỉ có tâm vô lậu mới nhận biết được như thật tâm hữu lậu vì không đồng tính chất. Ví như, tối không thể nhìn thấy được như thật tối, mà chỉ có ánh sáng mới nhìn được như thật tối. Cho nên, minh mới nhận biết được như thật vô minh;

giác mới nhận biết được như thật mê; trí mới nhận biết được như thật thức.

Chúng ta biết rằng chánh kiến hữu lậu không thể đoạn trừ được khổ đế - tập đế (năm thủ uẩn) để đạt tứ thánh quả. Vì thế, Đức Phật dạy: chúng ta phải nhận biết được như thật năm thủ uẩn là pháp duyên sinh, vô thường, phi ngã thì tâm này chính là chánh kiến vô lậu. Chánh kiến vô lậu là chánh kiến phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì chánh kiến này không, vô tướng, vô tác nên không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần.

Tuy chúng ta vốn có chánh kiến vô lậu nhưng để lãnh hội được chánh kiến này thì cần phải tìm cầu các bậc thiện tri thức để được chỉ dạy, chứ với sự hiểu biết của chính mình, nỗ lực tu tập mà tự lãnh hội được thì điều này rất khó thành tựu. Ngoài ra, chỉ có những bậc thầy đã tu tập trải qua nhiều đời được thuần thục, rồi đời hiện tại này lại tiếp tục tu tập nên mới có thể tự mình lãnh hội được chánh kiến này. Đây chính là những bậc thắng học trong Phật pháp.

Trong kinh *Bāhiya*, Đức Phật đã dạy chánh kiến vô lậu qua nơi sáu căn: nghĩa là trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết. Với ý nghĩa này, chúng ta cần phải nỗ lực tu tập để lãnh hội được chánh kiến đó.

Chính vì thế, khi kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu, rồi chúng ta an trú trong chánh kiến này để nỗ lực tu tập đoạn trừ được sự tập khởi của sắc uẩn. Đây chính là sự tập khởi của năm uẩn thuộc lớp thứ nhất được đoạn trừ. Chúng ta tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập để đoạn trừ sự tập khởi của thọ. Đây chính là sự tập khởi của năm uẩn thuộc lớp thứ hai được đoạn trừ. Chúng ta tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập để đoạn trừ sự tập khởi của tưởng. Đây chính là sự tập khởi của năm uẩn thuộc lớp thứ ba được đoạn trừ. Chúng ta tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập để đoạn trừ sự tập khởi của hành. Đây chính là sự tập khởi của năm uẩn

thuộc lớp thứ tư được đoạn trừ. Chúng ta tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập để đoạn trừ sự tập khởi của thức. Đây chính là sự tập khởi của năm uẩn thuộc lớp thứ năm được đoạn trừ, tức đoạn trừ hoàn toàn năm thủ uẩn. Năm thủ uẩn được đoạn trừ hoàn toàn đó chính là đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế. Cho nên, trong kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy: Khi hành giả đoạn trừ sự tập khởi của sắc sẽ xảy ra mười ấm ma; đoạn trừ sự tập khởi của thọ sẽ xảy ra mười ấm ma; đoạn trừ sự tập khởi của tưởng sẽ xảy ra mười ấm ma; đoạn trừ sự tập khởi của hành sẽ xảy ra mười ấm ma; đoạn trừ sự tập khởi của thức sẽ xảy ra mười ấm ma.

Theo lộ trình tu chứng của tứ thánh quả: bậc thánh Tu-đà-hoàn đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ, nghi, gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập làm giảm tham, sân, si câu sinh đối với năm thủ uẩn nên thành tựu bậc thánh Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập đoạn trừ năm hạ phần

kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm, gọi là Bất lai. Bậc thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập đoạn trừ hoàn sự tập khởi năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) nên thành tựu quả vị A-la-hán (Niết-bàn). Vì vậy, Đức Phật dạy: chúng ta phải kiến đạo tức lãnh hội chánh kiến vô lậu tu tập để thành tựu quả vị A-la-hán.

KINH 2

VÔ TRI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Đối với sắc không biết, không rõ, không đoạn tận, không ly dục, tâm không giải thoát, thì không vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà không biết, không rõ, không đoạn tận, không lìa tham dục[2], tâm không giải thoát, thì sẽ không thể nào vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

---

[1] S. 35. 27. Parijānanā.

[2] Ly dục tham, các đoạn trên: ly dục. Pāli: *viraja,* ly nhiễm. Đồng nghĩa với virāga, ly tham.

"Tỳ-kheo, đối với sắc nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, nếu ly dục, thì sẽ vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

"Này các Tỳ-kheo, người nào nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, nếu lìa tham dục, tâm giải thoát, thì có thể vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu người nào nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, lìa tham dục, tâm giải thoát, thì sẽ vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Năm thủ uẩn của mỗi chúng ta là khổ đế. Còn dục tham đối với năm thủ uẩn là tập đế. Cho nên, nếu chúng ta không nhận biết được như thật sự tập khởi của năm thủ uẩn là vô thường, khổ, không, vô ngã thì sẽ không thể đoạn trừ được chúng. Để đoạn trừ năm thủ uẩn thì chúng ta phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế gồm đạo thánh đế hữu lậu

và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Với ý nghĩa tu tập bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu, người viết đã chia sẻ ở phần kinh *Quảng Thuyết Bát Thánh* Đạo.

KINH 3

VÔ TRI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ai đối với sắc mà yêu thích[2], thì đối với khổ cũng yêu thích. Đối với khổ mà yêu thích, thì đối với khổ sẽ không được giải thoát, không rõ, không ly dục.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà yêu thích, thì cũng yêu thích khổ. Ai yêu thích khổ, thì đối với khổ không được giải thoát.

---

[1]. S. 22. 29. Abhinandanaṃ (hoan hỷ), và phần cuối 22.24. Parijānaṃ (biến tri).

[2] Hán: *ái hỷ* 愛喜. Pāli: *abhinandati,* hoan hỷ, chào mừng, hoan nghinh.

"Này các Tỳ-kheo, ai đối với sắc không yêu thích, thì đối với khổ cũng không thích. Ai đối với khổ không thích, thì đối với khổ sẽ được giải thoát.

"Cũng vậy, ai đối với thọ, tưởng, hành, thức không yêu thích, thì đối với khổ cũng không thích. Ai đối với khổ không thích, thì đối với khổ sẽ được giải thoát.

"Này các Tỳ-kheo, đối với sắc không biết, không rõ, không lìa tham dục, tâm không giải thoát. Ai không giải thoát tâm tham, thì sẽ không thể đoạn trừ được khổ não.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức ai không biết, không rõ, không ly dục, tâm không giải thoát. Tham tâm không giải thoát, thì sẽ không đoạn trừ được khổ não.

"Đối với sắc, nếu người nào biết, rõ, lìa tham dục, tâm giải thoát, thì sẽ có thể đoạn trừ được khổ não.

"Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu biết, rõ, lìa tham dục, tâm giải thoát, thì có thể đoạn trừ khổ não."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Đức Phật dạy: nếu ai đối với năm thủ uẩn mà yêu thích thì đối với khổ đế cũng yêu thích. Ai đối với khổ đế mà yêu thích thì đối với khổ đế sẽ không được giải thoát. Vì sao? Bởi năm thủ uẩn của mỗi chúng ta là khổ đế. Còn tâm yêu thích đối với năm thủ uẩn là tập đế. Để đoạn trừ năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) thì chúng ta phải tu tập đạo thánh đế nhằm thành tựu diệt thánh đế.

Đức Phật dạy: nếu ai đối với năm thủ uẩn mà không yêu thích thì đối với khổ đế cũng không yêu thích. Ai đối với khổ đế mà không yêu thích thì đối với khổ đế sẽ được giải thoát. Vì sao? Bởi tâm không yêu thích khổ đế và tập đế chính là Diệt đế và đạo thánh đế. Đạo thánh đế bao gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới - định - tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định –

tuệ hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới - định - tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Về ý nghĩa tu tập bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu, người viết đã chia sẻ ở phần kinh *Quảng Thuyết Bát Thánh Đạo*.

KINH 4

YỂM LY[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Sắc là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức là chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì cũng chẳng phải sở hữu của ta[2]. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán[3].

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức chẳng phải ta.

---

[1] Gần giống kinh số 2 trên, S. 22. 15. Yad aniccam.

[2] Pāli: *yad dukkhaṃ tad anattā; yad anattā tam netaṃ mama, nesoḥam asmi, na meso attāṭi,* cái gì khổ cái đó không phải là tự ngã. Cái gì không phải là tự ngã, cái đó không phải là của tôi, cái đó, "nó không phải là tôi; nó không phải là tự ngã của tôi."

[3] Pāli: *evam etam yathābhūtam sammappaññāya daṭṭhabbaṃ,* điều đó cần được thấy rõ một cách như thực bằng trí tuệ chân chính như vậy.

Cái gì chẳng phải ta thì cũng chẳng phải sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán.

"Thánh đệ tử quán sát như vậy thì sẽ nhàm tởm sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Do nhàm tởm nên không ham muốn[1], vì không ham muốn nên được giải thoát. Đối với giải thoát, trí chân thật phát sanh[2], biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Năm thủ uẩn là thân và tâm của mỗi chúng ta. Thân thể này sẽ dẫn đến già, bệnh, chết nên sẽ dẫn sinh sự khổ đau. Sự tập khởi của năm thủ uẩn là tâm hữu lậu nên nó có tính chất khổ đau của tham, sân, si. Còn các ngoại sắc như sắc (sắc vô tình), thanh, hương, vị, xúc vì không có

---

[1] Bất lạc 不樂; tức chỗ khác nói là ly dục, hay ly tham. Pāli: *virāga.*

[2] Giải thoát giả chân thật trí sanh 解脫者真實智生. Pāli: *vimuttasmiṃ vimuttam iti ñāṇaṃ hoti,* trong sự giải thoát, biết rằng ta đã giải thoát. Xem chú thích 5 tr.13.

tâm thức nên chúng không có tính chất của khổ đau. Ngoài ra, chúng ta vốn có tâm vô lậu. Tâm vô lậu (hay chân tâm) là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Theo kinh *Pháp Ấn* gọi là Thánh pháp ấn. Tâm này, chỉ có các bậc hiền thánh mới chứng nghiệm được nên các Ngài đã giải thoát mọi khổ đau. Cho nên, Đức Phật dạy: năm thủ uẩn là pháp duyên sinh, vô thường nên nó có tính chất của khổ đau.

Chúng ta biết rằng, theo quan điểm của các ngoại đạo có một thực ngã đồng nhất với năm thủ uẩn, hoặc ngã dị biệt với năm thủ uẩn, hoặc ngã ở trong năm thủ uẩn, hoặc năm thủ uẩn ở trong ngã. Ngoài ra, có chủ trương cho rằng ngã là một chủ tể thường hằng, châu biến, lượng đồng như hư không, tùy theo môi trường mà nó tạo nghiệp, hay thọ nhận khổ, lạc. Hoặc chủ trương tự thể của ngã là thường hằng nhưng lượng của nó thì bất định; bởi vì nó trải rộng hay thu nhỏ tùy theo lượng của thân. Hoặc có chủ trương cho rằng tự thể của ngã là thường hằng, và cực kỳ vi tế như một cực vi, tiềm tàng chuyển vận trong thân để tạo tác sự nghiệp (Trích *Luận Thành Duy Thức*,

trang *71*, Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú). Quan điểm về một thực ngã đó chỉ là khái niệm của thức nên hoàn toàn không tồn tại. Vì sao? Bởi năm thủ uẩn là pháp duyên sinh nên vô thường và vô ngã.

Nhờ học Phật pháp nên chúng ta nhận thức được rằng năm thủ uẩn là pháp duyên sinh, vô thường và vô ngã. Tuy vậy, do vô minh câu sinh chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), để rồi phải thọ quả báo sinh tử khổ đau trong các giới loại. Vì thế, sự chấp thủ này không phải cho rằng có một thực ngã như quan điểm của ngoại đạo.

Đức Phật dạy: chúng ta phải quán sát như thật về năm thủ uẩn là vô thường, khổ và vô ngã thì tâm này mới là tâm chân chánh. Tâm này chính là chánh kiến vô lậu. Chánh kiến vô lậu chính là tu tập đạo thánh đế vô lậu. Tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định - tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm đạt tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

KINH 5

PHI NGÃ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, chắp tay bạch Đức Phật rằng:

"Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỉ vì để ngay trong đời này chứng nghiệm cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần

[1] S. 22. 68. Anattā, 69. Anattaniya.

làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: 'Nay xin vì con mà nói vắn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung… cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Ngươi đã nói như vậy phải chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đúng vậy, bạch Thế Tôn."

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lắng nghe, lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Này Tỳ-kheo, pháp nào không thích ứng[1] đối với ngươi thì nên nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ

[1] Phi như sở ưng chi pháp 非汝所應之法. Có lẽ Pāli: *na-tumhākam,* không phải của các ngươi. Theo chú thích kinh Phi Bỉ: Pāli: na hi no etam bhante attā vā attaniyam, bạch Thế Tôn, cái đó không phải là tự ngã của con, cũng không phải là sở thuộc của tự ngã của con.

pháp này để được lợi, được ích, được an vui lâu dài[1].”

Tỳ-kheo kia bạch Phật rằng:

“Con đã hiểu, bạch Thế Tôn! Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ!”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đối với những pháp đã được nói tóm tắt, ngươi hiểu rộng ý như thế nào?”

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, sắc chẳng phải là thích ứng đối với con, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là thích ứng đối với con, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp này để được lợi, được ích, được an vui lâu dài. Cho nên, bạch Thế Tôn, đối với pháp mà Thế Tôn đã nói tóm tắt con đã hiểu rộng nghĩa của nó như vậy.”

Đức Phật dạy:

“Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đối với những pháp đã được nói tóm tắt của Ta, ông đã

---

[1] Pāli: *tam vo pahīnaṃ hitāya sukhāya bhavissati,* đoạn trừ pháp ấy sẽ dẫn đến lợi ích và an lạc.

hiểu nghĩa rộng của nó. Vì sao? Vì sắc chẳng phải là thích ứng đối với ông, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là thích ứng đối với ông, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp này để được lợi, được ích, được an vui lâu dài."

Sau khi vị Tỳ-kheo kia nghe những lời dạy của Phật, tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui; một mình ở chỗ vắng, siêng năng tu tập, sống không buông lung. Sau khi siêng năng tu tập, sống không buông lung, thầy tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỉ vì để ngay trong đời này chứng nghiệm cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia thành bậc A-la-hán, tâm được giải thoát.

Lược giải

Bởi vì năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) chẳng phải là pháp thích ứng đối với chúng ta nên cần

phải nhanh chóng để đoạn trừ chúng. Do chúng ta đã sống với năm thủ uẩn nên mới có sự lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các giới loại. Với sự khổ đau ấy, chúng ta cần phải sinh tâm nhàm chán để tu tập đoạn trừ được chúng. Chúng ta muốn đoạn trừ được khổ đế - tập đế nhằm đạt được diệt thánh đế thì cần phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế bao gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Vì vậy, diệt thánh đế và đạo thánh đế mới là pháp thích ứng đối với tất cả chúng ta.

KINH 6

LA-HẦU-LA SỞ VẤN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong rừng trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, biết như thế nào, thấy như thế nào để cho thân thức này của con cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có các kết sử trói buộc là ngã, ngã sở kiến, ngã mạn[2]?"

---

[1] S. 22. 91. Rāhulo

[2] Pāli: *kathaṃ nu kho bhante jānato kathaṃ passato imasmiñ ca saviññāṇake kāye bahiddhā ca sabbanimittesu ahaṅkāramamaṃkāramānānusayā na honti,* Bạch Thế Tôn, do biết như thế nào, thấy như nào mà trong thân có thức này cùng với các tướng bên ngoài không tồn tại các tùy miên tác thành ngã, ngã sở và ngã mạn?

Đức Phật dạy La-hầu-la:

"Lành thay! Lành thay! Phải chăng ngươi hỏi Như Lai rằng, 'biết như thế nào, thấy như thế nào để cho thân thức này của con cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có các kết sử trói buộc là ngã, ngã sở kiến, ngã mạn'?"

La-hầu-la bạch Phật rằng:

"Đúng vậy, bạch Thế Tôn."

Phật dạy La-hầu-la:

"Lành thay! Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Này La-hầu-la, hãy quán sát, những gì thuộc về các sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc xấu, hoặc tốt; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau[1]; nên bằng tuệ bình đẳng[2] mà quán sát như thật như vậy. Cũng vậy thọ, tưởng, hành,

---

[1] Phi ngã, bất dị ngã, bất tương tại 非我, 不異 我, 不相在. Pāli: n*'etaṃ mama n'eso' ham asmi na m' eso attā,* cái này không phải của tôi, không phải là tôi; nó không phải là tự ngã của tôi.

[2] Bình đẳng huệ 平等慧. Pāli: *sammappañāya,* bằng chánh trí, hay nhận thức chân chánh.

thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc xấu, hoặc tốt; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau; nên bằng tuệ bình đẳng quán sát như thật như vậy.

"Như vậy, này La-hầu-la, Tỳ-kheo nên biết như vậy, thấy như vậy. Người nào biết như vậy, thấy như vậy, thì đối với thức thân này cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có kết sử trói buộc là ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn.

"Này La-hầu-la, Tỳ-kheo nếu như vậy đối với thức thân này cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có kết sử trói buộc là ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, thì Tỳ-kheo đó được gọi là người đoạn ái dục, chuyển đi các kết sử, chân chánh hiện quán[1] đạt đến biên tế của khổ."

---

[1] Hán: chánh vô gián đẳng 正無間等: nghĩa đen: hoàn toàn không bị trở ngại. Trong các kinh khác, nhóm từ này tương đương Pāli: *abhisamaya:* hiện quán, chỉ sự quán chiếu và chứng ngộ bốn Thánh đế; Vô gián đẳng 無間等, Quốc dịch chú: Pāli là abhisamaya, thường được dịch là hiện quán 現觀 hay hiện chứng 現証; có nghĩa là lý giải, thấu hiểu thông suốt.

La-hầu-la sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

*

Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi trong chúng, bảo các Tỳ-kheo: *"Phàm phu ngu si không học, thấy sắc là ngã, là khác ngã, là ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là khác ngã, là ngã ở trong thức, là thức ở trong ngã.*

"Thế nào thấy sắc là ngã? Chứng đắc chánh thọ nhập nhất thiết xứ về đất, sau khi quán, khởi lên ý nghĩ, 'Đất tức là ngã, ngã tức là đất; ngã và đất chỉ là một chứ không phải hai, không phải khác, không phân biệt.' Cũng vậy, chánh thọ nhập nhất thiết xứ về nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, sau khi quán, khởi lên ý nghĩ, 'Hành tức là ngã, ngã tức là hành, chỉ là một chứ không phải hai, không phải khác, không phân biệt.' Như vậy, ở nơi các nhất thiết nhập xứ, mỗi mỗi đều được chấp là ngã. Đó gọi là sắc tức là ngã.

"Thế nào là sắc khác ngã? Nếu người kia thấy thọ là ngã; khi thấy thọ là ngã rồi thì thấy sắc là ngã sở; hoặc thấy tưởng, hành, thức tức là ngã thì thấy sắc là ngã sở.

"Thế nào là thấy thọ tức là ngã? Là sáu thọ thân. Thọ phát sanh từ xúc của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu thọ thân này, mỗi mỗi được thấy là ngã và ngã là thọ. Đó gọi là thọ tức ngã.

"Thế nào là thấy thọ khác ngã? Nếu thấy sắc là ngã, thì thọ là ngã sở; và nếu tưởng, hành, thức là ngã, thì thọ là ngã sở. Đó gọi là thọ khác ngã.

"Thế nào là thấy tưởng tức là ngã? Là sáu tưởng thân. Tưởng phát sanh từ xúc của mắt; tưởng phát sanh từ xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu tưởng thân này, mỗi mỗi được thấy là ngã. Đó gọi là tưởng tức là ngã.

"Thế nào là thấy tưởng khác ngã? Nếu thấy sắc là ngã, thì tưởng là ngã sở; và nếu thức là ngã, thì tưởng là ngã sở. Đó gọi là tưởng khác ngã.

"Thế nào là thấy hành là ngã? Là sáu tư thân; tư phát sanh từ xúc của mắt; tư phát sanh từ xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu tư thân này, mỗi mỗi được thấy ngã. Đó gọi là hành tức ngã.

"Thế nào là thấy hành khác ngã? Nếu thấy sắc là ngã, thì hành là ngã sở; và nếu thọ, tưởng, thức là ngã, thì hành là ngã sở. Đó gọi là hành khác ngã.

"Thế nào là thấy thức là ngã? Chỉ cho sáu thức thân: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Sáu thức thân này, mỗi mỗi được thấy là ngã. Đó gọi là thức tức ngã.

"Thế nào là thấy thức khác ngã? Nếu thấy sắc là ngã, thì thức là ngã sở; và nếu thấy thọ, tưởng, hành là ngã, thì thức là ngã sở. Đó gọi là thức khác ngã.

…

(*Tạp A-hàm*, kinh *Mao Đoan*, số *111*)

Lược giải

Năm thủ uẩn của mỗi chúng ta là pháp duyên sinh nên vô thường, khổ và vô ngã. Tuy vậy, do vô minh, tham ái chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã nên mới dẫn sinh sự trói buộc khổ đau của thân và tâm. Vì thế, Đức Thế Tôn dạy: chúng ta phải an trụ trong minh tu tập nhận biết như thật sự tập khởi của năm thủ uẩn là pháp duyên sinh, vô thường, khổ và phi ngã nên mới điều phục và đoạn trừ được chúng. Do chúng ta điều phục, đoạn trừ được vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã nên mới không bị trói buộc bởi năm thủ uẩn.

Chúng ta biết rằng: những bậc thánh thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) vẫn chưa đoạn trừ hoàn toàn vô minh. Chỉ có những bậc thánh thuộc hàng Vô học (A-la-hán) mới đoạn trừ hoàn toàn vô minh nên sống hoàn toàn với minh (Niết-bàn). Do đó, các Ngài mới hoàn toàn không bị trói buộc bởi phiền não chướng. Đây là chỉ cho những bậc thánh Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh Văn Thừa), Bích Chi Phật (Duyên Giác Thừa) và hàng Bồ-tát Bát-địa (Bồ-tát Thừa).

KINH 7

ĐA VĂN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo, đi đến chỗ Phật, làm lễ Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Như Thế Tôn nói 'Đa văn'. Vậy thế nào là đa văn?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Nay ngươi muốn hỏi Ta về nghĩa của đa văn phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

[1] Không thấy Pāli tương đương.

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Tỳ-kheo, nên biết, nếu nghe pháp mà đối với sắc phát sanh yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh[1], thì đó gọi là đa văn. Cũng vậy nếu nghe pháp mà đối với thọ, tưởng, hành, thức phát sanh yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, thì gọi đó là đa văn. Này Tỳ-kheo, đó gọi là đa văn mà Như Lai nói."

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, làm lễ mà lui.

Lược giải

Chúng ta biết rằng nếu một người được học rộng và nghe nhiều thì đó là ý nghĩa của đa văn. Tuy vậy, ý nghĩa của đa văn không những chỉ có việc học rộng và nghe nhiều, nhưng khi chúng ta nghe Phật pháp mà tâm có thể điều phục, đoạn trừ được tham, sân, si đối với năm thủ uẩn. Đây cũng chính là ý nghĩa của đa văn.

---

[1] Pāli: rūpassa ce bhikkhu nibbidāya virāgāya nirodhāya dhammaṃ deseti, nếu vị ấy nói pháp dẫn đến sự yểm ly, ly tham, diệt tận đối với sắc.

Làm thế nào để chúng ta có thể điều phục, đoạn trừ được tham, sân, si đối với năm thủ uẩn? Để làm được điều này, chúng ta phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế bao gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Với ý nghĩa tu tập bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu, người viết đã trình bày ở phần kinh *Quảng Thuyết Bát Thánh Đạo.*

KINH 8

THIỆN THUYẾT PHÁP[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo, đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

"Như Thế Tôn nói 'Pháp sư.' Vậy thế nào gọi là Pháp sư[2]?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Nay ngươi muốn biết những gì mà Như Lai đã nói về nghĩa Pháp sư phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

---

[1] Pāli, S. 22. 115-116. Kathika.

[2] Pháp sư 法師. Pāli: *dhammakathiko.*

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Nếu người nào đối với sắc mà nói pháp khiến sanh ra yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh[1], thì đó gọi là Pháp sư. Nếu người nào đối với thọ, tưởng, hành, thức mà nói pháp khiến sanh yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, thì gọi đó là Pháp sư. Đó cũng gọi là những gì mà Như Lai đã nói về Pháp sư."

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, lạy Phật mà lui.

Lược giải

Theo ý nghĩa của bản kinh, một vị Pháp sư trong Phật pháp cần phải kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu. Nhờ đó, hành giả mới có được chánh kiến như thật về tứ thánh đế để tu tập

[1] Pāli: *rūpassa ce bhikkhu nibbidāya virāgāya nirodhāya dhammaṃ deseti,* nếu vị ấy nói pháp dẫn đến sự yểm ly, ly tham, diệt tận đối với sắc.

và chia sẻ Phật pháp cho mọi người cùng tu tập nhằm lãnh hội được chánh kiến này. Đây chính là ý nghĩa và vai trò của một vị Pháp sư trong Phật pháp. Như vậy, Pháp Sư ở đây là chỉ cho những người đệ tử của Đức Phật tu tập lãnh hội được chánh kiến vô lậu và chia sẻ Phật pháp cho tứ chúng để biết tu tập. Vì thế, trong *Trường A-hàm*, Đức Phật dạy chúng Hiền Thánh của Như Lai gồm bốn đôi tám bậc: hướng Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn, hướng Tư-đà-hàm và quả Tư đà hàm, hướng A-na-hàm và quả A-na-hàm, hướng A-la-hán và quả A-la-hán.

KINH 9

NIẾT-BÀN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo khác, đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn nói 'chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại[2].' Vậy, thế nào là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Nay ngươi muốn biết về sự 'chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại' phải không?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

[1] Pāli, tham chiếu các kinh S.. 22. 155-116 Kathika, 33. 154. Kathika.

[2] Đắc kiến (hiện) pháp Niết bàn 得見法涅槃. Xem chú thích dưới.

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đối với sắc mà sanh tâm yểm ly, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm giải thoát chân chánh, thì đó gọi là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại[1]. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà sanh tâm yểm ly, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm giải thoát chân chánh, thì đó gọi là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại."

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, lạy Phật mà lui.

Lược giải

Diệt đế là Niết-bàn, là sự vắng mặt hoàn toàn khổ đế và tập đế (sự tập khởi của năm thủ uẩn).

---

[1] Pāli: *rūpassa ce nibbidā virāgā nirodhā anupādā vimutto hoti, diṭṭhadhamme nibbānapatto,* do yểm ly, ly tham, diệt tận đối với sắc mà giải thoát không chấp thủ, đó là chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại.

Niết-bàn còn được gọi với nhiều danh từ như: tịch diệt, viên tịch, vô lậu, tịch tĩnh, chân như, thật tướng, pháp thân v.v..

Trong *Tăng Nhất A-hàm*, Phẩm *30*, kinh số *1*, Đức Phật dạy: *"Vô lậu là Niết bàn."*

Để chứng nghiệm được Niết-bàn thì chúng ta phải kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu để tu tập.

Vì thế, khi chúng ta kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu thì sẽ đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc thánh Sơ quả, gọi là Thất lai. Bậc thánh Sơ quả tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu (hay chân tâm) tu tập làm giảm tham, sân, si câu sinh đối với năm thủ uẩn nên thành tựu bậc thánh Nhị quả, gọi là Nhất lai. Bậc thánh Nhị quả tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh Tam quả, gọi là Bất lai. Ba bậc thánh này (thuộc hàng Hữu học) chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên chưa đạt

được Niết-bàn. Do các Ngài chưa đạt được Niết-bàn nên vẫn chưa đạt được tự tại trong đời sống của các Ngài. Những bậc thánh Vô học đã đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên đạt được Niết-bàn. Do các Ngài thành tựu được Niết-bàn nên mới đạt được tự tại trong đời sống hiện tại của các Ngài. Rồi từ đó, các Ngài sẽ tùy theo nguyện lực sinh thân trong ba cõi để giáo hóa chúng sinh. Như vậy, chỉ có những bậc thánh Vô học của ba thừa mới đạt được Niết-bàn trong đời sống hiện tại.

Bởi vì các bậc thánh Vô học sống trong Niết-bàn nên khi các Ngài đi hay đứng, nằm hay ngồi, ngủ hay thức, nói năng hay im lặng đều sống trong Niết-bàn. Đây chính là ý nghĩa mà các bậc thánh Vô học sống với Niết-bàn trong đời sống hiện tại.

KINH 10

VÔ MINH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la ở tại núi Kỳ-xà-quật. Vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng chào hỏi và nói những lời tốt đẹp làm hài lòng, rồi ngồi qua một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có những việc muốn hỏi, Nhân giả có rảnh thì giờ vì tôi mà nói cho không?"

---

[1] Đại Chánh, quyển 10. Theo bài kệ tóm tắt ở cuối kinh 262 quyển 10, thì các kinh từ số 256-262 là tiếp theo kinh Thâu-lũ-na (Đại Chánh, kinh 32). Trưởng lão Ấn Thuận, *Tạp A-hàm Kinh Luận Hội Biên,* đưa các kinh này lên quyển 2 (Tụng 1, 1 Tương ưng Ấm) cho đúng với kệ tóm tắt. *Phật Quang Đại Tạng, Quốc Dịch Nhất Thiết Kinh* (Nhật bản) cũng làm như vậy. Kinh 256, tương đương Pāli, S. 22. 126-128. Amudayad-hamma, 129-130. Assāda.

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Gọi là vô minh, vậy thế nào là vô minh? Ai có vô minh này?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Vô minh là không biết[1], không biết tức là vô minh. Không biết những gì? Sắc là vô thường, mà không biết như thật sắc là vô thường. Sắc là pháp ma diệt mà không biết như thật sắc là pháp ma diệt[2]. Sắc là pháp sanh diệt mà không biết như thật sắc là pháp sanh diệt. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường mà không biết như thật thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường. Thức là pháp ma diệt mà không biết như thật thức là pháp ma diệt; thức là pháp sanh diệt mà không biết như thật thức là pháp sanh diệt. Này Ma-ha Câu-hi-la,

[1] Hán: bất tri 不知. Pāli: nappajānati, không nhận thức sâu sắc.

[2] Pāli: samudayadhammaṃ rūpaṃ… vayadhammaṃ rūpaṃ, sắc là pháp tập khởi, là pháp băng hoại.

đối với năm thọ ấm này mà không thấy, không biết như thật, không có vô gián đẳng[1], ngu si, mờ tối, không sáng tỏ, thì gọi là vô minh. Ai thành tựu những điều này gọi là vô minh."

Lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Gọi là minh, vậy thế nào là minh? Ai có minh này?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Minh là biết; biết gọi là minh."

Lại hỏi:

"Biết những gì?"

Đáp:

"Sắc là vô thường; biết như thật sắc là vô thường. Sắc là pháp ma diệt, biết như thật sắc là pháp ma diệt. Sắc là pháp sanh diệt, biết như thật sắc là pháp sanh diệt. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, biết như thật thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Thức là pháp ma diệt, biết như thật thức

[1] Vô gián đẳng 無間等; Xem Cht.1 (trang 64), kinh 11 dưới.

là pháp ma diệt. Thức là pháp sanh diệt, biết như thật thức là pháp sanh diệt. Này Tôn giả Câu-hi-la, đối với năm thọ ấm này, như thật biết, thấy, sáng tỏ, có giác, có tuệ, có vô gián đẳng, đó gọi là minh. Ai thành tựu những điều này thì gọi là người có minh."

Sau khi hai vị Chánh sĩ này, mỗi người nghe những điều được nói, tùy hỷ lẫn nhau, từ chỗ ngồi đứng dậy về chỗ ở của mình.

Lược giải

Nếu chúng ta không nhận biết được như thật năm thủ uẩn là vô thường, khổ và vô ngã thì đây gọi là vô minh. Còn nếu chúng ta nhận biết được như thật năm thủ uẩn là vô thường, khổ và vô ngã thì đây gọi là minh. Minh chính là trong cái biết chỉ là cái nhận biết. Từ đó, chúng ta an trụ trong minh tu tập để điều phục, đoạn trừ vô minh (sự tập khởi ngũ uẩn) nhằm đạt được minh (Niết-bàn).

Hay nói cách khác, năm thủ uẩn của mỗi chúng ta là khổ đế. Vô minh chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã là tập đế. Minh chính là chánh kiến

vô lậu nên thuộc bát chánh đạo vô lậu. Vì vậy, khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu thì sẽ bắt đầu tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

KINH 11

VÔ GIÁN ĐẲNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la ở tại núi Kỳ-xà-quật. Vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng chào hỏi và nói những lời tốt đẹp làm hài lòng, rồi ngồi qua một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có những việc muốn hỏi, Nhân giả có rảnh thì giờ vì tôi mà nói cho không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời."

[1] Pāli, S. 22. 122. Sīla.

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Nếu có Tỳ-kheo nào, chưa đạt được pháp vô gián đẳng[1] mà muốn cầu pháp vô gián đẳng, thì phải dùng phương tiện nào mà tìm cầu; phải tư duy những pháp nào[2]?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Nếu có Tỳ-kheo nào, chưa đạt được pháp vô gián đẳng, mà muốn tìm cầu pháp vô gián đẳng, thì phải tinh cần tư duy, năm thọ ấm là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì đó là chỗ cần tư duy[3].

---

[1] Vô gián đẳng 無間等, không rõ Pāli. Theo nội dung của kinh, đây chỉ giai đoạn tu tập trước khi chứng Dự lưu; do đó, có thể gọi là giai đoạn hiện quán Thánh đế (Pāli: *sacca-abhisamaya*). Hán: chánh vô gián đẳng 正無間等: nghĩa đen: hoàn toàn không bị trở ngại. Trong các kinh khác, nhóm từ này tương đương Pāli: abhisamaya: hiện quán, chỉ sự quán chiếu và chứng ngộ bốn Thánh đế; Vô gián đẳng 無間等, Quốc dịch chú: Pāli là abhisamaya, thường được dịch là *hiện quán* 現觀 hay *hiện chứng* 現証; có nghĩa là lý giải, thấu hiểu thông suốt.

[2] S. 22.122, Koṭṭhika hỏi: *sīlavātavuso sāriputta bhikkhunā katame dhammā yoniso manasikātabbā*, Tỳ-kheo có giới cần tư duy như lý về những pháp nào?

[3] Thị sở ưng xứ 是所應處. Pāli: *yoniso manasi katabbā,* Tỳ-kheo đã chứng quả Dự lưu cần tư duy như lý những pháp nào?

Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm thọ ấm này mà tinh cần tư duy, thì sẽ chứng được quả Tu-đà-hoàn."

Lại hỏi:

"Xá-lợi-phất, khi đã chứng được quả Tu-đà-hoàn rồi, mà muốn chứng được quả Tư-đà-hàm, thì phải tư duy những pháp nào[1]?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Câu-hi-la, khi đã chứng được quả Tu-đà-hoàn rồi, mà muốn chứng được quả Tư-đà-hàm, thì cũng phải tinh cần tư duy năm thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì đây là chỗ cần tư duy. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm thọ ấm này mà tinh cần tư duy, thì sẽ chứng được quả Tư-đà-hàm."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la lại hỏi:

"Xá-lợi-phất, khi đã chứng được quả Tư-đà-hàm rồi, mà muốn chứng được quả A-na-hàm, thì phải tư duy những pháp nào?"

---

[1] Pāli: Koṭṭhika hỏi: *sotāpannena... bhikkhunā katame dhammā yoniso katabbā,* Tỳ-kheo đã chứng quả Dự lưu cần tư duy như lý những pháp nào?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Câu-hi-la, khi đã chứng được quả Tư-đà-hàm rồi, mà muốn chứng được quả A-na-hàm, thì phải tinh cần tư duy năm pháp thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì đây là chỗ cần tư duy. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm thọ ấm này mà tinh cần tư duy, thì cũng sẽ chứng được quả A-na-hàm. Sau khi đã chứng được quả A-na-hàm, mà muốn chứng được quả A-la-hán, cần phải tinh tấn tư duy về năm pháp thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì đây là chỗ cần tư duy. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm thọ ấm này mà tinh cần tư duy, thì cũng sẽ chứng được quả A-la-hán."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Xá-lợi-phất, khi đã chứng được quả A-la-hán rồi, thì còn phải tư duy những pháp nào nữa?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Ma-ha Câu-hi-la, A-la-hán lại cũng tư duy năm thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn,

là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì để được điều chưa được, để chứng pháp chưa chứng, để có hiện pháp lạc trú.[1]

Hai vị Chánh sĩ nghe lẫn nhau những điều được nói, hoan hỷ ra về.

Lược giải

Để thành tựu được quả báo tốt đẹp của nhân thiên, tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật thì chúng ta phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế bao gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh

[1] Bốn tư duy thắng tiến: 1. Để đắc pháp chưa đắc, chỉ quả Tu-đà-hoàn; 2. Lãnh hội pháp chưa lãnh hội, chỉ Tư-đà-hàm; 3. Chứng pháp chưa chứng, chỉ A-la-hán; 4. Hiện pháp lạc trú: A-la-hán không còn gì phải học nữa. So sánh Pāli: *ime dhammā bhāvitā bahulīkatā diṭṭhadhamma-sukhavihārā ceva saṃvuattanti satisampajaññā cāti,* những pháp này được phát triển, được thực hiện thường xuyên sẽ đưa đến hiện pháp lạc trú, có chánh niệm và chánh trí.

đạo vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

"Pháp vô gián đẳng" ở đây là chỉ cho kiến đạo tức lãnh hội chánh kiến vô lậu. Vì vậy, chúng ta muốn lãnh hội được chánh kiến vô lậu thì cần phải tìm cầu những bậc Thầy đã rõ đạo vô lậu để được chỉ dạy, chứ với sự hiểu biết của chính mình nỗ lực tu tập mà tự lãnh hội được thì điều này rất khó thành tựu. Đã gặp được bậc thiện tri thức rồi, chúng ta cần phải đem hết lòng cung kính, phụng sự, thưa hỏi Phật pháp, lắng nghe, rồi tư duy và tu tập. Nhờ đó, chúng ta mới có thể lãnh hội được chánh kiến này. Vì thế, Đức Phật dạy: *"Có hai nhân duyên khởi lên chánh kiến. Những gì là hai? Nhận pháp giáo hóa, bên trong tư duy chỉ quán. Tỳ-kheo, đó gọi là có hai nhân duyên khởi lên chánh kiến."* (*Tăng Nhất A-hàm*, Phẩm *Hữu Vô*, kinh số *10).*

Chúng ta vốn có tâm hữu lậu (hay vọng tâm) và tâm vô lậu (hay chân tâm). Tâm hữu lậu (sự tập khởi của năm thủ uẩn) là tâm duyên sinh nên vô thường, khổ, phi ngã. Còn tâm vô lậu là tâm phi

nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Cho nên, nếu chúng ta lãnh hội được tâm này tu tập thì sẽ thành tựu được tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Chính ý nghĩa đó, trong kinh *Bāhiya*, Đức Phật đã dạy tâm vô lậu qua nơi sáu căn: "*Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết.*"

Vì vậy, khi chúng ta kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu thì sẽ đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập làm giảm tham, sân, si câu sinh đối với năm thủ uẩn nên thành tựu bậc thánh Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm, gọi là Bất lai. Bậc thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn

trừ hoàn sự tập khởi năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) nên thành tựu quả vị A-la-hán (Niết-bàn). Tuy nhiên, nếu y cứ vào Kinh và Luận thuộc truyền thống của Đại thừa thì bậc thánh A-la-hán đã đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nhưng các Ngài vẫn chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng). Còn theo lộ trình tu chứng của tứ thánh quả Thanh văn và năm mươi mốt địa vị Bồ-tát thì bậc thánh A-la-hán tương đương với hàng Bồ-tát Bát địa ở trong hàng Thập địa. Vì thế, các bậc thánh A-la-hán vẫn tiếp tục tu tập đoạn trừ sở tri chướng để thành tựu các bậc đại Bồ-tát như Thiện Tuệ địa (địa thứ 9), Pháp Vân địa (địa thứ 10), hàng Bồ-tát Đẳng Giác và cho đến thành tựu quả vị Phật (Diệu Giác). Đây chính là nội dung của kinh Vô gián đẳng mà Ngài Xá-lợi-phất đã trả lời cho Ngài Câu-hi-la.

KINH 12

DIỆT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng thăm hỏi nhau, rồi ngồi qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả A-nan:

"Tôi có điều muốn hỏi, Nhân giả có rảnh mà giải đáp cho không?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Nhân giả cứ hỏi, nếu tôi biết tôi sẽ trả lời."

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

"A-nan, gọi là diệt. Thế nào là diệt? Ai có diệt này?"

Tôn giả A-nan nói:

"Xá-lợi-phất, năm thọ ấm là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia,

là pháp vô thường, diệt[1]. Pháp này diệt nên nói là diệt. Những gì là năm? Sắc thọ ấm là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Đúng vậy! Đúng vậy! A-nan, như những gì Nhân giả đã nói, năm thọ ấm này là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt. Những gì là năm? Sắc thọ ấm là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt.

---

[1] Pāli: *rūpamu kho ānanda aniccam sankhatam paṭiccasamuppadaṃ khayadhammaṃ vayadhammaṃ virāgadhammaṃ nirodhadhammaṃ,* sắc là vô thường, được tạo tác, do duyên khởi, là pháp diệt tận, là pháp hủy hoại, là pháp xả ly, là pháp tiêu diệt.

"Này A-nan, năm thọ ấm này, nếu không phải là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, làm sao có thể bị diệt? Này A-nan, vì năm thọ ấm là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt. Pháp này diệt nên nói là diệt.

Hai vị Chánh sĩ cùng nghe nói những điều được hỏi, hoan hỷ ra về.

Lược giải

Năm thủ uẩn hiện tại của mỗi chúng ta là quả báo bởi vô minh và hành thuộc đời quá khứ dẫn sinh. Nghĩa là, trong đời quá khứ ấy, chúng ta là một chúng sinh bao gồm năm thủ uẩn là khổ đế. Vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã là tập đế. Chính do vô minh, tham ái chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), khi ấy A-lại-da thức liền lưu giữ tất cả nghiệp thiện và bất thiện đó, gọi là hữu hay hữu chi tập khí. Với đời quá khứ ấy, khi chúng ta xả báo thân thì các căn sẽ bắt đầu biến hoại, sáu chuyển thức không tập khởi, lúc ấy y vào hữu

(chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp được lưu giữ ở trong A-lại-da thức) làm nhân để dẫn sinh A-lại-da thức sinh vào trong các giới loại để hình thành danh sắc (năm thủ uẩn hiện tại). Cho nên, kinh dạy: *"…năm thọ ấm này là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường, diệt"*.

Đời hiện tại này, chúng ta tu tập là để đoạn trừ khổ đế - tập đế, chứ không phải đoạn trừ các sắc thuộc về thân thể của mỗi chúng ta và các sắc bên ngoài như sắc, thanh, hương, vị và xúc. Vì vậy, để đoạn trừ được sự tập khởi của năm thủ uẩn thì chúng ta phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế bao gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

KINH 13

PHÚ-LƯU-NA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả A-nan ở trong vườn Cù-sư-la tại nước Câu-diệm-di[2], bấy giờ Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo:

"Tôn giả Phú-lưu-na Di-đa-la-ni Tử[3], khi tuổi niên thiếu, mới xuất gia[46], thì thường hay nói pháp sâu xa như vầy:

"A-nan, đối với pháp đã sanh khởi mà chấp là ngã, chứ không phải pháp không sanh khởi. A-nan, thế nào là đối với pháp đã sanh khởi mà chấp là ta, chứ không phải pháp không sanh khởi[4]?

---

[1] Pāli, S. 22. 83. Ānando.

[2] Câu-diệm-di quốc Cù-sư-la viên拘睒彌國瞿師羅園. Pāli: *Kosambī Ghositārāma.*

[3] Phú-lưu-na Di-đa-la-ni Tử 富留那彌多羅尼子. Pāli: *Puṇṇa Mantā.*

[4] Sanh pháp kế thị ngã, phi bất sanh 生法計是我， 非不生. Pāli: *kiṃ ca upādāya asmi ti hoti, no anupādāya,* do chấp thủ cái gì mà nói rằng 'tôi hiện hữu', chứ không phải không chấp thủ? Bản Hán, đọc là uppādāya (sanh khởi), thay vì upādāya (chấp thủ).

Sắc sanh khởi[1], sanh khởi là ta chứ không phải không sanh. Thọ, tưởng, hành, thức sanh khởi, sanh khởi là ta, chứ không phải không sanh. Giống như người tay cầm tấm gương sáng, hay dùng mặt nước trong, tự nhìn vào xem thấy mặt mình sanh ra. Vì có sanh nên thấy, chứ không phải không sanh[2]. Cho nên, A-nan, sắc sanh khởi, vì có sanh khởi nên chấp là ngã, chứ không phải không sanh khởi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức sanh khởi, vì có sanh khởi nên chấp là ngã, chứ chẳng phải không sanh khởi. Thế nào A-nan, sắc là thường hay vô thường?

"Đáp:

"Là vô thường."

Lại hỏi:

"Vô thường là khổ phải không?"

Đáp:

"Là khổ."

Lại hỏi:

---

[1] Hán: sắc sanh 色生. Pāli: *rūpaṃ upādāya, do chấp thủ sắc. Xem cht. trên.*

[2] Pāli: (...) *upādāya passeyya no anupādāya,* (như người nhìn vào gương sáng), do chấp thủ mà thấy, không chấp thủ thì không thấy.

"Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, vậy thì Thánh đệ tử ở trong đó có chấp ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Thưa không."

Lại hỏi:

"Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?"

Đáp:

"Là vô thường."

Lại hỏi:

"Vậy, vô thường là khổ phải không?"

Đáp:

"Là khổ."

Lại hỏi:

"Nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, vậy thì là đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có chấp ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Đáp:

"Thưa không."

"A-nan, cho nên đối với sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, không khác ngã, chẳng ở trong nhau. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Cần phải biết như thật, quán sát như thật. Quán sát như vậy rồi, Thánh đệ tử đối với sắc sẽ sanh ra nhàm chán, xa lìa dục, giải thoát: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sanh ra nhàm chán, xa lìa dục, giải thoát: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Các Tỳ-kheo nên biết, vị Tôn giả này đối với tôi có rất nhiều lợi ích. Tôi nghe những gì từ Tôn giả ấy rồi, liền xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Từ đó tới nay, tôi thường thuyết pháp này

cho bốn chúng, chứ không thuyết cho các người ngoại đạo xuất gia, Sa-môn, Bà-la-môn."

Lược giải

Đức Phật dạy: *"đối với pháp đã sanh khởi mà chấp là ngã, chứ không phải pháp không sanh khởi"*. Như vậy, pháp sanh khởi ở đây là chỉ cho những pháp gì? Đó là sự tập khởi của năm thủ uẩn (vọng tâm). Sự tập khởi năm thủ uẩn của mỗi chúng ta bao gồm khổ đế và tập đế. Trong đó, chính vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã là tập đế. Còn pháp không sanh khởi ở đây là chỉ cho những pháp gì? Đó là chỉ cho các sắc pháp. Sắc pháp gồm có nội sắc và ngoại sắc. Nội sắc là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn và thân căn (thân thể của mỗi chúng ta). Ngoại sắc là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Ngoài ra, tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng.

Chúng ta biết rằng, theo quan điểm của các ngoại đạo có một thực ngã đồng nhất với năm thủ uẩn,

hoặc ngã dị biệt với năm thủ uẩn, hoặc ngã ở trong năm thủ uẩn, hoặc năm thủ uẩn ở trong ngã. Có chủ trương cho rằng ngã là một chủ tể thường hằng, châu biến, lượng đồng như hư không, tùy theo môi trường mà nó tạo nghiệp, hay thọ nhận khổ, lạc. Hoặc chủ trương tự thể của ngã là thường hằng nhưng lượng của nó thì bất định; bởi vì nó trải rộng hay thu nhỏ tùy theo lượng của thân. Hoặc có chủ trương cho rằng tự thể của ngã là thường hằng, và cực kỳ vi tế như một cực vi, tiềm tàng chuyển vận trong thân để tạo tác sự nghiệp (Trích *Luận Thành Duy Thức*, trang *71*, Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú). Quan điểm về một tự ngã đó chỉ là khái niệm của thức nên hoàn toàn không tồn tại. Vì sao? Bởi năm thủ uẩn là pháp duyên sinh nên vô thường và vô ngã.

Nhờ học Phật pháp nên chúng ta nhận thức được năm thủ uẩn là pháp duyên sinh nên vô thường và vô ngã, nhưng sự chấp ngã ấy vẫn luôn tồn tại nơi tâm của mỗi chúng ta. Đây chính là do ngã chấp câu sinh. Loại ngã chấp này, khi chúng ta sinh ra đời vốn đã sẵn có, chứ không phải do

sự huân tập bởi các quan điểm của ngoại giáo. Với sự chấp thủ này, không phải cho rằng có một thực ngã như quan điểm của các ngoại đạo.

Để đoạn trừ được phân biệt ngã chấp và câu sinh ngã chấp thì chúng ta phải kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu. Nhờ đó, chúng ta mới đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ, nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất Lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập làm giảm hay mỏng tham, sân, si đối với năm thủ uẩn nên thành tựu bậc thánh Tư-đà-hàm, gọi là Nhất Lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trú trong chánh kiến vô lậu tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm, gọi là Bất Lai. Bậc thánh A-na-hàm tiếp tục an trú trong chánh kiến vô lậu đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên thành tựu bậc thánh A-la-hán. Chỉ có bậc thánh A-la-hán mới đoạn trừ hoàn toàn ngã chấp câu sinh (phiền não chướng) nên đạt được Niết-bàn.

KINH 14

BÀO MẠT[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trú xứ A-tỳ-đà, bên bờ sông Hằng[2].

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Giống như nước lớn sông Hằng cuộn lên, bọt nước theo dòng chảy mà tụ lại. Nếu như người nào có mắt sáng quán sát, phân biệt thật kỹ, thì lúc quán sát, phân biệt thật kỹ đó, sẽ thấy rằng không có gì cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong nhóm bọt nước nổi kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ,

[1] Bọt nước. Pāli, S. 22. 95. Pheṇa

[2] A-tỳ-đề-đà xứ Hằng hà trắc 阿毘陀處恒河側. Pāli: *ayujjhāyaṃ viharati gaṅgāya nadiyā tire.*

hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì sắc vốn không chắc thật.

"Này các Tỳ-kheo, giống như trời mưa lớn, bong bóng nước chợt hiện chợt mất. Nếu người nào có mắt sáng quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, thì lúc quán sát tư duy, phân biệt thật kỹ đó sẽ thấy rằng không có gì cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong bong bóng nước kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy những gì thuộc về thọ, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường,

khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì thọ vốn không chắc thật.

"Này các Tỳ-kheo, giống như cuối xuân, đầu hạ, không mây, không mưa, giữa trưa trời nắng gắt, sóng nắng[1] chập chờn, người nào sáng mắt quán sát, tư duy, phân biệt kỹ càng và khi quán sát, tư duy, phân biệt kỹ càng thì sẽ thấy rằng không có gì cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong quáng nắng kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy, những gì thuộc về tưởng, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì tưởng vốn không chắc thật.

"Này các Tỳ-kheo, giống như người mắt sáng muốn tìm gỗ cứng chắc, nên cầm búa bén đi vào

[1] Nguyên Hán: dã mã 野馬 (ngựa đồng); Pāli: *marīcikā,* quáng nắng; chỉ ảo ảnh bất thực.

rừng núi. Thấy một cây chuối lớn, thân dài lớn ngay thẳng, y liền đốn gốc, chặt đứt ngọn nó, lột bỏ hết bẹ, cuối cùng không có gì là chắc thật. Nếu người nào có mắt sáng thì sẽ quán sát, tư duy, phân biệt và khi đã quán sát, tư duy, phân biệt rồi thì sẽ thấy rằng không gì có cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong cây chuối kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy những gì thuộc về hành, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì hành vốn không chắc thật.

"Này các Tỳ-kheo, giống như nhà ảo thuật, hay là học trò của nhà ảo thuật, ở giữa ngã tư đường, huyễn hóa ra binh voi, binh ngựa, binh xa, binh bộ. Lúc này có người trí mắt sáng, quán sát, tư duy, phân biệt kỹ và khi họ đã quán sát, tư duy,

phân biệt kỹ, thì sẽ thấy rằng không gì là có, không gì là bền chặt, không gì là chân thật, không có gì là chắc thật. Vì sao? Vì những hiện tượng huyễn hóa kia vốn không chắc thật. Như vậy, này các Tỳ-kheo những gì thuộc về thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, thì Tỳ-kheo nên quán sát, tư duy, phân biệt kỹ và khi đã quán sát, tư duy, phân biệt kỹ thì sẽ thấy rằng không gì là có, không gì là bền chặt, không gì là chân thật, không có gì là chắc thật; chúng như bệnh hoạn, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì thức vốn không chắc thật."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói lại nghĩa này, nên nói bài kệ:

Quán sắc như bọt nước,
Thọ như bong bóng nước,
Tưởng như quáng nắng xuân,
Các hành như cây chuối,
Các thức pháp như huyễn,

Đấng Nhật thân[1] *dạy vậy.*
Tư duy kỹ khắp cả,
Chánh niệm khéo quán sát:
Không thật, chẳng kiên cố,
Không có ngã, ngã sở.
Đối thân khổ ấm này,
Đại Trí phân biệt dạy,
Xa lìa ba pháp này,
Thân thành vật vất bỏ:
Thọ, hơi ấm và thức.
Lìa chúng, phần thân khác,
Vĩnh viễn vùi gò hoang,
Như gỗ, không thức tưởng.
Thân này thường như vậy,
Huyễn dối dụ người ngu;
Như gai độc, như sát,

[1] Hán: Nhật chủng tánh tôn 日種姓尊. Pāli: *Ādiccabandhu,* bà con với Mặt trời, chỉ dòng họ Thích, được coi là có nguồn gốc từ Mặt trời.

Không có gì chắc thật.
Tỳ-kheo siêng tu tập,
Quán sát thân ấm này,
Chuyên tinh luôn ngày đêm,
Chánh trí, buộc niệm lại,
Hành hữu vi ngừng nghỉ,
Vĩnh viễn chốn thanh lương.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Chúng ta biết rằng năm thủ uẩn là pháp duyên sinh nên vô thường, khổ và phi ngã. Trong năm thủ uẩn gồm sắc pháp và tâm pháp. Sắc pháp là pháp do bốn đại tạo thành nên thuộc thân thể của mỗi chúng ta. Tâm pháp là sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức (vọng niệm). Sắc pháp và tâm pháp đó đều thuộc về pháp hữu vi. Pháp hữu vi là pháp do nhân duyên hòa hợp để hình thành nên chúng cũng sẽ do nhân duyên để đi đến hoại diệt. Cho nên, chúng ta phải tư duy, quán sát về

ý nghĩa này thật nhiều trong đời sống của chính mình. Nhờ đó nên chúng ta mới nhận thức được rằng các pháp hữu vi như bọt nước, bóng nước, huyễn hóa, sương mai, điện chớp,…

Chúng ta an trụ trong trí hữu lậu để quán sát tất cả pháp hữu vi là pháp duyên sinh nên vô thường, vô ngã thì trí này cũng vô thường. Do đó, chúng ta cần phải kiến đạo tức lãnh hội trí vô lậu để quán sát tất cả pháp hữu vi là pháp duyên sinh nên vô thường và vô ngã. Bởi vì, trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do trí này là không, vô tướng, vô tác nên bất sinh bất diệt. Với ý nghĩa này, trong kinh *Bāhiya*, Đức Phật đã dạy trí vô lậu qua nơi sáu căn: "*Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết*".

Vì thế, khi chúng ta kiến đạo tức lãnh hội được trí vô lậu thì cần phải nỗ lực an trụ trong trí này để tu tập trong đời sống của chính mình. Nhờ đó, tham, sân, si, đối với năm thủ uẩn được giảm,

mỏng và cho đến khi chúng được đoạn trừ hoàn toàn. Do tâm hữu lậu (khổ đế - tập đế) được đoạn trừ hoàn toàn nên hành giả sống trọn vẹn trong trí vô lậu (hay tâm vô lậu). Bởi vì hành giả sống trong trí vô lậu nên mới tạo ra sự an lạc, khinh an của thân và tâm. Hạnh phúc này là hạnh phúc của trí vô lậu dẫn sinh nên không sinh không diệt. Hạnh phúc ấy, không chỉ có đem lại cho đời hiện tại này, mà nó sẽ đem lại cho những đời vị lai và cho đến khi thành tựu quả vị Phật. Cho nên, chúng ta biết rằng hạnh phúc thuộc về thiện hữu lậu không thể nào đem so sánh với hạnh phúc của thiện vô lậu. Hạnh phúc của thiện vô lậu là hạnh phúc tối thượng bậc nhất trong tất cả hạnh phúc. Chính nó sẽ tạo thành báo thân thù thắng và hỗ trợ cho sự hình thành những quốc độ vi diệu. Thật vậy, hạnh phúc này không thể nghĩ bàn. Hạnh phúc này, các bậc thánh nhân ở trong đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai đều chứng nghiệm được điều này (Niết-bàn).

Vì vậy, đời hiện tại này, chúng ta tu tập đạo thánh đế để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành

tựu hạnh phúc thuộc thiện hữu lậu và cho đến thiện vô lậu (xuất thế gian). Chính thiện hữu lậu và thiện vô lậu mới đem lại hạnh phúc chân thật cho chúng ta. Hai loại thiện đó, thiện vô lậu mới là thiện tối thượng bậc nhất. Cho nên, chúng ta cần phải tu tập để chứng nghiệm được thiện vô lậu này.

KINH 15

HÀ LƯU[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Giống như nước sông phát xuất từ khe núi, nước sâu chảy xiết, dòng nước cuồn cuộn cuốn trôi tất cả những vật chìm nổi. Hai bên bờ sông mọc um tùm nhiều loại cỏ cây, bị dòng nước lớn cuốn rạp cả hai bên bờ. Nhiều người lội qua, số lớn bị nước cuốn trôi, theo dòng chìm đắm; gặp sóng đẩy vào gần bờ, dùng tay chộp lấy cỏ cây, nhưng cây cỏ lại bị đứt và trở lại theo dòng nước cuốn trôi.

[1] Dòng sông. Pāli, S. 22. Nadī.

"Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu chúng sanh phàm phu ngu muội nào không biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc; và vì không biết như thật nên đắm nhiễm sắc, ở nơi sắc, nói sắc là ngã[1], nhưng rồi sắc kia theo đó mà đoạn. Cũng vậy, không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức, về sự tập khởi của … thức, về sự diệt tận của … thức, về vị ngọt của … thức, về sự tai hại của … thức, về sự xuất ly … thức. Vì không biết như thật nên đắm nhiễm thức, nói thức là ngã, nhưng rồi thức kia lại theo đó mà đoạn.

"Nếu đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc; và vì đã biết như thật nên không đắm nhiễm sắc. Biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; về sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, về sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức, về vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức, về sự tai hại của thọ, tưởng, hành,

---

[1] Pāli: *rūpaṃ attato samanupassati, rūpavantaṃ vā attānaṃ; attāni vā rūpaṃ, rūpasmiṃ vā attānaṃ*, nó quán sắc là tự ngã, hay tự ngã của sắc, hay sắc trong tự ngã, hay tự ngã trong sắc.

thức, về sự xuất ly thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật nên không đắm nhiễm thọ, tưởng, hành, thức. Không đắm nhiễm nên như vậy tự biết chứng đắc Bát-niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Bởi vì chúng ta sống với vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), để rồi phải thọ quả báo sinh tử khổ đau trong các giới loại. Cho nên, Đức Phật dạy: *"Giống như nước sông phát xuất từ khe núi, nước sâu chảy xiết, dòng nước cuồn cuộn cuốn trôi tất cả những vật chìm nổi. Hai bên bờ sông mọc um tùm nhiều loại cỏ cây, bị dòng nước lớn cuốn rạp cả hai bên bờ. Nhiều người lội qua, số lớn bị nước cuốn trôi, theo dòng chìm đắm; gặp sóng đẩy vào gần bờ, dùng tay chộp lấy cỏ cây, nhưng cây cỏ lại bị đứt và trở lại theo dòng nước cuốn trôi".*

Vì vậy, khi chúng ta kiến đạo tức lãnh hội được trí vô lậu thì đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất Lai. Chính trí này mới nhận biết được như thật năm thủ uẩn là vô thường, khổ, không và vô ngã. Rồi từ đó, bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong trí vô lậu tu tập làm giảm hay mỏng tham, sân, si đối với năm thủ uẩn nên thành tựu bậc thánh Tư-đà-hàm, gọi là Nhất Lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trú trong trí vô lậu tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm, gọi là Bất Lai. Bậc thánh A-na-hàm tiếp tục an trú trong trí vô lậu tu tập đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên thành tựu bậc thánh A-la-hán. Bậc thánh A-la-hán đạt được Niết-bàn nên Ngài đã chấm dứt dòng lưu chuyển sinh tử thuộc về phần đoạn.

KINH 16

ƯU-ĐÀ-NA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Lộc-tử-mẫu trong Đông-viên, nước Xá vệ.

Bấy giờ, buổi chiều, sau giờ Thế Tôn từ thiền tịnh dậy, đến giảng đường, vào trong nhà giảng, trải tòa ngồi trước đại chúng. Rồi thì, Thế tôn nói kệ Ưu-đà-na:

Pháp không có tôi ta,
Cũng lại không của ta;
Cũng sẽ không có ta,
Của ta từ đâu sanh?
Tỳ kheo giải thoát[2] đây,
Đoạn trừ hạ phần kết[3]

---

[1] Bản Đại chánh, Kinh 64. Pāli, S. 22. 55. Udānaṃ.

[2] Hán: giải thoát. Pāli: Evaṃ muccamāno, khi lãnh hội (thắng giải) như vậy.

[3] Hạ phần kết, chỉ năm phiền não dẫn tái sanh Dục giới. Pāli: orambhāgiyāni saṃyojāni.

Bấy giờ, có Tỳ kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, quỳ gối phải sát đất, chấp tay bạch Phật rằng:

"Thế nào là không có tôi ta, cũng lại không của ta; cũng sẽ không có ta, của ta từ đâu sanh? Tỳ kheo giải thoát đây, đoạn trừ hạ phần kết?"

Phật bảo Tỳ kheo:

"Phàm phu ngu si không học, chấp sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng cho là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Đa văn Thánh đệ tử, không thấy sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; cũng như không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; cũng chẳng phải là người biết, cũng chẳng phải là người thấy. Sắc này là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Sắc là khổ. Thọ, tưởng, hành, thức là khổ. Sắc là vô ngã. Thọ, tưởng, hành, thức là vô ngã. Sắc này sẽ không tồn tại. Thọ, tưởng, hành, thức sẽ không tồn tại. Vì sắc này sẽ hủy hoại[1]. Thọ, tưởng, hành, thức hủy hoại.

[1] Hán: Hoại hữu dịch sát. Pāli: rūpaṃ vibhavissati, sẽ hủy diệt, sẽ không tồn tại.

Cho nên, chẳng có ngã, chẳng có ngã sở, ngã, và cũng sẽ chẳng có ngã, ngã sở. Nếu người nào giải thoát như vậy, thì sẽ đoạn trừ được năm kết sử hạ phần."

Bấy giờ, Tỳ kheo kia bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, khi đã đoạn trừ năm kết sử hạ phần rồi, làm sao để ngay trong đời này tự biết, tự tác chứng, thành tựu và an trú với sự diệt tận các lậu, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã chấm dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'?"

Phật bảo Tỳ kheo:

"Phàm phu chúng sanh ngu si không học, nên ở chỗ không sợ hãi mà sanh ra sợ hãi. Phàm phu chúng sanh ngu si không học sanh ra sự sợ hãi rằng không ngã, không ngã sở; cả hai sẽ chẳng sanh.

"Do vin bám[1] mà có bốn trú xứ của thức[2]. Thức trụ nơi sắc, vin bám sắc, ham muốn sắc, để tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn. Thức trụ nơi thọ,

[1] Hán: Phan duyên.

[2] Tứ thức trú.

tưởng, hành, vin bám hành, ham muốn hành, để tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn. Tỳ kheo, thức ở nơi này, hoặc đến, hoặc đi, hoặc ở, hoặc khởi, hoặc diệt, tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn. Nếu nói rằng lại có pháp khác, và ở đó thức hoặc đến, hoặc đi, hoặc ở, hoặc khởi, hoặc diệt, tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn; thì đây chỉ có trên ngôn thuyết, chứ nếu hỏi đến, thì sẽ không biết, chỉ tăng thêm ngu si, vì chúng chẳng phải là cảnh giới. Vì sao? Vì Tỳ kheo, xa lìa tham dục của sắc giới, thì triền phược của ý sanh[1] đối với sắc cũng sẽ bị đoạn trừ. Khi triền phược của ý sanh đối với sắc bị đoạn trừ rồi, thì sự vin bám của thức cũng sẽ bị đoạn trừ. Khi ấy, thức không có chỗ trú, cũng không tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn trở lại. Khi triền phược của ý sanh đối với thọ, tưởng, hành giới, nếu đã lìa tham dục rồi, thì sự vin bám của thức cũng sẽ bị đoạn trừ. Khi ấy, thức không có chỗ trú, cũng không tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn trở lại. Vì thức không chỗ trụ, nên không tăng trưởng. Vì không tăng trưởng nên không có gì để tác hành.

[1] Ý sanh, cũng nói ý sở thành; đây chỉ thân được tác thành bởi ý khi tái sanh vào trong Sắc giới.

Vì không có gì để tác hành cho nên được an trụ. Vì đã an trụ nên biết đủ. Vì đã biết đủ nên được giải thoát. Vì đã giải thoát nên đối với các thế gian đều không có gì để chấp thủ. Vì không có gì để chấp thủ nên không có gì để đắm trước. Vì không có gì để đắm trước nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã chấm dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Này Tỳ kheo, Ta nói thức không trụ[1] Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn bên, trên, dưới, ngoại trừ ngay trong đời hiện tại sẽ nhập Niết-bàn, diệt tận, tịch tĩnh, thanh lương."

Bấy giờ, các Tỳ kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Chúng ta biết rằng, theo quan điểm của các ngoại đạo có một thực ngã đồng nhất với năm thủ uẩn, hoặc ngã dị biệt với năm thủ uẩn, hoặc ngã ở trong năm thủ uẩn, hoặc năm thủ uẩn ở trong ngã.

---

[1] Bất trụ, Kinh 85 nói bất chí, không đi đến.

Có chủ trương cho rằng ngã là một chủ tể thường hằng, châu biến, lượng đồng như hư không, tùy theo môi trường mà nó tạo nghiệp, hay thọ nhận khổ, lạc. Hoặc chủ trương tự thể của ngã là thường hằng nhưng lượng của nó thì bất định; bởi vì nó trải rộng hay thu nhỏ tùy theo lượng của thân. Hoặc có chủ trương cho rằng tự thể của ngã là thường hằng, và cực kỳ vi tế như một cực vi, tiềm tàng chuyển vận trong thân để tạo tác sự nghiệp (Trích *Luận Thành Duy Thức*, trang *71*, Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú). Quan điểm về một tự ngã đó chỉ là khái niệm của thức nên hoàn toàn không tồn tại. Vì sao? Vì năm thủ uẩn là pháp duyên sinh nên vô thường và vô ngã.

Nếu luận về nghĩa của trí thì chúng ta vốn có trí hữu lậu và trí vô lậu. Trong đó, trí hữu lậu gồm trí hữu lậu bất thiện và trí hữu lậu thiện. Trí hữu lậu bất thiện chính là tà kiến và tà tư duy. Trí hữu lậu thiện chính là chánh kiến và chánh tư duy hữu lậu. Trí này là trí duyên sinh nên có tính năng thủ và sở thủ. Trí vô lậu chính là chánh kiến và chánh tư duy vô lậu. Trí này là trí phi nhân duyên nên

không có tính năng thủ và sở thủ mà chỉ có trí nhận biết như thật tất cả các pháp. Cho nên, do chúng sinh đã sống với trí hữu lậu bất thiện (tà kiến, tà tư duy) nên mới tạo tác các nghiệp bất thiện qua ba nghiệp để rồi phải thọ quả báo nơi các cõi khổ. Còn chúng ta tu học thì cần phải sống với trí hữu lậu thiện (chánh kiến, chánh tư duy hữu lậu) để thành tựu được quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Không chỉ có vậy, chúng ta cần phải kiến đạo tức lãnh hội được trí vô lậu tu tập để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Trong hai loại trí đó, trí hữu lậu là trí duyên sinh nên mới sinh khởi khái niệm thiện ác và tôi ta. Còn trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do trí này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm thiện ác và tôi ta. Do đó, Đức Phật dạy: nếu chúng ta lãnh hội được trí vô lậu để tu tập thì sẽ thành tựu được tứ thánh quả. Chính ý nghĩa đó, trong kinh *Bāhiya*, Đức Phật dạy trí vô lậu qua nơi sáu căn: *"Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe,*

trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết".

Đức Phật dạy: *"Phàm phu chúng sanh ngu si không học, nên ở chỗ không sợ hãi mà sanh ra sợ hãi. Phàm phu chúng sanh ngu si không học sanh ra sự sợ hãi rằng không ngã, không ngã sở."* Nghĩa là, hàng phàm phu không học Phật pháp nên cho rằng có một tự ngã đồng nhất với năm thủ uẩn, hoặc ngã dị biệt với năm thủ uẩn, hoặc ngã ở trong năm thủ uẩn, hoặc năm thủ uẩn ở trong ngã. Chính tự ngã này đã sai khiến họ đi hay đứng, nằm hay ngồi, cũng như tạo tác những nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) để rồi mới lãnh thọ quả vui hay khổ. Do đó, khi nói rằng năm thủ uẩn này là pháp duyên sinh, vô thường và vô ngã nên hàng phàm phu sẽ sinh tâm lo lắng và sợ hãi. Nếu nói rằng không có một tự ngã thì làm sao có các sự việc như ký ức, nhận thức và tạo nghiệp? Trong khi đó, việc ký ức, nhận thức và tạo nghiệp là do tâm vương và tâm sở của mỗi chúng ta, chứ không phải tự ngã. Ngoài ra, Đức Phật dạy:

chúng ta và tất cả chúng sinh do sống với tâm hữu lậu và cho tâm này là tâm chân thật nên mới lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các giới loại. Trong khi đó, tâm ấy là tâm duyên sinh, vô thường nên không phải là tâm chân thật. Cho nên, chúng ta tu tập là để đoạn trừ hoàn toàn tâm hữu lậu đó. Khi nghe nói như vậy, chúng ta sẽ sinh tâm lo lắng và sợ hãi vì sợ rơi vào đoạn diệt.

Chúng ta biết rằng do sống với tâm hữu lậu nên mới có nhận thức như thế này hay như thế kia. Rồi chúng ta mới suy nghĩ rằng chỉ có tâm hữu lậu này chứ không có tâm vô lậu. Vì vậy, khi nghe nói rằng tâm hữu lậu (tâm suy nghĩ phân biệt) là tâm vô thường, khổ và vô ngã nên cần phải tu tập để đoạn trừ hoàn toàn nó. Khi nghe nói như vậy, chúng ta nghĩ rằng: nếu đoạn trừ hoàn toàn tâm hữu lậu thì sẽ không còn tâm gì nữa để nhận thức nên mới sinh tâm lo lắng, sợ hãi. Vì thế, nhận thức đó là hoàn toàn không đúng với sự thật. Vì sao? Vì muốn đoạn trừ được tâm hữu lậu thì chúng ta phải lãnh hội được tâm vô lậu tu tập. Nhờ đó, chúng ta mới điều phục, đoạn trừ được tâm hữu lậu và

cho đến khi đoạn trừ được hoàn toàn nó. Lúc đó, chúng ta sẽ sống trong tâm vô lậu để đi hay đứng, nằm hay ngồi, nói năng hay im lặng… nên tâm vẫn thường rỗng lặng. Nếu sống được như thế thì chúng ta sẽ hạnh phúc biết chừng nào, chứ không phải rơi vào đoạn diệt.

Tuy chúng ta vốn sẵn có tâm vô lậu nhưng chưa đủ nhân duyên để lãnh hội. Còn nếu chúng ta lãnh hội được tâm vô lậu thì sẽ nhận biết được rằng đây là một sự thật vốn sẵn có. Nếu chúng ta không có tâm vô lậu thì làm sao tu tập để đoạn trừ được tâm hữu lậu. Cho nên, chúng ta biết rằng những bậc thánh nhân trong đời quá khứ, đời hiện tại và đời tương lai đều do lãnh hội được tâm vô lậu tu tập nên mới thành tựu được tứ thánh quả.

Theo *Luận Thành Duy Thức*, có tám thức tâm vương và năm mươi mốt tâm sở. Tám thức tâm vương gồm nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, thức thứ bảy, thức thứ tám. Còn năm mươi mốt tâm sở bao gồm tâm sở thiện và tâm sở bất thiện. Tâm vương và tâm sở không thể tách rời khỏi nhau ví như mặt trời và

ánh sáng. Mặt trời ví cho tâm vương, còn ánh sáng ví cho tâm sở. Tám thức tâm vương và năm mươi mốt tâm sở này chính là sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế). Vì vậy, khi chúng ta lãnh hội được tâm vô lậu tu tập thì sẽ đoạn trừ sự tập khởi của sắc. Đây chính là sự tập khởi của năm thủ uẩn thuộc lớp thứ nhất được đoạn trừ. Vì sự tập khởi của sắc được đoạn trừ nên sự tập khởi của thọ, tưởng, hành và thức không còn nơi nương gá để phát triển chiều sâu, chiều rộng của chúng. Chúng ta tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của thọ. Đây chính là sự tập khởi của năm thủ uẩn thuộc lớp thứ hai được đoạn trừ. Bởi sự tập khởi của thọ được đoạn trừ nên sự tập khởi của tưởng, hành và thức không còn nơi nương gá để phát triển chiều sâu, chiều rộng của chúng. Chúng ta tiếp tục nỗ lực an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của tưởng. Đây chính là sự tập khởi của năm thủ uẩn thuộc lớp thứ ba được đoạn trừ. Do sự tập khởi của tưởng được đoạn trừ nên sự tập khởi của hành và thức không còn nơi nương gá để phát triển chiều sâu, chiều rộng của chúng. Chúng ta tiếp tục nỗ lực an trụ

trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của hành. Đây chính là sự tập khởi của năm thủ uẩn thuộc lớp thứ tư được đoạn trừ. Vì sự tập khởi của hành được đoạn trừ nên sự tập khởi của thức không còn nơi nương gá để phát triển chiều sâu, chiều rộng của nó. Chúng ta tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của thức. Chính là sự tập khởi của năm thủ uẩn thuộc lớp thứ năm được đoạn trừ. Đây chính là đoạn trừ được hoàn toàn năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế). Bởi vì khổ đế - tập đế được đoạn trừ hoàn toàn nên đạt được Niết-bàn, tức thành tựu quả vị A-la-hán. Do đó, Đức Phật dạy: *"Này Tỳ kheo, Ta nói thức không trụ Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn bên, trên, dưới, ngoại trừ ngay trong đời hiện tại sẽ nhập Niết-bàn, diệt tận, tịch tĩnh, thanh lương."*

KINH 17

HỮU THÂN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

"Nay Ta nói về hữu thân[2], về sự tập khởi của hữu thân, về sự diệt tận của hữu thân, về con đường dẫn đến sự diệt tận của hữu thân[3]. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ngươi mà nói.

"Thế nào là hữu thân? Là năm thọ ấm, đó là: sắc thọ ấm, thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Đó gọi là hữu thân.

---

[1] Bản Đại chánh, Kinh 71. Pāli, S.22. 105: Sakkāya.

[2] Hữu thân, Pāli: sakkāya.

[3] Hữu thân diệt đạo tích.

"Thế nào là sự tập khởi của hữu thân? Đó là ái, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia[1] Đó gọi là sự tập khởi của hữu thân.

"Thế nào là sự diệt tận của hữu thân? Tức là ái này, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia, tất cả đều được đoạn trừ, diệt tận khổ, ly dục, tịch diệt, tĩnh chỉ. Đó gọi là sự diệt tận của hữu thân.

"Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân? Là chỉ cho Bát thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân.

"Đó là nói về hữu thân, về sự tập khởi của hữu thân, về sự diệt tận của hữu thân, về con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

[1] Mong rằng trong tương lai ta sẽ như thế này, sẽ như thế kia.

Lược giải

Hữu thân là sắc thọ ấm, thọ, tưởng, hành và thức thọ ấm nên thuộc khổ đế. Sự tập khởi của hữu thân là ái nên thuộc tập đế. Sự diệt tận của hữu thân là diệt đế. Con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân là tu tập bát chánh đạo. Vì thế, để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm đạt được diệt thánh đế thì chúng ta phải tu tập bát chánh đạo. Bát chánh đạo gồm bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu. Trong đó, tu tập bát chánh đạo hữu lậu để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập bát chánh đạo vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Với ý nghĩa tu tập bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu, người viết đã trình bày ở phần kinh *Quảng Thuyết Bát Thánh Đạo.*

KINH 18

TRI PHÁP[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

"Ta sẽ nói về các pháp sở tri, trí và trí giả[2]. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Thế nào là các pháp đã sở tri? Là năm thọ ấm, đó là: Sắc thọ ấm, và thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Đó gọi là những pháp sở tri.

"Thế nào là trí? Là sự điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, siêu việt dục tham. Đó gọi là trí.

---

[1] Đại chánh, Kinh 72. Pāli, S. 22. 23: Parñ̃ñ̃eyya.

[2] Sở tri pháp, trí, trí giả; pháp cần được nhận thực toàn diện (Pāli: pariñ̃ñ̃eyya: ưng biến tri); sự nhận thức toàn diện (pariñ̃ñ̃ā: biến tri trí), và người có nhận thức toàn diện.

"Thế nào gọi là trí giả? Đó là A-la-hán. A-la-hán chẳng phải tồn tại sau khi chết, chẳng phải không, chẳng phải có không tồn tại sau khi chết, chẳng phải chẳng có không tồn tại sau khi chết. Nói rộng ra vô lượng, các số đã vĩnh viễn dứt sạch. Đó gọi là nói về các pháp sở tri, trí và trí giả."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Năm thọ ấm của mỗi chúng ta là khổ đế. Dục tham đối với năm thọ ấm là tập đế. Trí gồm trí hữu lậu (thiện) và trí vô lậu. Trí hữu lậu là chánh kiến và chánh tư duy hữu lậu. Trí vô lậu chính là chánh kiến và chánh tư duy vô lậu. Để thành tựu được hai loại trí này thì chúng ta phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập trí hữu lậu. Tu tập trí hữu lậu để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp

của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập trí vô lậu. Tu tập trí vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu tứ thánh quả.

Trí giả là chỉ cho bậc thánh A-la-hán. Bởi vì bậc thánh A-la-hán đã đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên đạt được Niết-bàn. Bậc thánh A-la-hán sống trong Niết-bàn, nên ở trong ấy hoàn toàn không sinh khởi những khái niệm tồn tại hay không tồn tại, chẳng phải không chẳng phải có không tồn tại sau khi chết, cũng chẳng phải chẳng có không tồn tại sau khi chết.

KINH 19

TRỌNG ĐẢM[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

"Nay Ta sẽ nói về gánh nặng, thủ gánh nặng, xả gánh nặng, và người đang gánh nặng[2]. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Thế nào là gánh nặng? Là năm thọ ấm, đó là: Sắc thọ ấm, và thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

"Thế nào là thủ gánh nặng? Đó là ái, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia[3].

---

[1] Gánh nặng. Bản Đại chánh, Kinh 73. Pāli, S. 22. 22. Bhāra.

[2] Trọng đảm, thủ đảm, xả đảm.

Pāli: bhāra, bhāradāna,bhāranikkhepana, bharahāra.

[3] Mong rằng trong tương lai ta sẽ như thế này, sẽ như thế kia.

"Thế nào là xả gánh nặng? Tức là ái này, ái về hữu đương lai đi đôi với tham hỷ, đắm trước cái này hay cái kia, tất cả đều được đoạn trừ, diệt tận khổ, ly dục, tịch diệt, tĩnh chỉ.

"Thế nào là người đang gánh nặng? Chính là con người[1]. Con người này có tên như vậy, thọ sanh như vậy, dòng họ như vậy, ăn uống như vậy, cảm thọ khổ lạc như vậy, tồn tại như vậy, thọ mạng như vậy, giới hạn thọ mạng sống như vậy. Đó gọi là gánh nặng, thủ gánh nặng, xả gánh nặng, và người đang gánh nặng."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Đã vứt bỏ gánh nặng,
Không nên nhận trở lại.
Gánh nặng là khổ lớn,
Trút gánh là vui nhiều.
Đoạn trừ tất cả ái,
Thì sạch tất cả hành.
Thấu triệt mọi cảnh khác,
Không còn luân chuyển hữu.

[1] Hán: sĩ phu; Pāli: puggala (bổ-đặc-già-la)

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Năm thọ ấm của mỗi chúng ta là khổ đế nên thuộc gánh nặng. Ái đối với năm thọ ấm là tập đế nên thuộc thủ gánh nặng. Còn xả gánh nặng chính là diệt đế. Do đó, để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm đạt được diệt thánh đế thì chúng ta cần phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế bao gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu tứ thánh quả. Trong các bậc thánh giả ấy, những bậc thánh thuộc hàng Hữu học (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm) vẫn chưa đoạn

trừ hoàn toàn gánh nặng và thủ gánh nặng (khổ đế - tập đế). Chỉ có những bậc thánh thuộc hàng Vô học của ba thừa (A-la-hán, Bích Chi Phật và hàng Bồ-tát Bát địa) mới đoạn trừ hoàn toàn gánh nặng và thủ gánh nặng (khổ đế - tập đế) nên đạt được Niết-bàn.

KINH 20

PHÁP ẤN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

"Ta sẽ nói về Thánh pháp ấn và kiến thanh tịnh. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ.

"Nếu có Tỳ kheo nào nói như vầy: 'Tôi đối với tam muội Không[2] chưa có sở đắc, mà khởi Vô tướng, Vô sở hữu, lìa được tri kiến kiêu mạn.' Thì đừng nên nói như vậy. Vì sao? Vì nếu đối với Không chưa đạt được, mà nói là Tôi đã đạt được Vô tướng, Vô sở hữu, lìa được tri kiến kiêu mạn, thì việc này sẽ không xảy ra.

---

[1] Bản Đại chánh, Kinh 80.

[2] Không, Vô tướng, Vô nguyện: Ba tam-muội môn.

"Nếu có Tỳ kheo nào nói như vầy, 'Tôi đã đạt được Không, có khả năng khởi lên Vô tướng, Vô sở hữu, lìa được tri kiến kiêu mạn.' Thì đây là lời nói chính xác. Vì sao? Vì nếu đã đạt được Không rồi, thì sẽ có khả năng khởi lên Vô tướng, Vô sở hữu, lìa được tri kiến kiêu mạn; điều này chắc chắn có thể xảy ra.

…

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Trích từ Kinh Pháp Ấn)

Lược giải

Chúng ta biết rằng: tam pháp ấn (vô thường, khổ, vô ngã) là ý nghĩa của khổ đế - tập đế (năm thủ uẩn). Tứ pháp ấn (vô thường, khổ, vô ngã, Niết-bàn) là ý nghĩa của tứ thánh đế. Còn Thánh pháp ấn (Không tam muội, Vô tướng tam muội và Vô sở hữu tam muội) là ý nghĩa của Diệt đế và Đạo đế vô lậu.

Thánh pháp ấn chính là tâm vô lậu (đạo đế vô lậu). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không,

vô tướng, vô sở hữu. Do đó, nếu chúng ta chưa lãnh hội được tâm vô lậu thì sẽ sống với tâm hữu lậu nên không đoạn trừ được khổ đế - tập đế.

Bởi vì thánh pháp ấn chính là tâm vô lậu (đạo đế vô lậu). Vì tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô sở hữu. Cho nên, nếu chúng ta kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu tu tập thì đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất Lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn sống trong tâm vô lậu tu tập làm giảm, mỏng tham, sân, si, câu sinh đối với năm thủ uẩn nên thành tựu bậc thánh Tư-đà-hàm, gọi là Nhất Lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm sống trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm, gọi là Bất Lai. Bậc thánh A-na-hàm sống trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế (phiền não chướng) nên thành tựu bậc thánh A-la-hán. Như vậy, chúng ta muốn đạt được tứ thánh quả thì phải kiến đạo, tức lãnh hội Thánh pháp ấn để tu tập.

KINH 21

PHÚ-LAN-NA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong giảng đường Trùng-các, bên bờ ao Di-hầu, tại Tỳ-da-ly.

Bấy giờ có người Ly-xa[2] tên là Ma-ha-nam[3], thường ngày hay du hành đến chỗ đức Phật. Ly-xa này bấy giờ tự nghĩ: 'Nếu ta đến sớm chỗ Phật, thì hiện giờ Đức Thế Tôn và các Tỳ kheo quen biết của ta đều đang thiền tư. Bây giờ ta nên đến chỗ ngoại đạo A-kỳ-tỳ nơi bảy cây Yêm-la.' Rồi ông đến chỗ ở của Phú-lan-na Ca-diếp[4] này.

---

[1] Bản Đại chánh, Kinh 81. Pāli, S. 22. 60. Mahāli.

[2] Ly-xa. Pāli, Liccha, một thị tộc hùng mạnh thời Phật.

[3] Ma-ha-nam: Mahānāma. Nhưng bản Pāli nói là Mahàāi

[4] Phú-lan-na Ca-diếp. Pāli: Pūraṇa Kassapa.

Hiện Phú-lan-na Ca-diếp đang là thủ lãnh chúng ngoại đạo gồm năm trăm người, đang vây quanh trước sau, tiếng cười đùa huyên náo, bàn luận việc thế gian. Bấy giờ, Ca-diếp từ xa nhìn thấy Ly-xa Ma-ha-man đang đến, liền bảo các quyến thuộc của mình nên giữ yên tĩnh, 'Các ông nên giữ yên lặng, đó là Ly-xa Ma-ha-man, là đệ tử của Sa môn Cù-đàm. Ông ta là đệ tử tại gia của Sa-môn Cù-đàm, và cũng là người đứng đầu ở Tỳ-da-ly. Ông ta luôn thích sự tĩnh lặng, và khen ngợi sự tĩnh lặng; chỗ Ông ta đến là nơi đồ chúng tĩnh lặng, vì thế cho nên các ông nên giữ sự yên lặng.'

Khi Ma-ha-nam đến chỗ đồ chúng Phú-lan-na, cùng với Phú-lan-na thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Ma-ha-nam hỏi Phú-lan-na rằng:

"Tôi nghe Phú-lan-na vì các đệ tử nói pháp rằng, sự cấu uế hiện có của chúng sanh không do nhân, không do duyên và, sự thanh tịnh hiện có của chúng sanh cũng không nhân, không duyên. Hiện thế gian đang truyền luận thuyết này. Ông nên xem xét lại, có phải đây là những lời hủy báng

nhau của người ngoài, hay người đời bày đặt ra? Đó là pháp, hay phi pháp? Ông có cùng tranh luận với người đời, bị nạn vấn, bị chỉ trích không?

Phú-lan-na Ca-diếp đáp:

"Thật sự, có luận thuyết này, chứ không phải là người đời ngoa truyền. Tôi đã lập ra luận thuyết này. Đó là luận như pháp. Tôi đã nói pháp này tất cả đều thuận theo pháp. Không có người thế gian nào đến đây nạn vấn và chỉ trích. Vì sao? Ma-ha-nam, tôi thấy như vậy, nói như vậy: 'sự cấu uế hiện có của chúng sanh là không nhân, không duyên, và sự thanh tịnh hiện có của chúng sanh là không nhân, không duyên.'"

Khi Ma-ha-nam nghe những gì Phú-lan-na đã nói, lòng không vui, chỉ trích, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Ông đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem tất cả mọi chuyện đã bàn luận cùng Phú-lan-na trình hết lên Thế tôn.

Phật bảo Ly-xa Ma-ha-nam:

"Đó là những lời nói không cân nhắc[1] của Phú-lan-na, không đáng để ghi nhớ. Như vậy, Phú-lan-na là người ngu si, thiếu hiểu biết, không thiện xảo, khi chủ trương không nhân mà nói như vầy: 'Sự cấu uế hiện có của chúng sanh là không nhân, không duyên, và sự thanh tịnh hiện có của chúng sanh cũng không nhân, không duyên.' Vì sao? Vì có nhân, có duyên chúng sanh có cấu uế; có nhân, có duyên chúng sanh thanh tịnh.

"Ma-ha-nam, do nhân gì, duyên gì mà chúng sanh có cấu uế?

"Này Ma-ha-nam, nếu sắc chỉ một mực là khổ, không phải lạc, không phải tùy lạc, không được trưởng dưỡng bởi lạc, xa lìa lạc, thì chúng sanh đã không nhân đây mà sanh ra sự ái lạc đắm trước. Nhưng, này Ma-ha-nam, sắc chẳng phải chỉ một mực là khổ, không phải lạc, mà là tùy lạc, được trưởng dưỡng bởi lạc, chẳng xa lìa lạc, cho nên chúng sanh nhiễm đắm sắc. Do nhiễm đắm nên bị trói buộc; vì bị trói buộc, nên có phiền não.

---

[1] Xuất ý ngư. Pāli: Adhivitti pada

"Này Ma-ha-nam, nếu thọ, tưởng, hành, thức chỉ một mực là khổ, không phải lạc, không phải tùy lạc, không được trưởng dưỡng bởi lạc, xa lìa lạc, thì chúng sanh đã không nhân đây mà sanh ra sự ái lạc đắm trước. Nhưng, này Ma-ha-nam, vì …… thức chẳng phải chỉ một mực là khổ, không phải lạc, mà là tùy lạc, được trưởng dưỡng bởi lạc, chẳng xa lìa lạc, cho nên chúng sanh nhiễm đắm …… thức. Vì đã bị nhiễm đắm nên bị trói buộc; vì bị trói buộc nên sanh ra phiền não.

"Đó gọi là có sự cấu uế của chúng sanh là có nhân, có duyên.

"Ma-ha-nam, vì nhân gì, duyên gì mà chúng sanh thanh tịnh?

"Này Ma-ha-nam, nếu sắc chỉ một mực là lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải tùy khổ, chẳng phải trưởng dưỡng ưu khổ, xa lìa khổ, thì chúng sanh không nên nhân sắc này mà sanh ra nhàm chán, xa lìa. Nhưng, này Ma-ha-nam, vì sắc chẳng phải chỉ một mực là lạc, mà là khổ, tùy khổ, nuôi lớn sầu khổ, chẳng xa lìa khổ, cho nên chúng sanh đối

với sắc sanh ra nhàm chán, xa lìa. Vì nhàm chán nên không thích; vì không thích nên giải thoát.

"Này Ma-ha-nam, nếu thọ, tưởng, hành, thức chỉ một mực là lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải tùy khổ, chẳng phải trưởng dưỡng ưu khổ, xa lìa khổ, thì chúng sanh không nên nhân nơi …… thức mà sanh ra nhàm chán, xa lìa. Nhưng, này Ma-ha-nam, vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải chỉ một mực là lạc, mà là khổ, tùy khổ, nuôi lớn sầu khổ, chẳng xa lìa khổ, cho nên chúng sanh đối với sắc sanh ra nhàm chán, xa lìa. Vì nhàm chán nên không thích; vì không thích nên giải thoát.

"Này Ma-ha-nam, đó gọi là sự thanh tịnh của chúng sanh là có nhân, có duyên."

Khi Ma-ha-nam nghe những gì đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Chúng ta biết rằng, năm thủ uẩn của mỗi chúng ta không chỉ thuần là khổ thọ, mà nó còn có tính chất của lạc thọ, trưởng dưỡng bởi lạc thọ, nuôi lớn

bởi lạc thọ. Đó là do vô minh, tham ái chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã nên mới dẫn sinh ra lạc thọ. Hoặc do vô minh, tham ái vin bám vào nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần nên mới dẫn sinh ra lạc thọ. Chính lạc thọ ấy mới dẫn sinh sự trói buộc thân tâm của mỗi chúng ta. Sự trói buộc này, chúng ta đã cảm nhận thực tế được diễn ra ở nơi thân, khẩu, ý của mỗi chúng ta và tất cả mọi người. Ví như, do sống với vô minh, tham ái chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên vị ấy có thể tạo tác các nghiệp bất thiện qua ba nghiệp để dẫn sinh lạc thọ như đam mê cờ bạc, bia rượu, các chất gây nghiện, tài, danh, sắc, thực, thùy…

Chúng ta biết rằng, năm thủ uẩn của mỗi chúng ta không chỉ thuần là lạc thọ, mà nó còn có tính chất của khổ thọ, trưởng dưỡng bởi khổ thọ, nuôi lớn bởi khổ thọ. Bởi vì sự tập khởi của năm thủ uẩn là tâm hữu lậu nên có tính chất là khổ đau. Vì vậy, khi chúng ta sống với vô minh, tham ái chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, thì sẽ cảm nhận thực tế rằng vị ngọt của hạnh phúc rất ít, còn vị đắng của

khổ đau lại rất nhiều. Với sự khổ đau này, chúng ta đã cảm nhận thực tế nơi thân tâm của mình, và cũng thấy rõ được sự khổ đau của mọi người và mọi loài như sinh, già, bệnh, chết.

Bởi vì năm thủ uẩn của mỗi chúng ta không chỉ là thuần lạc thọ, mà nó còn có tính chất của khổ thọ, nên chúng ta mới sinh tâm nhàm chán với sự khổ đau này. Do đó, chúng ta tu tập để đoạn trừ cả lạc thọ và khổ thọ của khổ đế và tập đế, nhằm đạt được lạc thọ của diệt đế và đạo đế. Để thành tựu được điều này, chúng ta phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm đạt được hỷ thọ, lạc thọ hữu lậu của thân và tâm. Tuy nhiên, lạc thọ ấy, lạc thọ của chúng sinh thuộc về nhân tính sẽ không thể sánh bằng lạc thọ của chư thiên thuộc Dục giới. Lạc thọ của chư thiên thuộc Dục giới lại không sánh bằng lạc thọ của chư thiên thuộc Sắc giới như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền. Lạc thọ của chư

thiên thuộc Sắc giới cũng không sánh bằng lạc thọ của chư thiên thuộc về Vô sắc giới như Không vô biên xứ định, Thức vô biên xứ định, Vô sở hữu xứ định, Phi tưởng phi phi tưởng xứ định. Chính ý nghĩa này, kinh Ưu-đà-di, Đức Phật dạy: *"Này Ưu-đà-di, có hai thọ: thọ dục và thọ ly dục. Thế nào là thọ dục? Thọ do nhân duyên năm công đức của dục sanh ra, đó gọi là thọ dục. Thế nào là thọ ly dục? Tỳ-kheo ly dục và pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc phát sanh do viễn ly, thành tựu và an trụ Sơ thiền, đó gọi là thọ ly dục.*

"Nếu có người nói: 'Chúng sanh nương vào Sơ thiền này, chỉ có đây là lạc, ngoài ra không còn gì khác.' Điều này không đúng. Vì sao? Vì còn có cái lạc thù thắng hơn cái lạc này. Đó là gì? Tỳ-kheo lìa có giác, lìa có quán, nội tĩnh, có hỷ lạc do định sanh, thành tựu và an trụ Nhị thiền; đó gọi là lạc thù thắng. Như vậy, cho đến, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, càng lên càng thù thắng hơn.

"Nếu có người nói: 'Chỉ có những xứ này, cho đến, Phi tưởng phi phi tưởng là cực lạc, không còn chỗ nào khác.' Như vậy cũng lại không đúng. Vì sao?

Vì còn có cái lạc thù thắng hơn những nơi này nữa. Đó là gì? Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tưởng thọ diệt, tự thân tác chứng thành tựu; đó là cái lạc thù thắng hơn cái lạc trên."

Còn các bậc thánh giả tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm dẫn sinh hỷ thọ, lạc thọ vô lậu của thân và tâm. Với hỷ thọ và lạc thọ ấy, lạc thọ của bậc thánh Tu-đà-hoàn sẽ không bằng lạc thọ của bậc thánh Tư-đà-hàm; lạc thọ của bậc thánh Tư-đà-hàm sẽ không bằng lạc thọ của bậc thánh A-na-hàm; lạc thọ của bậc thánh A-na-hàm sẽ không bằng lạc thọ của bậc thánh A-la-hán. Tuy nhiên, nếu y cứ vào Kinh và Luận thuộc truyền thống của Đại thừa thì bậc thánh A-la-hán đã đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng), nhưng các Ngài vẫn chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng). Còn theo lộ trình tu chứng của tứ thánh quả Thanh văn và năm mươi mốt địa vị Bồ-tát thì bậc thánh A-la-hán tương đương với hàng Bồ-tát

Bát địa trong hàng Thập địa. Cho nên, lạc thọ của bậc thánh A-la-hán sẽ không bằng lạc thọ của hàng Bồ-tát thuộc Thiện Tuệ địa (địa thứ 9); lạc thọ của hàng Bồ-tát thuộc Thiện Tuệ địa sẽ không bằng lạc thọ của hàng Bồ-tát thuộc Pháp Vân địa (địa thứ 10); lạc thọ của hàng Bồ-tát thuộc Pháp Vân địa sẽ không bằng lạc thọ của hàng Bồ-tát thuộc Đẳng Giác; lạc thọ của hàng Bồ-tát thuộc Đẳng Giác sẽ không bằng lạc thọ của Đức Thế Tôn, tức Diệu Giác.

KINH 22

THANH TỊNH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

"Sắc là vô thường. Vô thường thì khổ. Khổ chẳng phải là ngã. Chẳng phải ngã là chỉ cho tất cả kia chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau, biết như thật, thì gọi đó là chánh quán. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử, đối với năm thọ ấm này quán sát chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát như vậy, đối với các thế gian cũng đều không có gì để chấp thủ. Vì không có gì để chấp thủ nên không có gì để đắm nhiễm; vì không có gì để đắm nhiễm nên tự

[1] Bản Đại chánh, Kinh 84. Pāli, S. 22. 45. Aniccā.

mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã chấm dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành

Lược giải

Năm thủ uẩn của mỗi chúng ta là pháp duyên sinh nên vô thường và vô ngã. Cho nên, Đức Phật dạy: chúng ta phải an trú trong trí tuệ để quán sát đúng thật là như vậy. Chúng ta quán sát như thế nào? Nghĩa là, sự tập khởi của năm thủ uẩn (vọng niệm) như thế nào, chúng ta chỉ nhận biết chúng đúng như thế ấy (trong cái biết chỉ là cái nhận biết), thì tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Với ý nghĩa này, trong kinh *Bāhiya*, Đức Phật dạy: "*Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết*".

Chúng ta biết rằng, sự tập khởi của năm thủ uẩn (tạp niệm) là pháp duyên sinh nên chúng

sinh diệt chuyển động tương tục theo nhân và các duyên, không thể tách rời khỏi nhau được. Nhân ở đây là chủng tử thiện và bất thiện trong A-lại-da thức và các duyên là chỉ cho tăng thượng duyên, đẳng vô gián duyên và sở duyên. Sở duyên là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Theo *Luận Thành Duy Thức*, căn bản thức (thức A-lại-da) cùng với các chuyển thức (thức thứ bảy, thức thứ sáu và tiền ngũ thức) đồng thời chuyển vận. Do đó, khi chúng ta an trú trong trí vô lậu tu tập để nhận biết sự tập khởi của năm thủ uẩn thì nhận biết chúng chỉ là một khối chuyển động sinh diệt ví như từng cơn sóng lên cao rồi xuống thấp, chứ không thể nhận biết được niệm niệm sinh ra từ nơi đâu và niệm niệm diệt mất rồi sẽ đi về nơi đâu. Ở đây, chúng ta chỉ bằng trí để nhận biết chúng chỉ là như vậy. Làm sao mà chúng ta có thể nhìn thấy từng niệm niệm tập khởi tách rời riêng biệt được sinh ra từ nơi đâu và niệm niệm tập khởi tách rời riêng biệt rồi diệt mất sẽ tồn tại nơi đâu. Sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức là hiệp nhất chứ không thể nào tách rời riêng biệt. Những gì được cảm thọ bởi thọ thì nó cũng được

tri nhận bởi tưởng, ưa muốn của hành và phân biệt của thức. Cho nên, chúng ta chỉ nhận biết chúng là như vậy, chứ không thể nào nhận biết được riêng biệt rằng đây là sự tập khởi của thọ, sự tập khởi của tưởng, sự tập khởi của hành, sự tập khởi của thức. Sự tập khởi của ngũ uẩn (vọng tâm) được ví như cỏ khô, hay sương và băng tuyết; còn trí tuệ được ví như lửa hay ánh sáng của mặt trời. Lửa sẽ đốt cháy cỏ khô, còn ánh sáng của mặt trời sẽ làm tan sương và băng tuyết. Do đó, trí tuệ sẽ điều phục, đoạn trừ tham, sân, si đối với năm thủ uẩn cũng như vậy. Và sự đoạn trừ này sẽ làm giảm mỏng sự tập khởi của ngũ uẩn từ thô cho đến tế và cho đến lúc không còn nhận biết được những tướng trạng tập khởi của vọng niệm. Khi ấy, chúng ta vẫn tiếp tục an trụ trong trí vô lậu để tu tập như vậy và cho đến lúc đoạn tận hoàn toàn tâm hữu lậu (khổ đế - tập đế) nên đạt được Niết-bàn. Vì thế, chúng ta tu học theo Phật pháp thì cần phải suy nghĩ về ý nghĩa này.

KINH 23

CHÁNH QUÁN SÁT[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

"Tỳ kheo, ở nơi cái gì mà không thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau?"

Các Tỳ kheo bạch Phật:

"Thế tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp, cúi xin vì chúng con mà nói. Các Tỳ kheo sau khi nghe xong sẽ y theo những lời dạy mà thực hành."

Phật bảo các Tỳ kheo:

"Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

[1] Bản Đại chánh, Kinh 85. Pāli, S. 22. 46 Aniccā.

"Phải chăng ở nơi sắc không thấy có ngã, khác ngã, ở trong nhau? Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy?

"Tỳ kheo, sắc có phải là vô thường?"

Các Tỳ kheo bạch Phật:

"Thế tôn, là vô thường."

Phật bảo các Tỳ kheo:

"Có phải vô thường là khổ?"

Các Tỳ kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, là khổ."

"Tỳ kheo, nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, vậy Đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?"

Các Tỳ kheo bạch Phật:

"Thế Tôn, không."

"Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Cho nên, Tỳ kheo, những gì thuộc sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải ngã, chẳng phải

khác ngã, chẳng phải ở trong nhau. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Tỳ kheo, Đa văn Thánh đệ tử quán sát năm thọ ấm là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Khi quán sát như vậy, thì đối với các thế gian đều không có gì để chấp thủ; vì không có gì để chấp thủ nên không có gì để đắm; vì không có gì để đắm nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: 'Ta, sự sanh đã chấm dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ kheo nghe những gì đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Theo quan điểm của các ngoại đạo cho rằng có một thực ngã đồng nhất với năm thủ uẩn, hoặc ngã dị biệt với năm thủ uẩn, hoặc ngã ở trong năm thủ uẩn, hoặc năm thủ uẩn ở trong ngã. Có chủ trương cho rằng ngã là một chủ tể thường hằng, châu biến, lượng đồng như hư không, tùy theo môi trường mà nó tạo nghiệp, hay thọ nhận khổ, lạc. Hoặc chủ trương tự thể của ngã là thường hằng

nhưng lượng của nó thì bất định; bởi vì nó trải rộng hay thu nhỏ tùy theo lượng của thân. Hoặc có chủ trương cho rằng tự thể của ngã là thường hằng, và cực kỳ vi tế như một cực vi, tiềm tàng chuyển vận trong thân để tạo tác sự nghiệp (Trích *Luận Thành Duy Thức*, trang *71*, Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú). Quan điểm về một thực ngã đó chỉ là khái niệm của thức nên hoàn toàn không tồn tại. Vì sao? Bởi năm thủ uẩn là pháp duyên sinh nên vô thường và vô ngã.

Chúng ta biết rằng, vô ngã có hai ý nghĩa: Một, năm thủ uẩn là pháp duyên sinh nên vô thường và vô ngã. Hai, chánh kiến vô lậu là chánh kiến phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác tức vô ngã (phi mọi khái niệm). Để nhận biết được điều đó, chúng ta cần phải kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu thì mới nhận biết được như thật năm thủ uẩn là pháp duyên sinh nên vô thường và vô ngã. Từ đó, chúng ta sống trong chánh kiến vô lậu này để tu tập đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

KINH 24

THẬP LỤC TỲ-KHEO[1]

Tôi nghe như vầy:

Khi Đức Phật ở trong vườn xoài Tán cái, bên bờ sông Bạt-đề, nước Ma-thâu-la[2].

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy an trú nơi hòn đảo chính mình[3], an trú nơi nương tựa chính mình[4], an trú nơi hòn đảo pháp[5], an trú nơi nương tựa pháp[6], chứ đừng an trú nơi hòn đảo nào khác, hay nương tựa nơi nào khác. Tỳ-kheo hãy quán sát chân chánh, an trú nơi

---

[1] Pāli, S. 22. 43. *Attapīpa.*

[2] Ma-thâu-la 摩偷羅; Pāli: *Mathurā.* Bản Pāli, *Sāvatthinidānaṃ,* nhân duyên ở Xá-vệ.

[3] Hán: tự châu 自洲. Pāli: *attadīpa.*

[4] Hán: tự y 自依. Pāli: *attasaeaṇā.*

[5] Hán: Pháp châu 法洲. Pāli: *dhammadīpa,* pháp là hòn đảo.

[6] Hán: pháp y 法依. Pāli, *dhammasaraṇā,* pháp là nơi nương tựa.

hòn đảo chính mình, an trú nơi nương tựa chính mình, an trú nơi hòn đảo pháp, an trú nơi nương tựa pháp, chứ đừng an trú nơi hòn đảo nào khác, hay nơi nương tựa nào khác.

"Do nhân gì mà ưu, bi, khổ, não sanh? Tại sao có bốn? Do bởi đâu bị cái gì trói buộc[1]? Làm sao tự quán sát, ưu, bi, khổ, não chưa sanh nay sanh; ưu, bi, khổ, não đã sanh nay lại tăng trưởng rộng?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp.

Cúi xin Đức Thế Tôn vì chúng con mà nói, sau khi chúng con nghe xong, sẽ y như những lời dạy mà làm theo."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, có sắc, nhân sắc mà trói buộc vào sắc; tự quán sát ưu, bi, khổ, não chưa sanh

[1] Pāli: *kiṃjātikā... kiṃpahotikā,* do cái gì chúng sanh? Do cái gì chúng hiện?

nay sanh, đã sanh rồi nay lại tăng trưởng rộng. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

"Tỳ-kheo, có sắc nào là thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi không?"

Đáp:

"Bạch không, Thế Tôn."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, sắc là vô thường. Nếu thiện nam tử biết sắc là vô thường, khổ, biến dịch, dục, diệt tận, tịch tĩnh; từ xưa tới nay tất cả sắc đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch; biết rồi, nếu sắc là nhân duyên sanh ra ưu, bi, khổ, não, thì nên đoạn trừ chúng. Khi đã đoạn trừ rồi, thì không còn gì để chấp trước. Vì không chấp trước nên sống an vui. Khi đã sống an vui rồi, thì đó gọi là Niết-bàn. Đối với thọ tưởng, hành và thức lại cũng như vậy."

Khi Đức Phật nói Kinh này, thì mười sáu Tỳ-kheo không sanh các lậu, tâm đạt được giải thoát.

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Năm thủ uẩn bao gồm khổ đế - tập đế, nhưng diệt đế và đạo đế cũng không rời khỏi năm thủ uẩn của mỗi chúng ta. Vì thế, khi chúng ta sống với tâm tà kiến, tà tư duy, tà tinh tấn, tà niệm và tà định nên dẫn sinh tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng thì đây chính là bát tà đạo. Khi chúng ta sống với tâm chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định hữu lậu nên dẫn sinh chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng thuộc hữu lậu thì đây chính là bát chánh đạo hữu lậu. Còn khi chúng ta sống với tâm chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định vô lậu nên dẫn sinh chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng thuộc vô lậu thì đây chính là bát chánh đạo vô lậu. Vì vậy, các bậc thánh nhân đã an trụ trong bát chánh đạo vô lậu tu tập nên mới thành tựu được những thánh quả như Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán (Diệt đế). Do đó, Đức Phật dạy: *"Tỳ-kheo hãy quán sát chân chánh, an trú nơi hòn đảo chính mình, an trú nơi nương tựa chính mình, an trú nơi hòn đảo pháp, an trú nơi nương*

tựa pháp, chứ đừng an trú nơi hòn đảo nào khác, hay nơi nương tựa nào khác". Nghĩa là, chúng ta phải an trụ trong đạo thánh đế để tu tập. Đạo thánh đế bao gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Cho nên, Đức Phật dạy chúng ta cần phải an trụ trong đạo thánh đế để tu tập, đây chính là an trụ nơi hòn đảo chánh pháp của chính mình.

KINH 25

HOẠI PHÁP[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ vì các ông nói pháp hoại và bất hoại[2]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, sắc là pháp hoại. Sắc kia diệt, Niết-bàn là pháp bất hoại[3]. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp hoại. Thức kia diệt, Niết-bàn, là pháp bất hoại."

---

[1] Pāli, S. 22. 32. Pabhaṅgu.

[2] Hoại bất hoại pháp 壞不壞法. Pāli: *pabhaṅguṃ ca apabhaṅ guuj ca.*

[3] Pāli: *yo tassa nirodho vūpasamo atthaṅgamo idaṃ appabhaṅgo,* sắc ấy diệt, tịch tĩnh, tiêu vong, ấy là pháp bất hoại.

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) của mỗi chúng ta là pháp duyên sinh nên vô thường, khổ và vô ngã, tức pháp hoại. Bởi vì diệt đế và đạo đế vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do tâm này là không, vô tướng, vô tác nên bất hoại. Cho nên, chúng ta cần phải tu tập để đoạn trừ pháp hoại diệt nhằm thể nhập được pháp bất hoại. Để đoạn trừ được pháp hoại diệt này thì chúng ta cần phải lãnh hội được pháp bất hoại tức tâm vô lậu. Chính vì thế, khi chúng ta kiến đạo tức lãnh hội được tâm vô lậu tu tập thì sẽ đoạn trừ tâm hữu lậu để đạt được Niết-bàn. Vì vậy, Đức Phật dạy chúng ta cần phải tu tập đạo thánh đế nhằm đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế (pháp hoại diệt) để đạt được Niết-bàn (pháp bất hoại).

KINH 26

TRƯỞNG GIẢ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong rừng sâu Lộc dã, tại núi Thiết-thủ-bà-la[2], thuộc nước Bà-kỳ[3]. Bấy giờ có trưởng giả Na-câu-la[4] đã một trăm hai mươi tuổi, già nua, các căn suy nhược, yếu đuối bệnh khổ mà vẫn muốn diện kiến Đức Thế Tôn, cùng các Tỳ-kheo thân quen đáng kính trước đây. Ông đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi lui ngồi sang một bên, bạch Phật:

---

[1] Pāli, S. 22. 1. *Nakulapitā.*

[2] Thiết-thủ-bà-la sơn Lộc dã thâm lâm 設首婆羅山鹿野深林.Pāli: *Susuṃmāragira Bhesakalāvana Migadāya,* trong núi Cá sấu, rừng Kinh sợ, chỗ nuôi hươu.

[3] Bạt-kỳ quốc quốc 婆祇國. Pāli: Bhaggesu, ở giữa những người Bhagga.

[4] Na-câu-la trưởng giả 那拘羅長者. Pāli: *Nakulapitā gahapati,* gia chủ, cha của ông Nakula.

"Bạch Thế Tôn, nay con đã già nua, yếu đuối, bệnh khổ, tự gắng sức đến yết kiến Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳ-kheo thân quen đáng kính trước đây. Xin Đức Thế Tôn vì con mà nói pháp khiến cho con luôn luôn được an lạc."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo gia chủ Na-câu-la:

"Lành thay! Gia chủ, thật sự ông đã già nua, các căn suy nhược, yếu đuối bệnh hoạn, mà có thể tự mình đến diện kiến Như Lai cùng các Tỳ-kheo thân quen đáng kính khác. Gia chủ nên biết, ở nơi cái thân khổ hoạn này mà tu học thân không khổ hoạn[1]."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì gia chủ Na-câu-la, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ[2] rồi ngồi im lặng. Sau khi gia chủ Na-câu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, tùy hỷ vui mừng, lễ Phật mà lui.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi dưới một bóng cây cách Phật không xa. Gia chủ Na-câu-la

---

[1] Pāli: *āturakāyassa me sato cittaṃ anāturaṃ bhavissatī ti evañ hi te gahapati sikkhitabban ti,* ta có thân bệnh khổ này; tâm ta sẽ không bệnh khổ; cần học tập như vậy.

[2] Thị, giáo, chiếu, hỷ, 示教照喜 tức *Thị, giáo, lợi, hỷ*: thứ tự thuyết pháp của Phật.

đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, đảnh lễ dưới chân, rồi lui ngồi sang một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi gia chủ:

"Hiện tại các căn của gia chủ vui vẻ, nhan sắc sáng tươi, có phải đã nghe pháp sâu xa từ nơi Thế Tôn rồi chăng?"

Gia chủ Na-câu-la bạch ngài Xá-lợi-phất:

"Hôm nay Đức Thế Tôn vì tôi nói pháp, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ; vì nước pháp cam lộ rưới vào thân tâm tôi, cho nên nay các căn của tôi vui vẻ, nhan sắc sáng tươi."

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi gia chủ:

"Đức Thế Tôn đã vì ông nói những pháp gì, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, nhuần thắm nước cam lộ?"

Gia chủ Na-câu-la bạch ngài Xá-lợi-phất:

"Con đến chỗ Thế Tôn, bạch Thế Tôn rằng: 'Con đã già nua, yếu đuối, khổ hoạn, tự con đến diện kiến Đức Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo thân quen đáng kính.' Đức Phật bảo con: 'Lành thay! Gia chủ, ông thực sự đã già nua, yếu đuối,

khổ hoạn, mà có thể tự nỗ lực đến gặp Ta cùng các Tỳ-kheo thân quen đáng kính trước đây. Bây giờ đối với thân khổ hoạn này, ông thường nên ở nơi cái thân khổ hoạn này mà tu học thân không khổ hoạn.' Đức Thế Tôn đã vì con nói pháp như vậy, khai mở, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, nước cam lộ nhuần thấm."

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi gia chủ:

"Vừa rồi sao ông không hỏi lại Đức Thế Tôn, thế nào là thân bị bệnh khổ, là tâm bị bệnh khổ? Thế nào là thân bị bệnh khổ mà tâm không bị bệnh khổ?"

Gia chủ đáp:

"Vì lý do này nên con đến gặp Tôn giả, xin vì con nói tóm lược pháp yếu."

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo gia chủ:

"Lành thay! Gia chủ, nay ông hãy lắng nghe, tôi sẽ vì ông mà nói. Kẻ phàm phu ngu si không học, đối với sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, sự tai hại của sắc, vị ngọt của sắc, sự xuất ly

sắc không biết như thật. Vì không biết như thật nên ái lạc sắc, nói rằng sắc là ngã, là ngã sở, rồi chấp thủ, nhiếp thủ. Khi sắc này hoặc bị hư hoại, hoặc bị biến đổi; tâm thức cũng tùy theo mà biến chuyển, khổ não liền sanh. Khi khổ não đã sanh thì phát sinh sự sợ hãi, sự chướng ngại, sự hoài vọng, sự lo nghĩ buồn khổ tham luyến. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là bệnh khổ của thân tâm.

"Thế nào là thân bị bệnh khổ mà tâm không bị bệnh khổ? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về xuất ly của sắc. Khi đã biết như thật rồi thì không sanh ra ái lạc, thấy sắc là ngã, hay ngã sở. Sắc này nếu biến dịch hay đổi khác đi nữa, thì tâm cũng không thay đổi theo mà sanh ra khổ não. Khi tâm đã không biến chuyển theo mà sanh ra khổ não rồi, thì được sự không sợ hãi, chướng ngại, tiếc nuối, lo nghĩ, buồn khổ, tham luyến. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là thân bị bệnh khổ mà tâm không bị bệnh khổ."

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này, gia chủ Na-câu-la đạt được mắt pháp trong sạch. Bấy giờ, gia chủ Na-câu-la thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, vượt qua được mọi sự hồ nghi mà không do ai khác, ở trong chánh pháp tâm đạt được vô sở úy, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chắp tay bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Con đã vượt qua, đã được độ thoát. Nay con xin nương về Tam bảo Phật, Pháp, Tăng, làm người Ưu-bà-tắc; xin ngài chứng biết cho con. Nay con xin nguyện suốt đời nương về Tam bảo."

Sau khi gia chủ Na-câu-la đã nghe những gì Tôn giả Xá-lợi-phất nói rồi, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ ra đi.

Lược giải

Bởi vì chúng ta sống với vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp, để rồi phải thọ quả báo sinh tử khổ đau trong các giới loại. Đây chính là sự khổ đau của sinh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tắng hội. Vì thế, Đức Phật dạy thân bệnh khổ là tâm bệnh khổ.

Làm thế nào để đạt được thân bệnh khổ mà tâm bớt bị bệnh khổ và cho đến tâm không còn bệnh khổ? Để thành tựu được việc này thì chúng ta cần phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế bao gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Tuy vậy, các bậc thánh thuộc hàng Hữu học (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm) chưa đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên vẫn chưa đoạn trừ hoàn toàn bệnh khổ của thân tâm. Chỉ có những bậc thánh thuộc hàng Vô học (A-la-hán) đã đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì đạt được Niết-bàn nên các Ngài mới đoạn trừ hoàn toàn bệnh khổ của thân tâm.

KINH 27

CHÁNH KIẾN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tu chánh kiến. Vậy để đoạn trừ những thứ lửa

vô thường nào phải tu chánh kiến? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu chánh kiến; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu chánh kiến."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã thuyết, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Bởi vì chúng ta không có chánh kiến nên mới lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các giới loại. Vì vậy, Đức Phật dạy chúng ta cần phải nỗ lực tu học để có một chánh kiến đúng đắn đối với Tứ thánh đế. Muốn có được chánh kiến này thì chúng ta cần phải tìm cầu bậc thiện tri thức để học đạo. Nhờ đó, chúng ta mới có được một chánh kiến đúng đắn đối với Tứ thánh đế. Chánh kiến gồm chánh kiến thuộc về văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Chánh kiến tu tuệ gồm chánh kiến tu tuệ hữu lậu và chánh kiến tu tuệ vô lậu. Trong đó, chánh kiến tu tuệ hữu lậu sẽ thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn chánh kiến tu tuệ vô lậu sẽ thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

KINH 28

THAM DỤC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Vì thành tựu một pháp, nên không có khả năng nhận biết sắc là vô thường; biết thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Một pháp được thành tựu là pháp nào? Tham dục, một pháp được thành tựu, nên không có khả năng nhận biết sắc là vô thường; biết thọ, tưởng, hành, thức là vô thường.

"Thành tựu một pháp gì[1]? Đó là thành tựu pháp không tham dục. Pháp không tham dục, có khả năng nhận biết sắc là vô thường; biết thọ, tưởng, hành, thức là vô thường."

[1] Để có khả năng nhận biết sắc v.v... là vô thường.

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Năm thủ uẩn của mỗi chúng ta là khổ đế. Tham dục đối với năm thủ uẩn là tập đế. Vì vậy, do chúng ta sống với năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) nên không thể nào nhận biết được như thật năm thủ uẩn là vô thường, khổ, không và vô ngã.

Còn pháp không tham dục ở đây chính là Diệt đế và Đạo đế. Do đó, để thành tựu được pháp này thì chúng ta phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế bao gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả. Chỉ có hàng Vô học của ba thừa: hàng A-la-hán (Thanh văn thừa),

hàng Bích Chi Phật (Duyên Giác thừa), hàng Bồ-tát Bát địa (Bồ-tát thừa) mới đoạn trừ được hoàn toàn tham dục (tập đế) đối với năm thủ uẩn (khổ đế) nên đạt được Niết-bàn.

KINH 29

NĂNG ĐOẠN NHẤT PHÁP[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la[2] tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu có Tỳ-kheo nào, đoạn trừ được một pháp, thì sẽ đạt được chánh trí[3] và có thể tự tuyên bố: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

---

[1] Có thể đoạn một pháp. Pāli, S. 35. 79-80: Avijjāpahāna.

[2] Kỳ-bà Câu-ma-la dược sư 耆婆拘摩羅藥師. Pāli: *Jīvaka-Komāra-bhaccambavana,* vườn xoài của nhi khoa y sư Jīvaka.

[3] Pāli: *atthi... eko dhammo yassa pahānā bhikkhuno avijjā pahīyati,* có một pháp mà Tỳ-kheo nào đoạn trừ, vô minh bị đoạn trừ.

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của pháp. Cúi xin diễn nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ vâng theo lời chỉ dạy mà thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, thế nào là đoạn trừ một pháp cho đến… không còn tái sanh đời sau nữa? Đó là vô minh, ly dục, minh phát sanh, đạt được chánh trí và có thể tự tuyên bố: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Lúc ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo vai hữu, đảnh lễ Phật, gối phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, biết thế nào, thấy thế nào để vô minh ly dục, minh phát sanh?[1]"

Phật bảo các Tỳ-kheo:

---

[1] Pāli, S. 35. 79: *avijjā pahīyati, vijjā uppajjati,* vô minh bị đoạn trừ, minh sinh khởi. Bản Hán đọc là: *avijjāvirago,* ly tham đối với vô minh.

"Hãy quán sát chân chánh mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, hãy quán sát là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng như vậy. Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy đối với vô minh ly dục, minh phát sanh."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Vô minh là không nhận biết được như thật sự tập khởi của năm thủ uẩn nên thuộc khổ đế - tập đế. Minh chính là nhận biết được như thật sự tập khởi của năm thủ uẩn nên thuộc đạo đế vô lậu. Tu tập đạo đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Trong *Tăng Nhất A-hàm*, Phẩm *30*, kinh số *1*, Đức Phật dạy: *"Vô lậu là Niết bàn."* Cho nên, chúng ta muốn đoạn trừ được vô minh thì phải kiến đạo tức lãnh hội được minh. Khi lãnh hội được minh, rồi chúng ta sống với minh tu tập để điều phục, đoạn trừ vô minh (vọng niệm) và cho

đến lúc đoạn trừ được hoàn toàn vô minh nên thành tựu được minh (Niết-bàn). Vì vậy, Đức Phật dạy: *"Hãy quán sát chân chánh mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, hãy quán sát là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng như vậy. Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy đối với vô minh ly dục, minh phát sanh."*

Hay nói cách khác, năm thủ uẩn của mỗi chúng ta là khổ đế. Vô minh chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã là tập đế. Minh chính là chánh kiến vô lậu. Chánh kiến vô lậu là do tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

KINH 30

PHÚ-LÂU-NA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Phú-lưu-na cùng các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Thế Tôn nói pháp hiện thấy, nói dập tắt sự rực cháy, nói không đợi thời, nói hướng đạo chân chánh, nói chính nơi đây mà thấy, nói duyên tự tâm mà giác ngộ[2]. Vậy, bạch Thế Tôn thế nào là pháp hiện thấy, cho đến duyên tự tâm mà giác ngộ?

---

[1] Pāli, S. 35. 88. Puṇṇa.

[2] Hán: hiện pháp, xí nhiên, bất đãi thời, chánh hướng, tức thử kiến, duyên tự giác 現法, 熾然, 不待時, 正向, 即此見, 緣自覺; các phẩm tính của Chánh pháp; định cú theo Pāli: *svākkhāto bhagavatā dhammo sandiṭṭhikio akāliko ehi-passiko opnayiko paccattaṃ veditabbo viññuhī ti.* Hán dịch, *Phẩm Loại Túc Luận 2*: thiện thuyết, hiện kiến, vô nhiệt, ứng thời, dẫn đạo, cận quán, trí giả nội chứng; tham chiếu *Du-già Sư Địa Luận 8* (Đại 30, tr.766c): hiện kiến, vô xí nhiên, ứng thời, dẫn đạo, duy thử kiến, nội sở chứng.

Phật bảo Phú-lưu-na:

"Lành thay! Phú-lưu-na có thể hỏi những điều này. Này Phú-lưu-na, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Này Phú-lưu-na, mắt thấy sắc rồi giác tri[1] sắc, giác tri sắc tham. Nếu bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức bởi mắt, thì biết như thật rằng bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức bởi mắt. Này Phú-lưu-na, nếu mắt thấy sắc rồi giác tri sắc, giác tri sắc tham, biết như thật rằng bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức bởi mắt. Đó gọi là pháp được hiện thấy[2].

"Thế nào là dập tắt sự rực cháy? Thế nào là không đợi thời? Thế nào là hướng đạo chân chánh? Thế nào là chính nơi đây mà thấy? Thế nào là duyên tự tâm mà giác ngộ?

"Này Phú-lưu-na, mắt thấy sắc rồi giác tri sắc, nhưng không khởi giác tri sắc tham; biết như thật rằng bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được

[1] Giác tri 覺知, tức được cảm thọ, cảm nhận. Pāli: *vedayita.*

[2] Hiện kiến pháp 現見法, ở trên Hán dịch là *hiện pháp.* Pāli: *sandiṭṭhiko.*

nhận thức nhưng không khởi giác tri sắc tham. Nếu Tỳ-kheo, Phú-lưu-na, khi mắt thấy sắc, rồi giác tri sắc, không khởi giác tri sắc tham và biết như thật về sắc, biết như thật là không khởi giác tri sắc tham; gọi đó là dập tắt sự rực cháy, không đợi thời, hướng đạo chân chánh, chính nơi đây mà thấy, duyên tự tâm mà giác ngộ. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."

Phật nói Kinh này xong, Tỳ-kheo Phú-lưu-na nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Khi chúng ta nhìn thấy các sắc pháp như ngôi nhà, đám mây, bầu trời xanh, dòng sông, mọi người đi lại… mà trong cái thấy chỉ là cái thấy, đây gọi là giác tri sắc. Hoặc khi ta nhìn thấy các cảnh vật đó mà tâm tham ái tập khởi, thì tâm nhận biết được như thật (trong cái biết chỉ là cái nhận biết) tâm tham ái, đây gọi là giác tri sắc tham. Khi chúng ta nghe các âm thanh như tiếng chim hót, tiếng chuông ngân… mà trong cái nghe chỉ là cái nghe, đây gọi là giác tri sắc. Hoặc khi ta nghe các âm

thanh đó mà tâm tham ái tập khởi, thì tâm nhận biết được như thật (trong cái biết chỉ là cái nhận biết) tâm tham ái, đây gọi là giác tri sắc tham. Khi chúng ta ngửi các hương trần như trầm hương, hương của các loài hoa… mà trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, đây gọi là giác tri sắc. Hoặc khi ta ngửi các mùi hương đó mà tâm tham ái tập khởi, thì tâm nhận biết được như thật (trong cái biết chỉ là cái nhận biết) tâm tham ái, đây gọi là giác tri sắc tham. Khi chúng ta tiếp xúc với các vị trần như chua, cay, mặn, đắng… mà trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, đây gọi là giác tri sắc. Hoặc khi chúng ta nếm các vị trần đó mà tâm tham ái tập khởi, thì tâm nhận biết được như thật (trong cái biết chỉ là cái nhận biết) tâm tham ái, đây gọi là giác tri sắc tham. Khi chúng ta tiếp xúc với các xúc trần như trơn, nhám, cứng, mềm, lạnh, nóng… mà trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, đây gọi là giác tri sắc. Hoặc khi ta xúc chạm các xúc trần ấy mà tâm tham ái tập khởi, thì tâm nhận biết được như thật (trong cái biết chỉ là cái nhận biết) tâm tham ái, đây gọi là giác tri sắc tham. Cho nên, Đức Phật dạy rằng: *"Này Phú-lưu-na, nếu mắt thấy sắc rồi*

giác tri sắc, giác tri sắc tham, biết như thật rằng bên trong ta có sự tham ái đối với sắc được nhận thức bởi mắt. Đó gọi là pháp được hiện thấy."

Chúng ta an trụ trong tâm vô lậu tu tập để đoạn trừ tham ái đối với năm thủ uẩn, hay tham ái đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần. Khi tham ái đối với năm thủ uẩn được đoạn trừ thì chúng ta sẽ sống trong tâm vô lậu rỗng lặng. Từ đó, chúng ta an trú trong tâm vô lậu để nhìn thấy các sắc pháp như ngôi nhà, đám mây, bầu trời xanh, dòng sông, mọi người đi lại… mà không sinh khởi tâm tham ái đối với sắc, đây gọi là giác tri sắc. Hoặc khi chúng ta an trú trong tâm vô lậu để nghe các âm thanh như tiếng chim hót, tiếng chuông ngân… mà không sinh khởi tâm tham ái đối với sắc, đây gọi là giác tri sắc. Hoặc khi chúng ta an trú trong tâm vô lậu để ngửi các hương trần như trầm hương, hương của các loài hoa… mà không sinh khởi tâm tham ái đối với sắc, đây gọi là giác tri sắc. Hoặc khi chúng ta an trú trong tâm vô lậu để tiếp xúc với các vị trần như chua, cay, mặn, đắng… mà không sinh khởi tâm tham ái đối

với sắc, đây gọi là giác tri sắc. Hoặc khi chúng ta an trú trong tâm vô lậu để tiếp xúc với các xúc trần như trơn, nhám, cứng, mềm, lạnh, nóng… mà không sinh khởi tâm tham ái đối với sắc, đây gọi là giác tri sắc. Vì vậy, Đức Phật dạy rằng: *"Nếu Tỳ-kheo, Phú-lưu-na, khi mắt thấy sắc, rồi giác tri sắc, không khởi giác tri sắc tham và biết như thật về sắc, biết như thật là không khởi giác tri sắc tham; gọi đó là dập tắt sự rực cháy, không đợi thời, hướng đạo chân chánh, chính nơi đây mà thấy, duyên tự tâm mà giác ngộ. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy."*

KINH 31

ĐẠI HẢI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nói biển lớn, đó là lời nói của người ngu nói, chứ không phải là lời nói của bậc Thánh. Biển lớn này chỉ là một ít nước thôi. Biển mà Thánh nói là cái gì? Đó là, sắc được nhận thức bởi mắt, đáng mong muốn, đáng yêu thích, chìm đắm tham lạc liên hệ nghiệp thân, khẩu, ý[2]; đó gọi là biển. Tất cả thế gian bao gồm chúng A-tu-la, cho đến trời, người tham lạc chìm đắm trong đó. Như trong

[1] Pāli, S. 35. 188. Samudda.

[2] Pāli: *cakkhuviññeyyā rūpā iṭṭhā (...) kāmūpasaṃhitā,* sắc được nhận thức bởi mắt, khả ái... liên hệ đến dục. Bản Hán đọc: *kammūpasaṃhitā,* liên hệ nghiệp.

ruột chó, như đống cỏ rối[1]; đời này và đời khác được nối kết chằng chịt lại cũng như vậy. Đối với tiếng được nhận thức bởi tai, mùi được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, đời này và đời khác được nối kết chằng chịt lại cũng như vậy."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Bởi vì chúng ta sống với vô minh, tham ái chấp thủ năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp, để rồi phải thọ quả báo sinh tử khổ đau trong các giới loại. Tuy chúng ta có thọ quả báo tốt đẹp ở cõi người và cõi trời, nhưng những quả báo ấy vẫn nằm trong dòng lưu chuyển sinh tử khổ đau. Để chấm dứt dòng lưu chuyển sinh tử khổ đau này thì chúng ta phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế

---

[1] Pāli: *tantākulakajātā kulagaṇṭhikajātā muñjapabbajabhutā,* giống như cuộn chỉ rối, như vật sình thối được che đậy, như cỏ muñja, cỏ pabbaja.

bao gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Vì thế, chúng ta phải tu tập đạo thánh đế.

KINH 32

NIẾT-BÀN ĐẠO TÍCH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về con đường đưa đến Niết-bàn[2]. Vậy, thế nào là con đường đưa đến Niết-bàn? Quán sát mắt là vô thường. Quán sát sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc; chúng cũng đều là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là con đường đưa đến Niết-bàn."

---

[1] Pāli, S. 35. 146. Sappāya (thể nghiệm).

[2] Niết-bàn đạo tích 涅槃道跡. Pāli: *nibbānasappāyaṃ vo bhikkhace paṭipadaṃ dessāmi,* Ta sẽ nói về con đường dẫn đến thể nghiệm Niết-bàn.

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Diệt đế là Niết-bàn, là sự vắng mặt hoàn toàn khổ đế và tập đế (sự tập khởi của năm thủ uẩn).

Niết-bàn còn được gọi với nhiều danh từ như: tịch diệt, viên tịch, vô lậu, tịch tĩnh, chân như, thật tướng, pháp thân v.v..

Trong *Tăng Nhất A-hàm*, Phẩm *30*, kinh số *1*, Đức Phật dạy: "*Vô lậu là Niết bàn.*"

Chúng ta muốn đạt được Niết-bàn thì cần phải nỗ lực tu tập để kiến đạo tức lãnh hội tâm vô lậu tu tập. Bởi vì chúng ta kiến đạo nên đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ, nghi và thành tựu bậc thánh Sơ quả, gọi là Thất lai. Bậc thánh Sơ quả tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập làm giảm tham, sân, si câu sinh đối với năm thủ uẩn nên thành tựu bậc thánh Nhị quả, gọi là Nhất lai. Bậc thánh Nhị quả tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong

Dục giới) nên thành tựu bậc thánh Tam quả, gọi là Bất lai. Bậc thánh Tam quả tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên được Niết-bàn, tức thành tựu quả vị A-la-hán.

KINH 33

HỮU LẬU VÔ LẬU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về pháp hữu lậu và pháp vô lậu. Vậy, thế nào là pháp hữu lậu? Sắc, nhãn thức và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc; thuộc thế tục, nên gọi là pháp hữu lậu.

"Thế nào là pháp vô lậu? Là vượt ra ngoài thế gian ý, hoặc pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với

khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc, thuộc xuất thế gian, nên gọi là pháp vô lậu."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Chúng ta vốn sẵn có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Trong đó, tâm hữu lậu là sự tập khởi của năm thủ uẩn nên thuộc khổ đế - tập đế. Còn tâm vô lậu chính là diệt đế - đạo đế vô lậu. Tâm này là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Cho nên, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Na-già-đạt-đa (2)*, số *567*, trưởng giả Chất-đa-la nói: *"Tham là có lượng. Nếu vô tránh, là đệ nhất vô lượng. Nghĩa là, tham là có tướng; nhuế, si là có tướng; vô tránh là vô tướng. Tham là sở hữu, sân nhuế là sở hữu, vô tránh là vô sở hữu. Lại nữa, vô tránh là trống không, không có tham, không có sân, không có si, trống không thường trụ chẳng biến đổi, không có ngã, không có ngã sở."* Vì vậy, hành giả muốn đoạn trừ tâm hữu lậu thì phải lãnh hội được tâm vô lậu để tu tập. Chính vì thế,

khi hành giả lãnh hội được tâm vô lậu tu tập để điều phục, đoạn trừ tâm hữu lậu và cho đến lúc đoạn trừ hoàn toàn tâm hữu lậu. Bởi vì tâm hữu lậu đã được đoạn trừ hoàn toàn, nên hành giả sẽ sống trong tâm vô lậu. Hành giả sống trong tâm vô lậu, đi hay đứng, nằm hay ngồi, nói năng hay im lặng, vẫn luôn an trú trong định và tuệ. Đây là hạnh phúc chân thật tối thượng bậc nhất.

Nếu y cứ vào ý nghĩa của tứ thánh đế, thì chúng ta hiểu rằng khổ đế - tập đế chính là thân thể và tâm hữu lậu của mỗi chúng ta. Tâm hữu lậu bao gồm tâm hữu lậu bất thiện và tâm hữu lậu thiện. Tâm hữu lậu bất thiện chính là tà kiến, tà tư duy, tà tinh tấn, tà niệm và tà định nên dẫn sinh tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng (bát tà đạo). Tâm hữu lậu thiện chính là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc hữu lậu nên dẫn sinh chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng (bát chánh đạo hữu lậu). Tâm vô lậu chính là diệt đế và bát chánh đạo vô lậu. Nghĩa là, các bậc thánh nhân sống trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định vô lậu) và tuệ

vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy vô lậu) nên dẫn sinh giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng vô lậu). Tuy tâm vô lậu là Niết-bàn, nhưng những bậc thánh thuộc hàng Hữu học (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm) chưa đoạn trừ được hoàn toàn khổ đế - tập đế nên vẫn chưa đạt được Niết-bàn. Chỉ có những bậc thánh Vô học của ba thừa: hàng A-la-hán (Thanh văn thừa), hàng Bích Chi Phật (Duyên Giác thừa), hàng Bồ-tát Bát địa (Bồ-tát thừa) đã đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên mới đạt được Niết-bàn.

KINH 34

THẾ GIAN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ nói về thế gian, về sự tập khởi của thế gian, về sự diệt tận thế gian, về con đường đưa đến sự diệt tận thế gian. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

"Thế nào là thế gian? Đó là sáu nội nhập xứ. Những gì là sáu? Nhãn nội nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nội nhập xứ.

"Thế nào là sự tập khởi thế gian? Đó là tham ái đối hữu tương lai, đi đôi với tham và hỷ, ước vọng tái sanh chỗ này chỗ kia[2].

---

[1] Pāli, S. 35. 107. Loka.

[2] Đương lai hữu ái 當來有愛; Pāli: taṇhā ponobhavikā, khát ái về đời sống tương lai, khát vọng tồn tại đời sau.

"Thế nào là sự diệt tận thế gian? Đó là tham ái đối hữu tương lai, đi đôi với tham và hỷ, ước vọng tái sanh chỗ này chỗ kia, đã được đoạn trừ không dư tàn, đã xả bỏ, đã nhả ra, đã dứt sạch, đã ly dục, tịch diệt, tịch tịnh, tĩnh chỉ.

"Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận? Là tám Thánh đạo: chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Sáu nội xứ là năm thủ uẩn của mỗi chúng ta. Năm thủ uẩn này là khổ đế nên thuộc thế gian. Tham ái đối với năm thủ uẩn là tập đế nên thuộc sự tập khởi của thế gian. Diệt đế là sự diệt tận hoàn toàn thế gian và sự tập khởi thế gian. Con đường đưa đến sự diệt tận thế gian và sự tập khởi của thế gian chính là tu tập bát chánh đạo. Bát chánh đạo gồm bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu. Trong đó, tu tập bát chánh đạo hữu lậu nhằm

điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập bát chánh đạo vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Với ý nghĩa tu tập bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu, người viết đã trình bày ở phần kinh *Quảng Thuyết Bát Thánh Đạo.*

KINH 35

CÂU-HI-LA ❶[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có những điều muốn hỏi, Tôn giả có thì giờ vì tôi mà giải thích được không?"

Tôn giả Xá-lợi-Phất nói:

"Tùy theo những gì Tôn giả hỏi, nếu tôi biết thì sẽ trả lời."

Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, có còn gì nữa không?"

[1] Pāli, A. 4. 174. Koṭṭhika.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả A-nan:

"Đừng hỏi rằng: 'Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh, có còn gì nữa không?'"

Tôn giả A-nan lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, không còn gì nữa chăng?"

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời Tôn giả A-nan:

"Cũng đừng nên hỏi rằng: 'Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, không còn gì nữa chăng?'"

Tôn giả A-nan lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, có vừa còn vừa không còn gì, vừa chẳng phải còn vừa chẳng phải chẳng còn gì chăng?"

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời Tôn giả A-nan:

"Ở đây, cũng không nên hỏi rằng: 'Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, có vừa còn vừa không còn gì, vừa chẳng phải còn vừa chẳng phải chẳng còn gì chăng?'"

Tôn giả A-nan lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Như những gì Tôn giả đã nói, sáu xúc nhập xứ, sau khi đã bị đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, không nên nói có, cũng không nên nói không, cũng không nên nói vừa có vừa không, cũng không nói chẳng phải có chẳng phải không. Vậy thì, những lời nói này có nghĩa gì?"

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Tôn giả A-nan:

"Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, có còn gì chăng? Đây là những lời hư vọng. Hoặc không còn gì chăng? Đây cũng là lời hư vọng. Hoặc có và không còn gì chăng? Đây cũng là lời hư vọng. Hoặc chẳng phải có còn chẳng phải không còn gì chăng? Đây cũng là những lời hư vọng. Nếu nói, sáu xúc nhập xứ sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch diệt, thì xa lìa các hư ngụy, đạt được Niết-bàn. Đó là những lời dạy của Phật."

Bấy giờ, hai vị Chánh sĩ đều hoan hỷ và mỗi người trở về chỗ của mình.

Lược giải

Khi khổ đế - tập đế (năm thủ uẩn) đã đoạn tận hoàn toàn thì sẽ thành tựu quả vị A-la-hán. Bậc thánh A-la-hán sống trong Niết-bàn, nên ở trong ấy sẽ không sinh khởi khái niệm tồn tại hay không tồn tại. Vì thế, Ngài Xá-lợi-phất dạy: *"Sáu xúc nhập xứ, sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, có còn gì chăng? Đây là những lời hư vọng. Hoặc không còn gì chăng? Đây cũng là lời hư vọng. Hoặc có và không còn gì chăng? Đây cũng là lời hư vọng. Hoặc chẳng phải có còn chẳng phải không còn gì chăng? Đây cũng là những lời hư vọng. Nếu nói, sáu xúc nhập xứ sau khi đã đoạn tận, ly dục, diệt tận, tịch diệt, thì xa lìa các hư ngụy, đạt được Niết-bàn. Đó là những lời dạy của Phật."*

KINH 36

CÂU-HI-LA ❷[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la cùng ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Buổi chiều sau khi từ thiền tịnh dậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau thăm hỏi, rồi ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có điều muốn hỏi, Nhân giả có rảnh để giải đáp cho chăng?"

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

"Tùy theo những gì Nhân giả hỏi, nếu tôi biết, tôi sẽ trả lời."

---

[1] Pāli, S. 35. 191. Koṭṭhika.

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thế nào, mắt kết buộc sắc[1], hay sắc kết buộc mắt? Tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp; ý kết buộc pháp hay pháp kết buộc ý?"

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Chẳng phải mắt kết buộc sắc, cũng chẳng phải sắc kết buộc mắt, cho đến, chẳng phải ý kết buộc pháp, cũng chẳng phải pháp kết buộc ý. Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, ở giữa hai cái đó, cái gì là dục tham thì cái đó là kết buộc.

"Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, giống như hai con bò, một đen một trắng, cùng bị buộc vào một cái ách. Có người hỏi, 'Bò đen buộc bò trắng hay bò trắng buộc bò đen?' Hỏi như vậy có đúng không?"

---

[1] Nhãn hệ sắc, sắc hệ nhãn 眼繫色, 色繫眼. Pāli: *kiṃ nu kho... cakkhu rūpānaṃ saṃyojanaṃ, rūpā cakhussa saṃyojanan ti:* Mắt là kết sử của các sắc, hay các sắc là kết sử của mắt?

Đáp:

"Không, Tôn giả Xá-lợi-phất, chẳng phải bò đen buộc bò trắng, cũng chẳng phải bò trắng buộc bò đen. Nhưng ở đây, hoặc là cái ách, hay là dây buộc cổ, là cái kết buộc chúng."

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

"Cũng vậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, chẳng phải mắt kết buộc sắc, cũng chẳng phải sắc kết buộc mắt, cho đến, chẳng phải ý kết buộc pháp, cũng chẳng phải pháp kết buộc ý. Ở đây dục tham kết buộc chúng. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, nếu mắt kết buộc sắc, hay nếu sắc kết buộc mắt và cho đến, nếu ý kết buộc pháp, hay nếu pháp kết buộc ý, thì Thế Tôn đã không dạy người kiến lập phạm hạnh để đoạn tận khổ. Vì chẳng phải mắt kết buộc sắc, cũng chẳng phải sắc kết buộc mắt và cho đến, chẳng phải ý kết buộc pháp, cũng chẳng phải pháp kết buộc ý, nên Đức Thế Tôn dạy người kiến lập phạm hạnh để đoạn tận khổ. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, Thế Tôn khi mắt thấy sắc hoặc tốt, hoặc xấu, không khởi dục tham; còn những chúng sanh khác khi mắt thấy sắc hoặc tốt,

hoặc xấu thì khởi dục tham. Cho nên, Đức Thế Tôn nói hãy đoạn tận dục tham, thì tâm được giải thoát. Cho đến, ý và pháp lại cũng như vậy."

Bấy giờ, hai vị Chánh sĩ đều hoan hỷ, mỗi người trở về chỗ của mình.

Lược giải

Ngài Xá-lợi-phất dạy: "*Này Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, chẳng phải mắt kết buộc sắc, cũng chẳng phải sắc kết buộc mắt, cho đến, chẳng phải ý kết buộc pháp, cũng chẳng phải pháp kết buộc ý. Ở đây dục tham kết buộc chúng*". Sáu căn là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn. Sáu trần là sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần và pháp trần. Chức năng của nhãn căn là thấy các sắc; nhĩ căn là nghe các âm thanh; tỷ căn là ngửi các hương; thiệt căn là nếm các vị trần; thân căn là xúc chạm các vật trơn nhám; ý căn tiếp xúc các pháp trần. Còn nhận thức phân biệt về sáu trần đó chính là tâm vương và tâm sở chứ không phải là căn. Do đó, sáu căn không thể trói buộc được sáu trần và sáu trần cũng không thể trói buộc được

sáu căn. Chính dục tham mới trói buộc chúng. Nghĩa là, y vào nhãn căn tiếp xúc với các sắc trần làm phát sinh nhãn thức, ba thứ căn, trần, thức hòa hợp dẫn sinh xúc, xúc làm nhân duyên sinh khởi thọ, tưởng, hành (dục tham). Chính dục tham mới trói buộc sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Tất cả đều do dục tham trói buộc, chứ không phải do nhãn căn trói buộc sắc trần và không phải do sắc trần trói buộc nhãn căn.

Y vào nhĩ căn tiếp xúc với thanh trần dẫn sinh nhĩ thức, ba thứ căn, trần, thức hòa hợp sinh ra xúc, xúc làm nhân duyên sinh khởi thọ, tưởng, hành (dục tham). Chính dục tham mới mới trói buộc sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Tất cả đều do dục tham trói buộc, chứ không phải do nhĩ căn trói buộc thanh trần và không phải do thanh trần trói buộc nhĩ căn.

Y vào tỷ căn tiếp xúc với hương trần dẫn sinh tỷ thức, ba thứ căn, trần, thức hòa hợp sinh ra xúc, xúc làm nhân duyên sinh khởi thọ, tưởng,

hành (dục tham). Chính dục tham mới trói buộc sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Tất cả đều do dục tham trói buộc, chứ không phải do tỷ căn trói buộc hương trần và không phải do hương trần trói buộc tỷ căn.

Y vào thiệt căn tiếp xúc với các vị trần dẫn sinh thiệt thức, ba thứ căn, trần, thức hòa hợp sinh ra xúc, xúc làm nhân duyên sinh khởi thọ, tưởng, hành (dục tham). Chính dục tham mới trói buộc sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Tất cả đều do dục tham trói buộc, chứ không phải do thiệt căn trói buộc vị trần và không phải do vị trần trói buộc thiệt căn.

Y vào thân căn tiếp xúc với các xúc trần dẫn sinh thân thức, ba thứ căn, trần, thức hòa hợp sinh ra xúc, xúc làm nhân duyên sinh khởi thọ, tưởng, hành (dục tham). Chính dục tham mới trói buộc sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Tất cả đều do dục tham trói buộc, chứ không phải do thân căn trói buộc xúc trần và không phải do xúc trần trói buộc thân căn.

Ý căn chính là Mạt-na thức (thức thứ bảy). Thức thứ bảy chỉ chấp thủ kiến phần của thức thứ tám làm thực ngã. Pháp trần chính là những bóng dáng (cảnh tương tự của năm trần cảnh) của sắc, thanh, hương, vị và xúc được thức thứ tám lưu giữ và chúng hiện hành để làm đối tượng của ý thức. Vì thế, y vào ý căn tiếp xúc với pháp trần dẫn sinh ý thức, ba thứ căn, trần, thức hòa hợp sinh ra xúc, xúc làm nhân duyên sinh khởi thọ, tưởng, hành (dục tham). Chính dục tham mới trói buộc sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Tất cả đều do dục tham trói buộc, chứ không phải do ý căn trói buộc pháp trần và không phải do pháp trần trói buộc ý căn.

Như vậy, y vào sáu căn tiếp xúc với sáu trần dẫn sinh sáu thức, ba thứ căn, trần, thức hòa hợp sinh khởi xúc, xúc làm nhân duyên sinh khởi thọ, tưởng và hành (dục tham). Đây chính là sự tập khởi năm thủ uẩn của mỗi chúng ta. Sự tập khởi của năm thủ uẩn là khổ đế. Còn dục tham đối với năm thủ uẩn là tập đế. Chính dục tham chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã là nguyên nhân

dẫn sinh sự trói buộc đời sống của tất cả chúng ta, chứ không phải sáu căn trói buộc sáu trần và sáu trần trói buộc sáu căn. Chính vì thế, để đoạn trừ dục tham đối với năm thủ uẩn thì chúng ta phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Với ý nghĩa tu tập bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu, người viết đã trình bày ở phần kinh *Quảng Thuyết Bát Thánh Đạo.*

KINH 37

NHỊ-THẬP-ỨC-NHĨ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà thành Vương xá. Bấy giờ có Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ[2] ở núi Kỳ-xà-quật, thường tinh tấn chuyên cần tu tập pháp Bồ-đề phần. Rồi Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ một mình lặng lẽ thiền tư và nghĩ rằng: "Ở trong hàng đệ tử Thanh văn tinh tấn chuyên cần của Đức Thế Tôn, thì ta có trong số đó. Nhưng hôm nay ta chưa diệt tận được các lậu. Ta là người thuộc dòng quý tộc, có nhiều của cải quí báu, nay thà hoàn tục để hưởng thọ ngũ dục, rồi làm phước, bố thí rộng rãi còn tốt hơn nhiều."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết tâm niệm của Nhị-thập-ức-nhĩ nên bảo một Tỳ-kheo:

---

[1] Pāli, A. 6. 55. Soṇa.

[2] Nhị-thập-ức-nhĩ 二十億耳. Pāli: *Soṇa.*

"Ngươi hãy đến chỗ Nhị-thập-ức-nhĩ bảo là Thế Tôn cho gọi."

Tỳ-kheo này vâng lời Phật dạy đến chỗ Tỳ-kheo Nhị-thập-ức-nhĩ, nói rằng:

"Đức Thế Tôn cho gọi thầy."

Nhị-thập-ức-nhĩ nghe Tỳ-kheo kia bảo là Đại Sư gọi, liền đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Nhị-thập-ức-nhĩ:

"Có thật ngươi ở một mình lặng lẽ thiền tư và nghĩ rằng: 'Ở trong hàng Thanh văn đệ tử tinh tấn chuyên cần của Đức Thế Tôn, thì ta có trong số đó. Nhưng mãi đến hôm nay ta vẫn chưa diệt tận được các lậu. Ta là người thuộc dòng dõi quý tộc, có nhiều của cải quí báu, ta thà hoàn tục để hưởng thọ ngũ dục, rồi làm phước, bố thí rộng rãi.' Có phải không?"

Khi ấy, Nhị-thập-ức-nhĩ nghĩ rằng: 'Thế Tôn đã biết tâm ta.' Vừa kinh ngạc vừa sợ hãi, lông dựng đứng, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, thật như vậy."

Phật bảo Nhị-thập-ức-nhĩ:

"Nay Ta hỏi ngươi, ngươi cứ theo ý mình mà trả lời cho Ta. Này Nhị-thập-ức-nhĩ, khi ngươi còn ở ngoài đời, ngươi đàn hay lắm phải không?"

"Bạch, đúng vậy."

Thế Tôn lại hỏi:

"Theo ý ngươi thì thế nào, khi ngươi khảy đàn, nếu sợi dây của nó căng quá, thì âm thanh có hòa nhã và vi diệu không?"

"Bạch, không."

Thế Tôn lại hỏi:

"Thế nào, nếu sợi dây của nó chùng quá, thì âm thanh có phát ra hòa nhã và vi diệu không?"

"Bạch, không."

Thế Tôn lại hỏi:

"Thế nào, nếu biết điều chỉnh sợi dây đàn không căng quá cũng không chùng quá, thì sau đó mới phát ra âm thanh hòa nhã, vi diệu phải không?"

"Bạch Thế Tôn, đúng như vậy."

Phật bảo Nhị-thập-ức-nhĩ:

"Người nào tinh tấn thái quá thì sẽ tăng thêm điệu hối, còn người thiếu tinh tấn quá thì sẽ sanh ra giải đãi. Cho nên, ngươi phải bình đẳng trong tu tập và nhiếp thọ, không đắm nhiễm, không buông lung, không chấp tướng."

Sau khi được Thế Tôn dạy, Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ luôn luôn nghĩ về thí dụ cây đàn cầm của Đức Thế Tôn đã nói. Tôn giả một mình lặng lẽ thiền tư, như trên đã nói, cho đến khi các lậu được diệt hết, tâm được giải thoát, thành A-la-hán.

…

(Trích từ *Kinh Nhị-Thập-Ức-Nhĩ*)

Lược giải

Khi thực tập chánh định và chánh tuệ nơi hơi thở vào ra, hoặc danh hiệu của một Đức Phật, hoặc một câu thần chú nào đó, chúng ta không nên có sự tác ý quá mức để trụ tâm vào những đối tượng ấy, vì nó sẽ dẫn đến việc ép tâm nên dẫn sinh sự mỏi mệt của thân. Trái lại, nếu không có sự tác

ý để duy trì định và tuệ nơi hơi thở vào ra, hoặc nơi danh hiệu của một Đức Phật, hoặc nơi một câu thần chú thì chúng ta sẽ mất định và tuệ, tức bị vọng niệm chuyển. Chính vì vậy, chúng ta phải tùy theo lực tập khởi của vọng niệm để tự phải biết dung hòa với sự tu tập định và tuệ. Hoặc nếu chúng ta thức suốt đêm và có thể thức qua nhiều đêm để tu tập thì sẽ làm cho thân mệt mỏi vì rơi vào khổ hạnh và ép thân. Điều đó sẽ không dẫn đến kết quả tốt cho việc tu tập định và tuệ. Hoặc chúng ta ép thân phải ngồi kiết già hay bán già qua nhiều giờ mà ngoài sức chịu đựng của thân thì nó sẽ dẫn sinh mỏi mệt của thân và dẫn sinh phiền não. Vì thế, chúng ta phải ăn uống, ngủ nghỉ và ngồi tu tập như thế nào đó cho phù hợp với nhân duyên của chính mình để không dẫn đến ép thân tâm và không làm mất định - tuệ. Cũng vậy, tuy chúng ta đã lãnh hội được tâm vô lậu nhưng không thể nào sống được nên cần phải có sự tác ý gìn giữ để an trụ trong tâm này. Nếu không làm như vậy thì chúng ta sẽ không an trụ được trong tâm vô lậu tức bị vọng niệm chuyển. Nhưng nếu tác ý gìn giữ quá mức thì nó sẽ dẫn đến ép tâm

và thân sinh mỏi mệt. Nghĩa là, chúng ta phải tùy theo lực tập khởi của vọng niệm của chính mình để tự biết cách dung hòa tu tập mà không dẫn đến ép thân tâm và làm mất định tâm. Chúng ta phải tu tập như vậy và cho đến lúc sự tập khởi của vọng tâm được giảm thì lúc ấy lực tác ý gìn giữ tự nó sẽ không sinh. Khi đó, hành giả sẽ tiếp tục an trú trong tâm vô lậu tu tập nhận biết sự tập khởi của tâm hữu lậu và cho đến khi đoạn trừ hoàn toàn tâm hữu lậu. Cho nên, trong kinh *Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy: *"Năng giác sở giác đều không và năng không, sở không đều diệt. Sinh diệt đã diệt thì bản tính tịch diệt hiện tiền"*.

KINH 38

LUẬT NGHI BẤT LUẬT NGHI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bất luật nghi và luật nghi[2], các Tỳ-kheo hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Thế nào là bất luật nghi? Nếu nhãn căn không được luật nghi thâu giữ[3], thì nhãn thức bị đắm sắc. Vì bị đắm sắc nên sanh ra khổ thọ. Vì khổ thọ nên không được nhất tâm[4]. Vì không nhất tâm nên

[1] Pāli, S. 35. 97. Pamādavihārī.

[2] Luật nghi, bất luật nghi 律儀, 不律儀. Pāli: *saṃvara, asaṃvara,* phòng hộ và không phòng hộ.

[3] Pāli: *cakkhundriyaṃ asaṃvuttaṃ,* nhãn căn không được nhiếp hộ (phòng hộ).

[4] Pāli: *dukkhino cittaṃ na samādhiyati,* vì khổ nên tâm không được tập trung (không thể nhập định).

không thấy biết như thật. Vì không thấy biết như thật nên không lìa nghi hoặc. Vì không lìa nghi hoặc nên bị chúng làm mê lầm chịu khổ mãi mãi. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là bất luật nghi.

"Thế nào là luật nghi? Nếu nhãn căn được luật nghi thâu giữ; khi nhãn thức nhận thức sắc, tâm không nhiễm trước[1]. Khi tâm đã không nhiễm trước thì thường trụ an vui. Vì tâm đã trụ trong an vui nên thường được nhất tâm. Vì đã nhất tâm nên thấy biết như thật. Vì đã thấy biết như thật nên lìa nghi hoặc. Vì đã lìa nghi hoặc nên không bị chúng làm mê lầm và thường trụ trong an vui. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là luật nghi."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Bởi vì chúng ta sống với vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã nên dẫn sinh

---

[1] Pāli: *cakkhundriyaṃ saṃvuttassa, bhikkhave, viharato cittaṃ na vyāsiñcati cakkhuviññeyyesu rūpesu,* an trú với sự nhiếp hộ nhãn căn, tâm không bị đọa lạc (nhiễm ô) trong các sắc được nhận thức bởi mắt.

tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, đây chính là bất luật nghi. Hoặc chúng ta sống với tà kiến, tà tư duy, tà tinh tấn, tà niệm và tà định nên dẫn sinh tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng, đây chính là bất luật nghi (bát tà đạo). Do đó, để thành tựu được luật nghi thì chúng ta cần phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Chúng ta an trú trong chánh định hữu lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và chánh tuệ hữu lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên dẫn sinh ra giới hữu lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng), đây chính là luật nghi. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Bởi vì các bậc thánh giả sống trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng), đây chính là luật nghi.

KINH 39

LỘC NỮU (1)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở bên cạnh bờ hồ Yết-già[2] tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ Tôn giả Lộc Nữu[3], đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, như Đức Thế Tôn đã dạy, "Có người sống với người thứ hai; có người sống đơn độc một mình[4]." Vậy thế nào là sống với người thứ hai? Sống đơn độc một mình?"

Phật bảo Lộc Nữu:

---

[1] Lưới bắt nai. Tên người. Pāli, S. 35. 63. Migajāla.

[2] Yết-già trì 揭伽池. Pāli: Gaggarā pokkharaṇī.

[3] Lộc Nữu 鹿紐. Pāli: Migajāla.

[4] Đệ nhị trú Pāli: sadutiyavihārī, sống với người thứ hai. Nhất nhất trú 一一住. Pāli: ekavihārī, sống một mình.

"Lành thay! Lành thay! Ông đã hỏi Như Lai nghĩa này."

Phật bảo Lộc Nữu:

"Nếu sắc được biết bởi mắt mà vừa ý, đáng yêu, đáng vui, đáng nhớ, trưởng dưỡng dục[1]. Nếu Tỳ-kheo kia thấy rồi, sanh ra hỷ lạc, tán thán, hệ lụy; do hỷ lạc, tán thán, hệ lụy, tâm càng hoan hỷ; do hoan hỷ, càng đắm sâu hoan lạc; đắm sâu hoan lạc mà tham ái sanh; do tham ái sanh, mà bị ách ngại[2]. Ở đây, hoan hỷ, đắm sâu hoan lạc, tham ái, ách ngại; chúng được gọi là sống với người thứ hai[3]. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

"Này Lộc Nữu, nếu có Tỳ-kheo nào giống như vậy, thì dù ngay lúc ở một mình nơi vắng vẻ, cũng gọi là sống với người thứ hai. Vì sao? Vì hỷ ái không đoạn, không diệt. Ái dục không được đoạn trừ, không được biến tri, chư Phật Như Lai gọi là sống với người thứ hai.

---

[1] Pāli: kāmupasaṃhitā rajaniyā, (sắc bị) tham nhiễm liên kết với ái dục.

[2] Ách ngại 阨礙 bị cái ách cùm cổ. Pāli: saṃyogo, sự kết buộc (buộc cổ hai con bò vào một cái ách).

[3] Tức người sống chung thứ hai.

"Nếu có Tỳ-kheo nào đối với sắc vừa ý, đáng yêu, đáng vui, đáng nhớ, trưởng dưỡng dục vọng, Tỳ-kheo này thấy rồi, không hỷ lạc, không tán thán, không hệ lụy. Do không hỷ lạc, không tán thán, không hệ lụy, nên không hoan hỷ. Do không hoan hỷ, không đắm sâu hoan lạc; không đắm sâu hoan lạc nên không tham ái; do không tham ái, nên không bị ách ngại. Ở đây, không hoan hỷ, không đắm sâu hoan lạc, không tham ái, không ách ngại; được gọi là sống đơn độc một mình. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

"Này Lộc Nữu, nếu có Tỳ-kheo nào giống như vậy, thì dù ở nơi lầu các, gác cao, cũng vẫn là sống đơn độc một mình. Vì sao? Vì tham ái đã diệt tận, đã biến tri. Người mà tham ái diệt tận, đã biến tri, chư Phật Như Lai gọi là người sống đơn độc một mình."

Bấy giờ Tôn giả Lộc Nữu nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, đảnh lễ mà đi.

Lược giải

Nếu chúng ta sống với vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã thì cho dù có

sống ở nơi núi rừng thanh vắng, hoặc ở trong am thất, cũng gọi là những người sống với người thứ hai. Còn nếu chúng ta an trụ trong chánh định – chánh tuệ hữu lậu và chánh định – chánh tuệ vô lậu thì cho dù có sống ở những nơi nhiều người như trong các tu viện, tịnh viện,… gọi là những người sống đơn độc một mình.

KINH 40

PHÁP THUYẾT NGHĨA THUYẾT[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngưu, Câu-lưu-sưu. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nay Ta sẽ thuyết pháp, thuyết nghĩa[2] về pháp duyên khởi, các ông hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Thế nào là thuyết pháp về pháp duyên khởi? Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi. Tức là do duyên vô minh nên có hành… cho đến thuần một khối khổ lớn. Đó gọi là pháp thuyết về pháp duyên khởi.

---

[1] Pāli, S. 12. 1. Desanā; 2. Vibhaṅga.

[2] Hán: nghĩa thuyết 義說. Pāli: vibhajjssāmi, Ta sẽ phân tích (phân biệt).

"Thế nào là thuyết nghĩa? Tức là, duyên vô minh nên có hành. Thế nào là vô minh? Nếu chẳng biết nghiệp, chẳng biết báo, chẳng biết nghiệp báo; chẳng biết Phật, chẳng biết Pháp, chẳng biết Tăng; chẳng biết Khổ, chẳng biết Tập, chẳng biết Diệt, chẳng biết Đạo; chẳng biết nhân, chẳng biết pháp sanh khởi bởi nhân; chẳng biết thiện, bất thiện, có tội, không tội, tập, không tập; hoặc kém, hoặc hơn; nhiễm ô, hoặc thanh tịnh; phân biệt duyên khởi, tất cả đều chẳng biết; đối với sáu xúc nhập xứ không giác tri như thật, đối với các pháp này không thấy không biết, không hiện quán[1], bị si ám, không có minh, tối mù mịt, đó gọi là vô minh.

"Duyên vô minh nên có hành. Thế nào là hành? Hành gồm có thân hành, miệng hành, ý hành.

"Duyên hành nên có thức. Thế nào là thức? Chỉ sáu thức thân: nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân.

"Duyên thức có danh sắc; thế nào là danh? Chỉ bốn ấm vô sắc: thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm,

[1] Nguyên Hán: vô vô gián đẳng 無無間等

thức ấm. Thế nào là sắc? Chỉ bốn đại, sắc do bốn đại tạo thành. Sắc này hợp cùng với danh đã nói ở trên, gọi là danh sắc.

"Duyên danh sắc nên có sáu nhập xứ. Thế nào là sáu nhập xứ? Sáu nội nhập xứ; nhãn nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhập xứ.

"Duyên sáu nhập xứ nên có xúc. Thế nào là xúc? Chỉ sáu xúc thân: nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân.

"Duyên xúc nên có thọ. Thế nào là thọ? Ba thọ: thọ khổ, thọ vui, thọ chẳng khổ chẳng vui.

"Duyên thọ nên có ái. Thế nào là ái? Ba ái: dục ái, sắc ái, vô sắc ái.

"Duyên ái nên có thủ. Thế nào là thủ? Bốn thủ: dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ.

"Duyên vào thủ nên có hữu. Thế nào là hữu? Ba hữu: dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

"Duyên hữu nên có sanh. Thế nào là sanh? Nếu mỗi mỗi chúng sanh kia nơi mỗi mỗi chủng loại

thân kia[1], siêu việt, hòa hợp, xuất sanh[2], được ấm, được giới, được nhập xứ, được mệnh căn. Đó gọi là sanh.

"Duyên sanh nên có già chết. Thế nào là già? Như tóc bạc đầu hói, da nhăn, các căn suy sụp, tay chân yếu ớt, lưng còm, đầu cúi, rên rỉ, hơi thở ngắn, mệt nhọc, chống gậy đi, thân thể đen sạm, tay chân nổ ban đốm, lú lẫn, làm việc gì cũng khó khăn, kém cỏi. Đó gọi là già. Thế nào là chết? Là mỗi mỗi chúng sanh kia nơi mỗi mỗi chủng loại thân kia chết đi, tuổi thọ chấm dứt, thân hoại, đổi dời, hơi ấm lìa thân, mệnh sống kết thúc, là đã đến lúc từ bỏ cái ấm thân. Đó gọi là chết. Chết này cùng già đã nói trước, gọi chung là già chết. Đó là thuyết nghĩa duyên khởi."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

[1] Bỉ bỉ thân chủng loại nhất sanh 彼彼身種類一生. Pāli: taṃhi taṃhi sattanikaye jāti, sự sanh nơi từng bộ loại của chúng sanh kia.

[2] Pāli: sañjāti okkanti nibbatti abhinibbatti, xuất sanh, nhập thai, sản sanh, chuyển sanh.

Lược giải

Dòng lưu chuyển sinh tử:

Như vậy, vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão-tử chính là năm thủ uẩn của chúng ta và tất cả chúng sinh hữu tình. Chúng ta đã từng có mặt ở trong đời quá khứ, đang có mặt ở đời hiện tại và sẽ tiếp tục có mặt ở trong đời tương lai. Vì vậy, mười hai chi duyên khởi này đã được trường phái Hữu Bộ trong Phật giáo phối hợp tam thế lưỡng trùng nhân quả như sau:

- Vô minh và hành là thuộc nhân quá khứ.
- Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ là quả hiện tại.
- Ái, thủ, hữu là nhân hiện tại.
- Sinh, lão-tử là quả vị lai.

Y vào sự phân chia của phái Hữu Bộ nêu trên, chúng ta sẽ phân tích giáo pháp mười hai duyên khởi thuộc về khổ đế - tập đế qua ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai như sau:

Vô minh và hành là nhân quá khứ (tập đế)

Trong đời quá khứ, chúng ta là một chúng sinh gồm năm thủ uẩn tức khổ đế. Tập đế chính là vô minh và hành. Hành bao gồm thân hành, khẩu hành và ý hành. Vô minh thuộc về ý nghiệp (tâm), chứ không phải thuộc về nơi thân và khẩu. Bởi vì vô minh chính là căn bản phiền não nên sẽ dẫn sinh tham ái và chấp thủ. Nghĩa là, do vô minh chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo tác các nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), khi ấy thức thứ tám liền lưu giữ tất cả các loại nghiệp đó, gọi là *hữu* hay *hữu chi tập khí*. Đây chính là vô minh làm nhân duyên cho hành tập khởi (thân hành, khẩu hành và ý hành) và hành làm nhân duyên cho thức (thức A-lại-da lưu giữ tất cả chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp).

Thức, danh sắc, lục nhập, xúc và thọ là quả hiện tại (khổ đế - năm thủ uẩn)

Trong đời quá khứ ấy, khi chúng ta xả báo thân thì các căn sẽ bắt đầu biến hoại, sáu chuyển thức không hoạt động (tùy thuộc báo thân nơi mỗi quốc độ), khi ấy chỉ y vào hữu hay hữu chi tập khí

(tức chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp được lưu giữ trong thức A-lại-da) làm nhân để dẫn sinh thức A-lại-da đi vào trong thai mẹ để hình thành danh sắc. Đây chính là dẫn nghiệp.

Khi thức thứ tám được dẫn sinh vào trong thai mẹ thì trong giai đoạn thai nhi này tối thiểu có bốn thức tồn tại đó là: thức thứ tám, thức thứ bảy, thức thứ sáu và thân thức. Trong giai đoạn này, thức duyên danh sắc và danh sắc duyên thức - Thức ở đây chính là thức thứ tám, còn danh chính là thức thứ bảy, thức thứ sáu, thân thức và sắc là bốn đại của em bé đang ở trong bụng mẹ. Khi em bé sinh ra đời thì các căn đã được đầy đủ nên làm điều kiện cho các chuyển thức còn lại tập khởi. Nghĩa là, thức duyên danh sắc và danh sắc duyên thức mới thật sự được đầy đủ (năm thủ uẩn). Rồi từ đó, y vào sáu căn tiếp xúc với sáu trần dẫn sinh sáu thức, ba thứ căn, trần và thức hoà hợp dẫn sinh xúc, xúc làm nhân duyên sinh khởi thọ. Chính giai đoạn này là thức (A-lại-da) duyên danh (bảy chuyển thức) sắc (thân thể của mỗi chúng ta), danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc và

xúc duyên thọ. Đây chính là quả hiện tại, tức mãn nghiệp (năm thủ uẩn).

Ái, thủ và hữu là nhân hiện tại (tập đế)

Với đời hiện tại này, chúng ta là một chúng sinh gồm năm thủ uẩn tức khổ đế. Tập đế chính là ái, thủ, hữu. Tính chất của ái, thủ, hữu là vô minh. Nghĩa là, do tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo tác các nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), khi ấy thức thứ tám liền lưu giữ tất cả các loại nghiệp đó, gọi là *hữu* hay *hữu chi tập khí*. Cho nên, hữu chính là chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp được thức thứ tám lưu giữ và chúng sẽ làm nhân để dẫn sinh quả sinh và lão-tử trong đời vị lai.

Y vào sáu căn tiếp xúc với sáu trần dẫn sinh sáu thức, ba thứ căn, trần và thức hoà hợp sinh khởi xúc, xúc làm nhân duyên sinh khởi thọ, thọ làm nhân duyên sinh khởi ái, ái làm nhân duyên sinh khởi thủ, thủ làm nhân duyên sinh khởi hữu. Chính giai đoạn này là lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu.

Hoặc đồng nghĩa với ý nghĩa đó, y vào sáu căn tiếp xúc với sáu trần sinh khởi sáu thức, ba thứ căn, trần và thức hoà hợp để sinh khởi xúc, xúc làm nhân duyên sinh khởi thọ, tưởng và hành (các tâm hành thiện và bất thiện như tham, sân, si, mạn, nghi…). Chính ái và thủ là thuộc về các tâm hành. Nghĩa là, do vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo tác các nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), khi ấy thức thứ tám liền lưu giữ tất cả các loại nghiệp đó, gọi là *hữu* hay *hữu chi tập khí*.

Sinh và lão-tử là quả vị lai (khổ đế)

Với đời hiện tại này, khi chúng ta xả bỏ báo thân thì các căn sẽ bắt đầu biến hoại, sáu chuyển thức không hoạt động, khi ấy chỉ y vào *hữu* hay *hữu chi tập khí* (chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp được lưu giữ trong thức thứ tám) làm nhân để dẫn sinh thức thứ tám vào trong các giới loại để hình thành danh sắc (năm thủ uẩn). Từ đó, chúng ta cũng sẽ dẫn đến già, bệnh và chết. Với giai đoạn này gọi là hữu duyên sinh và sinh duyên lão-tử. Đây chính là sinh và lão-tử thuộc quả vị lai.

Tóm lại, chính vô minh làm nhân duyên cho hành, thức,… cho đến sinh và lão-tử tập khởi, tức năm thủ uẩn tập khởi. Đây chính là dòng lưu chuyển sinh tử khổ đau của tất cả chúng sinh trong các giới loại. Vì vậy, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Nhân duyên*, số *334*, Đức Phật dạy: "*Nay Ta sẽ nói pháp nhân duyên và pháp duyên sanh.*

"*Thế nào là pháp nhân duyên? Là cái này có nên cái kia có, như duyên vô minh nên có hành, duyên hành nên có thức, cho đến, tụ tập thuần một khối khổ lớn như vậy.*

"*Thế nào là pháp duyên sanh? Là vô minh, hành,... dù Phật có xuất hiện hay chưa xuất hiện ở thế gian thì pháp này vẫn thường trụ, pháp trụ, pháp giới. Pháp này Như Lai đã tự giác tri, thành Đẳng chánh giác, vì người diễn nói, chỉ dạy, hiển bày rằng: Duyên vô minh có hành, cho đến, duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.*

"*Dù Phật có xuất hiện hay chưa xuất hiện ở thế gian thì pháp này vẫn thường trụ, pháp trụ, pháp giới. Pháp này Như Lai đã tự giác tri, thành Đẳng chánh giác, vì người diễn nói, chỉ dạy, hiển bày rằng: duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.*

Dòng hoàn diệt

Năm thủ uẩn hiện tại của chúng ta là khổ đế. Còn ái, thủ và hữu đối với năm thủ uẩn là tập đế. Để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên, tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật thì chúng ta phải tu tập bát chánh đạo. Bát chánh đạo gồm bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu. Trong đó, tu tập bát chánh đạo hữu lậu để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập bát chánh đạo vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Đây chính là dòng hoàn diệt. Với ý nghĩa tu tập bát chánh đạo hữu lậu và tu tập bát chánh đạo vô lậu, người viết đã trình bày ở phần kinh *Quảng Thuyết Bát Thánh Đạo.*

KINH 41

CÂU-HI-LA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đang ở tại núi Kỳ-xà-quật. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, Tôn giả Câu-hi-la đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau chào hỏi. Sau khi chào hỏi, ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có điều muốn hỏi. Tôn giả có rảnh để giải đáp cho không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Nhân giả cứ hỏi. Nếu biết tôi sẽ trả lời."

---

[1] Tham chiếu, Trung A-hàm kinh 9; Pāli, M. 9. Sammadiṭṭhi.

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Đa văn Thánh đệ tử, ở trong pháp luật này, thành tựu pháp nào để gọi là có đầy đủ chánh kiến[1], thành tựu được trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật[2], thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Đa văn Thánh đệ tử biết như thật đối với pháp bất thiện, biết như thật bất thiện căn, biết như thật thiện pháp, biết như thật thiện căn.

"Thế nào là biết như thật pháp bất thiện? Các nghiệp chẳng lành của thân, miệng, ý; đó gọi là pháp bất thiện. Biết như thật pháp bất thiện là như vậy.

---

[1] Pāli (M.9): Kittavatā nu kho, āvuso, ariyasāvako sammādiṭṭhi hoti, cho đến mức nào Thánh đệ tử có chánh kiến.

[2] Pāli: dhamme aveccappasādena samannāgato, thành tựu bất hoại tín ở trong pháp. Bất hoại tín, hay bất động tín, cũng nói là chúng tịnh (Pāli: aveccapasāda). Có bốn chứng tịnh, được gọi là bốn thành phần của Dự lưu quả: Phật chứng tịnh, Pháp chứng tịnh, Tăng chứng tịnh, Thánh giới chứng tịnh. Xem Trường A-hàm kinh 7; Pāli, D. 33. Saṅgīti : cattāri sotāpannassa aṅgāni, (…) buddhe aveccapasādena samannāgato hoti (…), dhamme… saṅghe… ariya-kantehi sīlehi samannāgato hoti.

"Thế nào là biết như thật bất thiện căn? Ba căn chẳng lành, tham là gốc (căn) chẳng lành, sân là gốc chẳng lành, si là gốc chẳng lành; đó gọi là bất thiện căn. Biết như thật bất thiện căn là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về thiện pháp? Các nghiệp lành của thân, miệng, ý; đó gọi là thiện pháp. Biết như thật về thiện pháp là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về thiện căn? Ba căn lành không tham, không sân, không si; đó gọi là ba thiện căn. Biết như thật về thiện căn là như vậy.

"Này Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, như vậy, đa văn Thánh đệ tử biết như thật pháp bất thiện, biết như thật pháp thiện, biết như thật căn bất thiện, biết như thật về thiện pháp, biết như thật về thiện căn; cho nên ở trong pháp luật này, có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thật chỉ có những pháp này, hay ngoài ra còn có pháp nào khác?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Có. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về thức ăn, biết như thật về sự tập khởi của thức ăn, về sự diệt tận của thức ăn, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn.

"Thế nào là biết như thật về thức ăn? Có bốn loại thức ăn; đó là: Một là thức ăn nắm thô, hai là thức ăn tế xúc, ba là thức ăn bởi ý tư và bốn là thức ăn của thức[1]; đó gọi là thức ăn. Biết như thật về thực là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức ăn? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia[2]; đó gọi là sự tập khởi của thức ăn. Biết như thật về sự tập khởi của thực là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của thức ăn? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với

---

[1] Bốn loại thức ăn, hay tứ thực: thô đoàn thực, tế xúc thực, ý tư thực, thức thực 麤摶食, 細觸食, 意思食, 識食. Pāli: cattaro āhārā; kabaliṅko āhāro oḷāriko vā sukhumo vā, phasso dutiyo, mano-sañcetanā tatiyā, viññāṇaṃ catutthaṃ.

[2] Bỉ bỉ lạc trước 彼彼樂著: ham muốn đời sau ta sẽ sanh chỗ này, chỗ kia. Pāli: tatratatrābhinandī (S. iii. 158).

hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia, thảy đều dứt bỏ không còn sót, xả bỏ, nhả ra, đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh; đó gọi là sự diệt tận của thức ăn. Biết như thật về sự diệt tận của thức ăn là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn? Tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mệnh, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định; đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn. Biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn là như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử như vậy là biết như thật về thức ăn, biết như thật về sự tập khởi của thức ăn, biết như thật về sự diệt tận của thức ăn, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn; cho nên đa văn Thánh đệ tử ở trong pháp luật này, có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này."

Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thật chỉ có những pháp này, hay còn có những pháp nào khác?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Lại còn có những pháp khác. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về lậu[1], biết như thật về sự tập khởi của lậu, biết như thật về sự diệt tận của lậu, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của lậu.

"Thế nào là biết như thật về lậu? Có ba thứ lậu: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu[2], đó gọi là lậu. Phải biết như thật về sự hiện hữu của lậu là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của lậu? Vô minh tập khởi là lậu tập khởi. Biết như thật về sự tập khởi của lậu là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của lậu? Vô minh diệt là lậu diệt. Biết như thật về sự diệt tận của lậu là như vậy.

---

[1] Trong bản, *bệnh*. Theo nội dung trả lời dưới, sửa lại là *lậu.*

[2] Ba thứ lậu: *dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu;* xem Trường A-hàm kinh 7. Pāli, D. 33. Saṅgīti, tayo āsavā: kāmāsavo, bhavāsavo, avijjāsavo.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của lậu? Tám Thánh đạo *(nói như trên)*. Biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của lậu là như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử như vậy là biết như thật về lậu, biết như thật về sự tập khởi của lậu, biết như thật về sự diệt tận của lậu, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của lậu; cho nên đa văn Thánh đệ tử ở trong pháp luật này, có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thật chỉ có những pháp này, hay còn có những pháp nào khác?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Cũng có những pháp khác nữa. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về khổ, biết như thật về sự tập khởi của khổ, biết như thật về sự diệt tận của khổ, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ.

"Thế nào là biết như thật về khổ? Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ái xa lìa là khổ, oán ghét gặp nhau là khổ, mong muốn không được là khổ. Như vậy, nói tóm, năm thọ ấm là khổ; đó gọi là khổ. Biết như thật về khổ là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của khổ? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia; đó gọi là sự tập khởi của khổ. Biết như thật về sự tập khởi của khổ là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của khổ? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia, thảy đều đoạn trừ, không còn sót, cho đến, tịch tĩnh; đó gọi là sự diệt tận của khổ. Biết như thật về sự diệt tận của khổ là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ? Tám Thánh đạo như đã nói ở trên. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của khổ. Biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ là như vậy.

"Đa văn Thánh đệ tử như vậy là biết như thật về khổ, biết như thật về sự tập khởi của khổ, biết như thật về sự diệt tận của khổ, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ. Như vậy Thánh đệ tử ở trong pháp luật này[1], có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này."

Lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thật chỉ có pháp này, còn có pháp nào khác nữa không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Còn có pháp khác. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về già chết, biết như thật về sự tập khởi của già chết, biết như thật về sự diệt tận của già chết, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Như kinh Phân biệt đã nói ở trước.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của già chết? Sanh tập khởi thì già chết tập khởi, sanh diệt

[1] Trong bản: "Trong pháp luật của Ta".

tận thì già chết diệt tận… Con đường đưa đến sự diệt tận của già chết là gồm tám Thánh đạo như trước đã nói. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật đối với già chết này… cho đến, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Như vậy Thánh đệ tử ở trong pháp luật này[1], có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này."

"Cũng vậy, đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành. Thánh đệ tử biết như thật về hành, sự tập khởi của hành, sự diệt tận của hành, con đường đưa đến sự diệt tận của hành.

"Thế nào là biết như thật về hành? Hành có ba thứ: thân hành, khẩu hành và ý hành. Biết như thật về sự hiện hữu của hành là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của hành? Vô minh tập khởi thì hành tập khởi. Biết như thật về sự tập khởi của hành là như vậy.

---

[1] Trong bản: "Trong pháp luật của Ta".

"Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của hành? Vô minh diệt tận thì hành diệt tận. Biết như thật về sự diệt tận của hành là như vậy.

"Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành? Là tám Thánh đạo như trước đã nói.

"Này Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, đó gọi là Thánh đệ tử biết như thật về hành, biết như thật về sự tập khởi của hành, biết như thật về sự diệt tận của hành, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành; trong pháp luật này[1], có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Chỉ có những pháp này, hay còn có pháp nào khác không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

"Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, thầy đuổi theo cái gì vậy, rốt cuộc rồi Thầy cũng không thể đến chỗ

[1] Trong bản: "Trong pháp luật của Ta".

tột cùng của các luận thuyết, đạt đến biên tế của chúng được! Nếu Thánh đệ tử đã đoạn trừ vô minh và phát sanh minh trí, thì đâu cần tìm cầu gì nữa!"

Lược giải

Chánh kiến chính là sự nhận thức đúng như thật về tứ thánh đế. Chánh kiến gồm chánh kiến văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Chánh kiến tu tuệ gồm chánh kiến tu tuệ hữu lậu và chánh kiến tu tuệ vô lậu. Trong đó, chánh kiến tu tuệ hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Còn chánh kiến tu tuệ thuộc vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Trong hai loại chánh kiến đó, chánh kiến hữu lậu chỉ nhận thức được như thật đối với tứ thánh đế chứ chưa nhận biết được như thật đối với giáo pháp này. Chỉ có chánh kiến vô lậu mới nhận biết được như thật đối với tứ thánh đế. Vì thế, khi chúng ta kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu thì đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu thánh quả Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu để nỗ lực tu tập làm vơi mỏng tham, sân và si câu sinh đối với năm thủ uẩn

nên đạt được bậc thánh Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm lại tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu để nỗ lực tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên đạt được thánh quả A-na-hàm, gọi là Bất lai. Bậc thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu để nỗ lực tu tập đoạn trừ hoàn toàn vô minh (ngã chấp) nên thành tựu được Niết-bàn, tức quả vị A-la-hán. Bởi vì đạt được Niết-bàn nên Ngài sẽ tuyên bố rằng: *"Ta, sự sanh đã chấm dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."* Vì vậy, Ngài Xá-lợi-phất dạy: *"Nếu Thánh đệ tử đã đoạn trừ vô minh và phát sanh minh trí thì đâu cần tìm cầu gì nữa!"*

KINH 42

CHUYỂN PHÁP LUÂN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

"Đây là Khổ Thánh đế, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác[2]. Đây là Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, là vốn pháp chưa

[1] Ấn Thuận, Tụng 3 Tạp nhân duyên, "4. Tương ưng đế", gồm một trăm năm mươi kinh, nhưng chỉ sáu mươi lăm kinh có nội dung; Đại Chánh 379-443. phần lớn tương đương Pāli S.56. Sacca-Samyutta. Pāli, S. 56. 11- 12. Tathāgatena vuttā.

[2] Pāli: idaṃ dukkhaṃ ariyasaccan ti me, bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapaādi, paññāṇaṃ udapādi vijjā udapādi, āloko udapādi, Này các Tỳ-kheo, đây là Khổ Thánh đế, trong các pháp mà trước đây Ta chưa từng nghe, phát sanh nhãn, phát sanh trí, phát sanh tuệ, phát sanh minh, phát sanh ánh sáng.

từng nghe, khi được tư duy chân chánh, thì phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ Thánh đế đã biết, cần phải biết[1], là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Đây là Khổ tập Thánh đế đã biết, cần phải đoạn, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ diệt Thánh đế đã biết, cần phải tác chứng; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, cần phải tu, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, Tỳ-kheo, đây là Khổ Thánh đế đã biết, đã xuất[2], là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

---

[1] Tri đương phục tri 智當復知.

[2] Dĩ tri dĩ xuất 已知已出. Pāli: taṃ kho panidaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññeyyanti me, (...), taṃ kho panidṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññātan ti me, Khổ Thánh đế này, cần biến tri, Ta đã biến tri.

"Lại nữa, đây là Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn[1], đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã tác chứng, đã xuất[2]; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, đã tu, đã xuất[3]; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Này các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, với ba chuyển, mười hai hành[4], Ta nếu không

---

[1] Dĩ tri dĩ đoạn xuất 已知已斷出. Pāli: (...) idaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ pahātabban ti me (...) pahīnanti me; đây là Khổ tập Thánh đế cần phải đoạn, Ta đã đoạn.

[2] Dĩ tri dĩ tác chứng xuất 已知已作證出. Pāli: (...) idaṃ dukkhanirodham ariyasaccaṃ sacchikātabbanti me (...) sacchikatanti me, đây là Khổ diệt Thánh đế cần chứng, Ta đã chứng.

[3] Dĩ tri dĩ tu xuất 已知已修出. Pali: (...) idaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvetabbanti me (...) bhāvitanti me, đây là Khổ diệt đạo Thánh đế cần tu, Ta đã tu.

[4] Tam chuyển thập nhị hành 三轉十二行. Pāli: tiparivattaṃ dvādasākāraṃ, ba vận chuyển, mười hai hình thái (hành tướng).

sanh nhãn, sanh trí, sanh minh, sanh giác, thì ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng nghe pháp[1], Ta không bao giờ được coi là đã giải thoát, đã xuất ly và cũng không tự chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đối với bốn Thánh đế này, với ba chuyển, mười hai hành, Ta sanh nhãn, sanh trí, sanh minh, sanh giác; do đó, ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng nghe pháp, Ta đã giải thoát, đã xuất ly và tự chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Khi Đức Thế Tôn nói pháp này, Tôn giả Kiều-trần-như [2]cùng tám vạn chư Thiên xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh."

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Kiều-trần-như:

"Biết pháp chưa?"

Kiều-trần-như bạch Phật:

---

[1] Pāli: sadevake loke samārake sabrahmake sassamaṇabrāhmaṇiyā pajāya sadevamanussāya, trong thế giới gồm có chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, cùng giữa quần sanh loại gồm các Sa-môn, Bà-la-môn, các trời và con người.

[2] Trong bản: Kiều-trần-như 憍陳如, nhưng đoạn dưới, phiên âm là Câu-lân. Pāli: Koṇḍañña.

"Bạch Thế Tôn, đã biết."

Lại hỏi Tôn giả Kiều-trần-như:[1]

"Biết pháp chưa?"

Câu-lân bạch Phật:

"Bạch Thiện Thệ, đã biết."

Vì Tôn giả Câu-lân đã biết pháp cho nên gọi là A-nhã Câu-lân[2].

Sau khi Tôn giả A-nhã Câu-lân đã biết pháp, Địa thần xướng lên rằng:

"Các Nhân giả, Đức Thế Tôn ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại, đã ba lần chuyển pháp luân mười hai hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm chưa từng chuyển, đem lại nhiều lợi ích, đem lại nhiều an lạc; vì lòng thương xót thế gian, bằng nghĩa lợi và sự hữu ích, làm lợi ích an vui cho Trời, Người, làm tăng thêm số chúng cõi Trời, giảm bớt chúng A-tu-la."

---

[1] Trong nguyên bản: Câu-lân 拘鄰.

[2] A-nhã Câu-lân 阿若拘鄰. Pāli: Aññāta-Koṇḍañña.

Địa thần xướng lên xong, vọng đến các thần hư không, vua trời Tứ thiên, trời Tam thập tam, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, lần lượt truyền xướng, trong khoảnh khắc, lại vọng đến cõi Phạm thiên, nghe truyền vang âm thanh rằng:

"Các Nhân giả, Đức Thế Tôn ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại đã ba lần chuyển pháp luân mười hai hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm chưa từng chuyển, đem lại nhiều lợi ích, đem lại nhiều an lạc; vì lòng thương xót thế gian, bằng nghĩa lợi và sự hữu ích, làm lợi ích an vui cho trời, người, làm tăng thêm số chúng cõi trời, giảm bớt chúng A-tu-la."

Vì Thế Tôn ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại chuyển pháp luân, cho nên kinh này được gọi là kinh Chuyển pháp luân[1].

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

[1] Chuyển pháp luân kinh 轉法輪經. Pāli: Dhamma cakkappa vattanasuttam.

Lược giải

Chúng ta biết rằng, giáo lý tứ thánh đế là một trong những nền tảng giáo pháp quan trọng bậc nhất để học hỏi, tư duy và thực tập. Bởi vì nội dung của tứ thánh đế đã bao hàm tất cả các phương pháp tu tập của hai truyền thống Phật giáo Nguyên Thuỷ và Phật giáo Đại Thừa. Chính ý nghĩa quan trọng đó, nên trong *Trung A-hàm*, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế*, Đức Phật đã chỉ dạy như sau:

"Đây là pháp được tuyên thuyết chân chánh vận hành, tức là Tứ Thánh Đế. Trong quá khứ, các Đức Như Lai cũng có chánh pháp tối thượng này, tức là bốn Thánh Đế. Trong đời vị lai, các Đức Như Lai cũng có sự công bố chánh pháp tối thượng này, tức là bốn Thánh Đế. Trong đời hiện tại, ta là Như Lai cũng có sự công bố chánh pháp tối thượng này, tức là bốn Thánh Đế" (Trích *Trung A-hàm*, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế* - Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

Trong kinh *Tượng Tích Dụ*, Ngài Xá-lợi-phất dạy:

"Này Chư Hiền, nếu có vô lượng thiện pháp, thì tất cả các thiện pháp ấy đều thu nhiếp vào bốn Thánh Đế, đi vào trong bốn Thánh Đế. Nghĩa là,

trong tất cả pháp, bốn Thánh Đế là tối thượng bậc nhất. Vì sao thế? Vì nhiếp thọ tất cả các thiện pháp.

Này Chư Hiền, cũng như trong các dấu chân của loài thú vật, dấu chân voi là bậc nhất. Vì sao thế? Vì dấu chân voi rất là to lớn vậy. Cũng vậy, này Chư Hiền, có vô lượng thiện pháp, thì tất cả các thiện pháp ấy đều thu nhiếp vào bốn Thánh Đế, đi vào trong bốn Thánh Đế. Nghĩa là trong tất cả pháp, bốn Thánh Đế là tối thượng bậc nhất."

Đức Phật đã chuyển vận Pháp luân Tứ Thánh Đế ba lần với mười hai hành tướng. Với ý nghĩa này, theo *Luận Câu Xá* giải nghĩa như sau: *"Ba lần vận chuyển các chân đế, 12 hành tướng? Ba lần tác động 4 chân đế.*

Thế nào gọi là chuyển? Vận chuyển pháp môn tứ thánh đế này tiến vào trong thân tâm tương tục của người khác, vì khiến cho hiểu nghĩa".

Thị chuyển

Thị chuyển nghĩa là Đức Phật dạy Tứ Thánh Đế lần thứ nhất cho năm anh em Ngài Kiều Trần Như như sau: *"Đây là Khổ Thánh đế, là pháp vốn*

chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác. Đây là Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, thì phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

Nhận thức đúng như thật về Tứ Thánh Đế chính là bước căn bản đầu tiên của những người học Phật. Để có được chánh kiến này, chúng ta cần phải nghe Phật pháp thông qua lời dạy của các bậc Thiện tri thức như quý Thầy, quý Sư, quý Sư Cô và những Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ có tu học Phật pháp, đọc các sách viết về Phật học, cũng như dịch thuật và nghiên cứu những lời dạy của Đức Phật qua các bộ kinh, luật và các bộ luận thuộc cả hai truyền thống Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Đại thừa. Nhờ vậy, chúng ta mới có được nhận thức đúng đắn về Tứ Thánh Đế. Đây chính là chánh kiến của văn tuệ.

Chúng ta nhận thức đúng đắn về Tứ Thánh Đế: đó là nhận thức về khổ thánh đế, tập thánh đế, diệt thánh đế và đạo thánh đế.

Nhận thức đúng đắn về khổ thánh đế: Sinh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; thương yêu mà xa lìa là khổ; mong cầu không được là khổ; oan gia mà đối đầu hay những người mình không ưa mà gặp, gần gũi nên khổ; tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Đây chính là quả sinh tử khổ đau của tất cả chúng sanh trong các giới loại.

Nhận thức đúng đắn về Tập Thánh đế: Vô minh, tham ái, chấp thủ năm thủ uẩn làm thực ngã là nguyên nhân để dẫn sinh quả khổ đau của tất cả chúng sanh trong các giới loại.

Nhận thức đúng đắn về Diệt Thánh đế: Duy chỉ Niết-bàn mới hạnh phúc an lạc tuyệt đối.

Nhận thức đúng đắn về Đạo Thánh đế: Đó là 37 pháp thuộc về đạo đế. Trong 37 pháp đạo đế thì bát chánh đạo là giáo pháp tối thượng bậc nhất. Lại nữa, bát chánh đạo gồm có bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu.

Chúng ta học Phật pháp, không phải chỉ cho đời này, mà nó sẽ làm nhân duyên cho những đời kế tiếp. Việc học này sẽ tiếp tục cho đến khi

thành tựu các bậc đại Bồ-tát và cho đến lúc thành Phật. Vì vậy, những người xuất gia phải lấy việc học Phật pháp để làm sự nghiệp trí tuệ của chính mình. Người cư sĩ tại gia cũng cần phải học và thảo luận Phật pháp. Việc học này sẽ vun bồi trí tuệ cho mình và làm phương tiện để chia sẻ Phật pháp cho người. Nhờ đó, chúng ta mới có thể tiến tới trong việc tư duy, thực hành và chứng nghiệm Phật pháp. Khi hiểu được như vậy, chúng ta mới có thể khởi dậy sự nỗ lực chuyên cần với việc học Phật pháp.

Khuyến chuyển

Khuyến chuyển nghĩa là Đức Phật khuyên dạy Tứ Thánh Đế lần thứ hai cho năm anh em Ngài Kiều Trần Như như sau: *"Đây là Khổ Thánh đế đã biết, cần phải biết, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.*

"Đây là Khổ tập Thánh đế đã biết, cần phải đoạn, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ diệt Thánh đế đã biết, cần phải tác chứng; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, cần phải tu, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác."

Từ chánh kiến của văn tuệ, chúng ta cần phải tiếp tục tư duy để hiểu rõ sâu sắc hơn về ý nghĩa của Tứ Thánh Đế. Đây chính là chánh kiến của giai đoạn tư tuệ.

Chúng ta tư duy về Khổ Thánh đế: Sinh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; thương yêu mà xa lìa là khổ; mong cầu không được là khổ; oan gia mà đối đầu hay những người mình không ưa mà gặp, gần gũi nên khổ; tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Nhờ đó, chúng ta mới có nhận thức đúng đắn, sâu sắc hơn về sự sinh tử khổ đau của mình và tất cả chúng sinh trong các giới loại.

Chúng ta tư duy về Tập Thánh đế: Vô minh, tham ái, chấp thủ năm thủ uẩn làm thực ngã là

nguyên nhân để dẫn sinh quả khổ đau sinh tử. Nhờ đó, chúng ta mới nhận thức được sự sai biệt về quả của tất cả chúng sanh trong các giới loại chính là do sự sai biệt về nhân.

Chúng ta tư duy về Diệt Thánh đế: Duy chỉ có Niết-bàn (tâm vô lậu) mới hạnh phúc tuyệt đối.

Chúng ta tư duy về Đạo Thánh đế: Đó là 37 pháp thuộc đạo thánh đế. Nhờ đó, chúng ta mới nhận thức rằng, chỉ có tu tập đạo thánh đế mới dẫn sinh quả báo tốt đẹp của nhân thiên, tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Nhờ chánh kiến của tư tuệ nên chúng ta mới khởi tâm dũng mãnh tu tập đạo thánh đế nhằm đoạn trừ khổ thánh đế - tập thánh đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên, tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Chứng chuyển

Chứng chuyển là chứng nghiệm về Tứ Thánh Đế, cho nên Đức Phật dạy Tứ Thánh Đế lần thứ ba cho năm anh em Ngài Kiều Trần Như như sau: *"Tỳ-kheo, đây là Khổ Thánh đế đã biết, đã xuất,*

là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn, đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã tác chứng, đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, đã tu, đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác."

Bởi vì chánh kiến của giai đoạn văn tuệ và tư tuệ chỉ dừng lại ở việc nhận thức đúng đắn về sự thật ý nghĩa của Tứ Thánh Đế. Do đó, chúng ta phải nỗ lực tu tập bát chánh đạo hữu lậu và cho đến bát chánh đạo vô lậu để chứng nghiệm như thật Tứ Thánh Đế ở nơi chính mình. Đây chính là chánh kiến của giai đoạn tu tuệ. Chánh kiến này gồm chánh kiến hữu lậu và chánh kiến vô lậu.

Thế nào là chánh kiến hữu lậu thuộc tu tuệ?

Chánh kiến hữu lậu thuộc tu tuệ chính là chúng ta sống trong chánh kiến hữu lậu để tu tập các thiện pháp. Các thiện pháp bao gồm Quy y Tam bảo, thực tập tất cả các học giới do Đức Phật thiết lập, bố thí và các định tâm hữu lậu thuộc Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền... nhằm mục đích để đạt được kiến đạo, tức bước tới tu tập bát chánh đạo vô lậu.

Khi chúng ta chú tâm vào ở nơi các công việc như quét nhà, nấu ăn, rửa chén bát, làm vườn,… thì sẽ nhận thấy tâm tập khởi thiện ác hỗn tạp để dẫn sinh qua lời nói của miệng và hành động của thân (tam nghiệp). Bởi vì đối tượng chú tâm luôn thay đổi nên định tâm sẽ không được chuyên chú vào một đối tượng duy nhất. Nhiều lúc, chúng ta nhận thấy tâm bất thiện sinh khởi nhiều hơn tâm thiện. Tùy thuộc vào tâm thiện và bất thiện ấy để hình thành nên đạo đức của mỗi con người (nhân tính) trong đời sống hiện tại. Cho nên, chúng ta cần phải chọn một phương pháp để thực tập định tâm. Nhờ đó, thiện tâm mới được tăng trưởng

để thành tựu thiện pháp của nhân tính cho đến thiên tính.

Để có được định tâm thì chúng ta phải chọn một pháp môn để tu tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, một vị đại Bồ-tát hoặc niệm một câu thần chú.

Ví như khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, nhờ có chánh niệm nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra, nhờ có chánh niệm và chánh định nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh kiến là nhận biết được hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức (năm thủ uẩn). Nhờ vậy, chúng ta mới điều phục đoạn trừ được tham, sân và si đối với năm thủ uẩn nên đem lại sự an lạc của thân tâm. Đây chính là chánh kiến thuộc về tu tuệ, chứ không phải chánh kiến của văn tuệ và tư tuệ trước đó.

Thế nào là chánh kiến vô lậu thuộc tu tuệ?

Để thành tựu được chánh kiến vô lậu thuộc tu tuệ thì chúng ta phải kiến đạo tức lãnh hội chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu. Nhờ đó, hành giả đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu thánh quả Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu để nỗ lực tu tập làm vơi mỏng tham, sân và si câu sinh đối với năm thủ uẩn nên đạt được bậc thánh Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm lại tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu để nỗ lực tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên đạt được thánh quả A-na-hàm, gọi là Bất lai. Bậc thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu để nỗ lực tu tập đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên thành tựu quả vị A-la-hán. Tuy nhiên, nếu y cứ vào Kinh và Luận thuộc truyền thống của Đại thừa thì bậc thánh A-la-hán đã đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nhưng các Ngài vẫn chưa đoạn trừ được

hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng). Còn theo lộ trình tu chứng của tứ thánh quả Thanh văn và năm mươi mốt địa vị Bồ-tát thì bậc thánh A-la-hán tương đương với hàng Bồ-tát Bát địa ở trong hàng Thập địa. Vì thế, bậc thánh A-la-hán vẫn tiếp tục tu tập đoạn trừ chấp pháp (sở tri chướng) để thành tựu các bậc đại Bồ-tát như hàng Bồ-tát thuộc Thiện tuệ địa (địa thứ 9), Pháp vân địa (địa thứ 10) và cho đến hàng Bồ-tát Đẳng Giác, Diệu Giác (Phật). Duy chỉ có Đức Phật mới đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) và chấp pháp (sở tri chướng). Cho nên, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Vô Gián Đẳng*, Ngài Xá-lợi-phất dạy: *"A-la-hán lại cũng tư duy năm thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì để được điều chưa được, để chứng pháp chưa chứng, để có hiện pháp lạc trú."* Đây chính là chánh kiến vô lậu tu tuệ của tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

KINH 43

NHÂN-ĐÀ-LA TRỤ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như một cục bông gòn nhỏ, hay cục bông kiếp-bối, đặt ở ngã tư đường, khi bốn phương gió thổi, thì tùy theo chiều gió mà bông bay về một hướng. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật Khổ Thánh đế; không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này thường hay nhìn mặt người và thường hay nói theo người[1]. Vì không biết như thật,

[1] Pāli: te aññassa samaṇassa vā brāhmaṇassa vā mukhaṃ ullokenti, 'ayaṃ nūna bhavaṃ jānaṃ jānāti passaṃ passatī'ti: các Sa-môn Bà-la-môn không có nhận thức ấy trông nhìn mặt mà nói, 'vị tôn giả này biết và đang biết, thấy và đang thấy'.

nên nghe người khác nói, hướng theo lời nói đó mà thọ nhận, nên biết người này đời trước không tu tập trí tuệ.

"Giống như cây trụ nhân-đà-la[1] dùng đồng, thiếc làm nên, rồi đem cắm sâu xuống đất, dù bốn phương gió mạnh cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật Khổ Thánh đế; biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này không xem mặt người, không nói theo người; vì Sa-môn, Bà-la-môn này là người có trí tuệ vững chắc. Vì người này trước kia đã tùy tu tập nên không theo lời nói của người. Cho nên các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế phải siêng năng tìm phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

[1] Nhân-đà-la trụ 因陀羅柱. Pāli: indakhīla, cột nêu ở cổng chợ.

KINH 44

LUẬN XỨ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Giống như trụ đá dài mười sáu khuỷu tay, được cắm sâu xuống đất tám khuỷu tay, dù bốn phương có gió thổi cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật Khổ Thánh đế; biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, Sa-môn, Bà-la-môn này có đến các chỗ luận nghị mà không thể bị khuất phục, tâm người này giải thoát, tuệ giải thoát, có thể khiến cho Sa-môn, Bà-la-môn khác ngược lại sanh ra lo khổ.

[1] S. 56. 40. Vādino (Vāditthika).

Biết như thật, thấy như thật như vậy đều là do tập hành của đời trước nên khiến trí tuệ không thể khuynh động. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế phải siêng năng tìm phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 45

THIÊU Y[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Giống như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, liền khởi ý muốn mãnh liệt[2], khẩn cấp dập tắt[3]."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chớ nên nói như vậy![4] Hãy gác qua việc đầu và áo. Đối với bốn Thánh đế phải khởi ý muốn mãnh liệt, tinh tấn, siêng năng tìm phương tiện,

[1] S. 56. 34. Cela

[2] Tăng thượng dục 增上欲. Pāli: adhimatto chando, ý muốn mãnh liệt.

[3] Nguyên bản có thiếu: Phật hỏi các Tỳ-kheo, phải làm thế nào. Tỳ-kheo trả lời: khẩn cấp dập tắt. Phật nói tiếp.

[4] Nguyên bản, câu này có vẻ thừa.

tu tập hiện quán. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nếu chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, tu tập hiện quán. Vì sao?

"Này Tỳ-kheo, vì ở địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, luôn luôn bị thiêu đốt mà các Tỳ-kheo không thấy đó là khổ cùng cực. Nếu như Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế mà chưa được hiện quán, Tỳ-kheo này nên nhẫn chịu khổ, lạc, ưu, bi; đối với bốn Thánh đế lại càng siêng năng tinh tấn tìm phương tiện, tu tập hiện quán, cần nên học như vậy."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải kinh 43, 44, 45

Nếu chúng ta tu học nhưng văn tuệ không đúng đắn thì sẽ dẫn sinh tư tuệ không đúng đắn. Từ nơi tư tuệ không đúng đắn sẽ dẫn sinh tu tuệ không đúng đắn. Chính văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ không đúng đắn sẽ không phân biệt được trước sự

giáo thuyết chánh tà của những người khác và tâm sẽ bị khuynh động bởi những điều ấy.

Chánh kiến đúng đắn là chánh kiến đối với tứ thánh đế. Chánh kiến này gồm chánh kiến văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Chánh kiến tu tuệ gồm chánh kiến hữu lậu và chánh kiến vô lậu. Trong đó, chánh kiến hữu lậu chỉ nhận thức được như thật tứ thánh đế chứ chưa nhận biết được như thật đối với giáo pháp này. Chỉ có chánh kiến vô lậu mới nhận biết được như thật đối với tứ thánh đế. Vì vậy, khi chúng ta kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu thì mới nhận biết được như thật tứ thánh đế. Nhờ đó, chúng ta mới đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn sẽ không bị khuynh động trước sự giáo thuyết của những người không có chánh kiến như thật tứ thánh đế. Rồi từ đó, bậc thánh Tu-đà-hoàn sống trong chánh kiến vô lậu để nỗ lực tu tập làm vơi mỏng tham, sân và si câu sinh đối với năm thủ uẩn nên đạt được bậc thánh Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm lại tiếp tục an trụ

trong chánh kiến vô lậu để nỗ lực tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên đạt được thánh quả A-na-hàm, gọi là Bất lai. Bậc thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu để nỗ lực tu tập đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên đạt được Niết-bàn, tức thành tựu quả vị A-la-hán.

KINH 46

BÁCH THƯƠNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Giống như có người sống lâu trăm tuổi, có người nói với người ấy rằng: 'Ông nếu muốn nghe pháp thì mỗi ngày ba thời phải chịu khổ: Sáng sớm chịu khổ của trăm mũi thương đâm vào; trưa, chiều lại cũng như vậy. Trong một ngày, chịu khổ ba trăm mũi thương đâm; như vậy ngày nào cũng tiếp tục cho đến trăm năm rồi sau đó nghe pháp, được hiện quán. Ông có thể chịu như vậy được không?' Bấy giờ, người này vì muốn nghe pháp nên có thể chịu đựng tất cả. Vì sao? Vì con người

[1] Một trăm mũi giáo. Pāli, S. 56. 35. Sattisata.

sanh ra ở thế gian luôn luôn chịu khổ ở trong ba đường ác, khi thì địa ngục, khi thì súc sanh, khi thì ngạ quỷ, mà không cảm nhận các thứ khổ, cũng không nghe pháp. Cho nên nay vì muốn được hiện quán, nên chẳng cho rằng cái khổ ba trăm mũi thương đâm vào người trọn đời là cái khổ lớn. Thế nên các Tỳ-kheo nếu đối với bốn Thánh đế mà chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Trong các loại trí tuệ thì trí tuệ trong Phật pháp là trí tuệ tối thượng bậc nhất. Trí tuệ này sẽ thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên, tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Trí tuệ gồm trí thuộc văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Tu tuệ gồm trí hữu lậu và trí vô lậu. Hai loại trí tuệ đó, trí vô lậu là trí tuệ tối thượng bậc nhất. Chính trí tuệ này mới thành tựu được tứ thánh quả cho đến quả vị Phật.

Do đó, chúng ta cần phải nỗ lực tu học để kiến đạo tức lãnh hội được trí vô lậu. Để được kiến đạo, dù chúng ta phải chịu khổ đến đâu đi nữa thì cũng cần phải kiên nhẫn tu học để sớm đạt được kiến đạo. Vì vậy, Đức Phật dạy rằng: "*Vì con người sanh ra ở thế gian luôn luôn chịu khổ ở trong ba đường ác, khi thì địa ngục, khi thì súc sanh, khi thì ngạ quỷ, mà không cảm nhận các thứ khổ, cũng không nghe pháp. Cho nên nay vì muốn được hiện quán, nên chẳng cho rằng cái khổ ba trăm mũi thương đâm vào người trọn đời là cái khổ lớn.*"

KINH 47

KHỔNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan, sáng sớm đắp y, mang bát vào thành Tỳ-da-ly khất thực. Sáng sớm hôm ấy có đám đông thiếu niên Ly-xa[2] từ trong thành đi ra đến cửa tinh xá, đem cung tên tranh nhau bắn vào lỗ trống nơi cửa tinh xá[3]. Tất cả các mũi tên đều lọt vào lỗ trống nơi cửa. Tôn giả A-nan thấy vậy, lấy làm lạ, thắc mắc "Các thiếu niên Ly-xa này có thể làm được một việc khó khăn như vậy!"

[1] Lỗ khóa. Pāli, S. 56. 45. Vāla (cọng lông).

[2] Ly-xa đồng tử 離車童子. Pāli: Licchavikumāraka, con trai người Licchavi.

[3] Tinh xá môn khổng 精舍門孔. Pāli: Āḷacchigaḷena, xuyên qua lỗ khóa.

Sau khi Tôn giả vào thành khất thực trở về, cất y bát, rửa chân rồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay, con đắp y mang bát vào thành Tỳ-da-ly khất thực, gặp có đám đông thiếu niên Ly-xa từ trong thành đi ra đến trước cửa tinh xá, đem cung tên tranh nhau bắn vào lỗ trống nơi cửa tinh xá. Tất cả các mũi tên đều lọt vào lỗ trống nơi cửa. Con nghĩ thầm 'Kỳ diệu thật, các thiếu niên Ly-xa này, có thể làm được một việc khó khăn như vậy!'"

Phật bảo A-nan:

"Ngươi nghĩ thế nào? Các thiếu niên Ly-xa tranh nhau bắn tên vào lỗ cửa và tất cả những mũi tên đó đều trúng vào. Việc này là khó hay chẻ một sợi lông thành trăm phần, rồi bắn trúng vào một phần sợi lông và tất cả những mũi tên đó đều trúng, là khó?"

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Nếu chẻ sợi lông thành trăm phần, rồi bắn vào một phần sợi lông, mỗi một phát đều trúng, điều này rất là khó."

Phật bảo A-nan:

"Chưa bằng đối với Khổ Thánh đế mà biết như thật, thì điều này mới thật là khó hơn. Cũng vậy, đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế mà thấy biết như thật, điều này mới thật sự là khó."

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ rằng:

Sợi lông chẻ trăm phần,

Khó bắn trúng một phần.

Quán mỗi một khổ ấm,

Là phi ngã, khó hơn!

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Tâm hữu lậu và tâm vô lậu vốn sẵn có ở nơi mỗi chúng ta. Tâm hữu lậu là sự tập khởi năm thủ uẩn nên thuộc khổ đế - tập đế. Còn tâm vô lậu chính là diệt đế và đạo đế vô lậu. Tuy chúng ta vốn có tâm vô lậu nhưng để lãnh hội được tâm này thì phải tìm cầu những vị thầy đã rõ được tâm vô lậu

để được chỉ dạy. Chính những bậc thầy này mới có trí tuệ để chỉ dạy cho chúng ta lãnh hội được tâm vô lậu. Gặp được bậc thiện tri thức rồi, chúng ta phải bày tỏ hết lòng cung kính, phụng sự, lắng nghe, tư duy và tu tập. Nhờ đó, chúng ta mới có thể lãnh hội được tâm vô lậu tu tập để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Tuy vậy, để lãnh hội được tâm này cũng rất khó chứ không phải dễ dàng. Cho nên, Đức Phật dạy:

"Sợi lông chẻ trăm phần,
Khó bắn trúng một phần.
Quán mỗi một khổ ấm,
Là phi ngã, khó hơn!"

KINH 48

MANH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly, thì bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ví như đất liền đều biến thành biển lớn, có một con rùa mù, sống vô lượng kiếp; trăm năm mới trồi đầu lên một lần. Trong biển có một khúc gỗ nổi, chỉ có một lỗ hổng, lênh đênh trên sóng nước theo gió trôi nổi Đông Tây. Con rùa mù một trăm năm mới trồi đầu lên một lần kia, sẽ gặp được cái lỗ hổng này không?"

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì sao? Vì con rùa mù này, nếu đến biển phía Đông, thì khúc

[1] Con rùa mù.

gỗ có thể theo gió, hoặc đến biển phía Tây, Nam, Bắc. Cũng vậy, bốn phía xung quanh không dễ gì gặp được."

Phật bảo A-nan:

"Con rùa mù và khúc gỗ nổi tuy trái chiều nhau, nhưng có thể gặp được. Phàm phu ngu si phiêu lưu trong năm đường, tạm thời được thân người còn khó hơn việc trên. Vì sao? Vì những chúng sanh này không thực hành nghĩa này, không thực hành pháp, không thực hành điều lành, không thực hành chân thật, lần lượt sát hại lẫn nhau, kẻ mạnh lấn áp người yếu, tạo ra vô lượng điều ác. Cho nên, các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Bởi vì các chúng sinh đã sống với tâm tà kiến và tà tư duy nên dẫn sinh tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng. Chính vì thế, những chúng sinh ấy phải

thọ quả báo khổ đau trong địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. Quả báo đó lại đem so sánh với quả báo được làm thân người thì quả báo này được Đức Phật ví như *"Con rùa mù và khúc gỗ nổi tuy trái chiều nhau, nhưng có thể gặp được. Phàm phu ngu si phiêu lưu trong năm đường, tạm thời được thân người còn khó hơn việc trên."*

Trong đời hiện tại này, chúng ta được làm thân người, và lại được tu học theo Phật pháp, thì đây là phước báu cao quý bậc nhất. Đã được như vậy, chúng ta cần phải nỗ lực tu học để chứng nghiệm Phật pháp. Việc tu học này được trải qua các giai đoạn như văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Trí tuệ gồm trí hữu lậu và trí vô lậu. Trong đó, trí hữu lậu chỉ nhận thức được như thật đối với tứ thánh đế chứ chưa nhận biết được như thật đối với giáo pháp này. Chỉ có trí vô lậu mới nhận biết được như thật tứ thánh đế. Hai loại trí tuệ đó, trí vô lậu là trí tuệ tối thượng bậc nhất. Chính trí tuệ này mới đoạn trừ được khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả cho đến quả vị Phật. Chính vì vậy, chúng ta phải nỗ lực tu tập để đạt hiện quán được tứ thánh đế, tức lãnh hội chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu.

KINH 49

NGHI ❶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào đối với Phật có nghi, đối với Khổ Thánh đế cũng có nghi; Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng có nghi. Nếu đối với Pháp, Tăng có nghi thì đối với Khổ Thánh đế cũng có nghi; Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng có nghi. Nếu người nào đối với Phật không nghi hoặc, đối với Khổ Thánh đế cũng không nghi hoặc; đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng không nghi hoặc. Nếu người nào đối với Pháp, Tăng không

nghi hoặc, đối với Khổ Thánh đế cũng không nghi hoặc; Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng không nghi hoặc."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Theo *Trung A-hàm*, kinh *Thủy Dụ*, số *4*, Đức Phật có dạy về bảy hạng người thì trong đó với hạng người thứ ba tuy chưa kiến đạo nhưng họ vẫn có tín tâm kiên cố đối với Tam Bảo không thể thối chuyển. Nghĩa là, do tín tâm kiên cố đối với Tam Bảo nên dù vị ấy có lưu chuyển sinh tử trong các giới loại nhưng niềm tin đó vẫn không bị đánh mất. Nhưng để thành tựu được niềm tin bất hoại đối với Phật, Pháp, Tăng và Thánh giới thì chúng ta phải kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu. Nhờ đó, chúng ta mới nhận biết được như thật đối với tứ thánh đế nên thành tựu được bốn niềm tin bất hoại. Bốn niềm tin ấy là tin Phật, Pháp, Tăng và Thánh giới. Do đó, để thành tựu bốn bất hoại tín này thì chúng ta phải kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu.

KINH 50

NGŨ TIẾT LUÂN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như cái bánh xe có năm tiết liên tục[1]. Một người đại lực sĩ có thể quay nhanh bánh xe này. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào không biết như thật về Khổ Thánh đế, không biết như thật về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, sẽ bị luân hồi trong năm đường, xoay vần một cách nhanh chóng; hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sanh, hoặc đọa vào ngạ quỷ, hoặc Trời, hoặc Người, rồi lại đọa vào đường ác,

[1] Ngũ tiết tương tục luân 五節相續輪, bánh xe có năm nan.

trường kỳ luân chuyển. Cho nên Tỳ-kheo nào đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Bởi vì chúng ta không tu tập đạo thánh đế nên mới lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các giới loại. Để chấm dứt sự lưu chuyển sinh tử khổ đau này, chúng ta phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Những quả báo ấy vẫn ở trong dòng lưu chuyển sinh tử khổ đau. Do đó, chúng ta phải tu tập đạo thánh đế vô lậu. Tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát

chánh đạo vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Chính đạo thánh đế vô lậu mới là con đường để chấm dứt sự lưu chuyển sinh tử khổ đau của tất cả chúng ta.

KINH 51

TU-ĐẠT[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, gia chủ Tu-đạt-đa[2] đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, bốn Thánh đế này phải hiện quán theo thứ lớp hay phải hiện quán tức thời?[3]"

Phật bảo gia chủ:

"Bốn Thánh đế này phải hiện quán theo thứ lớp, chứ không phải hiện quán tức thời."

Phật bảo gia chủ:

---

[1] Tu-đạt, tên thật của ông Cấp cô độc. Pāli: Sudatta.

[2] Tu-đạt trưởng giả 須達長者. Pāli: Sudatta-gahapati.

[3] Tiệm thứ vô gián đẳng, đốn vô gián đẳng 漸次無間等，頓無間等

"Nếu có người bảo: 'Đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế có thể hiện quán', lời nói này không đúng. Vì sao? Vì đối với Khổ Thánh đế nếu chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế muốn hiện quán thì điều này không thể có được. Cũng giống như người lấy hai lá cây nhỏ[1] xếp lại làm đồ đựng nước mang đi thời không thể có được. Cũng vậy, đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế muốn hiện quán,' thì điều này không thể có được.

"Như có người lấy lá sen kết lại làm đồ chứa nước đem đi, thì việc này có thể có được. Cũng vậy, này gia chủ, đối với Khổ Thánh đế đã hiện quán rồi, thì đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế có thể hiện quán, điều này có thể có được. Cho nên, gia chủ, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán,

---

[1] Tế diệp; Bát-đàm-ma diệp 鉢曇摩葉. Pāli: padumapatta: lá sen. Nguyên bản chép nhầm là thuần-đàm-ma diệp 純曇摩葉.

thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn mãnh liệt, tu học hiện quán."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Năm thủ uẩn của mỗi chúng ta là khổ đế. Vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã là tập đế. Diệt đế là Niết-bàn. Còn đạo đế gồm có 37 pháp. Vì vậy, Đức Phật dạy tứ thánh đế này, chúng ta phải quán sát theo thứ lớp. Nghĩa là, chúng ta phải quán sát về Khổ đế trước, rồi sau đó mới quán sát về Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Nếu chúng ta không nhận thức được Khổ đế thì sẽ không nhận thức được Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Vì sao? Bởi vì không nhận thức được sự thật năm thủ uẩn là Khổ đế và vô minh, tham ái chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã là tập đế, nên chúng ta sẽ không tin có Diệt đế (tâm vô lậu) và sẽ không tu tập Đạo thánh đế. Khi nào chúng ta nhận thức được Khổ đế và Tập đế thì mới tin có Diệt đế và tu tập Đạo đế.

Nhờ nhận thức được năm thủ uẩn là Khổ đế và vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã là Tập đế, nên chúng ta mới tin có Diệt đế và tu tập Đạo đế. Đạo đế gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập Đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập Đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Chính vì thế, khi chúng ta kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu thì sẽ bắt đầu tu tập bát chánh đạo vô lậu. Rồi từ đó, chúng ta an trú trong tâm vô lậu nhận biết như thật (trong cái biết chỉ là cái nhận biết) sự tập khởi của năm thủ uẩn là vô thường, khổ, không, vô ngã thì đây là nhận thấy được Khổ đế. Lúc ấy, chúng ta cũng sẽ nhận biết được vô minh, tham ái chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã thì đây là nhận thấy được Tập đế. Còn tâm nhận biết được như thật khổ đế - tập đế thì tâm này chính là Diệt đế và Đạo

đế vô lậu. Tuy tâm vô lậu là Diệt đế và Đạo đế vô lậu, nhưng những bậc thánh thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ được hoàn toàn khổ đế - tập đế nên chưa đạt được Diệt đế. Chỉ có hàng Vô học (A-la-hán) do đã đoạn trừ hoàn toàn Khổ đế và Tập đế nên các Ngài mới đạt được Diệt đế (Niết-bàn).

KINH 52

TUYẾT SƠN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn cầm một cục sạn[2], rồi hỏi các Tỳ-kheo:

"Các ông nghĩ sao? Sạn trong tay Ta đây là nhiều hay sạn ở núi Tuyết lớn nhiều?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sạn trong tay của Thế Tôn rất ít, còn sạn ở núi Tuyết thì nhiều trăm, muôn ngàn, ức, vô lượng, không thể dùng toán số, thí dụ để so sánh được."

---

[1] S. 56. 49-50. Sineru.

[2] Hán: thổ thạch 土石. Pāli, Phật so sánh bảy viên sỏi nhỏ bằng hạt cải (satta muggamattiyo pāsāṇakkharā) và núi chúa Tu-di (Sineru).

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Những chúng sanh mà biết như thật Khổ Thánh đế, biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế thì ít như sạn ở trong tay Ta đang cầm. Còn những chúng sanh kia mà không biết như thật đối với Khổ Thánh đế, không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế thì nhiều như sạn ở núi Tuyết, nhiều đến vô lượng. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

*

"Bấy giờ, Đức Thế Tôn tay cầm một hòn đất, lớn bằng trái lê[1], bảo các Tỳ-kheo:

"Thế nào, các Tỳ-kheo, hòn đất trong tay Ta nhiều hay đất trong núi Tuyết nhiều?"

[1] Pāli: satta kolaṭṭhimattiyo guḷikā, hòn đất lớn bằng hạt của quả táo.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thưa, hòn đất trong tay Thế Tôn rất ít, còn đất tại núi chúa Tuyết thì thật nhiều, nhiều đến trăm ngàn ức na do tha, cho đến không thể dùng toán số, thí dụ để so sánh được."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Những chúng sanh mà biết như thật Khổ Thánh đế, biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng ít như hòn đất Ta đang cầm ở trong tay. Những chúng sanh mà không biết như thật khổ Thánh đế, không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, nhiều hơn đất ở núi chúa Tuyết. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

(Trích kinh *Thổ*, số *440)*

Lược giải

Đức Phật dạy những người thấy được như thật tứ thánh đế thì ít như sạn ở trong tay của

Đức Thế Tôn. Còn những người không thấy được như thật tứ thánh đế thì nhiều như sạn ở núi Tuyết Sơn. Vì vậy, đời hiện tại này, chúng ta cần phải nỗ lực tu tập để đạt được hiện quán đối với tứ thánh đế. Muốn đạt được điều này, chúng ta phải tìm cầu những vị thầy đã đạt được hiện quán đối với tứ thánh đế để được chỉ dạy. Gặp được bậc thiện tri thức rồi, chúng ta phải hết lòng cung kính, lắng nghe, rồi tư duy và tu tập. Nhờ đó, chúng ta mới có thể đạt được hiện quán (kiến đạo) đối với tứ thánh đế để tu tập nên sẽ thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

KINH 53

HỒ TRÌ ĐẲNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Như ao hồ, sâu rộng năm mươi do tuần, nước đầy tràn. Nếu có người dùng một sợi tóc, hoặc sợi lông, hoặc đầu ngón tay thấm vào nước hồ này cho đến ba lần, thì thế nào, này các Tỳ-kheo, giọt nước thấm của người kia nhiều hay nước trong hồ nhiều?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nước trên sợi tóc, sợi lông, hay đầu ngón tay của người này rất ít, còn nước trong

[1] Thí dụ về ao hồ và các thứ khác nữa. Pāli, S. 56. 52. Pokkharaṇī.

hồ thì nhiều vô lượng, vô số cho đến không thể dùng toán số, thí dụ để so sánh được."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Nhiều như nước trong hồ lớn, nhiều vô lượng, là gốc rễ khổ bị cắt đứt như cây đa la bị chặt ngọn, thành các pháp không tái sanh trong tương lai, mà đa văn Thánh đệ tử đoạn trừ khi thành tựu kiến đế[1], đắc Thánh đạo quả. Những gì còn sót chưa đoạn tận, chỉ ít như nước đầu sợi tóc, sợi lông, ngón tay của người kia mà thôi. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Khi chúng ta kiến đạo tức lãnh hội được tâm vô lậu tu tập để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế,

---

[1] Kiến đế, thấy được Thánh đế. Pāli: ariyasāvakassa diṭṭhisampanassa puggalassa abhisametāvino, đối với Thánh đệ tử đã thành tựu kiến, đã đắc hiện quán (Đây chỉ Thánh giả Tu-đà-hoàn).

thì chúng sẽ được đoạn trừ dần dần cho đến lúc được đoạn trừ hoàn toàn. Do đó, Đức Phật dạy: *"nhiều như nước trong hồ lớn, nhiều vô lượng, là gốc rễ khổ bị cắt đứt như cây đa la bị chặt ngọn, thành các pháp không tái sanh trong tương lai mà đa văn Thánh đệ tử đoạn trừ khi thành tựu kiến đế, đắc Thánh đạo quả. Những gì còn sót chưa đoạn tận, chỉ ít như nước đầu sợi tóc, sợi lông, ngón tay của người kia mà thôi. "*

KINH 54

NGŨ CHUYỂN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có năm thọ ấm. Đó là sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Ta đối với năm thọ ấm này, có năm như thật tri[2]. Như thật tri về sắc, về sự tập khởi của sắc, về vị ngọt của sắc, về tai hại của sắc và về sự xuất ly sắc. Cũng vậy, như thật tri về thọ, tưởng, hành, thức, về sự tập khởi của thức, về vị ngọt của thức, về tai hại của thức và về sự xuất ly thức.

---

[1] Pāli, S.22.56. Upādānaṃ parivaṭṭaṃ (Thủ chuyển).

[2] Năm như thật tri về sắc: sắc 色, sắc tập 色 集, sắc vị 色 味, sắc hoạn 色 患, sắc ly 色 離. Pāli: Catuparivaṭṭam, bốn chuyển: rūpaṃ (sắc), rūpasamudāyam (sắc tập), rūpanrodhaṃ (sắc diệt), rūpanirodhayāminiṃ paṭipadam (sắc diệt đạo tích).

"Thế nào là như thật tri về sắc? Những gì là sắc là tất cả bốn đại và sắc do bốn đại sanh ra. Đó gọi là sắc. Như vậy, như thật tri về sắc.

"Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của sắc? Đối với sắc mà có hỷ ái. Đó gọi là sự tập khởi của sắc. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của sắc.

"Thế nào là như thật tri về vị ngọt của sắc? Do duyên vào sắc mà sanh ra hỷ lạc. Đó gọi là vị ngọt của sắc. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của sắc.

"Thế nào là như thật tri về sự tai hại của sắc? Sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của sắc. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của sắc.

"Thế nào là như thật tri về sự xuất ly sắc? Đối với sắc mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly sắc. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly sắc.

"Thế nào là như thật tri về thọ? Có sáu thọ thân. Thọ phát sanh từ nhãn xúc, thọ phát sanh từ tai, mũi, lưỡi, thân và ý xúc. Đó gọi là sáu thọ. Như vậy, như thật tri về thọ.

"Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của thọ? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của thọ.

"Thế nào là như thật tri về vị ngọt của thọ? Hỷ lạc duyên vào sáu thọ mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thọ. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của thọ.

"Thế nào là như thật tri về sự tai hại của thọ? Thọ là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là tai hại của thọ. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của thọ.

"Thế nào là như thật tri về sự xuất ly thọ? Đối với thọ mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là lìa thọ. Như vậy, như thật tri về sự lìa thọ.

"Thế nào là như thật tri về về tưởng? Có sáu tưởng thân. Tưởng phát sanh bởi nhãn xúc; tưởng phát sanh bởi tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc. Đó gọi là tưởng. Như vậy, như thật tri về tưởng.

"Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của tưởng? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của tưởng. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của tưởng.

"Thế nào là như thật tri về vị ngọt của tưởng? Hỷ lạc do duyên vào tưởng mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của tưởng. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của tưởng.

"Thế nào như thật tri về sự tai hại của tưởng? Tưởng là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của tưởng. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của tưởng.

"Thế nào là như thật tri về sự xuất ly tưởng? Đối với tưởng mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự lìa tưởng. Như vậy, như thật tri về sự lìa tưởng.

"Thế nào là như thật tri về sự hiện hữu của hành? Có sáu tư thân. Tư phát sanh bởi nhãn xúc. Tư phát sanh bởi tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc. Đó gọi là hành. Như vậy, như thật tri về hành.

"Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của hành? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của hành. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của hành.

"Thế nào là như thật tri về vị ngọt của hành? Hỷ lạc do duyên vào hành mà sanh. Đó gọi là vị

ngọt của hành. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của hành.

"Thế nào gọi là như thật tri về sự tai hại của hành? Hành là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của hành. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của hành.

"Thế nào là như thật tri về sự xuất ly hành? Đối với hành mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly hành. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly hành.

"Thế nào là như thật tri về thức? Có sáu thức thân. Thức của mắt, thức của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là thức. Như vậy, như thật tri về thức.

"Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của thức? Sự tập khởi của sắc là sự tập khởi của thức. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của thức.

"Thế nào là như thật tri về vị ngọt của thức? Hỷ lạc do duyên vào thức mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thức. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của thức.

"Thế nào là như thật tri về sự tai hại của thức? Thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của thức. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của thức.

"Thế nào là như thật tri về sự xuất ly thức? Đối với thức mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự lìa thức. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly của thức.

"Tỳ-kheo, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với sắc mà biết như vậy, mà thấy như vậy, thì do biết như vậy, thấy như vậy người đó hướng đến ly dục, đó gọi là chánh hướng[1]. Nếu người nào hướng đến chân chánh, thì ta nói người đó đã được thể nhập[2]. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với sắc mà biết như thật, thấy như thật; do biết như thật, thấy như thật, đối với sắc sanh yểm ly, ly dục,

---

[1] Chánh hướng 正向; Pāli: sammāpaṭipanno, thực hành chân chánh. Bản Pāli: supaṭipanno, thiện hành, thực hành tốt, thiện xảo.

[2] Pāli: ye supsṭipannā te imasmiṃ dhammavinaye gādhanti, những ai thực hành chân chánh *(khéo thú hướng)*, những người ấy xác lập trong pháp và luật này.

không khởi lên các lậu, tâm đạt được giải thoát. Nếu người nào đã đạt được tâm giải thoát, thì người đó thuần nhứt[1]. Người nào đã được thuần nhứt, thì phạm hạnh đã lập. Người nào phạm hạnh đã lập, không còn bị ai khống chế[2]. Đó gọi là biên tế của khổ[3]. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy."

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Đức Thế Tôn đã đoạn tận hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) và chấp pháp (sở tri chướng) nên thành tựu quả vị Phật. Ngài sống trong Niết-bàn nên ở trong ấy hoàn toàn không có sự tập khởi của năm thủ uẩn. Cho nên, Đức Thế Tôn dạy: chúng ta phải an trụ trong tâm như thật tri (chánh kiến vô lậu) nhận biết như thật về sắc, sự tập khởi của sắc, vị ngọt của sắc, tai hại của sắc và sự xuất

---

[1] Thuần nhất 純一. Pāli: kevalin, con người toàn thiện, đấng độc tôn.

[2] Hán: ly tha tự tại 離他自在.

[3] Khổ biên 苦邊. Pāli: dukkhānta, biên tế của khổ, sự chấm dứt của khổ.

ly sắc. Cũng vậy, như thật tri về sự tập khởi của thọ, tưởng, hành và thức, hay vị ngọt, tai hại, sự xuất ly của thọ, tưởng, hành, thức. Đây chính là nhận biết được như thật sự tập khởi của năm thủ uẩn là vô thường, khổ và vô ngã. Vì thế, khi chúng ta lãnh hội được tâm như thật tri (chánh kiến vô lậu) để tu tập thì sẽ điều phục, đoạn trừ tham, sân, si đối với năm thủ uẩn và đem lại an lạc, hạnh phúc của thân và tâm.

"*Thế nào là như thật tri về sắc?* Sắc pháp là pháp do bốn đại tạo thành. Sắc pháp gồm nội sắc và ngoại sắc. Nội sắc (thân thể của mình) là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn và thân căn. Còn ngoại sắc là sắc, thanh, hương, vị và xúc. Do đó, như thật tri về sắc chính là nhận biết đúng như thật về sự hiện hữu của các sắc. Để nhận biết đúng như thật về sắc thì chúng ta phải an trú trong tâm như thật tri để khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, mà không sinh khởi khái niệm đối với các sắc ấy, đây gọi là nhận biết như thật về sắc. Với ý nghĩa này, trong kinh *Bāhiya*, Đức Phật dạy: "*Trong cái thấy*

chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm".

"Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của sắc? Đối với sắc mà có hỷ ái. Đó gọi là sự tập khởi của sắc. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của sắc.

Thế nào là như thật tri về vị ngọt của sắc? Do duyên vào sắc mà sanh ra hỷ lạc. Đó gọi là vị ngọt của sắc. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của sắc.

Thế nào là như thật tri về sự tai hại của sắc? Sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của sắc. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của sắc.

Thế nào là như thật tri về sự xuất ly sắc? Đối với sắc mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly sắc. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly sắc".

Y vào sáu căn tiếp xúc với sáu trần sinh ra sáu thức, ba thứ căn, trần và thức hòa hợp dẫn sinh ra xúc, xúc làm nhân duyên dẫn sinh ra thọ (vị ngọt của sắc), tưởng và hành (sự tập khởi của sắc). Vì sự tập khởi của sắc là pháp duyên khởi nên

vô thường, khổ và vô ngã. Vì thế, chúng ta cần phải an trú trong tâm như thật tri tu tập nhận biết như thật sự tập khởi của sắc là vô thường, khổ, vô ngã nên điều phục, đoạn trừ được dục tham đối với sự tập khởi của sắc và vị ngọt của sắc, tức xa lìa sắc. Như vậy, chúng ta sẽ nhận biết được như thật về sự xuất ly sắc.

"Thế nào là như thật tri về thọ? Có sáu thọ thân. Thọ phát sanh từ nhãn xúc, thọ phát sanh từ tai, mũi, lưỡi, thân và ý xúc. Đó gọi là sáu thọ. Như vậy, như thật tri về thọ.

Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của thọ? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của thọ.

Thế nào là như thật tri về vị ngọt của thọ? Hỷ lạc duyên vào sáu thọ mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thọ. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của thọ.

Thế nào là như thật tri về sự tai hại của thọ? Thọ là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là tai hại của thọ. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của thọ.

Thế nào là như thật tri về sự xuất ly thọ? Đối với thọ mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là lìa thọ. Như vậy, như thật tri về sự lìa thọ".

Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ. Xúc là sự tam hòa giữa căn, cảnh và thức. Nghĩa là, y vào nhãn căn tiếp xúc với sắc trần dẫn sinh ra nhãn thức, ba thứ căn, trần và thức hòa hợp sinh khởi xúc; các căn còn lại cũng có ý nghĩa như vậy. Vì vậy, nhân duyên dẫn sinh sự tập khởi của thọ là do xúc. Do đó, nếu lạc xúc thì nó sẽ làm nhân duyên dẫn sinh lạc thọ, khổ xúc thì nó sẽ làm nhân duyên dẫn sinh khổ thọ, phi khổ phi lạc xúc thì nó sẽ làm nhân duyên sinh khởi phi khổ phi lạc thọ. Vì xúc làm nhân duyên dẫn sinh sự tập khởi của các cảm thọ nên các cảm thọ cũng vô thường, khổ và vô ngã. Cho nên, chúng ta cần phải an trú trong tâm như thật tri tu tập nhận biết như thật sự tập khởi của các cảm thọ là vô thường, khổ và vô ngã nên mới điều phục, đoạn trừ được dục tham ở nơi sự tập khởi của các cảm thọ, tức xa lìa thọ. Đây gọi là biết như thật về sự xuất ly thọ.

"Thế nào là như thật tri về tưởng? Có sáu tưởng thân. Tưởng phát sanh bởi nhãn xúc; tưởng phát sanh bởi tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc. Đó gọi là tưởng. Như vậy, như thật tri về tưởng.

Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của tưởng? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của tưởng. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của tưởng.

Thế nào là như thật tri về vị ngọt của tưởng? Hỷ lạc do duyên vào tưởng mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của tưởng. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của tưởng.

Thế nào là như thật tri về sự tai hại của tưởng? Tưởng là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của tưởng. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của tưởng.

Thế nào là như thật tri về sự xuất ly tưởng? Đối với tưởng mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự lìa tưởng. Như vậy, như thật tri về sự lìa tưởng".

Nhân duyên dẫn sinh sự tập khởi của tưởng là do xúc. Nghĩa là, y vào nhãn căn tiếp xúc với sắc trần sinh khởi nhãn thức, ba thứ căn, trần và thức

hòa hợp dẫn sinh xúc, xúc làm nhân duyên để sinh khởi thọ, tưởng và hành; nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn cũng có ý nghĩa như vậy. Khi tưởng tập khởi thì luôn dẫn sinh ra vị ngọt của tưởng, tức các cảm thọ. Tưởng và vị ngọt của tưởng là pháp duyên sinh nên có bản chất là vô thường, khổ và vô ngã. Vì vậy, chúng ta cần phải an trú trong tâm như thật tri tu tập nhận biết sự tập khởi của tưởng là vô thường, khổ, vô ngã nên sẽ điều phục, đoạn trừ được dục tham đối với sự tập khởi của tưởng và vị ngọt của tưởng, tức xa lìa tưởng. Như vậy, chúng ta biết đúng như thật về sự xuất ly tưởng.

"Thế nào là như thật tri về sự hiện hữu của hành? Có sáu tư thân. Tư phát sanh bởi nhãn xúc. Tư phát sanh bởi tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc. Đó gọi là hành. Như vậy, như thật tri về hành.

Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của hành? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của hành. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của hành.

Thế nào là như thật tri về vị ngọt của hành? Hỷ lạc do duyên vào hành mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của hành. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của hành.

Thế nào gọi là như thật tri về sự tai hại của hành? Hành là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của hành. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của hành.

Thế nào là như thật tri về sự xuất ly hành? Đối với hành mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly hành. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly hành".

Sự tập khởi của xúc làm nhân duyên cho sự tập khởi của các hành. Nhân duyên của các hành tập khởi là bởi xúc tập khởi. Sự tập khởi của xúc làm nhân duyên để dẫn sinh ra thọ, tưởng và hành. Mỗi khi hành tập khởi cũng sẽ dẫn sinh ra vị ngọt của hành, tức các cảm thọ. "Hành" chính là tư. Tư lại bao gồm tư sắc, tư thanh, tư hương, tư vị, tư xúc và tư pháp. Tư gồm có thẩm tư lự, quyết định tư và phát động bởi tư. Tư (ý) do bị chi phối bởi tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến mà biểu hiện qua hành động của thân, lời nói của miệng, đó gọi là bất thiện nghiệp. Tư được dẫn sinh từ tâm vô tham, vô sân và vô si mà biểu hiện qua hành động của

thân và lời nói của miệng, đó gọi là thiện nghiệp. Nhân duyên dẫn sinh sự tập khởi của các hành là do xúc tập khởi. Hành và vị ngọt của hành (cảm thọ) là pháp duyên khởi nên chúng vô thường, khổ và vô ngã. Vì vậy, chúng ta cần phải an trú trong tâm như thật tri tu tập nhận biết sự tập khởi của các tâm hành như tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến là vô thường, khổ, vô ngã nên sẽ điều phục, đoạn trừ, vượt qua được dục tham đối với sự tập khởi của các tâm hành và vị ngọt của chúng, tức xa lìa hành. Như vậy, chúng ta đã biết đúng như thật về sự xuất ly hành.

"Thế nào là như thật tri về thức? Có sáu thức thân. Thức của mắt, thức của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là thức. Như vậy, như thật tri về thức.

Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của thức? Sự tập khởi của sắc là sự tập khởi của thức. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của thức.

Thế nào là như thật tri về vị ngọt của thức? Hỷ lạc do duyên vào thức mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thức. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của thức.

Thế nào là như thật tri về sự tai hại của thức? Thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của thức. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của thức.

Thế nào là như thật tri về sự xuất ly thức? Đối với thức mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự lìa thức. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly của thức".

Theo quan điểm của các bộ phái thuộc truyền thống Phật giáo Nguyên Thủy, thức gồm có sáu loại: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Nhưng theo truyền thống Phật giáo Đại Thừa (theo *Luận Thành Duy Thức*), thức gồm có tám thức, ngoài sáu thức nêu trên còn có thêm hai thức nữa là thức thứ bảy (Mạt-na thức) và thức thứ tám (A-lại-da thức). Thức chính là tâm vương; còn thọ, tưởng và hành là tâm sở. Tâm vương và tâm sở không thể tách rời khỏi nhau ví như mặt trời và ánh sáng, mặt trời ví cho tâm vương, còn ánh sáng ví cho tâm sở.

"Thế nào là sự tập khởi của sắc là sự tập khởi của thức?" Do y vào nhãn căn tiếp xúc với sắc trần nên sinh khởi nhãn thức, ba thứ căn, trần và thức hòa hợp sinh khởi ra xúc, xúc sẽ làm nhân duyên để sinh khởi thọ, tưởng và hành; các căn tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng có ý nghĩa như vậy. Cho nên, kinh nói sự tập khởi của sắc chính là sự tập khởi của thức. Thức không bao giờ tập khởi độc lập mà không có sự tập khởi của thọ, tưởng và hành. Nghĩa là, khi thức tập khởi thì thọ, tưởng và hành cùng tập khởi, tức sự tập khởi của năm thủ uẩn.

Thức là pháp duyên khởi nên vô thường, khổ và vô ngã. Do đó, chúng ta cần phải an trú trong tâm như thật tri tu tập nhận biết như thật sự tập khởi của thức là vô thường, khổ và vô ngã nên sẽ điều phục, đoạn trừ được dục tham ở nơi sự tập khởi của thức, tức xa lìa thức. Như vậy, chúng ta biết đúng như thật về sự xuất ly thức.

Chúng ta biết rằng: sự tập khởi của sắc chính là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành và thức. Sự tập khởi của thọ, tức đang có sự tập khởi của tưởng, hành và thức. Sự tập khởi của tưởng thì lúc nào

cũng có sự tập khởi của thọ, hành và thức; hành và thức còn lại cũng có ý nghĩa như vậy.

Như vậy, chúng ta có thể thấy:

Khi sự tập khởi của sắc được đoạn trừ, tức sự tập khởi năm thủ uẩn lớp thứ nhất được đoạn trừ.

Khi sự tập khởi của thọ được đoạn trừ, tức sự tập khởi năm thủ uẩn lớp thứ hai được đoạn trừ.

Khi sự tập khởi của tưởng được đoạn trừ, tức sự tập khởi năm thủ uẩn lớp thứ ba được đoạn trừ.

Khi sự tập khởi của các tâm hành được đoạn trừ, tức sự tập khởi năm thủ uẩn lớp thứ tư được đoạn trừ.

Khi sự tập khởi của thức (tám thức và các tâm sở của chúng) được đoạn trừ hoàn toàn, tức sự tập khởi năm thủ uẩn lớp thứ năm được đoạn trừ. Sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) được đoạn trừ hoàn toàn nên hành giả đạt được Niết-bàn.

Tóm lại, khổ đế là sự tập khởi của năm thủ uẩn; tập đế là dục tham vin bám vào sự tập khởi

của năm thủ uẩn. Còn tâm như thật tri chính là chánh kiến vô lậu. Chánh kiến vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Cho nên, khi chúng ta kiến đạo tức lãnh hội tâm như thật tri thì sẽ đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ, nghi và thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn (Thất lai). Bậc thánh Sơ quả tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập làm giảm tham, sân, si câu sinh đối với năm thủ uẩn nên thành tựu bậc thánh Nhị quả (Nhất lai). Bậc thánh Nhị quả tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh Tam quả (Bất lai). Bậc thánh Tam quả tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên thành tựu quả vị A-la-hán (Niết-bàn). Vì thế, Đức Phật dạy: Nếu Sa-môn nào đối với năm thủ uẩn mà biết như thật, thấy như thật, sanh yểm ly, ly dục, không khởi lên các lậu, tâm đạt được giải thoát, tức chấm

dứt phần đoạn sinh tử. Cũng vậy, Đức Phật dạy: *"Hãy đoạn trừ dục tham ở nơi sắc. Dục tham đã đoạn trừ rồi thì sắc đoạn. Khi sắc đoạn rồi, thì được biến tri về đoạn. Khi được biến tri về đoạn, thì gốc rễ bị đoạn. Như chặt ngọn cây Ta-la, sau này không còn tái sanh được nữa. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức, dục tham đoạn… cho đến, đời sau không tái sanh được nữa."* (*Tạp A-hàm*, kinh *Sanh*, số 68)

KINH 55

HÀNH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh thường tụ hội theo giới, hòa hợp với giới[2]. Thế nào là chúng sanh thường tụ hội cảnh giới? Khi chúng sanh hành tâm bất thiện thì cùng tụ hội với cảnh giới bất thiện. Khi tâm hành thiện thì cùng tụ hội với giới thiện. Thiện tâm đi cùng với thiện giới. Thắng tâm đi cùng thắng giới.

Bấy giờ, Tôn giả Kiều-trần-như cùng với nhiều Tỳ-kheo đang đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là

[1] S. 14. 15. Kammaṃ.

[2] Pāli: dhātusova bhikkhave sattā saṃsandanti samenti, chúng sanh giao tiếp theo giới, tập hợp theo giới. Ở đây, giới hay giới loại được hiểu là tính chất (đồng loại tướng quần).

những Đại đức, Thượng tọa, đa văn, xuất gia đã lâu, tu tập đầy đủ phạm hạnh.

Lại có Tôn giả Đại Ca-diếp cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều ít muốn, biết đủ, đầu đà, khổ hạnh, không chứa đồ dư.

Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc Đại trí biện tài.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc có sức thần thông lớn.

Tôn giả A-na-luật-đà cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều được thiên nhãn sáng suốt.

Bấy giờ, cũng có Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ, cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều dũng mãnh, tinh tấn, chuyên cần tu hành.

Lại có Tôn giả Đà-phiêu cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều vì đại chúng sửa sang các thứ cúng dường đầy đủ.

Tôn giả Ưu-ba-ly cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều thông đạt luật hạnh.

Tôn giả Phú-lâu-na cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc biện tài, thuyết pháp.

Lại có Tôn giả Ca-chiên-diên cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều có khả năng phân biệt các kinh, khéo nói pháp tướng.

Khi đó cũng có Tôn giả A-nan cùng với nhiều Tỳ-kheo đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc tổng trì đa văn.

Lại có Tôn giả La-hầu-la cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều khéo giữ gìn luật hạnh.

Khi đó cũng có Tôn giả Đề-bà-đạt-đa cùng với nhiều Tỳ-kheo đang đi kinh hành gần đó. Tất cả đều huân tập nhiều ác hạnh.

Đó gọi là Tỳ-kheo thường cùng đi và hòa hợp với nhau. Cho nên, Tỳ-kheo, nên khéo phân biệt các giới loại sai biệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Ở trong đời, mọi người tụ hội với nhau là do nhận thức, lời nói và hành động tương ứng của những vị ấy. Ví như người đam mê uống rượu thì sẽ tụ hội cùng với những người đam mê uống rượu. Người đam mê bài bạc thì sẽ tụ hội cùng với những người đam mê bài bạc. Người yêu thích ca hát thì sẽ tụ hội cùng với những người yêu thích ca hát. Người đam mê văn chương thì sẽ tụ hội với những người yêu thích văn chương. Người đam mê khoa học thì sẽ tụ hội cùng với những người đam mê khoa học… Cũng vậy, chúng ta tu tập theo Phật pháp thì cũng tùy theo chánh kiến và niềm tin của mỗi người để cùng tụ hội với nhau. Ví như những người tu tập theo Tịnh Độ tông thì sẽ tụ hội cùng với những người tu tập theo Tịnh Độ tông. Người tu tập theo Mật tông thì sẽ tụ hội cùng với những người tu tập theo Mật tông. Người tu tập theo mỗi tông phái riêng của Thiền tông thì sẽ tụ hội cùng với những người tu tập theo từng tông phái riêng của Thiền tông. Người thích nghiên cứu Phật pháp thì sẽ cùng tụ hội với

những người thích nghiên cứu Phật pháp. Người ưa thích thực hành hạnh bố thí thì sẽ cùng tụ hội với những người ưa thích thực hành hạnh bố thí. Người ưa thích thực hành nghi lễ thì sẽ cùng tụ hội với những người ưa thích thực hành nghi lễ. Người thích làm việc Giáo hội thì sẽ tụ hội cùng với những người thích làm việc Giáo hội. Người thích ẩn dật tu hành thì sẽ cùng tụ hội với những người thích ẩn dật tu hành. Tuy vậy, chúng ta tu học theo Phật pháp thì cần phải tu tập tất cả các thiện pháp. Thiện pháp gồm thiện pháp hữu lậu và thiện pháp vô lậu. Trong đó, tu tập thiện pháp hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập thiện pháp vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Hai loại thiện pháp đó, thiện pháp vô lậu là thiện pháp tối thượng bậc nhất. Thiện pháp vô lậu chính là tâm vô lậu hay chánh kiến vô lậu.

Như vậy, chân lý vô lậu chỉ có một nghĩa chứ không thể có nhiều ý nghĩa về chân lý vô lậu. Đã một nghĩa thì việc tu tập để lãnh hội được chân lý vô lậu đó chính là lãnh hội tâm vô lậu, chứ không thể lãnh hội một chân lý vô lậu nào khác. Tâm vô lậu chính là diệt đế và đạo đế vô lậu. Tâm này vốn có ở nơi mỗi chúng sinh hữu tình.

KINH 56

ĐỒNG PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan đi đến chỗ vị Thượng tọa tên là Thượng Tọa[1]. Khi đến nơi ấy, Tôn giả cung kính thăm hỏi, rồi ngồi lui qua một bên, bạch vị Thượng tọa tên là Thượng Tọa:

"Nếu có Tỳ-kheo ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây, hay ở trong phòng yên tĩnh tư duy, nên dùng pháp gì để chuyên tinh tư duy?"

Thượng tọa đáp:

"Này Tôn giả A-nan, nếu người nào ở chỗ vắng vẻ, dưới bóng cây hay trong phòng yên tĩnh, nên dùng hai pháp này để chuyên tinh tư duy, đó là chỉ và quán[2].

---

[1] Thượng tọa Thượng Tọa danh giả 上座上座名者. Không rõ Pāli.

[2] Chỉ và quán. Pāli: samatha, vipassanā (xa-ma-tha, tỳ-bát-xa-na).

Tôn giả A-nan lại hỏi Thượng tọa:

"Tu tập chỉ, sau khi tu tập nhiều, sẽ thành tựu được pháp gì? Tu tập quán, sau khi tu tập nhiều, sẽ thành tựu được pháp gì?"

Thượng tọa trả lời Tôn giả A-nan:

"Tu tập chỉ, cuối cùng thành tựu được quán. Tu tập quán, cũng thành tựu được chỉ. Nghĩa là Thánh đệ tử tu tập gồm cả chỉ và quán, chứng đắc các giải thoát giới."

Tôn giả A-nan lại hỏi:

"Bạch Thượng tọa, thế nào là các giải thoát giới?"

Thượng tọa đáp:

"Này Tôn giả A-nan, đoạn giới, vô dục giới, diệt giới, đó gọi là các giải thoát giới."

Tôn giả A-nan lại hỏi Thượng tọa:

"Thế nào là đoạn giới cho đến diệt giới?"

Thượng tọa đáp:

"Này Tôn giả A-nan, đoạn tất cả hành, đó gọi là đoạn giới. Đoạn trừ ái dục, đó là vô dục giới. Tất cả hành diệt, gọi là diệt giới."

Tôn giả A-nan, sau khi nghe Thượng tọa nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, rồi đi thẳng đến chỗ năm trăm Tỳ-kheo, cung kính hỏi thăm, rồi ngồi lui qua một bên, bạch với năm trăm vị Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo nào trong lúc ở chỗ vắng vẻ, dưới bóng cây hay trong phòng yên tĩnh tư duy, nên dùng pháp gì để chuyên tinh tư duy?"

Bấy giờ năm trăm Tỳ-kheo trả lời Tôn giả A-nan:

"Nên dùng hai pháp chuyên tinh mà tư duy." Chi tiết, cho đến, "diệt giới," như vị Thượng tọa đã nói trên kia.

Khi Tôn giả A-nan nghe năm trăm vị Tỳ-kheo nói như vậy, hoan hỷ tùy hỷ, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo ở chỗ vắng vẻ, dưới bóng cây hay trong phòng yên tĩnh mà tư duy, nên dùng phương pháp gì để chuyên tinh tư duy?"

Phật bảo A-nan:

"Nếu Tỳ-kheo nào ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây hay trong phòng yên tĩnh mà tư duy, nên dùng

hai pháp để chuyên tinh tư duy." Chi tiết, cho đến, "diệt giới," như năm trăm Tỳ-kheo đã nói.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, Bậc Đạo Sư và các đệ tử, tất cả đều đồng một pháp, đồng văn cú, đồng một nghĩa, đồng một vị. Hôm nay con đến Thượng tọa có tên là Thượng Tọa hỏi nghĩa này, Tôn giả ấy cũng đem nghĩa này, văn cú này, vị này giải đáp cho con, như những gì Thế Tôn đã nói hiện tại. Con lại đến chỗ năm trăm Tỳ-kheo cũng đem nghĩa này, văn cú này, vị này hỏi năm trăm Tỳ-kheo, họ cũng đem nghĩa này, câu này, vị này mà đáp như những gì Thế Tôn đã nói hiện tại. Cho nên biết rằng, Thầy và đệ tử, tất cả đều đồng một pháp, đồng văn cú, đồng một nghĩa, đồng một vị."

Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Ngươi có biết vị Thượng tọa này là Tỳ-kheo như thế nào không?"

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con không biết."

Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Thượng tọa này là A-la-hán, các lậu đã đoạn sạch, đã vứt bỏ gánh nặng, đạt được chánh trí, tâm khéo giải thoát. Năm trăm vị Tỳ-kheo kia cũng đều như vậy."

Phật nói Kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Chúng ta tu tập chỉ chính là tu tập định; còn tu tập quán chính là tu tập tuệ. Tu tập định là để thành tựu tuệ và tu tập tuệ là để thành tựu định. Định và tuệ không thể tách rời khỏi nhau. Vì vậy, chúng ta tu tập là tu tập cả định và tuệ. Tu tập định – tuệ gồm định – tuệ hữu lậu và định – tuệ vô lậu. Trong đó, tu tập định – tuệ hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Còn tu tập định – tuệ vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Để tu tập bát chánh đạo vô lậu thì hành giả phải kiến đạo tức là cần phải lãnh hội được chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu. Tâm vô lậu là định và tuệ đồng thời. Tâm vô lậu thường rỗng lặng gọi là định, ở trong tâm ấy lại có trí tuệ nhận biết được

tâm thường rỗng lặng, cũng như tất cả các pháp thiện ác, xanh, đỏ, tím, vàng… gọi là tuệ. Từ đó, hành giả sống trong tâm vô lậu tu tập thì sẽ đạt được tứ thánh quả. Như vậy, để thành tựu được tứ thánh quả thì chúng ta phải kiến đạo tức lãnh hội tâm vô lậu tu tập. Cho nên, Đức Phật và năm trăm vị A-la-hán dạy: *"Tu tập chỉ, cuối cùng thành tựu được quán. Tu tập quán, cũng thành tựu được chỉ. Nghĩa là Thánh đệ tử tu tập gồm cả chỉ và quán, chứng đắc các giải thoát giới."*

KINH 57

XÚC NHÂN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, biết cái gì, thấy cái gì, để ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn?"[2]

Phật bảo La-hầu-la:

"Có ba thứ thọ, đó là khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Ba thọ này do nhân gì, tập gì,

[1] Ấn Thuận, tụng 3. Tạp nhân, 6. Tương ưng Thọ, gồm các kinh, Đại Chánh 466-489. phần lớn, tương đương Pāli: S.36. Vedanāsaṃyutta. Đại Chánh kinh 466, Pàli, S.36.10 Phassa-mūlaka.

[2] Ngã, ngã sở kiến, ngã mạn hệ trước sử. Pāli: ahaṃkāramamaṃkāramānānusayā, các tùy miên ngã, ngã sở và mạn.

sanh gì, chuyển gì? Tức là ba thọ này, xúc là nhân, là tập, là sanh, là chuyển. Do xúc nhân như thế này, thế kia sanh các thọ như thế này, thế kia. Nếu xúc thế này thế kia diệt, thọ thế này thế kia cũng diệt, tĩnh chỉ, thanh lương, tịch tĩnh. Biết như vậy, thấy như vậy thì ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn."

Phật nói Kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Xúc sẽ làm nhân duyên để sinh khởi thọ, tưởng, hành, tức sự tập khởi của năm thủ uẩn. Những gì được cảm thọ bởi thọ thì nó cũng được nhận biết bởi tưởng, ưa muốn hay không ưa muốn của hành và phân biệt của thức. Bởi sự tập khởi của ngũ thủ uẩn là pháp duyên sinh nên vô thường và phi ngã. Để nhận thấy được như vậy thì trước tiên chúng ta cần phải kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu. Từ đó, chúng ta sống trong chánh kiến vô lậu tu tập để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm đạt tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

KINH 58

TIỄN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Phàm phu ngu si không học sanh khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Đa văn Thánh đệ tử cũng sanh khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Này các Tỳ-kheo, như vậy giữa phàm phu và Thánh nhân có gì sai khác?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của pháp. Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin nói đầy đủ, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ thực hành."

[1] Mũi tên. Pāli, S. 36. 6. Sallattena.

Phật bảo các Tỳ-kheo tiếp:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, phàm phu ngu si không học, vì thân xúc chạm sanh các thọ, tăng thêm các khổ đau, cho đến bị cướp mất mạng sống, sầu bi, thán oán, khóc lóc, kêu gào, tâm sanh cuồng loạn. Ngay lúc đó hai thọ tăng trưởng, là thân thọ và tâm thọ. Như có người thân bị trúng hai mũi tên độc, vô cùng đau đớn. Phàm phu ngu si không học lại cũng như vậy. Hai thọ tăng trưởng: thân thọ, tâm thọ vô cùng đau đớn, khổ sở. Vì sao? Vì phàm phu ngu si không học này vì không biết rõ, nên ở nơi ngũ dục mà phát sanh cảm xúc lạc thọ, lãnh thọ năm thứ dục lạc. Do lãnh thọ năm thứ dục lạc nên bị tham sử sai khiến[1]. Vì xúc chạm cảm thọ khổ nên sanh sân nhuế. Vì nổi sân nhuế nên bị nhuế sử sai khiến[2]. Nếu đối với sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hại và xuất ly của hai thọ này mà không

---

[1] Vi tham sử sở sử. Pāli: yo sukhāya vedanāya rāgānusayo so anuseti, tiềm phục tham tùy miên đối với cảm thọ lạc.

[2] Pāli: yo dukkhāya vedanāya paṭighānusayo so anuseti, đối với cảm thọ khổ, sân tùy miên tiềm phục.

biết như thật; vì không biết như thật nên sanh cảm thọ không khổ không lạc, bị si sử sai khiến. Nó bị lạc thọ trói buộc, mãi không thể lìa[1]; bị khổ thọ trói buộc, trọn không thể lìa; bị cảm thọ không khổ không lạc trói buộc, cuối cùng không thể lìa.

"Cái gì trói buộc? Bị tham, nhuế, si trói buộc; bị sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trói buộc."

"Đa văn Thánh đệ tử, thân xúc sanh khổ thọ, khổ lớn bức bách… cho đến cướp mất sanh mạng, mà không khởi lo buồn, thán oán, khóc lóc, kêu gào, loạn tâm phát cuồng. Ngay lúc đó chỉ sanh một thứ thọ, đó là thân thọ, chứ không sanh tâm thọ.

Như người bị một mũi tên độc, không bị mũi tên độc thứ hai, ngay khi đó chỉ sanh có một cảm thọ, đó là thân thọ mà không sanh tâm thọ. Khi xúc chạm lạc thọ, không nhiễm dục lạc. Vì không nhiễm dục lạc nên đối với lạc thọ này, tham sử không sai khiến. Khi xúc chạm khổ thọ không sanh sân nhuế. Vì không sanh sân nhuế, nên nhuế sử không thể sai khiến. Nếu đối với sự tập khởi,

[1] Pāli: so sukhañce vedanaṃ vedayati, saññutto naṃ vdayati; nếu nó cảm giác lạc nó cảm giác bị cái đó trói buộc.

sự diệt tận, vị ngọt, tai hại, sự xuất ly của hai sử này mà biết như thật; vì biết như thật cảm thọ không khổ không lạc, nên si sử không thể sai khiến được. Đối với lạc thọ được giải thoát, không bị trói buộc; khổ thọ, không khổ không lạc thọ cũng được giải thoát, không bị trói buộc.

"Không bị cái gì trói buộc? Tham, nhuế, si không trói buộc; sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não không trói buộc."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Đa văn đối khổ vui,
Không phải không cảm giác.
So với kẻ không học,
Người này thật xa khác[1].
Thọ lạc, không buông lung,
Gặp khổ không tăng sầu;
Khổ vui thảy đều bỏ,
Không thuận cũng không trái.

[1] Trong nguyên bản: đại văn 大聞; sửa lại là đại gián 大間: cách biệt rất lớn.

Tỳ-kheo siêng phương tiện,

Chánh trí không khuynh động[1]*,*

Đối với các thọ này,

Trí tuệ thường biết rõ.

Vì biết rõ các thọ,

Hiện tại sạch các lậu,

Khi chết không đọa lạc[2]*,*

An trú Đại Niết-bàn.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Bởi vì chúng ta sống với vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã nên thân và tâm đều cảm thọ nhiều khổ đau. Còn các bậc thánh nhân chỉ cảm thọ do thân đem lại chứ không có

---

[1] Pāli: saṃpajaññaṃ na riñcati, không bỏ chánh trí. Pāli: riñcati, rời, chối bỏ, phủ nhận; bản Hán đọc là iñjati: dao động.

[2] Hán: *bất đọa số*, Hán: bất đọa ư chúng số 不墮於眾數. Pāli: kāyassa bhedā dhamaṭṭho saṃkhyaṃ nopeti vedagū ti, không thể mô tả bậc Pháp trí, vị Hiền trí, khi thân hoại (định danh).

những cảm thọ thuộc về tâm. Vì sao? Bởi vì các Ngài sống trong định và tuệ vô lậu nên không sinh khởi những cảm thọ thuộc về tâm hữu lậu. Tuy vậy, các bậc thánh thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các Ngài vẫn còn cảm thọ thuộc về tâm hữu lậu. Chỉ có những bậc thánh Vô học (A-la-hán) đã đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các Ngài sẽ không sinh khởi cảm thọ thuộc về tâm hữu lậu. Do đó, Đức Phật dạy phàm phu không học nên hai thọ tăng trưởng: thân thọ, tâm thọ vô cùng đau đớn, khổ sở. Còn Đa văn Thánh đệ tử của Đức Thế Tôn chỉ sanh một thứ thọ: thân thọ chứ không sanh tâm thọ.

KINH 59

THIỀN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo một mình ở chỗ vắng[2], thiền tịnh, tư duy: 'Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ thảy đều là khổ. Vậy, điều này có nghĩa gì?"

Tỳ-kheo này suy nghĩ như vậy rồi, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con ở chỗ vắng, trong lúc thiền tịnh tư duy có nghĩ rằng: 'Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói

[1] S. 36. 11. Rahogataka (Ẩn dật).

[2] Độc nhất tĩnh xứ 獨一靜處. Pāli: rahogata, sống ẩn dật.

những gì thuộc về thọ đều là khổ. Vậy, điều này có nghĩa gì?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ta, vì tất cả hành đều vô thường, tất cả hành là pháp biến đổi nên nói những gì thuộc về thọ thảy đều là khổ."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Biết các hành vô thường,

Đều là pháp biến dịch,

Nên nói thọ là khổ,

Chánh Giác biết điều này.

Tỳ-kheo siêng phương tiện,

Chánh trí không lay động,

Đối với tất cả thọ,

Trí tuệ thường biết rõ.

Biết rõ tất cả thọ,

Hiện tại hết các lậu,

Khi chết không đọa lạc,

An trụ Bát-niết-bàn.

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Thọ gồm có lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ, và thọ tập khởi không thể tách rời tưởng, hành và thức. Nhân duyên làm sinh khởi thọ, tưởng, hành là do xúc. Những gì được cảm thọ bởi thọ thì nó cũng được nhận biết bởi tưởng, ưa muốn hay không ưa muốn của hành và phân biệt của thức. Do đó, Đức Phật dạy ba thọ có tính chất là khổ vì nó bao gồm sự tập khởi của năm thủ uẩn. Bởi vì sự tập khởi của ngũ thủ uẩn là tâm hữu lậu nên có tính chất là khổ đau. Vì thế, Đức Phật dạy: ba thọ gồm khổ thọ, lạc thọ, phi khổ phi lạc thọ là vô thường nên khổ. Theo *Từ điển Phật học*, chư hành là chỉ hết thảy pháp hữu vi. Pháp hữu vi là những pháp do nhân duyên hòa hợp mà thành. Như vậy, ý nghĩa vô thường là khổ ở đây là chỉ cho sự tập khởi của năm thủ uẩn. Năm thủ uẩn chính là danh và sắc. Danh là bốn uẩn phi sắc (thọ, tưởng, hành, thức). Sắc gồm nội sắc và ngoại sắc. Nội sắc là bốn đại thuộc về thân thể của mỗi chúng ta. Nội sắc

(thân thể) này sẽ dẫn đến già, bệnh và chết nên nó sẽ dẫn sinh sự khổ đau. Còn các ngoại sắc như sắc (sắc vô tình), thanh, hương, vị, xúc vì chúng không có tâm thức nên sẽ không có tính chất của khổ đau. Cho nên, chúng ta tu tập là để điều phục, đoạn trừ khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ của khổ đế - tập đế nhằm thành tựu được lạc thọ của diệt thánh đế và đạo thánh đế. Lạc thọ này gồm lạc thọ hữu lậu và lạc thọ vô lậu.

Lạc thọ hữu lậu là do tu tập đạo thánh đế hữu lậu. Tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để dẫn sinh hỷ thọ, lạc thọ của thân và tâm. Với lạc thọ ấy, lạc thọ của chúng sinh thuộc về nhân tính sẽ không bằng lạc thọ của chư thiên thuộc Dục giới. Lạc thọ của chư thiên thuộc Dục giới sẽ không bằng lạc thọ của chư thiên thuộc Sắc giới như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền. Lạc thọ của chư thiên thuộc Sắc giới sẽ không bằng lạc thọ của chư thiên thuộc về Vô sắc giới như Không vô biên xứ định, Thức vô biên xứ định, Vô sở hữu xứ định, Phi tưởng phi phi tưởng xứ định. Chính ý

nghĩa này, trong *Tạp A-hàm*, kinh Ưu-đà-di, Đức Phật dạy: *"Này Ưu-đà-di, có hai thọ: thọ dục và thọ ly dục. Thế nào là thọ dục? Thọ do nhân duyên năm công đức của dục sanh ra, đó gọi là thọ dục. Thế nào là thọ ly dục? Tỳ-kheo ly dục và pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc phát sanh do viễn ly, thành tựu và an trụ Sơ thiền, đó gọi là thọ ly dục.*

"Nếu có người nói: 'Chúng sanh nương vào Sơ thiền này, chỉ có đây là lạc, ngoài ra không còn gì khác.' Điều này không đúng. Vì sao? Vì còn có cái lạc thù thắng hơn cái lạc này. Đó là gì? Tỳ-kheo lìa có giác, lìa có quán, nội tĩnh, có hỷ lạc do định sanh, thành tựu và an trụ Nhị thiền; đó gọi là lạc thù thắng. Như vậy, cho đến, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, càng lên càng thù thắng hơn.

"Nếu có người nói: 'Chỉ có những xứ này, cho đến, Phi tưởng phi phi tưởng là cực lạc, không còn chỗ nào khác.' Như vậy cũng lại không đúng. Vì sao? Vì còn có cái lạc thù thắng hơn những nơi này nữa. Đó là gì? Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tưởng thọ diệt, tự thân tác chứng thành tựu; đó là cái lạc thù thắng hơn cái lạc trên."

Còn lạc thọ vô lậu là do tu tập đạo thánh đế vô lậu. Tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để dẫn sinh hỷ thọ, lạc thọ của thân và tâm. Với hỷ thọ và lạc thọ ấy, lạc thọ của bậc thánh Tu-đà-hoàn sẽ không bằng lạc thọ của bậc thánh Tư-đà-hàm; lạc thọ của bậc thánh Tư-đà-hàm sẽ không bằng lạc thọ của bậc thánh A-na-hàm; lạc thọ của bậc thánh A-na-hàm sẽ không bằng lạc thọ của bậc thánh A-la-hán. Tuy nhiên, nếu y cứ vào Kinh và Luận thuộc truyền thống của Đại thừa thì bậc thánh A-la-hán đã đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nhưng các Ngài vẫn chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng). Còn theo lộ trình tu chứng của tứ thánh quả Thanh văn và năm mươi mốt địa vị Bồ-tát thì bậc thánh A-la-hán tương đương với hàng Bồ-tát Bát địa ở trong hàng Thập địa. Cho nên, lạc thọ của bậc thánh A-la-hán sẽ không bằng lạc thọ của hàng Bồ-tát thuộc Thiện Tuệ địa (địa thứ 9); lạc thọ của hàng Bồ-tát thuộc Thiện Tuệ địa sẽ không bằng lạc thọ của hàng Bồ-tát thuộc Pháp Vân địa (địa thứ 10); lạc thọ của

hàng Bồ-tát thuộc Pháp Vân địa sẽ không bằng lạc thọ của hàng Bồ-tát thuộc Đẳng Giác; lạc thọ của hàng Bồ-tát thuộc Đẳng Giác sẽ không bằng lạc thọ của Đức Thế Tôn, tức Diệu Giác.

KINH 60

CHỈ TỨC[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả A-nan ở một mình chỗ vắng, trong lúc thiền tịnh nghĩ rằng: 'Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Vậy điều này có nghĩa gì?'

Suy nghĩ vậy rồi, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, lúc con một mình ở chỗ vắng, thiền tịnh tư duy rằng: 'Như lời Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ;

[1] S. 36. 15-16. Santakam.

lại nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Vậy điều này có nghĩa gì?"

Phật bảo A-nan:

"Ta, vì tất cả hành là vô thường, tất cả hành là pháp biến đổi, nên nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Lại nữa A-nan, Ta, vì các hành tuần tự tịch diệt[1], vì các hành tuần tự tĩnh chỉ[2], nên Ta nói tất cả thọ đều là khổ."

A-nan bạch Phật:

"Thế Tôn vì các hành tuần tự tịch diệt mà nói, là nghĩa thế nào?"

Phật bảo A-nan:

"Khi nhập[3] Sơ thiền, thì ngôn ngữ tịch diệt. Nhập Nhị thiền thì giác quán[4] tịch diệt. Nhập Tam thiền,

---

[1] Tiệm thứ tịch diệt 漸次寂滅. Pāli: anupubbasaṃkhārāṇaṃ nirodho, sự biến mất của các hành theo tuần tự.

[2] Tiệm thứ chỉ tức 漸次止息. Pāli: anupubbasaṃkharaṇaṃ vūpasamoa, lần lượt đình chỉ, an tĩnh.

[3] Nguyên Hán: chánh thọ 正受, Pāli: samāpatti, danh từ; phân từ samāpanna thường được dịch là đạt đến, hay nhập. Pāli: paṭhamaṃ jhānaṃ samāpanassa, khi chứng nhập sơ thiền.

[4] Giác quán 覺觀, hay tầm tứ. Pāli: vitakka-vicāra.

tâm hỷ tịch diệt[1]. Nhập Tứ thiền, hơi thở ra vào tịch diệt. Nhập Không nhập xứ[2], sắc tưởng tịch diệt. Nhập Thức nhập xứ[3], tưởng không nhập xứ vắng lặng. Nhập Vô sở hữu nhập xứ, tưởng thức nhập xứ tịch diệt. Nhập Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tưởng vô sở hữu nhập xứ tịch diệt. Nhập Tưởng thọ diệt, tưởng và thọ tịch diệt. Đó gọi là các hành dần dần vắng lặng."

A-nan bạch Phật:

"Thế Tôn vì các hành tuần tự tĩnh chỉ mà nói, là nghĩa thế nào?"

Phật bảo A-nan:

"Khi nhập Sơ thiền, ngôn ngữ tĩnh chỉ. Nhập Nhị thiền thì giác quán tĩnh chỉ. Nhập Tam thiền, tâm hỷ tĩnh chỉ. Nhập Tứ thiền, hơi thở ra vào tĩnh chỉ. Nhập Không nhập xứ, sắc tưởng tĩnh chỉ. Nhập Thức nhập xứ, tưởng không nhập xứ tĩnh chỉ. Nhập Vô sở hữu nhập xứ, tưởng thức nhập xứ

---

[1] Thiền thứ ba được gọi là "Ly hỷ diệu lạc địa" (thân cảm giác lạc vi diệu do đã loại bỏ hỷ).

[2] Không nhập xứ, tức Không vô biên xứ định (hư không vô biên).

[3] Thức nhập xứ, tức Thức vô biên xứ định.

tĩnh chỉ. Nhập Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tưởng vô sở hữu nhập xứ tĩnh chỉ. Nhập Tưởng thọ diệt, tưởng và thọ tĩnh chỉ. Đó gọi là các hành tuần tự tĩnh chỉ."

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có phải đó gọi là các hành tuần tự tĩnh chỉ?"

Phật bảo A-nan:

"Lại có sự tĩnh chỉ thù thắng, tĩnh chỉ kỳ đặc, tĩnh chỉ tối thượng, tĩnh chỉ vô thượng. Sự tĩnh chỉ như vậy, đối với những sự tĩnh chỉ khác, không có gì hơn được."

A-nan bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, những gì là tĩnh chỉ thù thắng, tĩnh chỉ kỳ đặc, tĩnh chỉ tối thượng, tĩnh chỉ vô thượng. Sự tĩnh chỉ như vậy, đối với những sự tĩnh chỉ khác, không có gì hơn được?"

Phật bảo A-nan:

"Đối với tham dục, mà tâm ly nhiễm, giải thoát; với sân nhuế, mà tâm ly nhiễm, giải thoát; đó gọi là tĩnh chỉ thù thắng, tĩnh chỉ kỳ đặc,

tĩnh chỉ tối thượng, tĩnh chỉ vô thượng. Sự tĩnh chỉ như vậy, đối với những sự tĩnh chỉ khác, không có gì hơn được."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Có những hành giả tu tập đạt được Sơ thiền, rồi an trụ trong định của Sơ thiền để điều phục tham, sân, si đối với năm thủ uẩn. Từ đó, hành giả an trụ trong định của Sơ thiền để tiếp tục nỗ lực tu tập đạt được Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền và cho đến đạt được Diệt tận định. Khi các bậc thánh giả tu tập đạt được Diệt tận định thì sẽ đoạn trừ hết tất cả các hành (khổ đế - tập đế) nên thành tựu quả vị A-la-hán. Cho nên, Đức Phật dạy: "*Khi nhập Sơ thiền, ngôn ngữ tĩnh chỉ. Nhập Nhị thiền thì giác quán tĩnh chỉ. Nhập Tam thiền, tâm hỷ tĩnh chỉ. Nhập Tứ thiền, hơi thở ra vào tĩnh chỉ. Nhập Không nhập xứ, sắc tưởng tĩnh chỉ. Nhập Thức nhập xứ, tưởng không nhập xứ tĩnh chỉ. Nhập Vô sở hữu nhập xứ, tưởng thức nhập xứ tĩnh chỉ. Nhập Phi*

tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tưởng vô sở hữu nhập xứ tĩnh chỉ. Nhập Tưởng thọ diệt, tưởng và thọ tĩnh chỉ. Đó gọi là các hành tuần tự tĩnh chỉ."

Còn nếu chúng ta kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu, thì đây chính là con đường tu tập tĩnh chỉ các hành tối thắng bậc nhất để thành tựu tứ thánh quả cho đến quả vị Phật. Vì thế, Đức Phật dạy:"*Đối với tham dục, mà tâm ly nhiễm, giải thoát; với sân nhuế, mà tâm ly nhiễm, giải thoát; đó gọi là tĩnh chỉ thù thắng, tĩnh chỉ kỳ đặc, tĩnh chỉ tối thượng, tĩnh chỉ vô thượng. Sự tĩnh chỉ như vậy, đối với những sự tĩnh chỉ khác, không có gì hơn được.*"

KINH 61

TIÊN TRÍ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Phật Tỳ-bà-thi, khi chưa thành đạo, một mình ở chỗ thanh vắng thiền tịnh tư duy, bằng quán sát thọ như vầy mà quán sát các thọ: 'Thế nào là thọ? Thế nào là sự tập khởi thọ? Thế nào là sự diệt tận của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự tai hại của thọ? Thế nào là sự xuất ly thọ?' Như vậy quán sát, có ba thọ: khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Khi xúc tập khởi thì thọ tập khởi, khi xúc diệt thì thọ diệt. Nếu đối với thọ mà

[1] Trí đời trước. Pāli, S. 36. 24. Pubbaññāṇa.

ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ. Nếu đối với thọ mà không ham muốn, khen ngợi, không đắm nhiễm, không hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ. Hỷ lạc nếu do nhân duyên thọ mà sanh, đó gọi là vị ngọt của thọ. Nếu cảm thọ là vô thường, là pháp biến dịch, đó gọi là sự tai hại của thọ. Nếu đối với cảm thọ mà đoạn trừ dục tham, vượt qua dục tham, gọi đó là xuất ly thọ."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

"Giống như Phật Tỳ-bà-thi; Phật Thi-khí, Phật Tỳ-thấp-bà-phù, Phật Ca-la-ca Tôn-đề, Phật Ca-na-ca Mâu-ni, Phật Ca diếp và Ta là Phật Thích-ca Văn, khi chưa thành Phật, cũng lại tư duy quán sát các thọ như vậy[1]."

Lược giải

Xúc làm nhân duyên sinh khởi thọ, tưởng, hành. Những gì được cảm thọ bởi thọ thì nó cũng được nhận biết bởi tưởng, ưa muốn hay không

[1] Tóm tắt sáu kinh.

ưa muốn của hành và phân biệt của thức. Sự tập khởi của thọ, tưởng, hành và thức chính là sự tập khởi của khổ đế. Đối với thọ mà có sự ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy thì đây là sự tập khởi của tập đế. Còn đối với thọ mà không có sự ham muốn, không khen ngợi, không đắm nhiễm, không hệ lụy thì đây là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ (đạo thánh đế). Vì thế, để đoạn trừ được khổ thánh đế - tập thánh đế nhằm đạt được diệt thánh đế thì chúng ta phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định - tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định - tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

KINH 62

SA-MÔN BÀ-LA-MÔN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật đối với các thọ; không biết như thật đối với sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, con đường đưa đến sự tập khởi của thọ, con đường đưa đến sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, xuất ly thọ, người này không phải là Sa-môn, không phải là Bà-la-môn, không đồng với Sa-môn, Bà-la-môn, cũng không phải nghĩa Sa-môn, cũng không phải nghĩa Bà-la-môn[2],

[1] S. 36. 26-28. Samaṇa-brāhamaṇa.

[2] Sa-môn nghĩa, Bà-la-môn nghĩa 沙門義, 婆羅門義. Pāli: sāmaññatthaṃ brāhamaññatthaṃ, đối với mục đích của Sa-môn, Bà-la-môn.

ngay trong đời hiện tại không tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

"Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật đối với các thọ; biết như thật đối với sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, con đường đưa đến sự tập khởi của thọ, con đường đưa đến sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, xuất ly thọ, người này là Sa-môn của Sa-môn, Bà-la-môn của Bà-la-môn, đồng với Sa-môn, đồng với Bà-la-môn, đúng nghĩa Sa-môn, đúng nghĩa Bà-la-môn, ngay trong đời hiện tại tự tri tự tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Đức Phật dạy: Những Sa-môn nào sống với tâm tà kiến, tà tư duy nên sẽ dẫn sinh tà ngữ,

tà nghiệp và tà mạng thì đây không phải là Sa-môn. Còn những Sa-môn nào sống với tâm chánh kiến và chánh tư duy nên dẫn sinh chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng thì đây mới đúng nghĩa của Sa-môn.

KINH 63

ĐẾ THÍCH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trên tảng đá mềm xốp màu xám[2], tại cõi trời Tam thập tam, cách cây Ba-lê-da-đa-la[3], loại cây đàn hương Câu-tỳ-đà-la[4], không xa. Phật an cư ở đó để thuyết pháp cho mẫu thân và chư Thiên cõi trời Tam thập tam. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang an cư ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ, toàn thể bốn chúng cùng đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên,

[1] Pāli, S.40.10 Sakko. Tham chiếu, №125(36.5).

[2] Thông sắc hư nhuyễn thạch 驄色虛軟石, một tảng đá rất lớn ở trên chóp đỉnh Tu-di.

[3] Ba-lê-da-đa-la 波梨耶多羅, dịch là Trú đạc thọ, hay Viên sanh thọ, loại cây san hô che mát cõi trời Tam thập tam. Pāli: *pāricchattaka.*

[4] Câu-tỳ-đà-la hương thọ 拘毘陀羅香樹, một loại cây hắc đàn. Pāli: *kovidāra.*

lễ dưới chân, rồi cùng ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Mục-kiền-liên:

"Tôn giả có biết Đức Thế Tôn đang an cư ở đâu không?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

"Tôi nghe Thế Tôn đang ở trên tảng đá mềm xốp màu xám, tại cõi trời Tam thập tam, cách cây Ba-lê-da-đa-la, loại cây đàn hương Câu-tỳ-đà-la, không xa. Phật an cư ở đó để thuyết pháp cho mẫu thân và chư Thiên cõi trời Tam thập tam."

Sau khi nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói như vậy, tất cả bốn chúng đều tùy hỷ, hoan hỷ, đứng dậy làm lễ mà lui.

Bấy giờ bốn chúng đã qua ba tháng an cư, lại cùng nhau đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cúi đầu lễ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vì bốn chúng mà nói pháp, khai thị, chỉ giáo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ, Tôn giả ngồi im. Khi ấy, bốn chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ và thưa với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nên biết, chúng tôi không được gặp Đức Thế Tôn đã lâu, lòng rất khao khát muốn gặp Đức Thế Tôn. Xin Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nếu không mệt mỏi, hãy vì chúng tôi mà lên cõi trời Tam thập tam, thay cho chúng tôi hầu thăm Đức Thế Tôn, có được ít bệnh ít não, đi đứng an lạc, nhẹ nhàng không? Và Tôn giả bạch với Đức Thế Tôn là bốn chúng ở Diêm-phù-đề mong muốn gặp Thế Tôn, nhưng vì không có thần lực để bay lên cõi trời Tam thập tam kính lễ Đức Thế Tôn được, còn trời Tam thập tam vì có thần lực nên họ đi xuống nhân gian! Cúi xin Đức Thế Tôn rủ lòng thương xót trở lại cõi Diêm-phù-đề."

Tôn giả Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Khi bốn chúng biết Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã im lặng nhận lời rồi, thì mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ ra về.

Bấy giờ Tôn giả Mục-kiền-liên biết bốn chúng đã đi, liền nhập định, trong khoảnh khắc như đại lực sĩ co duỗi cánh tay, từ nước Xá-vệ biến mất, hiện ra trên tảng đá mềm xốp màu xám, tại cõi

trời Tam thập tam, cách cây Ba-lê-da-đa-la, loại cây đàn hương Câu-tỳ-đà-la, không xa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang thuyết pháp với vô lượng quyến thuộc của Thiên chúng cõi trời Tam thập tam đang vây quanh. Tôn giả Mục-kiền-liên vừa trông thấy Đức Thế Tôn, liền hân hoan vui mừng, nghĩ rằng: 'Nay Thế Tôn thuyết pháp cho đại chúng chư Thiên đang vây quanh, không khác gì chúng hội ở cõi Diêm-phù-đề.'

Khi ấy, Thế Tôn biết được ý nghĩ trong tâm của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, bèn nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Này Đại Mục-kiền-liên, không phải là vì tự lực, mà khi Ta muốn thuyết pháp cho chư Thiên thì chư Thiên kia liền vân tập đến và muốn khiến cho họ đi, thì họ lập tức trở về. Chư Thiên kia theo tâm Ta mà đến, tùy tâm Ta mà đi."

Lúc bấy giờ, Tôn giả Mục-kiền-liên cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Có vô số đại chúng chư Thiên vân tập. Trong Thiên chúng này, phải chăng có vị đã từng nghe

pháp được thuyết từ Phật Thế Tôn, đã chứng đắc bất hoại tịnh[1], nên khi thân hoại mạng chung lại sanh đến cõi này?"

Phật bảo Đại Mục-kiền-liên:

"Đúng vậy, đúng vậy! Trong hàng chư Thiên đang vân tập ở đây, có vị đời trước nghe pháp, đã chứng đắc bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới, nên khi thân hoại mạng chung lại sanh đến cõi này.

Khi ấy Thiên đế Thích thấy Thế Tôn và Tôn giả Mục-kiền-liên cùng khen ngợi, cùng nói chuyện với các Thiên chúng, liền thưa với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Đúng vậy, đúng vậy! Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, trong chúng hội chư Thiên ở đây, tất cả đều từ đời trước đã từng nghe Chánh pháp, đã chứng đắc bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới, nên khi thân hoại mạng chung lại sanh đến cõi này."

---

[1] Bất hoại tịnh 不壞淨, hay bất hoại tín, chứng tịnh, trừng tịnh; bốn chi phần của vị đã chứng quả Dự lưu. Pāli: *aveccappasāda.*

Lúc đó có một Tỳ-kheo, thấy Thế Tôn và Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng Đế Thích trao đổi những lời tốt đẹp, Tỳ-kheo ấy nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Đúng vậy, đúng vậy, thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, chư Thiên đến trong pháp hội này đều là những người từ đời trước đã từng nghe chánh pháp, đã chứng đắc bất hoại tịnh đối với Phật, Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới, sau khi thân hoại mạng chung lại sanh đến cõi này."

Lúc ấy có một Thiên tử từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên hữu, chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, con cũng đã thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, nên lại sanh đến đây."

Lại có Thiên tử nói:

"Con đã thành tựu được bất hoại tịnh đối với Pháp."

Có vị nói:

"Đã đạt được bất hoại tịnh đối với Tăng."

Có vị nói:

"Đã thành tựu được Thánh giới, nên lại sanh đến cõi này."

Vô lượng ngàn số chư Thiên như vậy, đến trước Thế Tôn mỗi người tự ký thuyết là đã đạt được pháp Tu-đà-hoàn, tất cả ở trước Phật liền biến mất.

Khi ấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên biết chúng chư Thiên đi chưa bao lâu, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch vai bên hữu, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, bốn chúng ở cõi Diêm-phù-đề xin cúi đầu đảnh lễ Đức Thế Tôn và kính hầu thăm Thế Tôn có được ít bệnh, ít não, đi, đứng an lạc, nhẹ nhàng không? Bốn chúng nhớ mong, trông gặp Thế Tôn. Lại nữa, bạch Thế Tôn, bốn chúng ở nhân gian không có thần lực để bay lên cõi trời Tam thập tam kính lễ Thế Tôn, nhưng chư Thiên có thần lực, công đức lớn nên có thể bay xuống cõi Diêm-phù-đề! Cúi xin Đức Thế Tôn thương xót bốn chúng, mà trở về cõi Diêm-phù-đề."

Phật bảo Mục-kiền-liên:

"Ngươi hãy trở về nói với người cõi Diêm-phù-đề rằng: Sau bảy ngày nữa Thế Tôn sẽ từ cõi trời Tam thập tam trở lại cõi Diêm-phù-đề,

dưới cây Ưu-đàm-bát, phía bên ngoài cổng ngoài của thành Tăng-ca-xá[1]."

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vâng lời dạy Thế Tôn, liền nhập chánh định trong khoảnh khắc, như lực sĩ co duỗi cánh tay, từ cõi trời Tam thập tam biến mất, hiện đến Diêm-phù-đề, báo với bốn chúng:

"Các người nên biết, sau bảy ngày nữa Thế Tôn sẽ từ cõi trời Tam thập tam trở lại cõi Diêm-phù-đề, dưới cây Ưu-đàm-bát, phía bên ngoài cổng ngoài của thành Tăng-ca-xá."

Đúng như bảy ngày đã hẹn, Đức Thế Tôn từ cõi trời Tam thập tam trở lại Diêm-phù-đề, dưới cây Ưu-đàm-bát, phía bên ngoài cổng ngoài của thành Tăng-ca-xá. Thiên long, Quỷ thần cho đến Phạm thiên, đều theo Thế Tôn xuống nơi này. Ngay lúc ấy, gọi hội này là chỗ trời xuống[2].

---

[1] Tăng-ca-xá thành 僧迦舍城, №125 (36.5): Tăng-ca-thi quốc. Pāli: *Saṃkassa,* một vương quốc bên bờ sông Hằng, Trung Ấn.

[2] Thiên há xứ 天下處. Pāli nói là lễ hội Mahāpavāraṇa (Đại tự tứ).

KINH 64

BỐN MƯƠI THIÊN TỬ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có bốn mươi Thiên tử tướng mạo rất đẹp đẽ, sáng sớm đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên. Thế Tôn bảo các Thiên tử ấy rằng:

"Lành thay! Lành thay! Các Thiên tử! Các ngươi đối với Phật đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại; đối với Pháp, Tăng thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, và thành tựu Thánh giới chưa?"

Bấy giờ, có một Thiên tử đứng dậy, sửa lại y phục, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi chấp tay bạch Phật:

[1] Đại chánh, kinh 1135. Pāli, S. 55. 20. *Devacārika.*

"Bạch Thế Tôn! Đối với Phật con đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, nhờ công đức này, nên khi thân hoại mạng chung con được sinh lên cõi trời."

Một Thiên tử thưa:

"Bạch Thế Tôn! Đối với Pháp con đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, nhờ công đức này, nên khi thân hoại mạng chung con được sinh lên cõi trời."

Một Thiên tử thưa:

"Bạch Thế Tôn! Đối với Tăng con đã thành tựu tâm thanh tịnh bất hoại, nhờ công đức này, nên khi thân hoại mạng chung con được sinh lên cõi trời."

Một Thiên tử thưa:

"Bạch Thế Tôn! Đối với Thánh giới con đã thành tựu, nhờ công đức này nên khi thân hoại mạng chung con được sinh lên cõi trời."

Bấy giờ, bốn mươi Thiên tử ở trước Phật tự ký thuyết về quả Tu-đà-hoàn rồi liền biến mất.

Giống như bốn mươi vị Thiên tử, cũng vậy, bốn trăm Thiên tử, tám trăm Thiên tử, mười nghìn Thiên tử, hai chục nghìn Thiên tử, ba chục nghìn Thiên tử, bốn chục nghìn Thiên tử, năm chục nghìn Thiên tử, sáu chục nghìn Thiên tử, bảy chục nghìn Thiên tử, tám chục nghìn Thiên tử, họ ở trước Phật tự ký thuyết về quả Tu-đà-hoàn xong liền biến mất.

Lược giải kinh số 63, 64

Đời hiện tại này, nếu chúng ta kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu thì sẽ đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu được bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai. Nhờ đó, bậc thánh Tu-đà-hoàn chỉ còn lại với thời gian tối đa bảy lần qua lại giữa thiên thượng và nhân gian (trong Dục giới) tu tập để thành tựu quả vị A-la-hán. Vì thế, Đức Phật dạy: "*Ta chưa từng thấy một vị đệ tử của Ta kiến đạo mà phải trải qua đời thứ tám*".

KINH 65

NHỊ LỰC ❶[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.[**184b**] Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có hai loại thứ lực. Những gì là hai? Lực của tư trạch[2] và lực của tu.[3] Thế nào là lực của tư trạch? Thánh đệ tử ở dưới gốc cây, ngồi trong rừng vắng, tư duy như vầy: 'Đối với ác hành của thân, đời hiện tại này và đời sau chịu báo ác. Nếu ta gây hành vi ác bởi thân, tự ta phải chê trách, khiến cho người khác cũng chê trách. Đại Sư của ta cũng chê

[1] Hai sức mạnh Pāli, A.2.2.1 Balāni

[2] Nguyên Hán: số lực 數力 Pāli: *paṭisaṅkhānabala,* sức mạnh của sự giản trạch, tức năng lực quán sát và phân tích của huệ Xem *Câu-xá 1* (tr 1b) Bản Hán hiểu theo ngữ nguyên *saṅkhā*, con số.

[3] Tu lực 修力 Pāli, bhāvanābala.

trách[1], các đại đức đồng phạm hạnh của ta cũng chê trách. Ta sẽ bị khiển trách theo pháp, tiếng ác của ta được đồn khắp, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đọa ác thú, sinh trong địa ngục. Đoạn trừ ác hành của thân có hiện báo và hậu báo như vậy; tu thiện hành của thân. Cũng như thân làm ác; miệng, ý làm ác cũng nói như vậy. Đó gọi là lực của tư trạch.

Thế nào là lực của tu? Tỳ-kheo học lực của tư trạch. Thánh đệ tử sau khi thành tựu được lực của tư trạch, tùy thuận mà đạt được lực của tu. Khi có được lực của tu, lực của tu sẽ đầy đủ."

Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Nếu chúng ta tu học nhưng văn tuệ không đúng đắn thì sẽ dẫn sinh tư tuệ không đúng đắn. Từ nơi tư tuệ không đúng đắn sẽ dẫn sinh tu tuệ không đúng đắn. Tu tuệ không đúng đắn sẽ không thành tựu quả báo tốt đẹp. Vì thế, những vị này sẽ không

[1] Ngã Đại sư diệc đương hối 我大師亦當悔

phân biệt được trước sự giáo thuyết chánh tà của những người khác và tâm sẽ bị khuynh động bởi những điều ấy.

Vì vậy, chúng ta là những người xuất gia và những người cư sỹ tại gia tu tập thì cần phải y vào lời dạy của Đức Thế Tôn. Để hiểu rõ lời dạy ấy, chúng ta phải tu học qua các giai đoạn như văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Chính nhờ văn tuệ đúng đắn sẽ dẫn sinh tư tuệ đúng đắn. Rồi từ nơi tư tuệ đúng đắn sẽ dẫn sinh tu tuệ đúng đắn. Văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ đúng đắn là do sự chỉ dạy của những bậc thiện tri thức. Nhờ đó, chúng ta mới thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên, tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Với ý nghĩa của văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ, người viết đã trình bày ở phần kinh *Chuyển Pháp Luân*.

KINH 66

TỨ NHIẾP SỰ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt:

"Bố thí tối thắng, đó là pháp thí. Ái ngữ tối thắng, là khiến thiện nam tử thích nghe, nói pháp đúng lúc. Hành lợi tối thắng là đối với người không có tín khiến có tín, xác lập trên tín; đối với người học giới thì xác lập bằng tịnh giới; đối với người bỏn sẻn thì bằng bố thí; đối với người ác trí huệ thì bằng chánh trí mà xác lập. Đồng lợi[2] tối thắng là,

[1] Đại chánh, kinh 668.

[2] Đồng lợi 同利, ta quen hiểu là đồng sự Pāli: *samānattatā,* đồng ngã, nâng người lên ngang mình, Hán đọc là *samānattha*, đồng lợi, lợi bình đẳng. Theo giải thích của kinh, nên hiểu là đồng ngã: *samānattatā.*

nếu A-la-hán thì trao cho người quả A-la-hán. A-na-hàm thì trao cho người quả A-na-hàm. Tư-đà-hàm thì trao cho người quả Tư-đà-hàm. Tu-đà-hoàn thì trao cho người quả Tu-đà-hoàn. Người tịnh giới thì trao người khác bằng tịnh giới."

Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 67

NHIẾP[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt:

"Nếu như có pháp nào để nhiếp thủ đại chúng thì tất cả đều ở trong bốn nhiếp sự. Hoặc một nhiếp thủ là bố thí, hoặc một nhiếp thủ là ái ngữ, hoặc một nhiếp thủ là hành lợi, hoặc một nhiếp thủ là đồng lợi. Ở trong thời quá khứ, những pháp nào đã nhiếp thủ đại chúng trong thời quá khứ cũng không ngoài bốn nhiếp sự. Những pháp nào sẽ nhiếp thủ đại chúng trong thời vị lai cũng không ngoài bốn nhiếp sự. Hoặc một pháp nhiếp thủ là

[1] Pāli, A 4.32 Saṅgaha.

bố thí, hoặc một pháp nhiếp thủ là ái ngữ, hoặc một pháp nhiếp thủ là hành lợi, hoặc một pháp nhiếp thủ là đồng lợi."

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Bố thí cùng ái ngữ,
Hoặc hành vi hành lợi,
Đồng lợi các hành vi,
Mỗi tùy chỗ thích hợp.
Nhờ đây nhiếp thế gian,
Như xe lăn nhờ gang[1].
Đời không bốn nhiếp sự,
Quên ơn mẹ nuôi con.
Cũng không tôn trọng cha,
Không khiêm tốn phụng sự.
Vì có bốn nhiếp sự,
Và tùy thuận pháp này.
Cho nên có Đại sĩ,
Đức trùm cả thế gian.[2]

---

[1] Hán: công 釭, ống gang trong bánh xe Pāli: *ete kho saṅgahā loke, rathassāṇīva yāyato,* những nhiếp sự này ở trong đời, như cái chốt trục xe khiến xe lăn.

[2] Pāli: *yasmā ca saṅgaha ete samavekkhanti paṇḍitā, tasmā mahattaṃ papponti pāsaṃsā ca bhavanti,* bậc trí do quán sát các nhiếp sự này mà đạt được sự vĩ đại và có danh thơm.

Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải kinh số 66, 67

Chúng ta tu học thì cần phải thực hành bố thí, ái ngữ, hành lợi và đồng lợi. Để thành tựu được bốn điều này thì chúng ta phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Nhờ tu tập đạo thánh đế như vậy nên chúng ta mới thực hành được bố thí, ái ngữ, hành lợi và đồng lợi. Bố thí gồm tài thí và pháp thí. Hai loại bố thí ấy, pháp thí là loại bố thí thù thắng bậc nhất. Chính pháp thí mới giúp cho người khác có được chánh kiến thuộc về văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Nhờ đó, những vị ấy mới tu tập các thiện pháp hữu lậu và cho đến thiện pháp vô lậu. Vì vậy, Đức Phật dạy pháp thí là loại bố thí thù thắng bậc nhất.

Chính vì thế, trong *Trung A-hàm*, kinh *Cù-đàm-di*, Đức Phật dạy: Bố thí cho súc sanh cũng

có phước rất nhiều, huống nữa là bố thí cho những người hiền thiện, các bậc thánh giả và cho đến Đức Phật. Cũng như trong *Tạp A-hàm*, kinh *Sanh Văn*, Đức Phật dạy: *"Này Bà-la-môn, cho đến bất cứ người nào, chỉ cần đem thức ăn trong khi rửa bát chén còn lại, đổ ở trên đất sạch, khiến cho những sanh vật nơi đó được sự lợi lạc, thì Ta nói những người đó đã được vào cửa phước rồi, huống chi là bố thí cho con người."*

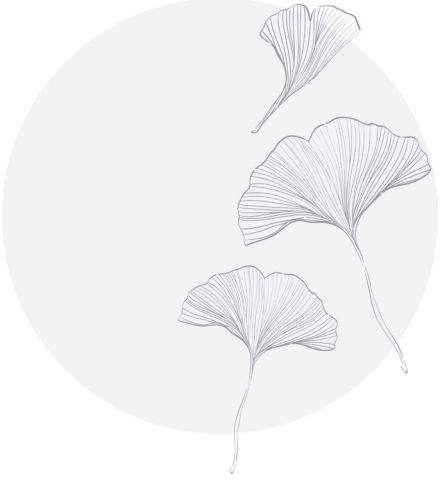

KINH 68

THIỆN TRI THỨC[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tinh xá Giáp cốc[2] thành Vương Xá. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở tại đó.

Khi Tôn giả ở một mình nơi vắng, thiền tịnh tư duy, suy nghĩ như vầy: 'Một nữa phạm hạnh chính là thiện trí thức, thiện bạn đãng, thiện tùy tùng, chẳng phải là ác trí thức, ác bạn đãng, ác tùy tùng.'

Rồi Tôn giả từ thiền tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, con ở một mình nơi vắng, thiền định tư duy và nghĩ như vầy: 'Một nửa phạm hạnh chính là thiện trí thức, thiện bạn đãng,

[1] Đại chánh, kinh 726. S 45 2 Upaḍḍha.

[2] Giáp cốc tinh xá 夾谷精舍.

thiện tùy tùng, chẳng phải là ác trí thức, ác bạn đãng, ác tùy tùng.'"

Phật bảo A-nan:

"Chớ nghĩ như vầy: 'Một nửa phạm hạnh chính là thiện trí thức, thiện bạn đãng, thiện tùy tùng, chẳng phải là ác trí thức, ác bạn đãng, ác tùy tùng.' Vì sao? Thuần nhất mãn tịnh, phạm hạnh thanh bạch, chính là thiện tri thức, thiện bạn đãng, thiện tùy tùng, chẳng phải là ác trí thức, ác bạn đãng, ác tùy tùng[1]. Vì Ta là thiện trí thức nên có chúng sanh ở nơi Ta mà tiếp nhận niệm giác chi, y viễn ly, y vô dục, y tịch diệt, hướng đến xả. Cũng vậy, trạch giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ, khinh an, định, và xả giác chi, y viễn ly, y vô dục, y tịch diệt, hướng đến xả. Vì vậy cho nên, A-nan, thuần nhất mãn tịnh, phạm hạnh thanh bạch, chính là thiện tri thức, thiện bạn đãng, thiện tùy tùng, chẳng phải là ác trí thức, ác bạn đãng, ác tùy tùng..."

Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

[1] Pāli: *sakalam evidaṃ brahmacariyaṃ yadidṃ kalyaṇāmittā kalyāṇa-sahāyatā*, chính toàn bộ đời sống phạm hạnh này là thiện tri thức, thiện đồng hành...

KINH 69

THIỆN TRI THỨC[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ở trong ngoại pháp, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp thiện chưa sanh, khiến sanh; pháp thiện đã sanh rồi, khiến tái sanh và làm tăng trưởng, như đã nói về thiện tri thức, thiện bạn đãng, thiện tùy tùng. Các Tỳ-kheo, thiện tri thức, thiện bạn đãng, thiện tùy tùng khiến cho chánh kiến chưa sanh, nó làm cho sanh; chánh kiến đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng. Cũng vậy, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định chưa sanh, khiến sanh; đã sanh rồi khiến tái sanh và làm tăng trưởng."

[1] Đại chánh, kinh 779.

Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải kinh số 68, 69

Thiện tri thức là những vị tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Nhờ thiện tri thức chỉ dạy Phật pháp nên chúng ta mới có được chánh kiến về văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Chánh kiến tu tuệ gồm chánh kiến tu tuệ hữu lậu và chánh kiến tu tuệ vô lậu. Trong đó, chánh kiến tu tuệ hữu lậu là do tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn chánh kiến tu tuệ vô lậu là do tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến thành tựu quả vị Phật. Sự thành tựu ấy là hoàn toàn nhờ sự chỉ dạy của bậc thiện tri thức. Do đó, người thầy tu tập đạo thánh đế và dạy cho chúng ta biết tu tập đạo thánh đế là bậc thiện tri thức của tất cả chúng ta.

KINH 70

QUẢNG THUYẾT BÁT THÁNH ĐẠO[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

"Thế nào là chánh kiến? Chánh kiến có hai: có chánh kiến thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ[2], chuyển hướng cõi thiện.[3] Có chánh kiến thuộc về

[1] Đại chánh, kinh 785. Cf M 117 Mahācattārīsakasutta.

[2] Hán: thủ 取, ở đây, Pāli: *upadhi,* hữu y, tức sở y của tái sanh.

[3] Pāli, M.111: *atthi bhikkhave sammādiṭṭhi sāsavāpuññabhāgiyā updhivepakkhā,* có chánh kiến là hữu lậu, thuộc phần phước nghiệp, đưa đến hữu y.

xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ.[1]

"Thế nào là chánh kiến hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Thấy rằng: Có bố thí, có chú thuyết… *cho đến biết* thế gian có A-la-hán, không tái sanh đời sau[2]. Đó gọi là chánh kiến thế tục thuộc về thế gian, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

"Thế nào là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo, tương ưng với tư duy vô lậu, ở nơi pháp mà tuyển trạch, phân biệt, suy cầu, giác tri, hiệt huệ, quán sát tỏ ngộ. Đó gọi là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh tư duy? Chánh tư duy có hai loại: có chánh tư duy thuộc về thế tục, hữu lậu,

---

[1] Pāli: *atthi bhikkhave sammādiṭṭhi ariyā anāsavā lokuttarā maggaṅgā,* có chánh kiến thuộc bậc Thánh, vô lậu, xuất thế gian, thành phần của Đạo.

[2] Xem kinh Đại chánh 784.

hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh tư duy thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh tư duy thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Chánh tư duy với tư duy xuất yếu, tư duy vô nhuế, tư duy bất hại; đó gọi là chánh tư duy thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

"Thế nào là chánh tư duy thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo, tâm pháp tương ưng với tư duy vô lậu, phân biệt, tự quyết, ý giải, suy tính, lập y. Đó gọi là chánh tư duy thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh ngữ? Chánh ngữ có hai loại: Có chánh ngữ thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh ngữ thuộc về

xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh ngữ thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành? Lời nói đúng, xa lìa lời nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, lời nói phù phiếm. Đó gọi là chánh ngữ thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành.

"Thế nào là chánh ngữ thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo, trừ tà mạng, niệm tưởng xa lìa bốn ác hành của miệng và các ác hành khác của miệng, xa lìa các ác hành ấy; vô lậu, viễn ly, không dính trước, giữ chặt, nhiếp trì không phạm; không vượt qua thời tiết, không vượt qua giới hạn. Đó gọi là chánh ngữ thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh nghiệp? Chánh nghiệp có hai loại: Có chánh nghiệp thuộc về thế tục,

hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh nghiệp thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh nghiệp thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Xa lìa sát, đạo, dâm. Đó gọi là chánh nghiệp thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

"Thế nào là chánh nghiệp thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo, trừ tà mạng, nhớ đến ba ác hành nơi thân, và các thứ ác hành khác nơi thân; vô lậu, viễn ly, không dính trước, giữ chặt, nhiếp trì không phạm; không vượt qua thời tiết, không vượt qua giới hạn. Đó gọi là chánh nghiệp thuộc về xuất thế gian, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh mạng? Chánh mạng có hai loại: Có chánh mạng thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh mạng

thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, bất thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh mạng thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Tìm cầu y, thực, ngọa cụ, thuốc thang theo bệnh đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Đó gọi là chánh mạng thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

"Thế nào là chánh mạng thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo; đối với các tà mạng, vô lậu không thích đắm trước cố thủ, giữ gìn không phạm, không vượt qua thời tiết, không vượt qua giới hạn. Đó gọi là chánh mạng thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh tinh tấn? Chánh tinh tấn có hai loại: Có chánh tinh tấn thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh tinh tấn thuộc xuất thế gian của bậc Thánh,

vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh tinh tấn thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Dục, tinh tấn, phương tiện siêu xuất, xác lập vững chắc, có khả năng tạo tác tinh tấn; nhiếp thọ tâm pháp, luôn luôn không dừng nghỉ. Đó gọi là chánh tinh tấn thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

"Thế nào là chánh tinh tấn thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo; tâm pháp tương ưng với ức niệm vô lậu, dục, tinh tấn, phương tiện siêu xuất, xác lập vững chắc, có khả năng tạo tác tinh tấn; nhiếp thọ tâm pháp, luôn luôn không dừng nghỉ. Đó gọi là chánh tinh tấn thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh niệm? Chánh niệm có hai loại: Có chánh niệm thuộc thế tục, hữu lậu,

hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện. Có chánh niệm thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh niệm thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành? Hoặc niệm, hoặc tùy niệm, hoặc trùng niệm, hoặc ức niệm, không quên lãng, không hư. Đó gọi là chánh niệm thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành.

"Thế nào là chánh niệm thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo; tâm pháp tương ưng với tư duy vô lậu, hoặc niệm, hoặc tùy niệm, hoặc trùng niệm, hoặc ức niệm, không quên lãng, không hư. Đó gọi là chánh niệm thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh định? Chánh định có hai: Có chánh định thuộc thế tục, hữu lậu, hữu thủ,

chuyển hướng cõi thiện. Có chánh định thuộc xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.

"Thế nào là chánh định thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành? Tâm trụ không loạn, không động, nhiếp thọ, tĩnh chỉ, chánh định, nhất tâm. Đó gọi là chánh định thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành.

"Thế nào là chánh định thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo; tâm pháp tương ưng với tư duy vô lậu, an trụ không loạn không tán, nhiếp thọ, tĩnh chỉ, chánh định, nhất tâm. Đó gọi là chánh định xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ."

Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 71

SANH VĂN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Bà-la-môn Sanh Văn đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật. Sau khi cùng Thế Tôn thăm hỏi ân cần xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

"Thưa Cù-đàm, gọi là chánh kiến; thế nào là chánh kiến?"

Phật bảo Bà-la-môn:

"Chánh kiến có hai: có chánh kiến thuộc về thế tục, hữu lậu, hữu thủ, hướng đến đường lành. Có loại chánh kiến thuộc về vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ.

[1] Đại chánh, kinh 789.

"Thế nào là chánh kiến hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện? Người nào thấy có bố thí, có chú thuyết… cho đến biết thế gian có A-la-hán, không tái sanh đời sau.[1] Này Bà-la-môn, đó gọi là chánh kiến thế tục thuộc về thế gian, hữu lậu, hữu thủ, chuyển hướng cõi thiện.

"Bà-la-môn, thế nào là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, hết khổ chân thật, hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử nơi khổ tư duy khổ; nơi tập, diệt, đạo tư duy đạo, tương ưng với tư duy vô lậu, ở nơi pháp mà tuyển trạch, phân biệt, suy cầu, giác tri, hiệt huệ, quán sát tỏ ngộ. Đó gọi là chánh kiến thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ."

Sau khi Phật nói Kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

---

[1] Xem kinh Đại chánh 784.

Lược giải kinh số 70, 71

Bát Chánh Đạo

Tám Thánh đạo chính là con đường thánh gồm tám yếu tố hay tám thành phần. Tám yếu tố này đã tạo thành con đường tu tập để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên, tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

+ Nội dung tám chi phần của bát chánh đạo

- Chánh kiến

Chánh kiến là nhận thức đúng đắn về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế.

Chánh kiến chính là nhận biết rõ chánh kiến và tà kiến, chánh tư duy và tà tư duy, chánh ngữ và tà ngữ, chánh nghiệp và tà nghiệp, chánh mạng và tà mạng, chánh tinh tấn và tà tinh tấn, chánh niệm và tà niệm, chánh định và tà định, chánh giải thoát và tà giải thoát, chánh trí và tà trí. Ngược lại, tà kiến là không nhận thức rõ chánh kiến và tà kiến, chánh tư duy và tà tư duy, chánh ngữ và

tà ngữ, chánh nghiệp và tà nghiệp, chánh mạng và tà mạng, chánh tinh tấn và tà tinh tấn, chánh niệm và tà niệm, chánh định và tà định, chánh giải thoát và tà giải thoát, chánh trí và tà trí. Cho nên, trong *Trung A-hàm*, kinh *Thánh Đạo*, Đức Phật dạy: đây là bốn mươi đại pháp mà không một ai có thể chế ngự, bài xích, phỉ bác.

Lại nữa, chánh kiến gồm chánh kiến thuộc văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Ý nghĩa chánh kiến của ba giai đoạn này, người viết đã trình bày ở phần thị chuyển, khuyến chuyển và chứng chuyển.

Trong *Trung A-hàm*, Kinh *Đại Câu-hi-la*, số *29*, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Đại Câu-hi-la:

"Này Hiền giả Đại Câu-hi-la, có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó mà Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến?

Tôn giả Đại Câu-hi-la trả lời rằng: "Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết bất thiện và biết căn của bất thiện. Đó là có Tỳ-kheo biết thiện và biết căn của thiện.

"Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo biết như thật về lậu, biết như thật về tập của lậu, diệt của

lậu và diệt đạo của lậu như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến.

Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo".

Trong *Tăng Nhất A-hàm*, Phẩm *Hữu Vô*, kinh số *10*, Đức Phật dạy: *"Có hai nhân duyên khởi lên chánh kiến. Những gì là hai? Nhận pháp giáo hóa, bên trong tư duy chỉ quán. Tỳ-kheo, đó gọi là có hai nhân duyên khởi lên chánh kiến."*

Trong *Trung A-hàm*, kinh Đại Câu-Hy-La, số *211*, Tôn giả Đại Câu-hy-la trả lời với Tôn giả Xá-lợi-phất:*"Có hai nhân duyên sanh chánh kiến. Những gì là hai? Một là duyên từ người khác, hai là nội tâm tư duy. Đó là có hai nhân duyên sanh chánh kiến".*

Trong *Trung A-hàm*, Kinh *Phù-Di*, số *173*, Đức Phật dạy:

"Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn chánh kiến, chánh kiến kiên định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh nên tất sẽ chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải

có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, thì tất sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối".

Trong *Trung Bộ Kinh*, Kinh *Phù-di*, số *126*, Đức Thế Tôn dạy:

"Này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì cớ sao? Đây là phương pháp, này Bhumija, để đạt được quả vị".

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh kiến như sau: *"Thế nào là chánh kiến? Chánh kiến có hai: chánh kiến hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh kiến vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.*

Thế nào là chánh kiến hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Nếu người nào thấy có bố thí… cho đến biết thế gian có A-la-hán… Đó là chánh kiến hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện. Chánh kiến vô lậu của bậc Thánh, không thủ, hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế; tâm tương ưng với vô lậu, quán sát tỏ ngộ. Đó gọi là chánh kiến vô lậu, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ".

- Chánh tư duy

Chánh tư duy là tư duy, chiêm nghiệm đúng đắn về khổ thánh đế, tập thánh đế, diệt thánh đế và đạo thánh đế. Chánh tư duy gồm có chánh tư duy hữu lậu và chánh tư duy vô lậu. Do đó, nếu chánh kiến hữu lậu sinh khởi thì sẽ dẫn sinh chánh tư duy hữu lậu. Còn nếu chánh kiến vô lậu sinh khởi thì sẽ dẫn sinh chánh tư duy vô lậu.

Thế nên, trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh tư duy như sau:

"Thế nào là chánh tư duy? Chánh tư duy có hai loại: chánh tư duy hữu lậu, chuyển hướng đến

cõi thiện; chánh tư duy vô lậu của bậc thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là chánh tư duy hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Chánh tư duy về xuất yếu, vô nhuế, bất hại; Đó gọi là chánh tư duy thuộc về hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.

Thế nào là chánh tư duy vô lậu của bậc thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; tâm tương ưng với tư duy vô lậu. Đó gọi là chánh tư duy vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ".

- Chánh ngữ

Chánh ngữ là lời nói đúng đắn với sự thật của khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế.

Chánh ngữ là không nói dối, không nói thêm thắt (thêu dệt), không nói lời ly gián (hai lưỡi), không nói lời thô ác.

Nếu chúng ta an trụ trong chánh kiến và chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh chánh ngữ. Còn nếu chúng ta sống với tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh tà ngữ.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh ngữ như sau:

"Thế nào là chánh ngữ? Chánh ngữ có hai loại: chánh ngữ hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh ngữ vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là chánh ngữ hữu lậu, hướng đến đường lành? Lời nói đúng, xa lìa lời nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, lời nói thêu dệt. Đó là chánh ngữ hữu lậu, hướng đến đường lành.

Thế nào là chánh ngữ vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; tâm tương ưng với vô lậu, viễn ly, không dính trước. Đó gọi là Chánh ngữ vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ."

- Chánh nghiệp

Chánh nghiệp là hành động đúng đắn. Đó là hành động không sát sanh, không trộm cắp và không tà dâm.

Nếu chúng ta an trụ trong chánh kiến và chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh chánh nghiệp. Còn nếu

chúng ta sống với tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh tà nghiệp.

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh nghiệp như sau:

"Thế nào là chánh nghiệp? Chánh nghiệp có hai loại: chánh nghiệp hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh nghiệp vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là chánh nghiệp hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Xa lìa sát sanh, trộm cắp, tà dâm, đó gọi là chánh nghiệp hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.

Thế nào là chánh nghiệp vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; tâm tương ưng vô lậu, viễn ly, không dính trước. Đó gọi là chánh nghiệp vô lậu của bậc thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ".

- Chánh mạng

Chánh mạng nghĩa là sống, hay nuôi dưỡng sinh mạng một cách đúng đắn, hợp lý, tức những

phương tiện mưu sinh, nghề nghiệp chân chánh, không sống bằng những nghề phi pháp.

Chánh mạng là nuôi dưỡng sinh mạng đúng đắn bằng đoàn thực, xúc thực, ý tư thực, thức thực, cũng như sử dụng y phục, trú xứ, dược liệu trị bệnh đúng đắn, hợp lý. Hoặc đời sống thiểu dục, tri túc. Thiểu dục là ít ham muốn đối với tiền tài, sắc dục, danh lợi, thực (ăn uống), thùy (ngủ nghỉ); tri túc là biết đủ với những nhu yếu của đời sống. Hoặc nuôi dưỡng sinh mạng bằng giới, định, tuệ hữu lậu và giới, định, tuệ vô lậu, chứ không nuôi dưỡng sinh mạng bằng các dục hay ép xác khổ hạnh.

Theo *Luận Thành Duy Thức* giải thích bốn loại thức ăn:

- *Đoàn thực, đặc tính của nó là biến hoại. Đó là ba thứ hương, vị, xúc trong Dục giới hệ. Khi biến hoại chúng được dùng làm thức ăn.*

- *Xúc thực, mà đặc tính là xúc chạm đối tượng. Xúc hữu lậu, khi tiếp thu đối tượng, làm phát sinh hỷ các thứ, bấy giờ nó trở thành thức ăn. Xúc này tương ưng với tất cả các thức.* Theo *Câu Xá Luận*:

"Xúc phát sinh từ tổ hợp ba". Theo bài viết *"Thức ăn để tồn tại"* của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ: *"Thức ăn do tiếp xúc, do xúc chạm. Hình thái của xúc là tiếp xúc ngoại cảnh, tức căn và cảnh tiếp xúc nhau ngay khi đó nhận thức khởi lên. Căn, cảnh, thức, ba thứ này hòa hiệp thành tổ hợp xúc. Xúc trong căn, cảnh, thức mới là xúc thực"*.

o *Ý tư thực, có đặc tính là hy vọng. Đó là tư hữu lậu, cùng vận hành với dục. Khi nó hy vọng đối tượng khả ái, bấy giờ nó trở thành thức ăn. Tư này tuy tương ưng với tất cả thức, nhưng đặc biệt khi liên hệ với ý thức nó mới trở thành thức ăn.* Theo *Câu Xá Luận: Tư thực là ý nghiệp.*

o *Thức thực, có đặc tính là chấp trì. Đó là thức hữu lậu.* Theo chú thích 190 trong *Luận Thành Duy Thức*: *"Thức thực, do lực chấp trì của thức A-lại-da mà thân tồn tại."*

Nếu chúng ta an trụ trong chánh kiến và chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh chánh mạng. Còn nếu chúng ta sống với tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh tà mạng.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh mạng như sau:

"Thế nào là chánh mạng? Chánh mạng có hai loại: có loại chánh mạng hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh mạng vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là chánh mạng hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Tìm cầu y, thực, ngọa cụ, thuốc thang theo bệnh đúng như pháp, chứ không phải không như pháp. Đó gọi là chánh mạng hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.

Thế nào là chánh mạng vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; tâm tương ưng vô lậu. Đó gọi là chánh mạng vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ".

- Chánh tinh tấn

Chánh tinh tấn là sự nỗ lực đúng đắn. Nó được biểu hiện qua bốn phạm trù (tứ chánh cần):

Nỗ lực đoạn trừ những điều ác đã sinh, khiến cho chúng vĩnh viễn bị đoạn trừ.

Nỗ lực làm cho những điều ác chưa sinh khởi, khiến cho chúng không thể sinh khởi.

Nỗ lực phát triển những điều thiện chưa sinh, khiến cho chúng sinh khởi.

Nỗ lực làm cho những điều thiện đã sinh, khiến cho chúng được tăng trưởng.

Nếu chúng ta luôn an trụ trong chánh kiến và chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh chánh tinh tấn. Còn nếu chúng ta sống tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh ra sự giải đãi, tức tăng trưởng bất thiện pháp.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh tinh tấn như sau:

"Thế nào là chánh tinh tấn? Chánh tinh tấn có hai loại: chánh tinh tấn hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; có chánh tinh tấn vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là chánh tinh tấn hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Tinh tấn, xác lập vững chắc thường không ngừng nghỉ. Đó gọi là chánh tinh tấn hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.

Thế nào là chánh tinh tấn vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ

tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; tâm tương ưng với vô lậu, thường không ngừng nghỉ. Đó gọi là chánh tinh tấn vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ".

- Chánh niệm

Chánh niệm là sự nhớ nghĩ đúng đắn.

"Chánh niệm là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm hơi thở, niệm thân vô thường, niệm chết, niệm Niết-bàn" (Kinh *Tăng Nhất A-hàm,* phẩm *Một pháp*).

Theo *Luận Thành Duy Thức* giải thích về niệm, định và tuệ như sau:

"Niệm là gì? Tự tính của nó là sự nhớ rõ không quên mất của tâm đối với cảnh đã quen thuộc. Nghiệp dụng của nó là làm sở y cho định. Tức là thường xuyên ghi nhớ cảnh đã từng được tiếp nhận không để cho quên mất, có thể dẫn đến định. Đối với cảnh mà thể và loại của nó chưa hề được tiếp nhận, niệm hoàn toàn không phát khởi. Giả sử đối tượng đã từng được tiếp nhận nhưng không được ghi nhận rõ ràng, niệm cũng không phát sinh.

Định là gì? Tự tính của nó là khiến cho tâm chuyên chú trên đối tượng được quan sát mà không phân tán. Nghiệp dụng của nó là làm sở y cho trí.

Tuệ là gì? Tính giản trạch đối với đối tượng được quan sát. Nghiệp dụng của nó là đoạn trừ nghi".

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Quảng Thuyết Bát Thánh Đạo*, Đức Phật dạy chánh niệm như sau:

"Thế nào là chánh niệm? Chánh niệm có hai loại: chánh niệm hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh niệm vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là chánh niệm hữu lậu, hướng đến đường lành? Hoặc niệm, hoặc tùy niệm, không quên lãng. Đó gọi là chánh niệm hữu lậu, hướng đến đường lành.

Thế nào là chánh niệm vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; tâm tương ưng với vô lậu. Đó gọi là chánh niệm vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ."

- Chánh định

Chánh định là sự an trú tâm vào một đối tượng thuần nhất, không dao động.

Theo *Luận Thành Duy Thức* định nghĩa: *"Định là gì? Tự tính của nó là khiến cho tâm chuyên chú trên đối tượng được quán sát mà không phân tán. Nghiệp dụng của nó là sở y cho trí"*.

Vì vậy, bất cứ loại định nào được dẫn sinh từ chánh kiến và chánh tư duy thì loại định đó mới gọi là chánh định. Vì chính nó (chánh định) mới có khả năng điều phục, đoạn trừ được khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên, tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Còn bất cứ loại định nào được dẫn sinh từ tà kiến và tà tư duy thì loại định đó gọi là tà định. Bởi vì chính nó không thể đoạn trừ được khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên và tứ thánh quả.

Lại nữa, chánh định gồm hai loại: chánh định thuộc về hữu lậu và chánh định thuộc về vô lậu.

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh định như sau:

"Thế nào là chánh định? Chánh định có hai loại: chánh định hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh định vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là chánh định hữu lậu, hướng đến đường lành? Tâm trụ không loạn, không động, nhất tâm. Đó gọi là chánh định hữu lậu, hướng đến đường lành?

Thế nào là chánh định vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; tâm tương ưng với tư duy vô lậu, an trụ không tán loạn, nhất tâm. Đó gọi là chánh định vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ."

Tu tập bát chánh đạo hữu lậu

Tu tập bát chánh đạo hữu lậu chính là chúng ta sống trong chánh kiến hữu lậu để tu tập các thiện pháp. Các thiện pháp bao gồm Quy y Tam bảo, thực tập tất cả các học giới do Đức Phật thiết lập, bố thí và các định tâm hữu lậu thuộc Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền... nhằm mục đích để đạt được kiến đạo, tức bước tới tu tập bát chánh đạo vô lậu.

Khi chúng ta chú tâm vào nơi các công việc như quét nhà, nấu ăn, rửa chén bát, làm vườn,… thì sẽ nhận thấy tâm tập khởi thiện ác hỗn tạp để dẫn sinh qua lời nói của miệng và hành động của thân (tam nghiệp). Bởi vì đối tượng chú tâm luôn thay đổi nên định tâm sẽ không được chuyên chú vào một đối tượng duy nhất. Nhiều lúc, chúng ta sẽ nhận thấy tâm bất thiện sinh khởi nhiều hơn tâm thiện. Tùy thuộc vào tâm thiện và bất thiện ấy để hình thành nên đạo đức của mỗi con người (nhân tính) trong đời sống hiện tại. Cho nên, chúng ta cần phải chọn một phương pháp để thực tập định tâm. Nhờ đó, thiện tâm mới được tăng trưởng để thành tựu thiện pháp của nhân tính cho đến thiên tính.

Để có được định tâm thì chúng ta cần phải chọn cho mình một phương pháp để tu tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, một vị Bồ-tát, một câu thần chú. Rồi sau đó, chúng ta cần phải ứng dụng phương pháp ấy vào trong đời sống để tu tập thì mới có thể điều phục, đoạn trừ được tham, sân và si đối với năm

thủ uẩn. Do đó, việc đoạn trừ tham, sân và si đối với năm thủ uẩn chính là nhờ chánh niệm, chánh định và chánh kiến, chứ không phải là hơi thở, hoặc danh hiệu của Đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ-tát, hoặc một câu thần chú. Vì vậy, chúng ta là những người tu tập thì nhất định cần phải hiểu rõ được ý nghĩa này.

Bởi vì chánh niệm và chánh định thuộc về nhóm định nên chúng sẽ có chung đối tượng duy nhất là pháp môn đã chọn, còn đối tượng của tuệ là tri nhận tất cả các pháp xảy ra làm sở duyên cho nó. Vả lại, chánh định và chánh tuệ được ví như ngọn đèn và ánh sáng, ngọn đèn ví cho định, còn ánh sáng ví cho tuệ.

Ví như khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, nhờ có chánh niệm nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra, nhờ có chánh niệm và chánh định nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh kiến là nhận biết được hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng,

hành và thức (năm thủ uẩn). Nhờ vậy, chúng ta mới điều phục, đoạn trừ sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành, thức (năm thủ uẩn) nên đem lại sự an lạc của thân và tâm.

Khi chúng ta thực tập chánh niệm, chánh định và chánh kiến nơi hơi thở vào ra, tức đang có mặt của chánh tinh tấn và chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập để đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát triển những điều thiện, tức chánh niệm, chánh định, chánh kiến và chánh tư duy. Trong bát chánh đạo: chánh kiến và chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc nhóm giới (thiện); chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định (*Tiểu Kinh Phương Quảng*, *Trung Bộ I*, số *44)*. Nghĩa là, trong Bát chánh đạo thì năm chi là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc về tâm và phân làm hai nhóm: nhóm định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và nhóm tuệ (chánh kiến và chánh tư duy); ba chi còn lại là chánh ngữ, chánh nghiệp

và chánh mạng thuộc về thân và khẩu được gom chung làm nhóm giới. Cho nên, khi chúng ta an trụ trong định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nơi hơi thở vào ra nên sẽ dẫn sinh giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Như vậy, chúng ta tu tập bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu nghĩa là tâm luôn an trụ trong định hữu lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ hữu lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới hữu lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng).

Tu tập bát chánh đạo vô lậu

Để tu tập bát chánh đạo vô lậu thì chúng ta phải kiến đạo tức là cần phải lãnh hội chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu. Muốn chứng nghiệm được chân lý đó, chúng ta cần phải nỗ lực tu tập để lãnh hội, chứ không thể dừng lại ở trên mặt nhận thức, tư duy thuộc về khái niệm.

Chúng ta biết rằng, sáu căn (nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn) là gốc của sinh

tử (tâm hữu lậu), nhưng cũng chính ngay nơi sáu căn để lãnh hội tâm vô lậu.

Thế nào là tâm hữu lậu (hay vọng tâm) và tâm vô lậu (hay chân tâm) ở nơi sáu căn? Khi nhãn căn của chúng ta nhìn thấy các sắc pháp như ngôi nhà, đám mây, bầu trời xanh, dòng sông, mọi người đi lại… mà trong cái thấy chỉ là cái thấy, thì đây chính là cái thấy của tâm vô lậu. Hoặc khi ta nhìn thấy các cảnh vật đó, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được vọng niệm chỉ là vọng niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi nhĩ căn của chúng ta nghe các âm thanh như tiếng chim hót, tiếng chuông ngân… mà trong cái nghe chỉ là cái nghe, thì đây chính là cái nghe của tâm vô lậu. Hoặc khi ta nghe các âm thanh đó, mà tâm hữu lậu tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi tỷ căn của chúng ta ngửi các hương trần như trầm hương, hương của các loài hoa… mà trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, thì đây chính là cái ngửi của tâm vô lậu. Hoặc khi ta ngửi các mùi hương đó, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được vọng niệm chỉ

là vọng niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi thiệt căn của chúng ta tiếp xúc với các vị trần như chua, cay, mặn, đắng… mà trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, thì đây chính là cái nếm vị của tâm vô lậu. Hoặc khi chúng ta nếm các vị trần đó, mà tâm hữu lậu tập khởi phân biệt, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi thân căn của chúng ta tiếp xúc với các xúc trần như trơn, nhám, cứng, mềm, lạnh, nóng… mà trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, thì đây chính là cái xúc chạm của tâm vô lậu. Hoặc khi ta xúc chạm các xúc trần ấy, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được tạp niệm chỉ là tạp niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Hoặc khi chúng ta nhắm mắt lại, tâm hữu lậu tập khởi suy tư, phân biệt, nhớ nghĩ về các đối tượng như sắc, thanh, hương, vị và xúc, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu.

Nghĩa của kiến đạo tuy chỉ có một nghĩa nhưng tuỳ theo mỗi bản kinh, mỗi bản luận mà có sự quy ước tên gọi khác nhau. Ví như trong giáo lý Tứ

thánh đế gọi là *kiến đế*. Trong Pháp mười hai nhân duyên gọi là *minh*. Kinh *Vô tri* gọi là *như thật tri*. *Kinh Vô* minh gọi là *minh*. Trong Kinh *Bāhiya* gọi là *trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết*. Trong Kinh *Lăng Nghiêm* gọi là *tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh vị, tánh xúc và tánh biết*. Trong *Bát-nhã Tâm Kinh* và Kinh *Kim Cang* gọi là *trí vô lậu* (Bát-nhã). Theo *Luận Thành Duy Thức* gọi là *trí vô phân biệt*.

Tiếp theo ý nghĩa trên, trong *Trung A-hàm,* kinh số *30,* Đức Phật dạy: *"Ai thấy được duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy được pháp, người ấy thấy được duyên khởi"*. Ý nghĩa của: *"thấy được pháp"* ở đây là chỉ cho kiến đạo.

Nghĩa của kiến đạo cũng được mô tả qua các bài kệ truyền pháp của các Tổ sư như sau:

Tổ Bà-Tu-Bàn-Đầu truyền lại cho tổ Ma-Noa-La:

Tâm theo muôn cảnh chuyển,
Chỗ chuyển thật kín sâu,

Theo dòng nhận được tánh,
Không mừng cũng không lo

(Hoà thượng Thích Thanh Từ dịch)

Tổ Sư-Tử truyền lại cho tổ Bà-Xá-Tư-Đa:

Thánh nhân nói tri kiến,
Ngay cảnh không phải quấy,
Nay ta ngộ tánh ấy,
Không đạo cũng không lý

(Hoà thượng Thích Thanh Từ dịch)

Nghĩa của kiến đạo cũng được diễn tả thông qua các công án của các bậc Thánh nhân như sau:

o Ngài Triệu Châu bèn chỉ lửa hỏi vị thị giả rằng:

- Này con! Đây là lửa nhưng con không được gọi là lửa, Thầy đã dạy cho con xong rồi vậy.

Vị thị giả không hiểu được.

Ngài Triệu Châu đến gắp lửa lên liền hỏi:

- Con có hội chăng?

Vị thị giả thưa:

- Dạ, con chẳng lãnh hội.

o Hoà thượng Thường Quán hỏi một vị Thầy:

- Thầy từ đâu đến?

Vị Thầy thưa:

- Con từ trang trại đến.

Hoà thượng hỏi:

- Thầy có thấy trâu không?

Vị Thầy thưa:

- Bạch Hoà thượng con có thấy.

Hoà thượng hỏi:

- Con thấy sừng bên trái hay sừng bên phải?

Vị Thầy không đáp được. Hoà thượng Thường Quán liền nói:

- Này con! Cái thấy không phải trái.

Khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu thì sẽ bắt đầu tu tập bát chánh đạo vô lậu. Chính tâm vô lậu (hay chân tâm) là định – tuệ đồng thời. Tâm thường rỗng lặng gọi là định, ở trong tâm ấy có trí tuệ nhận biết được tâm thường rỗng lặng, cũng như các pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, v.v.. gọi là tuệ. Trong bát chánh đạo: chánh kiến và chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc nhóm giới (thiện); chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định. Vì thế, khi các bậc thánh giả an trụ trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến và chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới

vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Do đó, các bậc thánh giả tu tập bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu nghĩa là các Ngài sống trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Tuy vậy, các bậc Thánh giả thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các Ngài vẫn chưa sống được hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Chỉ có những bậc thánh Vô học (A-la-hán) đã đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên các Ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng).

KINH 72

CHÁNH NIỆM[1]

"Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ dạy về sự tu tập bốn niệm xứ. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ!

Thế nào là tu bốn niệm xứ? Sống chánh niệm quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục lo buồn của thế gian. Sống quán ngoại thân, nội ngoại thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm chánh tri, điều phục sự lo buồn của thế gian. Cũng vậy sống chánh niệm quán thọ, tâm, pháp, nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp, tinh cần phương tiện, chánh niệm

[1] Pāli, S.47.2. Sato. Tham chiếu, Hán: N100(14).0

chánh tri, điều phục sự lo buồn của thế gian, đó gọi là Tỳ-kheo tu bốn niệm xứ".

Phật dạy Kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thời quá khứ, vị lai, tu bốn niệm xứ cũng được thuyết như vậy."

Lược giải

Nội dung tứ niệm xứ:

+ Niệm thân

Thân ở đây là thân thể của chính mình. Thân thể này là do bốn đại tạo thành. Trong *Trung A-hàm*, kinh *Ngũ Chuyển*, Đức Phật dạy: *"Pháp gì do bốn đại tạo thành gọi là sắc"*.

+ Niệm thọ

Thọ có ba loại: Khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ. Thọ của tiền ngũ thức, hoặc thọ của ý thức, hoặc thọ của thức thứ bảy và thọ của thức thứ tám. Thọ là thuộc về tâm sở. Tâm sở và tâm vương không tách rời nhau ví như mặt trời và ánh sáng, mặt trời ví cho tâm vương, còn ánh sáng ví

cho tâm sở. Cho nên, khi thọ tập khởi chính là lúc tưởng, hành và thức cũng tập khởi, tức toàn bộ năm thủ uẩn đồng thời tập khởi. Vì thế, trong *Trung A-hàm*, kinh Đại Câu-*hy-la*, số *211*, Tôn giả Đại Câu-hy-la dạy thọ, tưởng và tư hợp nhất không riêng biệt: *"Thọ, tưởng, tư, ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt. Không thể thi thiết ba pháp này là riêng biệt. Vì sao? Những gì được cảm thọ bởi thọ, cũng được tưởng bởi tưởng, được tư bởi tư. Cho nên nói ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt, và không thể thi thiết ba pháp này riêng biệt."*

+ Niệm tâm

Tâm ở đây là chỉ cho các tâm vương và tâm sở. Theo *Duy Thức học* cho rằng có 8 thức tâm vương và 51 tâm sở (thiện tâm sở và bất thiện tâm sở).

+ Niệm pháp

Pháp ở đây gồm sắc pháp và tâm pháp. Sắc pháp gồm nội sắc và ngoại sắc. Nội sắc là bốn đại bên trong thuộc thân thể của mỗi chúng ta và ngoại sắc chính là sắc, thanh, hương, vị và xúc. Theo *Trung A-hàm*, kinh *Ngũ Chuyển*, Đức Phật dạy: *"Pháp gì*

do bốn đại tạo thành gọi là sắc". Như vậy, sắc pháp là pháp do bốn đại tạo thành. Còn tâm pháp chính là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

Vì vậy, nội thân, nội thọ, nội tâm và nội pháp chính là năm thủ uẩn của chính mình (khổ đế - tập đế). Còn ngoại thân, ngoại thọ, ngoại tâm và ngoại pháp chính là năm thủ uẩn của tất cả chúng sinh hữu tình (khổ đế - tập đế).

Trong các kinh Tứ Niệm Xứ có các từ như "niệm", "quán", "biết", "chánh tri" về thân, thọ, tâm và pháp, đây chính là chánh niệm và chánh kiến trong bát chánh đạo. Lại nữa, bát chánh đạo gồm bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu. Theo *Tăng Nhất A-hàm*, Phẩm *30*, kinh số *1*, Đức Phật dạy: *"Vô lậu là Niết-bàn."*

Như vậy, ý nghĩa của niệm thân, niệm thọ, niệm tâm và niệm pháp bao gồm ý nghĩa của Tứ Thánh Đế. Bởi vì thân, thọ, tâm và pháp chính là năm thủ uẩn nên thuộc khổ đế và tập đế. Còn các từ như "niệm", "quán", "biết", "chánh tri" ở đây chính là ý nghĩa của bát chánh đạo. Bát chánh đạo gồm bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu.

Trong đó, bát chánh đạo vô lậu chính là Niết-bàn. Tuy nhiên, những bậc thánh thuộc hàng Hữu học vẫn chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên chưa đạt được Niết-bàn. Chỉ có những bậc thánh thuộc hàng Vô học đã đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các Ngài mới đạt được Niết-bàn.

Tu tập tứ niệm xứ:

Với ý nghĩa đó nên Đức Phật dạy rằng: chúng ta cần phải tu tập bát chánh đạo để quán sát nội thân, nội thọ, nội tâm, nội pháp (khổ đế - tập đế) của chính mình và ngoại thân, ngoại thọ, ngoại tâm, ngoại pháp (khổ đế - tập đế) của tất cả chúng sinh, cũng như các đối tượng thuộc về sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nhờ đó, chúng ta mới có thể điều phục, đoạn trừ được thân, thọ, tâm và pháp, tức khổ đế - tập đế của chính mình. Với ý nghĩa tu tập bát chánh đạo hữu lậu và tu tập bát chánh đạo vô lậu, người viết đã chia sẻ một cách cụ thể ở phần Kinh *Quảng Thuyết Bát Thánh Đạo.*

Trung A-hàm, trích Kinh *Niệm Thân*, số *81*, Đức Phật dạy:

"Tỳ-kheo tu tập niệm thân như thế nào? Tỳ-kheo khi đi thì biết mình đang đi, đứng thì biết mình đang đứng, ngồi thì biết mình đang ngồi, nằm thì biết mình đang nằm, ngủ thì biết mình đang ngủ. Như vậy, Tỳ-kheo tùy thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Khi được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo tỉnh giác[8] khi vào, khi ra, khéo phân biệt khi nhìn, khi co, lúc duỗi, khi cúi, lúc ngước; nghi dung chững chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn, ôm bát chỉnh tề; đi đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng, đều biết rõ như thực.

Giải nghĩa

Y cứ vào ý nghĩa của đoạn văn kinh nêu trên thì chúng ta có thể phân tích qua hai cái biết: một, cái hiểu biết của những người không tu tập. Hai, cái biết của những người có tu tập. Cái biết của những

người có tu tập lại có hai: một, cái biết thuộc chánh kiến hữu lậu; hai, cái biết thuộc chánh kiến vô lậu.

Như vậy, thế nào là cái hiểu biết của những người không tu tập? Những người không tu tập đạo thánh đế mỗi khi đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngước, ăn uống, ngủ nghỉ,… thì họ cũng nhận thức rõ ràng là đang đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngước, ăn uống, ngủ nghỉ và phân biệt các sự vật như con người, ngôi nhà, rừng cây, các màu sắc như xanh, đỏ, tím, vàng… Đây chính là sự hiểu biết thuộc về vô minh, tham ái, chấp thủ (tập đế) vào năm thủ uẩn (khổ đế) làm thực ngã.

Thế nào là cái nhận biết thuộc chánh kiến hữu lậu? Đây là chỉ cho những người tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Vì thế, những vị ấy mới an trụ trong định – tuệ thuộc hữu lậu để đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngước, ăn uống, ngủ nghỉ,… thì những vị đó cũng nhận biết là đang đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngước, ăn uống, ngủ nghỉ và nhận biết các sự vật như

con người, ngôi nhà, rừng cây, các màu sắc như xanh, đỏ, tím, vàng… Đây chính là cái nhận biết thuộc chánh kiến hữu lậu. Với ý nghĩa tu tập bát chánh đạo hữu lậu, người viết đã trình bày ở phần kinh *Quảng Thuyết Bát Thánh Đạo*.

Thế nào là cái nhận biết thuộc chánh kiến vô lậu? Đó là những bậc thánh giả đang tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Vì vậy, những bậc thánh giả đã an trụ trong định – tuệ vô lậu để đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngước, ăn uống, ngủ nghỉ,… thì các Ngài cũng nhận biết là đang đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngước, ăn uống, ngủ nghỉ và nhận biết các sự vật như con người, ngôi nhà, rừng cây, các màu sắc như xanh, đỏ, tím, vàng… Đây chính là cái nhận biết thuộc chánh kiến vô lậu. Với ý nghĩa tu tập bát chánh đạo vô lậu, người viết đã trình bày ở phần kinh *Quảng Thuyết Bát Thánh Đạo.*

KINH 73

TỨ CHÁNH ĐOẠN (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Chánh đoạn. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn."

"Thế nào là đoạn đoạn[1]? Tỳ-kheo, pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục[2], phương tiện[3], tinh cần[4], nhiếp tâm gìn giữ[5].

---

[1] Đoạn 斷. Pāli: pahāna-padhāna, tinh cần để đoạn trừ.

[2] Sanh dục 生欲; Pāli: chandaṃ janeti, sanh khởi ý muốn, ý chí.

[3] Phương tiện 方便, ở đây được hiểu là nỗ lực, không phải phương tiện thiện xảo. Pāli: vāyamati, vị ấy nỗ lực.

[4] Tinh cần 精勤, tức tinh tấn. Pāli: viriyaṃ ārabhati

[5] Nhiếp thọ 攝受. Pāli: citaṃ paggaṇhāti padahati, giữ chặt tâm và sách tiến tâm.

Đó gọi là đoạn đoạn[1].

"Thế nào là luật nghi đoạn[2]? Pháp ác bất thiện chưa khởi thì không cho khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là luật nghi đoạn[3].

"Thế nào là tùy hộ đoạn[4]? Pháp thiện chưa sanh thì khiến cho sanh khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tùy hộ đoạn[5].

---

[1] Đây gọi là bốn chánh cần, Pāli: Chánh đoạn 正斷. Pāli: chánh cần. Bản Hán đọc: đoạn, thay vì, tinh cần. Cf. D. 33. , có bốn (bốn chánh cần) và bốn (bốn tinh cần) khác nhau. Tham chiếu, D. 33:cattāro sammappadhānāSaṅgītikatamañc'āvuso pahāna-padhānaṃ? Idh' āvuso bhikkhu uppannaṃ kāma-vitakkaṃ nādhivāseti pajahati vinodeti... ở đây, Tỳ-kheo, dục tầm đã khởi, không thừa nhận nó, đoạn trừ nó, tiêu diệt nó.

[2] Luật nghi đoạn 律儀斷. Pāli: saṃvara-padhāna, tinh cần phòng hộ (chế ngự).

[3] Tham chiếu, D.33: katamañ c' āvuso saṃvara-padhānaṃ: Id 'āvuso bhikkhu cakkhunā rūpaṃ dsvā na nimittaggāhī hoti..., Thế nào là tinh cần phòng hộ? Tỳ-kheo sau khi thấy sắc bởi mắt, không chấp thủ tướng...

[4] Tùy hộ đoạn 隨護斷. Pāli: anurakkhaṇā-padhāna, tinh cần thủ hộ.

[5] Cf. D.33 : katamañ c' āvuso anurakkhaṇa-padhānaṃ? Id' āvuso bhikkhu uppannaṃ bhaddaṃ samādhi-nimittaṃ anurakkahti... Thế nào là tinh cần thủ hộ? Tỳ-kheo thủ hộ định tướng (dấu hiệu của định) tốt đẹp đã khởi lên...

"Thế nào là tu đoạn[1]? Pháp thiện đã khởi, khiến tu tập thêm ích lợi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tu đoạn[2]."

Sau khi Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Tứ chánh cần là bốn cách thức tu tập để đoạn trừ những điều bất thiện và phát triển các thiện pháp.

Nội dung tứ chánh cần:

Nỗ lực đoạn trừ những điều ác đã sinh, khiến cho chúng vĩnh viễn bị đoạn diệt.

Nỗ lực làm cho những điều ác chưa sinh, khiến cho chúng không thể sinh khởi.

Nỗ lực làm cho các điều thiện chưa sinh, khiến cho chúng sinh khởi.

Nỗ lực làm cho các điều thiện đã sinh, khiến cho chúng được tăng trưởng.

---

[1] Tu đoạn 修斷. Pāli: bhāvana-padhāna, tinh cần tu tập.

[2] Cf. D.33: (...) Idh' āvuso bhikkhu sati-saṃbojjhaṅgaṃ bhāveti..., ở đây, Tỳ-kheo tu tập niệm giác chi...

Tu tập tứ chánh cần:

Chúng ta nỗ lực tu tập để đoạn trừ những điều bất thiện đã sinh khởi, tức tham, sân và si (tập đế) đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế); ngăn ngừa những điều bất thiện chưa sinh khởi, tức tham, sân và si đang ở dạng chủng tử. Còn chúng ta nỗ lực phát khởi những điều thiện chưa sinh thì khiến cho chúng được sinh khởi và tăng trưởng, tức tu tập đạo thánh đế. Tu tập đạo thánh đế gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới - định - tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu nghĩa là tu tập giới - định - tuệ vô lậu. Tu tập giới - định - tuệ vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Như vậy, nhờ chúng ta tu tập bát chánh đạo hữu lậu và bát

chánh đạo vô lậu nên mới điều phục, đoạn trừ được tham, sân và si đối với năm thủ uẩn để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên, tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Về ý nghĩa tu tập bát chánh đạo hữu lậu và tu tập bát chánh đạo vô lậu, người viết đã trình bày ở phần kinh *Quảng Thuyết Bát Thánh Đạo*.

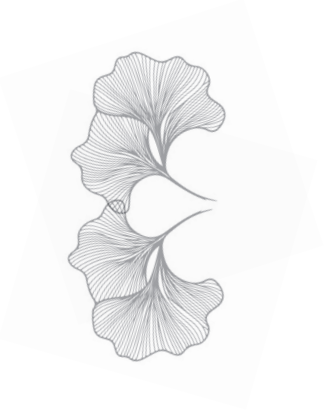

KINH 74

DỤC ĐỊNH [1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường,

[1] Phật Quang, kinh 181.

nên tu dục định đoạn hành thành tựu như ý túc[1]. Vậy nên đoạn trừ những pháp vô thường nào? Để đoạn trừ sắc vô thường; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường; cho nên tu dục định đoạn hành thành tựu như ý túc."

Chi tiết như kinh đã nói (kinh 175)... cho đến:

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh tu dục định, thì ba mươi hai kinh nói về tinh tấn định, ý định, tư duy định cũng như vậy[2].

Lược giải

Tứ như ý túc là bốn pháp tu tập thành tựu định tâm để có khả năng sinh khởi thần lực, nên còn được gọi là tứ thần túc.

---

[1] Bốn Như ý túc hay bốn Thần túc: dục định đoạn hành thành tựu như ý túc, hoặc nói: dục tam-ma-địa thắng hành thần túc, *"Như ý túc được thành tựu do không ngưng chuyên cần với (bốn) Chánh đoạn để tập trung (định) trên một ước muốn (đối với một phép thần thông nào đó)."* Tiếp theo, tâm tam-muội, tinh tấn tam-muội và tư duy tam-muội, với công thức như dục tam-muội.

[2] Xem kinh 175. Ấn Thuận liệt kê và phân tích thành một ngàn một trăm ba mươi hai (1132) kinh.

Nội dung tứ như ý túc:

- Dục như ý túc

Do năng lực của ước muốn tu tập nên đạt được các tầng thiền định.

- Niệm như ý túc

Do năng lực của chánh niệm nên đạt được các tầng thiền định.

- Tấn như ý túc

Do năng lực của chánh tinh tấn nên đạt được các tầng thiền định.

- Tư duy như ý túc

Do năng lực của chánh tư duy nên đạt được các tầng thiền định.

Tứ như ý túc là dục định, tinh tấn định, tâm định và tư duy định.

"Nếu hành giả nương vào dục mà được định, được nhất tâm thì gọi là dục định. Nếu hành giả nương vào tinh tấn được định, được nhất tâm thì gọi là tinh tấn định. Nếu hành giả nương vào tư duy được định, được nhất tâm, đây gọi là tâm định,

cũng gọi là tư duy định." (Trích *Phật Học Khái Luận,* Hòa thượng Chơn Thiện, trang *357)*

Trong Kinh *Tương Ưng Bộ V*, Bà-la-môn Unnàtha đã thắc mắc vấn đề dục định, sợ rằng không phù hợp với mục tiêu của phạm hạnh. Tôn giả A-nan đã giải thích cho Unnàtha rằng:

"Do trước có lòng dục thúc đẩy Ông đến đây …

Do trước có tinh tấn thúc đẩy Ông đến đây …

Do trước có tâm thúc đẩy Ông đến đây …

Do trước có tư duy thúc đẩy Ông đến đây …

Sau khi đến đây rồi, dục, tinh tấn, tâm và tư duy của Ông được tịnh chỉ, cũng vậy, vị A-la-hán thì lòng dục, tinh tấn, tâm và tư duy được tịnh chỉ."

Tu tập tứ như ý túc:

Để đạt được các tầng thiền định thuộc hữu lậu và vô lậu thì chúng ta phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu nghĩa là tu tập giới

– định – tuệ hữu lậu. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu nghĩa là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Bởi vì chúng ta đã tu tập đạo thánh đế như vậy nên mới điều phục, đoạn trừ tham, sân, si (tập đế) đối với năm thủ uẩn (khổ đế). Do tham, sân, si đối với năm thủ uẩn được điều phục, đoạn trừ nên chúng ta thành tựu được các tầng thiền định và đạt Tứ thần túc. Vì vậy, khi chúng ta nghiên cứu bốn bộ A-hàm thì sẽ nhận thấy ở trong các kinh có ghi lại Tứ Thần Túc (thần thông) của Đức Phật, các bậc thánh A-la-hán thuộc câu phần giải thoát và Chuyển Luân Thánh Vương. Ngoài ra, có những hành giả tu tập đạt Tứ thiền nên các vị ấy cũng thành tựu Tứ Thần Túc (thần thông). Cho nên, Ngài Xá-lợi-phất dạy: *"Nếu có Tỳ-kheo nào tu tập thiền tứ, đạt được thần thông, tâm được tự tại, muốn biến cây khô này thành đất, thì sẽ thành đất liền. Vì sao? Vì trong cây khô này có địa giới. Cho nên Tỳ-kheo có sức thần thông, tâm muốn tạo ra đất, tức thì thành đất không khác. Nếu có Tỳ-kheo nào đạt được sức thần thông, tự tại như ý, mà muốn*

khiến cây này thành nước, lửa, gió, vàng, bạc v.v… tất cả đều thành tựu không khác”. (*Tạp A-hàm*, Kinh *Khổ Thọ*, số *493)*

Về ý nghĩa tu tập của bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu, người viết đã chia sẻ ở phần kinh *Quảng Thuyết Bát Thánh Đạo.*

KINH 75

ĐƯƠNG TRI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm căn. Những gì gọi là năm? Căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ. Căn tín, nên biết, đó là bốn bất hoại tịnh. Căn tinh tấn, nên biết, đó là bốn chánh đoạn. Căn niệm, nên biết, đó là bốn niệm xứ. Căn định, nên biết, đó là bốn thiền. Căn tuệ, nên biết, đó là bốn Thánh đế."

Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

[1] Đại chánh, kinh 646, Pāli, S 48 8 Datṭhabbaṃ.

Lược giải

Ngũ căn là năm pháp tu tập để điều phục tham, sân và si đối với năm thủ uẩn.

Nội dung ngũ căn:

- Tín căn

Tín căn là căn bản của đức tin. Căn bản niềm tin của một người đệ tử Phật là nơi Đức Phật, giáo pháp của Đức Thế Tôn, Tăng và Thánh giới.

- Tấn căn

Căn bản của tấn căn chính là tứ chánh cần, hoặc chánh tinh tấn trong bát chánh đạo.

- Niệm căn

Niệm là nhớ lại, nhớ đến, chú ý đến. Căn bản của niệm căn chính là chánh niệm trong bát chánh đạo.

- Định căn

Định là tập trung tâm ý vào một đối tượng thuần nhất, không giao động. Hán phiên âm là *tam muội, tam-ma-địa, tam-ma-đề...* Định căn là

căn bản của thiền định. Căn bản của thiền định chính là chánh định trong bát chánh đạo.

- Tuệ căn

Tuệ căn là căn bản của tuệ. Căn bản của tuệ chính là chánh kiến và chánh tư duy trong bát chánh đạo.

Tu tập ngũ căn:

Tu tập ngũ căn chính là chúng ta sống trong chánh kiến hữu lậu để tu tập các thiện pháp. Các thiện pháp bao gồm Quy y Tam bảo, thực tập tất cả các học giới do Đức Phật thiết lập, bố thí và các định tâm hữu lậu thuộc Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền... nhằm mục đích để đạt được kiến đạo, tức bước tới tu tập bát chánh đạo vô lậu.

Để có được định tâm thì chúng ta phải chọn cho mình một phương pháp để thực tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, hay niệm một câu thần chú, v.v.. Rồi sau đó, chúng ta phải thực tập phương pháp ấy vào trong đời sống sinh hoạt mỗi khi đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng hay im lặng.

Ví như khi chúng ta chọn phương pháp niệm danh hiệu của một Đức Phật để tu tập, thì chánh niệm là nhớ đến câu niệm Phật, nhờ có chánh niệm nơi câu niệm Phật nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh định là an trụ nhất như nơi câu niệm Phật, nhờ có chánh niệm và chánh định nơi câu niệm Phật nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh kiến là nhận biết được câu niệm Phật, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức (năm thủ uẩn). Nhờ đó, chúng ta mới điều phục, đoạn trừ được khổ đế - tập đế nên đem lại sự an lạc của thân và tâm.

Khi chúng ta thực tập chánh niệm, chánh định và chánh kiến nơi câu niệm Phật, tức đang có mặt chánh tinh tấn và chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập để đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát triển những điều thiện, tức chánh niệm, chánh định, chánh kiến và chánh tư duy. Trong Bát chánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc nhóm giới; chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định.

Nhờ chúng ta an trụ trong định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nơi câu niệm Phật nên dẫn sinh giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Như vậy, chúng ta tu tập ngũ căn chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu để đạt tới bát chánh đạo vô lậu, tức thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên và tứ thánh quả.

KINH 76

NGŨ LỰC ĐƯỜNG THÀNH TỰU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm Lực. Những gì là năm? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực."

"Các Tỳ-kheo nên học như vầy: 'Ta nên nỗ lực tinh tấn, thành tựu Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực."

Sau khi Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Đó là năm sức mạnh được tăng trưởng từ ngũ căn.

Nội dung ngũ lực:

- Tín lực

Tín lực là sức mạnh của đức tin nơi Đức Phật, Giáo Pháp của Đức Thế Tôn, Tăng và Thánh giới.

- Tấn lực

Tấn lực là sức mạnh của chánh tinh tấn trong bát chánh đạo.

- Niệm lực

Niệm lực là sức mạnh của chánh niệm trong bát chánh đạo.

- Định lực

Định lực là sức mạnh của chánh định trong bát chánh đạo.

- Tuệ lực

Tuệ lực là sức mạnh của chánh kiến và chánh tư duy trong bát chánh đạo.

Tu tập ngũ lực

Khi chúng ta tu tập ngũ căn được thuần thục thì đây chính là tu tập ngũ lực. Nghĩa là, giới (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng), định (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ (chánh kiến, chánh tư duy) được thuần thục, tăng trưởng và kiên cố.

Như vậy, do chúng ta tu tập ngũ căn được thuần thục nên dẫn sinh ngũ lực. Chúng ta tu tập ngũ lực chính là đang tu tập bát chánh đạo hữu lậu để đạt tới bát chánh đạo vô lậu, tức thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên và tứ thánh quả.

KINH 77

THẤT GIÁC CHI[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo chuyên nhất tâm mình, lắng nghe Chánh pháp, có thể đoạn năm pháp; tu tập bảy pháp khiến cho càng lúc càng thăng tiến mãn túc. Đoạn Năm pháp gì? Là tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái và nghi cái, đó gọi là đoạn Năm pháp. Tu tập bảy pháp gì? Là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Khinh an giác chi, Hỷ giác chi, Định giác chi và Xả giác chi. Nếu tu bảy pháp này thì càng lúc càng thăng tiến mãn túc."

[1] Pāli, S.46.23 Ṭhāna.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Thất giác chi là bảy chi phần tu tập để điều phục, đoạn trừ tham, sân và si đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn.

Nội dung thất giác chi:

- Trạch pháp giác chi

Thế nào là trạch pháp giác chi? Trong kinh, Đức Thế Tôn dạy: "Thánh đệ tử biết như thật pháp thiện, bất thiện; pháp hữu tội, vô tội; pháp nên tu, không nên tu; pháp hạ liệt, pháp thắng diệu; pháp đen, pháp trắng; pháp có đối nghịch; pháp duyên sinh." Như vậy, trạch pháp giác chi chính là chánh kiến và chánh tư duy trong bát chánh đạo.

- Niệm giác chi

Niệm giác chi chính là chánh niệm trong bát chánh đạo.

- Tinh tấn giác chi

Tinh tấn giác chi chính là nội dung của tứ chánh cần, hoặc chánh tinh tấn trong bát chánh đạo.

- Hỷ giác chi

Hỷ giác chi chính là sự vui thích.

- Khinh an giác chi

Khinh an giác chi chính là trạng thái thân và tâm được thư thái, nhẹ nhàng.

- Định giác chi

Định giác chi chính là chánh định trong bát chánh đạo.

- Xả giác chi

Theo Luận Thành Duy Thức: hành xả chính là tinh tấn cùng với ba thiện căn. Cho nên, xả giác chi chính là chánh tinh tấn và tâm vô tham, vô sân, vô si. Chính vì vậy, chánh tinh tấn và tâm vô tham, vô sân, vô si chính là thuộc về định và tuệ.

Tu tập thất giác chi

Tu tập thất giác chi chính là chúng ta sống trong chánh kiến hữu lậu để tu tập các thiện pháp. Các thiện pháp bao gồm Quy y Tam bảo, thực tập tất cả các học giới do Đức Phật thiết lập, bố thí và các định tâm hữu lậu thuộc Sơ thiền, Nhị thiền,

Tam thiền, Tứ thiền... nhằm mục đích để đạt được kiến đạo, tức bước tới tu tập bát chánh đạo vô lậu.

Để có được định tâm thì chúng ta phải chọn cho mình một phương pháp tu tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ-tát, hoặc niệm một câu thần chú nào đó.

Ví như khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra (niệm giác chi), nhờ có chánh niệm nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra (định giác chi), nhờ có chánh niệm và chánh định nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh kiến (trạch pháp giác chi) là nhận biết hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của năm thủ uẩn. Nhờ đó, chúng ta mới điều phục, đoạn trừ được khổ đế - tập đế nên đem lại sự an lạc, khinh an của thân và tâm.

Khi chúng ta tu tập chánh niệm, chánh định và chánh kiến nơi hơi thở vào ra, tức đang có mặt chánh tinh tấn (tinh tấn giác chi) và chánh tư duy.

Bởi vì, ý nghĩa của chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát triển các thiện pháp, tức chánh niệm, chánh định, chánh kiến và chánh tư duy. Trong bát chánh đạo: chánh kiến và chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc về nhóm giới (thiện); chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định.

Nhờ chánh định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và chánh tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nơi hơi thở vào ra được kiên cố nên dẫn sinh hỷ thọ (hỷ giác chi) và khinh an (khinh an giác chi) của thân và tâm.

Nhờ chánh định và chánh tuệ nơi hơi thở vào ra như vậy đã điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế (năm thủ uẩn) nên thành tựu xả giác chi. Theo *Luận Thành Duy Thức* giải thích *'hành xả là tinh tấn cùng với ba thiện căn'*. Cho nên, chánh định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và chánh tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) chính là ý nghĩa của xả giác chi.

Chính nhờ chúng ta an trụ trong chánh định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và chánh tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nơi hơi thở vào ra nên dẫn sinh giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Như vậy, chúng ta tu tập thất giác chi có nghĩa là tu tập bát chánh đạo hữu lậu để đạt tới bát chánh đạo vô lậu, tức thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên và cho đến tứ thánh quả.

Lời kết, trong *Tạp A-hàm,* kinh *Lục Nhập Xứ,* số 305, Đức Phật dạy: "*Khi tu tập tám Thánh đạo đã đầy đủ rồi thì bốn Niệm xứ cũng tu tập đầy đủ và bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần cũng tu tập đầy đủ.*" Với ý nghĩa này, theo Luận Câu-xá, Tập IV, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, trang 489 và 490, "*37 pháp đạo thánh đế này gom thành mười pháp: tín, tinh tấn, ức niệm, tuệ, định, hỷ và xả, khinh an, giới và tư.*

Mười thực thể này lập thành 37 giác phần như thế nào?

Tuệ chính là niệm trụ,

Tinh tấn là chánh đoạn,

Các định là thần túc,

Trong đây, tự thể của niệm trụ là tuệ, chánh đoạn là tinh tấn, và thần túc là các định.

Theo đó, các căn cho đến các lực, căn cứ theo tên gọi, có năm thực thể: tín, tấn, niệm, định và tuệ.

Các niệm trụ, trạch pháp giác chi và chánh kiến (trong 8 chi đạo): thể chính là tuệ.

Các chánh đoạn, tinh tấn giác chi và chánh tinh tấn (trong 8 chi đạo): thể chính là tinh tấn.

Các thần túc, định giác chi, và chánh định (trong 8 chi đạo): thể chính là định.

Niệm giác chi và chánh niệm (trong 8 chi đạo): thể chính là niệm.

Còn lại là gì? Đó là ba giác chi hỉ - khinh an - xả, chánh tư duy và các giới chi. Những chi này chính là năm thực thể.

Như vậy các giác phần này có mười thực thể. Luận sư Tỳ-bà-sa nói có mười một. Vì thân nghiệp và ngữ nghiệp tách biệt nhau nên chi giới phân làm hai. Một số luận sư khác nói có mười ba thực thể, vì tăng thêm dục và tầm."

Theo đó, chúng ta sẽ phân tích ý nghĩa liên hệ của 37 pháp đạo thánh đế như sau: Tuệ căn, tuệ lực chính là chánh kiến trong bát chánh đạo. Tư duy như ý túc, trạch pháp giác chi nghĩa là chánh tư duy trong bát chánh đạo. Tứ chánh cần, tấn như ý túc, tấn căn, tấn lực, tinh tấn giác chi chính là chánh tinh tấn trong bát chánh đạo. Tứ niệm xứ, niệm như ý túc, niệm căn, niệm lực, niệm giác chi nghĩa là chánh niệm trong bát chánh đạo. Định căn, định lực, định giác chi chính là chánh định trong bát chánh đạo. Như vậy, 37 pháp thuộc đạo thánh đế gom thành 13 pháp: (1) tín gồm tín căn và tín lực, (2) dục như ý túc, (3) chánh kiến, (4) chánh tư duy, (5) chánh ngữ, (6) chánh nghiệp, (7) chánh mạng, (8) chánh tinh tấn, (9) chánh niệm, (10) chánh định, (11) hỷ giác chi, (12) khinh an giác chi, (13) xả giác chi. 13 pháp này gom thành 8 pháp: (1) tín, (2) dục như ý túc; (3) giới gồm chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng; (4) chánh định gồm chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định; (5) chánh tuệ gồm chánh kiến và chánh tư duy, (6) hỷ giác chi, (7) khinh an giác chi, (8) xả giác chi. 8 pháp này gom thành ba tụ: (1) giới, (2) định

bao gồm ý nghĩa của hỷ, khinh an và xả; (3) tuệ bao gồm ý nghĩa của tín và dục như ý túc. Vì vậy, ý nghĩa chính yếu của 8 pháp này chính là giới (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng) – định (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) – tuệ (chánh kiến, chánh tư duy).

Bát chánh đạo chính là giới – định – tuệ. Từ đó, chúng ta sẽ tiếp tục phân tích ý nghĩa của bát chánh đạo thâu tóm các Đạo đế còn lại, cũng như Tứ vô lượng tâm và Tứ nhiếp sự (hay tứ nhiếp pháp). Nghĩa là, hành giả sống với định (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) - tuệ (chánh kiến, chánh tư duy) tu tập để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nên dẫn sinh giới (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Hành giả sống với định – tuệ tu tập để điều phục, đoạn trừ năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế), tức cũng chính là điều phục, đoạn trừ thân, thọ, tâm và pháp nên bao gồm ý nghĩa của Tứ niệm xứ. Hành giả sống với định - tuệ tu tập để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế, tức đoạn trừ điều ác và phát triển điều thiện nên bao gồm ý nghĩa của Tứ chánh cần. Hành giả

sống với định và tuệ tu tập với ước muốn để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm đạt được các tầng định tâm và dẫn sinh thần lực nên bao gồm ý nghĩa của Tứ như ý túc. Với tín tâm nơi Tam bảo, hành giả đã sống với định - tuệ tu tập để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế và khi định – tuệ được tăng trưởng, kiên cố nên bao gồm ý nghĩa của Ngũ căn và Ngũ lực. Hành giả sống với định và tuệ tu tập điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nên dẫn sinh hỷ thọ, khinh an và xả, tức bao gồm ý nghĩa của Thất giác chi. Hành giả sống với định và tuệ tu tập để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nên dẫn sinh tâm từ, tâm bi, tâm hỷ và tâm xả, tức bao gồm ý nghĩa của Tứ vô lượng tâm. Hành giả sống với định và tuệ tu tập để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nên dẫn sinh bố thí, ái ngữ, hành lợi và đồng lợi, tức bao gồm ý nghĩa của Tứ nhiếp sự.

Tuy nhiên, trong *Tăng nhất A hàm: "Tôn giả Ca diếp hỏi tôn giả A nan: Trong bài kệ nào mà xuất sinh 37 phẩm và các pháp?*

Bấy giờ tôn giả A nan liền nói bài kệ:

Chớ làm các điều ác,

Vâng làm các điều thiện.

Tự thanh tịnh tâm ý,

Là lời chư Phật dạy.

Thế nào, A nan? Chỉ có Tăng nhất A hàm mới xuất sinh 37 phẩm và các pháp, hay là Bốn bộ A hàm khác cũng xuất sinh?

Tôn giả A nan đáp: Trong bài kệ này đã thâu tóm đầy đủ giáo nghĩa của chư Phật, thanh văn, Bích chi Phật và giáo nghĩa của Bốn bộ A hàm".

Như vậy, bài kệ nêu trên đã thâu tóm ý nghĩa của 37 pháp thuộc đạo thánh đế, cũng như giáo nghĩa của chư Phật, Thanh văn, Bích chi và Bốn bộ A hàm. Điều này có nghĩa là hành giả sống với tâm thanh tịnh để tu tập tất cả điều thiện, chứ không làm các điều ác. Tâm thanh tịnh gồm có tâm thiện hữu lậu và tâm vô lậu. Trong đó, tâm thiện hữu lậu chính là hành giả sống với định (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) - tuệ (chánh kiến, chánh tư duy) hữu lậu nên dẫn sinh giới hữu lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Còn tâm vô lậu

chính là các bậc thánh nhân sống với định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định vô lậu) - tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy vô lậu) nên dẫn sinh giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng vô lậu).

KINH 78

SA-MÔN SA-MÔN PHÁP[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có Sa-môn và pháp Sa-môn. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ngươi mà nói:

"Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám chi Thánh đạo: từ thánh kiến… cho đến thánh định. Thế nào là Sa-môn? Nếu người nào thành tựu pháp này. Đó gọi là Sa-môn."

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

[1] Đại chánh, kinh 794. S 45.36 Sāmaññā.

KINH 79

SA-MÔN SA-MÔN QUẢ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có pháp Sa-môn và quả Sa-môn. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ngươi mà nói:

"Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến… cho đến chánh định. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, và quả A-la-hán."

Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.[2]

---

[1] Đại chánh, kinh 796. S 45.35 Sāmañña.

[2] Bản Hán, hết quyển 28.

KINH 80

SA-MÔN PHÁP SA-MÔN QUẢ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có pháp Sa-môn[2] và quả Sa-môn[3]. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các ngươi mà nói:

"Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến… cho đến chánh định. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.

"Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn trừ ba kết. Thế nào là quả Tư-đà-hàm? Đoạn trừ ba kết;

---

[1] Đại chánh, quyển 29, kinh số 797. Pāli, S 45.35 Sāmañña.

[2] Sa-môn pháp 沙門法 Pāli: sāmañña.

[3] Sa-môn quả 沙門果 Sāmaññaphala.

tham, nhuế, si còn mỏng. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn sạch hết năm hạ phần kết. Thế nào là quả A-la-hán? Đoạn trừ vĩnh viễn tham, nhuế, si; đoạn trừ vĩnh viễn tất cả các thứ phiền não."

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải kinh số 78, 79, 80

Tu tập bát chánh đạo

Bát chánh đạo gồm bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu. Trong đó, tu tập bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Với ý nghĩa tu tập bát chánh đạo hữu lậu và bát chánh đạo vô lậu, người viết đã trình bày ở phần kinh *Quảng Thuyết Bát Thánh Đạo.*

Tu tập Bát chánh đạo chính là tu tập Giới - Định - Tuệ

Trong bát chánh đạo: chánh kiến và chánh tư duy thuộc nhóm tuệ (quán); chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc về nhóm giới (thiện); chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định (chỉ) (*Tiểu Kinh Phương Quảng, Trung Bộ I*, số *44)*.

Như vậy, chúng ta tu tập bát chánh đạo chính là tu tập giới - định - tuệ. Cũng vậy, chúng ta tu tập giới - định - tuệ nghĩa là tu tập bát chánh đạo. Giới - định - tuệ gồm giới - định - tuệ hữu lậu và giới - định - tuệ vô lậu.

Tu tập bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới - định - tuệ hữu lậu.

Để tu tập giới - định - tuệ hữu lậu thì chúng ta phải chọn một phương pháp để tu tập như phương pháp niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu một Đức Phật, một vị Bồ-tát, một câu thần chú, v.v... Rồi từ đó, chúng ta cần phải thực tập phương pháp ấy vào trong đời sống hằng ngày mỗi khi đi, đứng, nói năng hay im lặng.

Ví như khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, nhờ có chánh niệm nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra, nhờ có chánh niệm và chánh định nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh kiến là nhận biết được hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức (năm thủ uẩn). Nhờ đó, chúng ta mới có thể điều phục, đoạn trừ sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành, thức (tức năm thủ uẩn) nên đem lại sự an lạc của thân và tâm.

Khi thực tập chánh niệm, chánh định và chánh kiến nơi hơi thở vào ra, tức đang có mặt của chánh tinh tấn và chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập để đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát triển những điều thiện, tức chánh niệm, chánh định, chánh kiến và chánh tư duy. Trong Bát chánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng thuộc nhóm giới; chánh tinh tấn,

chánh niệm, chánh định thuộc nhóm định (*Tiểu Kinh Phương Quảng*, *Trung Bộ I*, số *44)*. Cho nên, khi chúng ta an trụ trong định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nơi hơi thở vào ra nên sẽ dẫn sinh ra giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Đây chính là giới – định – tuệ hữu lậu.

Nhờ chúng ta thực tập chánh định và chánh tuệ nơi hơi thở vào ra được thuần thục nên đạt được các tầng định tâm như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền. Sơ thiền gồm có năm chi là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Nhị thiền gồm có ba chi là hỷ, lạc và nhất tâm. Tam thiền gồm có hai chi là lạc và nhất tâm. Tứ thiền chỉ có một chi là nhất tâm và tương ưng với xả thọ. Nghĩa là, hành giả an trụ trong định và tuệ hữu lậu tương ưng với các cõi trời thuộc về Sắc giới. Như ba cõi trời thuộc Sơ thiền là Phạm chúng thiên, Phạm phụ thiên, Đại phạm thiên; ba cõi trời thuộc Nhị thiền là Thiểu quang thiên, Vô lượng quang thiên, Quang âm thiên; ba cõi trời thuộc Tam thiền là Thiểu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên;

bốn cõi trời thuộc Tứ thiền là Vô văn thiên, Phúc sinh thiên, Quảng quả thiên, Vô tưởng thiên. Rồi từ đó, chúng ta an trụ trong chánh định (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và chánh tuệ (chánh kiến, chánh tư duy) như vậy nên sẽ dẫn sinh ra giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Đây cũng chính là giới – định – tuệ hữu lậu.

Bởi vì giới - định - tuệ hữu lậu không thể đoạn trừ khổ đế - tập đế để đạt được các thánh quả, nên có những vị tuy tu tập đạt được các tầng thiền định như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền nhưng rồi sau đó vẫn dẫn đến việc phải xả giới và từ bỏ đời sống tu tập của người xuất gia. Chính ý nghĩa này nên trong kinh Đức Phật dạy như sau:

"Này Chư Hiền, hoặc có một người vừa được Sơ thiền; được Sơ thiền rồi, người ấy liền an trú chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Người ấy, sau đó thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp,

cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo".

"Lại nữa, này Chư Hiền, hoặc có một người được Nhị thiền; được Nhị thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện, rồi thì sanh tâm tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi liền xả giới bỏ đạo.

"Này Chư Hiền, lại nữa, hoặc có một người được Tam thiền; được Tam thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ

chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo".

"Lại nữa, này Chư Hiền, hoặc có một người được Tứ thiền; được Tứ thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo".

(Trích *Trung A-hàm*, kinh *Chi-Ly-Di-Lê*, số *82*, Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch).

Bởi ý nghĩa đó nên trong kinh *Ngũ Hạ Phần Kết* Đức Phật dạy: *"Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo phan duyên vào sự yểm ly, y trên sự yểm ly, an trụ nơi yểm ly, do làm an tịnh thân ác, do tâm nhập ly định, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền thành tựu*

an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó, tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Rồi vị ấy giác quán tịch tịnh, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trụ với chánh niệm chánh trí, thân cảm thọ lạc, điều mà Thánh nói là được Thánh xả, với niệm an trú lạc, chứng đắc Tam thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy diệt lạc, diệt khổ, ưu hỷ vốn cũng đã diệt, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu ngại tưởng, không suy niệm đến bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, chứng vô lượng không xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy

của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Nơi vị ấy nếu có những cảm thọ nào, hoặc lạc, khổ, hoặc không lạc, không khổ, vị ấy quán sát cảm thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vị ấy sau khi như vậy quán thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian này. Sau khi không còn chấp thủ đối với thế gian này, liền không sợ hãi. Do không sợ hãi mà nhập Niết-bàn. Biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

(Trung A-hàm, kinh *Ngũ Hạ Phần Kết,* số *205*, Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch*)*

Theo ý nghĩa của bản kinh nêu trên, Đức Phật dạy: khi chúng ta tu tập đạt được định tâm của

Sơ thiền, Nhị thiền… thì hãy an trụ trong các định tâm ấy quán sát cảm thọ là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả để kiến đạo tức lãnh hội chánh kiến vô lậu. Từ đó, chúng ta an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập để hướng đến Tư-đà-hàm và đạt được quả Tư-đà-hàm; hướng đến A-na-hàm và đạt được quả A-na-hàm; hướng đến A-la-hán và đạt được quả A-la-hán (chứng đắc lậu tận).

Vì thế, chúng ta tu tập bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu nghĩa là tâm luôn an trụ trong định hữu lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ hữu lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới hữu lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng).

Vì vậy, nếu y cứ vào ý nghĩa của bát chánh đạo thì chúng ta sẽ khẳng định rằng: Chính tâm an trú trong chánh định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và chánh tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Hay nói cách khác, do chúng ta sống trong định (chánh tinh tấn,

chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nhận thức được những điều thiện (y vào các giới học) và những điều bất thiện (trái với các giới học) nên mới dẫn sinh đến việc giữ giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Như vậy, từ nơi định (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Chứ không phải từ nơi giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng) để dẫn sinh ra chánh định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và chánh tuệ (chánh kiến và chánh tư duy). Cho nên, trong *Trung A-hàm*, kinh *Ngũ Chi Vật Chủ*, số *179*, Đức Thế Tôn đã dạy: *"Này Vật chủ, thế nào gọi là giới thiện? Thân hành thiện, miệng, ý hành thiện. Đó gọi là giới thiện.*

"Giới thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tâm. Tâm là thế nào? Nếu tâm không có dục, không có nhuế, không có si, nên biết giới thiện phát sanh từ tâm này".

Bởi vì giới - định - tuệ hữu lậu không thể đoạn trừ được khổ đế - tập đế để đạt được Diệt thánh

đế cho nên chúng ta phải tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Chỉ có giới – định – tuệ vô lậu mới đoạn trừ được khổ đế - tập đế để đạt được tứ thánh quả. Vì vậy, trong *Trung A-hàm*, kinh *Ngũ Chi Vật Chủ*, số *179, Đức Phật dạy: "Này Vật chủ, giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào. Nếu Đa văn Thánh đệ tử hành trì giới mà không dính trước nơi giới, đây là giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.*

"Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật giới thiện, biết đúng như thật giới thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật giới thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ giới thiện.

"Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật niệm thiện, biết đúng như thật niệm thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật niệm thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ niệm thiện."

Tu tập bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu

Các bậc thánh nhân an trụ trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến và chánh tư duy) nên dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Tuy vậy, các bậc Thánh giả thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các Ngài vẫn chưa sống được hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Chỉ có những bậc thánh Vô học (A-la-hán) đã đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên các Ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Cho nên, trong *Trung A-hàm,* kinh *Thánh Đạo,* số *189,* Đức Phật dạy: *"Bậc Thánh hữu học thành tựu tám chi phần Bát Chánh Đạo; còn bậc*

Thánh vô học thành tựu mười chi, thêm hai chi nữa là chánh giải thoát và chánh trí."

Với ý nghĩa đó nên chúng ta hiểu rằng tâm vô lậu của bậc thánh A-la-hán không chỉ thành tựu mười chi vô lậu mà còn thành tựu lục độ ba-la-mật, hoặc thập độ ba-la-mật. Cho nên, trong *Tăng Nhất A-hàm*: "*Tôn giả Ca-diếp hỏi tôn giả A-nan: Trong bài kệ nào mà xuất sinh 37 phẩm và các pháp?*

Bấy giờ Tôn giả A-nan liền nói bài kệ:

Chớ làm các điều ác,

Vâng làm các điều thiện.

Tự thanh tịnh tâm ý,

Là lời Chư Phật dạy.

Thế nào, A-nan? Chỉ có Tăng Nhất A-hàm mới xuất sinh 37 phẩm và các pháp, hay là 4 bộ A-hàm khác cũng xuất sinh?

Tôn giả A-nan đáp: Trong bài kệ này đã thâu tóm đầy đủ giáo nghĩa của Chư Phật, Thanh Văn, Bích Chi Phật và giáo nghĩa của 4 bộ A-hàm" (Kinh *Tăng Nhất A-hàm*, *phẩm Tựa*, Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

Tu tập bát chánh đạo liên hệ với sự tu tập tứ vô lượng tâm

Tứ vô lượng tâm là tâm từ vô lượng, tâm bi vô lượng, tâm hỷ vô lượng và tâm xả vô lượng.

- Tâm từ vô lượng

Chúng ta an trụ trong định hữu lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ hữu lậu (chánh kiến, chánh tư duy) để nhận biết khổ đế - tập đế của chính mình và tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các giới loại nên dẫn sinh tâm từ.

Cũng vậy, các bậc thánh nhân an trụ trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) để quán sát khổ đế - tập đế của tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các giới loại nên dẫn sinh tâm từ vô lượng.

- Tâm bi vô lượng

Chúng ta an trụ trong định hữu lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ hữu lậu

(chánh kiến, chánh tư duy) để quán sát khổ đế - tập đế của chính mình và tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển trong sinh tử khổ đau nên dẫn sinh tâm từ. Từ nơi tâm từ sẽ dẫn sinh tâm bi, đó là tâm nguyện muốn cứu giúp mọi người. Tâm bi ấy được biểu hiện cụ thể qua chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc hữu lậu.

Cũng vậy, các bậc thánh nhân an trụ trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) để quán sát khổ đế - tập đế của tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các giới loại nên dẫn sinh tâm từ vô lượng. Bởi vì từ nơi tâm từ vô lượng nên dẫn sinh tâm bi vô lượng, đó chính là tâm nguyện muốn cứu giúp tất cả chúng sinh. Tâm bi ấy được biểu hiện cụ thể qua hành động của chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc vô lậu. Nghĩa là, các Ngài đã dùng tài thí và pháp thí (thuyết pháp) để dạy dỗ cho tất cả chúng sinh biết tu tập tất cả thiện pháp.

Chính ý nghĩa đó nên những bậc A-la-hán, các bậc đại Bồ-tát và Đức Thế Tôn đều từ trong

định vô lậu và tuệ vô lậu để nguyện lực sinh thân trong ba cõi nhằm giáo hoá chúng sinh với những phương tiện như tài thí và pháp thí.

- Tâm hỷ vô lượng

Nhờ chúng ta an trụ trong định hữu lậu và tuệ hữu lậu nên dẫn sinh hỷ thọ và lạc thọ. Từ đó, chúng ta mới vui thích, hoan hỷ trước tất cả nhân thiện và quả lành của mọi người.

Cũng vậy, các bậc thánh nhân an trụ trong định vô lậu và tuệ vô lậu nên dẫn sinh hỷ thọ và lạc thọ thuộc về vô lậu. Cho nên, các Ngài luôn hoan hỷ khi thấy tất cả chúng sinh biết tu tập các thiện pháp và thọ quả lành.

- Tâm xả vô lượng

Theo *Luận Thành Duy Thức: "Hành xả là gì? Đó là tinh tấn cùng với ba thiện căn."*

Nhờ chúng ta an trụ trong định hữu lậu và tuệ hữu lậu nên mới điều phục, đoạn trừ được tham, sân và si đối với năm thủ uẩn.

Cũng vậy, bậc thánh Tu-đà-hoàn đã xả ly được thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Bậc thánh Tư-đà-

hàm đã làm mỏng, giảm tham, sân và si câu sinh đối với năm thủ uẩn. Bậc thánh A-na-hàm đã xả ly được năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới). Bậc thánh A-la-hán đã xả ly hoàn toàn khổ đế - tập đế (chấp ngã). Duy chỉ có Đức Thế Tôn mới xả ly hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) và chấp pháp (sở tri chướng) nên Ngài đã thành tựu viên mãn tâm đại từ, tâm đại bi, tâm đại hỷ và tâm đại xả.

Tu tập bát chánh đạo vô lậu liên hệ với sự thành tựu tứ thánh quả

- Thánh quả Tu-đà-hoàn (Thất lai)

Nghĩa của kiến đạo tuy chỉ có một nghĩa nhưng tuỳ theo mỗi bản kinh, mỗi bản luận để có sự quy ước tên gọi khác nhau. Ví như trong giáo lý Tứ thánh đế gọi là *kiến đạo tức lãnh hội chánh kiến vô lậu*. Trong Pháp mười hai nhân duyên gọi là *minh*. Trong kinh Vô tri gọi là *như thật tri*. Trong kinh *V*ô minh gọi là *minh*. Trong kinh *Bāhiya* gọi là *trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái*

nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết. Trong kinh *Lăng Nghiêm* gọi là *tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh vị, tánh xúc và tánh biết*. Trong *Bát-nhã tâm kinh* và kinh *Kim Cang* gọi là *trí vô lậu* (Bát-nhã). Theo *Luận Thành Duy Thức* gọi là *trí vô phân biệt*.

Khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu thì đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai.

- Thân kiến là gì? Đó là cho rằng sắc, thọ, tưởng, hành và thức là tự ngã và tự ngã chính là sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Lê-Tê-Đạt-Đa,* số *570*, Tôn giả Lê-Tê-Đạt-Đa dạy:

"Thế nào là thân kiến?"

"Phàm phu ngu si không học thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, thức khác ngã, thức ở trong ngã, ngã ở trong thức. Này Trưởng giả, đó gọi là thân kiến."

"Làm thế nào để không có thân kiến này?"

"Đa văn Thánh đệ tử chẳng thấy sắc là ngã, chẳng thấy sắc khác ngã, chẳng thấy sắc trong ngã, ngã trong sắc; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, chẳng thấy thức khác ngã, chẳng thấy thức trong ngã, ngã trong thức; đó gọi là không có thân kiến." Cũng vậy, Đức Phật dạy: *"Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Này Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương có ngã, tất cả y trên năm thọ ấm này mà chủ trương có ngã. Những gì là năm? Các Sa-môn, Bà-la-môn, ở nơi sắc thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Cũng vậy, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau."* (*Tạp A-hàm*, kinh *Phân biệt*, số *54*)

- Giới cấm thủ là gì? Đó là không phải nhân mà thấy là nhân; không phải đạo mà thấy là đạo. Đây gọi là giới cấm thủ. Ví như Đại Tự Tại Thiên, Sinh Chủ không phải là nhân của thế giới mà cho đó là nhân. Hoặc những hành vi như nhảy vào lửa, nhảy xuống sông… không phải là nguyên nhân để sinh thiên, mà cho đó là nguyên nhân để

sinh thiên. Hoặc cho rằng phải khổ hạnh, ép xác hành hạ thân thể để đền bù tội lỗi trong quá khứ và sau khi chết sẽ thọ quả báo ở chư thiên… Đó gọi là giới cấm thủ.

- Nghi là gì? Đó là nghi Phật, Pháp, Tăng và Thánh giới. Nhiều kinh chỉ ghi gọn là nghi Tứ thánh đế.

Vì sao bậc thánh Sơ quả đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi? Bởi vì bậc thánh Sơ quả an trú trong chánh kiến vô lậu nhận biết được như thật sự tập khởi của năm thủ uẩn là pháp duyên sinh, vô thường, khổ và vô ngã nên đoạn trừ được thân kiến. Nhờ đó, bậc thánh Tu-đà-hoàn nhận biết được như thật khổ đế - tập đế cần phải đoạn, diệt đế cần phải chứng và đạo đế cần phải tu tập nên đoạn trừ được Giới cấm thủ. Chính vì, chánh kiến vô lậu nhận biết được sự tập khởi của năm thủ uẩn thì đây là nhận biết được như thật khổ đế và tập đế. Còn tâm nhận biết được như thật về khổ đế và tập đế thì đây chính là chánh kiến vô lậu tức đạo đế vô lậu. Nghĩa là, bậc thánh Tu-đà-hoàn đã nhận biết như thật khổ đế - tập đế và chứng

nghiệm đạo đế vô lậu tu tập để đạt Diệt đế nên đoạn trừ được tâm nghi về giáo pháp Tứ thánh đế. Bởi vì không còn nghi về giáo pháp Tứ thánh đế nên bậc thánh Tu-đà-hoàn (Sơ quả) sẽ không còn nghi Phật, nghi Tăng và nghi Thánh giới. Cho nên, Đức Phật dạy: *"Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát được như vậy rồi, thì dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật, dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Pháp và đối với Tăng, Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Đó gọi là, Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không còn trở lại tạo nghiệp thân, miệng, ý để đưa đến ba đường ác; giả sử có buông lung, Thánh đệ tử cũng nhất định hướng đến giác ngộ, bảy lần qua lại trời người, rồi cứu cánh biên tế khổ."* (Trích *Tạp A-hàm*, kinh *Hồ Nghi Đoạn*, số *137*)

Bậc thánh Tu-đà-hoàn chỉ còn lại với thời gian tối đa bảy lần qua lại giữa các cõi trời và cõi người (trong Dục giới) tu tập để thành tựu quả vị A-la-hán. Vì thế, Đức Phật dạy: *"Ta chưa từng thấy một người đệ tử của ta kiến đế mà phải trải qua đến đời thứ tám"*. Như trong *Trung A-hàm*, kinh *Thủy Dụ*,

Đức Phật dạy: *"Ba kết đã dứt sạch liền chứng Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, quyết định thẳng đến chánh giác, đời sau thọ sanh tối đa bảy lần, qua lại bảy lần trong nhân gian, thiên thượng; rồi chứng đắc biên tế của sự khổ."*

Theo *Luận Câu Xá*, trang *392*, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, Luận giải thích về ý nghĩa "Thất lai" của bậc thánh Sơ quả (Tu-đà-hoàn) như sau: *"Ở đây chứng cứ nào nói mỗi thú bảy lần chứ không phải bảy lần trong cả hai. Trong khi kinh được đọc như vậy: "Bảy lần chư thiên và loài người".*

Các vị Ẩm quang bộ (tức Luận chủ đã dẫn Ẩm quang bộ) cũng đọc "bảy lần chư thiên và loài người" như là "mỗi thú" riêng biệt". Ở đây không nên cố chấp.

Vị đắc quả dự lưu giữa loài người sẽ trở lại đây mà nhập Niết-bàn. Nếu đắc quả giữa chư thiên, cũng sẽ trở lại nơi ấy."

Thánh quả Tư-đà-hàm (Nhất lai)

Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập làm giảm hay mỏng tham,

sân và si câu sinh đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn nên thành tựu quả vị Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Nghĩa là, khi bậc thánh xả bỏ báo thân thì Ngài sẽ sinh lên nơi các cõi trời thuộc Dục giới. Sau khi xả bỏ báo thân ở nơi các cõi trời đó, Ngài sẽ sinh lại trong nhân gian để tiếp tục nỗ lực tu tập cho đến khi thành tựu quả vị A-la-hán.

Theo *Luận Câu Xá*, trang 399, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, Luận giải thích về ý nghĩa "Nhất lai" của bậc thánh Nhị quả (Tư-đà-hàm) như sau: *"Đây là đắc quả thứ hai, gọi là quả nhất lai, vì sau khi sinh lên chư thiên, rồi sinh trở lại nhân gian một lần duy nhất, sau đó không còn đời nào nữa. Kinh nói là làm mỏng tham, sân và si"*.

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Thủy Dụ*, Đức Phật dạy về bậc thánh Tư-đà-hàm như sau:

"Thế nào là người ra rồi trụ; trụ rồi nhìn quanh; nhìn quanh rồi lội qua. Đó là người trỗi được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều đã kiên cố không mất, trú trong thiện pháp.

Biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy, ba kết liền dứt sạch. Đó là, thân kiến, giới thủ, nghi; ba kết đã dứt sạch. Dâm, nộ, si[6] vơi mỏng. Còn phải một lần vãng lai trong nhân gian, thiên thượng. Sau khi qua lại một lần đó rồi liền diệt tận biên tế khổ. Đó là người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua. Như người chìm trong nước, ngoi rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ năm của ví dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy".

Thánh quả A-na-hàm (Bất lai)

Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập đoạn trừ được năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm, gọi là Bất lai. Nghĩa là, khi bậc thánh xả bỏ báo thân thì Ngài sẽ sinh lên các cõi trời thuộc Sắc giới như: Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Hiện Thiên, Thiện Kiến Thiên và Sắc Cứu Cánh Thiên

(thuộc tầng thiền thứ tư trong Sắc giới). Ở nơi các cõi trời đó, các Ngài tiếp tục tu tập để đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên thành tựu bậc thánh A-la-hán.

Với ý nghĩa đó nên chúng ta hiểu rằng, bậc thánh A-na-hàm sẽ đạt được định tâm thuộc Tứ thiền vô lậu, chứ không phải định hữu lậu.

Bậc thánh Tu-đà-hoàn đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi thuộc phân biệt ngã chấp. Còn bậc thánh A-na-hàm đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi thuộc câu sinh ngã chấp. Trong giai đoạn tu đạo của các bậc thánh giả: bậc thánh Tu-đà-hoàn an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị Tư-đà-hàm, rồi thành tựu quả vị Tư-đà-hàm; bậc thánh Tư-đà-hàm an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị A-na-hàm, rồi thành tựu quả vị A-na-hàm; bậc thánh A-na-hàm an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị A-la-hán; trong các tiến trình ấy, các Ngài chỉ đoạn trừ được phần nào chứ chưa

đoạn trừ được hoàn toàn ngã chấp câu sinh. Cho đến quả vị A-la-hán thì các Ngài mới đoạn trừ hoàn toàn loại ngã chấp câu sinh này.

Mặt khác, loại ngã chấp câu sinh này luôn cùng tồn tại với chúng ta tức vốn sẵn có, mà không cần phải chịu ảnh hưởng sự huân tập của Ngoại Giáo. Cho nên, trong kinh *Ngũ Hạ Phần Kết,* Đức Phật dạy: *"Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngủ, trong ý còn không có ý tưởng về dục tưởng, há lại có quấn chặt nơi dục chăng? Nhưng kết sử nằm trong bản tính của chúng nên nói là dục tùy miên. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh, mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về chúng sanh còn không có, há lại có tâm bị quấn chặt nơi sân nhuế chăng? Nhưng do kết sử nằm trong bản tính của nó, nên nói là nhuế tùy miên. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về tự thân còn không có, há lại có quấn chặt nơi thân chăng? Nhưng do kết sử ở nơi bản tính của nó nói là thân kiến tùy miên. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về giới còn không có, há lại có tâm quấn chặt*

nơi giới chăng? Nhưng do kết sử nơi bản tính của nó nên nói là giới thủ tùy miên. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, ý tưởng về pháp còn không có, há lại có tâm quấn chặt nơi pháp chăng? Nhưng do kết sử nơi bản tính của nó nên nói là nghi tùy miên". (Trung A-hàm, kinh Ngũ Hạ Phần Kết, số *205*, Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Thiện Nhân Vãng*, số 6, Đức Phật dạy có bảy bậc thánh Tam quả:

"Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng thế, chút ít mạn chưa trừ hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc thiện nhân thứ nhất, thế gian quả thực có người như vậy."

"Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy; còn chút mạn chưa trừ hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ hai, thế gian quả thực có người như vậy."

"Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ

đi đến của bậc thiện nhân thứ ba, thế gian quả thực có người như vậy."

"*Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Sanh Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ tư, thế gian quả thực có người như vậy.*"

"*Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Hành Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ năm, thế gian quả thực có người như vậy.*"

"*Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kiết đã đoạn hết, chứng Vô hành Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ sáu, thế gian quả thực có người như vậy.*"

"*Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Thượng lưu A-ca-nị-trá Niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ bảy, thế gian quả thực có người như vậy.*"

Thánh quả A-la-hán (Vô học)

Bậc thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập để đoạn tận khổ đế - tập đế nên đạt được Niết-bàn, tức thành tựu quả vị A-la-hán.

Bởi vì, các bậc thánh như Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm chưa đoạn tận chấp ngã (phiền não chướng) nên thuộc hàng Hữu học. Còn bậc thánh A-la-hán đã đoạn tận chấp ngã (phiền não chướng) nên thuộc hàng Vô học. Với sự thành tựu đó nên các Ngài xứng đáng cho Chư thiên, loài người đảnh lễ và cúng dường.

Các bậc thánh Hữu học chưa thành tựu được Tam minh. Những bậc thánh Vô học mới thành tựu được Tam minh. Cho nên, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Vô Học Tam Minh*, số *871*, Đức Phật dạy: *"Bậc Vô học có Ba minh. Những gì là ba? Túc mạng trí chứng thông của bậc Vô học, Sanh tử trí chứng thông của bậc Vô học, Lậu tận trí chứng thông của bậc Vô học.*

"Thế nào là Túc mạng chứng trí thông của bậc Vô học? Thánh đệ tử biết tất cả sự từ những đời trước.

Từ một đời đến trăm, ngàn, vạn, ức đời; cho đến số kiếp thành hoại rằng: 'Các đời sống trước của ta và chúng sanh, có những tên như vậy, sanh ra như vậy, dòng họ như vậy, ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ dài như vậy, sống lâu như vậy, chịu giới hạn như vậy. Ta và chúng sanh chết ở chỗ này, sanh ra chỗ khác; chết chỗ khác sanh ra chỗ này, có hành như vậy, nhân như vậy, tín như vậy.' Tất cả các việc đã trải qua trong đời sống trước đều biết rõ ràng. Đó gọi là Trí túc mạng chứng minh.

"Thế nào là Sanh tử trí chứng minh? Thánh đệ tử, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt qua đối với mắt người, thấy các chúng sanh lúc chết, lúc sanh, đẹp, xấu, thượng sắc, hạ sắc, theo nghiệp mà thọ sanh vào đường ác. Biết như thật rằng như chúng sanh này thành tựu thân ác hành, thành tựu miệng, ý ác hành, hủy báng Thánh nhân, tà kiến, nhận lãnh tà pháp; do nhân duyên này sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trong đường ác địa ngục. Chúng sanh này do thành tựu thân thiện hành, thành tựu miệng, ý thiện hành, không hủy báng Thánh nhân, đã thành tựu chánh kiến, nên sau khi thân hoại

mạng chung sanh vào trong đường Trời, Người. Đó gọi là Trí sanh tử chứng minh.

"Thế nào là Lậu tận trí chứng minh? Thánh đệ tử biết như thật, 'Đây là Khổ', 'Đây là Khổ tập', 'Đây là Khổ diệt', 'Đây là Khổ diệt đạo.' Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát Dục hữu lậu, tâm giải thoát Hữu hữu lậu, tâm giải thoát Vô minh lậu, với giải thoát tri kiến, biết rằng, 'Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Đó gọi là Lậu tận chứng trí minh."

KINH 81

NGŨ PHÁP[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có năm pháp mang lại nhiều lợi ích cho sự tu tập an-na-ban-na niệm. Những gì là năm? An trụ luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa tịnh giới, oai nghi hành xử đầy đủ; đối với những tội vi tế hay sanh lòng sợ hãi, thọ trì học giới. Đó gọi là pháp thứ nhất mang lại nhiều lợi ích cho sự tu an-na-ban-na niệm.

"Lại nữa, Tỳ-kheo ít muốn, ít sự việc, ít tác vụ. Đó là pháp thứ hai mang lại nhiều lợi ích cho sự tu an-na-ban-na niệm.

[1] Đại chánh, kinh 801.

"Lại nữa, Tỳ-kheo ăn uống biết lượng, không ít cũng không nhiều. Không vì việc ăn uống mà sanh ra tư tưởng ham muốn; luôn tinh cần tư duy. Đó là pháp thứ ba mang lại nhiều lợi ích cho sự tu an-na-ban-na niệm.

"Lại nữa, Tỳ-kheo đầu đêm, cuối đêm, không đắm say ngủ nghỉ, mà luôn tinh cần tư duy. Đó là pháp thứ tư mang lại nhiều lợi ích cho sự tu an-na-ban-na niệm.

"Lại nữa, Tỳ-kheo ở trong rừng vắng, xa lìa những nơi náo nhiệt. Đó là pháp thứ năm mang lại nhiều lợi ích cho sự tu an-na-ban-na niệm."

Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Để thuận duyên cho việc tu tập đạt được định tâm thì chúng ta phải tu tập các thiện pháp, bớt công việc bận rộn, ăn uống có chừng mực, ngủ nghỉ có điều độ và ở những nơi yên tịnh, thanh vắng. Đây chính là những điều kiện hỗ trợ cho việc thực tập đạt được định tâm.

KINH 82

AN-NA-BAN-NA NIỆM[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy tu tập an-na-ban-na niệm. Tỳ-kheo tu tập an-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, thân khinh an và tâm khinh an, có tầm, có tứ, tịch diệt, thuần nhất, phân minh tưởng, tu tập đầy đủ. Thế nào là tu tập an-na-ban-na niệm, tu tập nhiều, thân khinh an và tâm khinh an, có tầm, có tứ, tịch diệt, thuần nhất, phân minh tưởng, tu tập đầy đủ? Tỳ-kheo, nương vào xóm làng, thành ấp mà ở; sáng sớm đắp y mang bát vào thôn khất thực, hãy khéo hộ trì thân, giữ gìn các căn, khéo cột tâm an trụ;

[1] Đại chánh, kinh 803. Pāli, S.54.1 Ekadhamma Cf No 101(15).

khất thực xong trở về chỗ ở, cất y bát, rửa chân xong, hoặc vào trong rừng, trong phòng vắng, dưới bóng cây, hoặc nơi đất trống, thân ngồi ngay thẳng, cột niệm trước mặt, cắt đứt mọi tham ái thế gian, ly dục thanh tịnh, đoạn trừ sân nhuế, thụy miên, trạo hối và nghi, vượt qua các nghi hoặc, đối với các pháp lành, tâm được quyết định; viễn ly năm triền cái vốn làm phiền não tâm, khiến tuệ lực suy giảm, là phần chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn.

"Niệm hơi thở vào[1], cột niệm, hãy khéo học. Niệm hơi thở ra,[2] cột niệm, hãy khéo học. Hơi thở dài,[3] hơi thở ngắn.[4]

Cảm giác biết toàn thân khi thở vào, khắp toàn thân thở vào, hãy khéo học.[5] Cảm giác biết toàn thân khi thở ra, khắp toàn thân thở ra, hãy khéo học.

---

[1] Hán: nội tức 內息 Pāli: *passasati,* thở vào.

[2] Hán: ngoại tức 外息 Pāli: *assasati,* thở ra.

[3] Hán: tức trường 息長 Pāli: *dīghaṃ vā assasanto dīghaṃ assasāmī' ti pajānāti,* trong khi thở ra dài, biết rằng "Tôi đang thở ra dài."

[4] Hán: tức đoản 息短 Pāli: *rassaṃ vā assasanto rassaṃ assasāmī' ti pajānāti,* trong khi thở ra ngắn, biết rằng "Tôi đang thở ra ngắn."

[5] Pāli: *sabbakāyapaṭisaṃvedī passasissāmī' ti sikkhati,* vị ấy học tập rằng, "cảm giác toàn thân tôi sẽ thở vào."

Giác tri tất cả sự an tịnh của tất cả thân hành khi thở vào,[1] tất cả thân hành an tịnh thở vào, hãy khéo học. Giác tri tất cả sự an tịnh của tất cả thân hành khi thở ra, tất cả thân hành an tịnh thở vào, hãy khéo học.

Giác tri hỷ, giác tri lạc, giác tri tâm hành,[2] giác tri sự an tịnh của tâm hành khi thở vào, giác tri tâm hành an tịnh thở vào, hãy khéo học[3]. Giác tri sự an tịnh của tâm hành khi thở ra, giác tri tâm hành an tịnh thở ra, hãy khéo học. Giác tri tâm, giác tri tâm hoan hỷ, giác tri tâm định, giác tri tâm giải thoát khi thở vào,[4] giác tri tâm giải thoát thở vào, hãy khéo học. Giác tri tâm giải thoát khi hơi

---

[1] Hán:...nhất thiết thân hành tức nhập tức 一切身行息入息 Pāli: *passaṃbhayaṃ kāyasaṃkhāraṃ assasissāmī'ti sikkhati,* vị ấy học tập rằng, "thân hành an tĩnh, tôi sẽ thở vào."

[2] Hán: giác tri hỷ, giác tri lạc, giác tri tâm hành 覺知喜， 覺知樂， 覺知身行 Pāli: *pītippaṭisaṃvedī..., sukhappaṭisaṃvedī..., cittasaṃkhārappaṭisaṃvedī...*

[3] Hán:...tâm hành tức nhập tức.. 心行息入息 Pāli: *passambhayaṃ cittasaṃkhāraṃ passasissāmī'ti sikkhati,* vị ấy học rằng, "tâm hành an tĩnh, tôi sẽ thở vào,"

[4] Giác tri tâm, giác tri tâm duyệt, giác tri tâm định, giác tri tâm giải thoát 覺知心， 覺知心悅， 覺知心定， 覺知心解脫 Pāli: *cittappaṭisaṃvedī..., abhippamodayaṃ cittaṃ..., samādahaṃ cittaṃ..., vimoccayaṃ cittaṃ...,*

thở ra, giác tri tâm giải thoát thở ra, hãy khéo học. Quán sát vô thường, quán sát đoạn, quán sát vô dục, quán sát diệt[1] khi hơi thở vào, quán sát diệt thở vào, phải khéo học. Quán sát diệt khi hơi thở ra, quán sát diệt thở ra, phải khéo học. Đó gọi là tu an-na-ban-na niệm, thân khinh an và tâm khinh an, có tầm, có tứ, tịch diệt, thuần nhất, phân minh tưởng, tu tập đầy đủ."

Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

[1] Hán: quán sát vô thường.. đoạn… vô dục.. diệt 觀察無常，觀察斷，觀察無欲， 觀察滅 Pāli: *aniccānupassī.. virāgānupassī.. nirodhānupassī.. paṭinissaggānupassī,* quán vô thường, quán ly dục, quán diệt, quán xả ly.

KINH 83

BẤT BÌ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Hãy tu an-na-ban-na niệm. An-na-ban-na niệm được tu tập, tu tập nhiều, thân không mệt mỏi, mắt cũng không đau nhức, tùy thuận quán an trụ lạc, giác tri lạc, không đắm nhiễm.

"Thế nào là tu an-na-ban-na niệm, thân không mệt mỏi, mắt cũng không đau nhức, tùy thuận quán an trụ lạc, giác tri lạc, không đắm nhiễm?

"Tỳ-kheo khi nương vào làng xóm mà ở… *cho đến* quán diệt, hơi thở ra, học như quán diệt

[1] Đại chánh, kinh 814. Không mệt nhọc Pāli, S 54.8 Dīpa.

hơi thở ra. Đó gọi là khi tu an-na-ban-na niệm, thân không mệt mỏi, mắt cũng không đau nhức, tùy thuận quán an trụ lạc, giác tri lạc, không đắm nhiễm. Như vậy, tu an-na-ban-na niệm sẽ được quả lớn, phước lợi lớn.

"Tỳ-kheo muốn cầu ly dục pháp ác bất thiện, có tầm, có tứ, có hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và an trú sơ thiền; Tỳ-kheo ấy nên tu an-na-ban-na niệm. Như vậy, nếu tu an-na-ban-na niệm đạt được quả lớn, phước lợi lớn.

"Tỳ-kheo muốn cầu đệ nhị, đệ tam, đệ tứ thiền, từ, bi, hỷ, xả, không nhập xứ, thức nhập xứ, vô sở hữu nhập xứ, phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ; ba kết hoàn toàn hết, đắc quả Tu-đà-hoàn; ba kết đã hết, tham, nhuế, si đã mỏng, đắc quả Tư-đà-hàm; năm hạ phần kết sử đã hết, đắc quả A-na-hàm; đạt được vô lượng sức thần thông, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sinh tử trí, lậu tận trí; Tỳ-kheo ấy nên tu an-na-ban-na niệm. Như vậy, nếu tu an-na-ban-na niệm, đạt được quả lớn, phước lợi lớn."

Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải kinh số 82, 83

Khi chúng ta tu tập chánh niệm ở nơi hơi thở vào ra (An-na-ban-na niệm), thì chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, nhờ có chánh niệm nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra, nhờ có chánh niệm và chánh định nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh kiến là nhận biết được hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức, tức năm thủ uẩn. Nhờ đó, chúng ta mới điều phục, đoạn trừ sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành, thức (tức năm thủ uẩn) nên đem lại sự an lạc của thân và tâm.

Khi chúng ta thực tập chánh niệm, chánh định và chánh kiến ở nơi hơi thở vào ra, tức là đang có mặt của chánh tinh tấn và chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát triển những điều thiện, tức chánh niệm, chánh định, chánh kiến và chánh tư duy. Trong Bát chánh đạo: *"Chánh kiến và chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; chánh ngữ,*

chánh nghiệp và chánh mạng thuộc nhóm giới (thiện); chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định". Nghĩa là, trong Bát chánh đạo thì năm chi là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc về tâm và phân làm hai nhóm: nhóm định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và nhóm tuệ (chánh kiến và chánh tư duy); còn ba chi là chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc về thân và khẩu được gom chung làm nhóm giới. Vì thế, khi chúng ta an trụ trong định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nơi hơi thở vào ra nên sẽ dẫn sinh giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Như vậy, chúng ta tu tập bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu nghĩa là tâm luôn an trụ trong định hữu lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ hữu lậu (chánh kiến và chánh tư duy) nên dẫn sinh ra giới hữu lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng).

Bởi vì hành giả thực tập chánh định và chánh tuệ ở nơi hơi thở vào ra được thuần thục nên có thể

dẫn đến kiến đạo, tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu. Hoặc nhờ định và tuệ ở nơi hơi thở vào ra được thuần thục nên chúng ta đạt được định tâm của Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền... rồi an trụ trong các định tâm ấy quán sát sự tập khởi của năm thủ uẩn là vô thường, khổ, không, vô ngã để kiến đạo. Chính vì thế, khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu thì sẽ thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trú trong tâm vô lậu tu tập để hướng đến Tư-đà-hàm và đạt được bậc thánh Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu để tu tập hướng đến A-na-hàm và đạt được bậc thánh A-na-hàm, gọi là Bất lai. Bậc thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu để tu tập hướng đến hướng đến A-la-hán và cho đến đạt được bậc thánh A-la-hán.

KINH 84

HỌC (2)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Cũng có ba học nữa. Những gì là ba? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học.

"Thế nào là tăng thượng giới học? Tỳ-kheo an trụ Ba-la-đề-mộc-xoa, thực hành đầy đủ luật nghi, oai nghi, thấy tội nhỏ nhặt sanh lòng sợ hãi, thọ trì học giới.

"Thế nào là tăng thượng tâm học? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện… cho đến, chứng và an trụ đệ tứ thiền.

[1] Đại chánh, kinh 817. Pāli, S 3.88 Sikkhā.

"Thế nào là tăng thượng tuệ học? Tỳ-kheo biết như thật Khổ Thánh đế này, biết như thật Tập, Diệt, Đạo Thánh đế, đó gọi là tăng thượng tuệ học."

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói kệ như đã nói ở trên.

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Thánh giới do Đức Phật thiết lập gồm có giới học của những người xuất gia và những giới học của người cư sĩ tại gia. Giới học của những người xuất gia gồm có giới học Sa di, Thức xoa ma na, Tỳ-kheo Ni, Tỳ-kheo Tăng. Còn giới học của người cư sĩ tại gia gồm có năm giới, mười giới, bát quan trai giới. Định gồm có: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Không vô biên xứ định, Thức vô biên xứ định, Vô sở hữu xứ định, Phi tưởng phi phi tưởng xứ định và Diệt tận định. Trong đó, định tâm gồm có định hữu lậu và định vô lậu. Tuệ là nhận thức được như thật về tứ thánh đế. Tuệ bao gồm văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Tu tuệ gồm tu tuệ

thuộc hữu lậu và tu tuệ thuộc vô lậu. Để thành tựu được giới, định, tuệ thì chúng ta phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới - định - tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả cho đến quả vị Phật.

KINH 85

LI-XA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong giảng đường Trùng các, bên ao Di hầu tại nước Tì-xá-li.

Bấy giờ có người luyện voi giỏi người Li-xa, tên là Nan-đà[2], đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Li-xa Nan-đà rằng:

"Thánh đệ tử thành tựu bất hoại tịnh, mà muốn cầu thọ mạng liền được thọ mạng; muốn cầu dung sắc, sức lực, khoái lạc, biện tài, liền được một cách tự tại. Những gì là bốn? Thành tựu Phật bất hoại tịnh; thành tựu Pháp, Tăng bất hoại tịnh; thành

[1] Đại chánh, kinh 833. Pāli, S. 55. 30. Licchavi.

[2] Điều tượng sư Ly-xa 調象師離車. Pāli: vị Đại thần của Licchavi tên là Nandaka.

tựu Thánh giới bất hoại tịnh. Ta thấy Thánh đệ tử này sau khi mạng chung ở đây sẽ sinh lên cõi trời, và ở đó được mười pháp. Những gì là mười? Được tuổi thọ cõi trời, sắc đẹp cõi trời, danh xưng cõi trời, khoái lạc cõi trời, tự tại cõi trời và sắc, thinh, hương, vị, xúc cõi trời. Nếu Thánh đệ tử ở trên trời mạng chung sẽ sinh vào cõi người. Ta thấy người ấy đầy đủ mười điều. Những gì là mười? Được tuổi thọ cõi người, xinh đẹp, danh xưng, khoái lạc, tự tại và, sắc, thinh, hương, vi, xúc cõi người. Ta nói vị đa văn Thánh đệ tử này tín không phải do người khác, ước muốn không phải do người khác, không nghe từ người khác, không lấy ý người khác, tư duy không nhờ vào người khác. Ta nói vị ấy có tri kiến chánh tuệ như thật."

Bấy giờ, có người đi theo Nan-đà, thưa Nan-đà rằng:

"Giờ tắm đã đến, bây giờ xin Ngài đi cho!"

Nan-đà đáp rằng:

"Nay ta không cần tắm gội theo thế gian, mà nay ta ở trong pháp thắng diệu này tự tắm gội; vì đối với Thế Tôn ta đã có được tín lạc thanh tịnh."

Người huấn luyện voi Li-xa Nan-đà sau khi nghe những gì Phật đã dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, làm lễ mà lui.

Lược giải

Khi chúng ta kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu thì đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai. Nghĩa là, khi bậc thánh xả bỏ báo thân thì Ngài sẽ sinh lên trong các cõi trời Dục giới, và ở nơi đó sẽ thọ quả báo tốt đẹp. Sau khi xả bỏ báo thân ở nơi các cõi trời ấy thì Ngài sẽ sinh xuống trong nhân gian, và ở nơi đây cũng thọ quả báo tốt đẹp. Cho nên, Đức Phật dạy:*"Ta thấy Thánh đệ tử này sau khi mạng chung ở đây sẽ sinh lên cõi trời, và ở đó được mười pháp. Những gì là mười? Được tuổi thọ cõi trời, sắc đẹp cõi trời, danh xưng cõi trời, khoái lạc cõi trời, tự tại cõi trời và sắc, thinh, hương, vị, xúc cõi trời. Nếu Thánh đệ tử ở trên trời mạng chung sẽ sinh vào cõi người. Ta thấy người ấy đầy đủ mười điều. Những gì là mười? Được tuổi thọ cõi người, xinh đẹp, danh xưng, khoái lạc, tự tại và, sắc, thinh, hương, vi, xúc cõi người."*

KINH 86

CHUYỂN LUÂN VƯƠNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Chuyển luân Thánh vương có đầy đủ bảy báu, thành tựu được bốn thứ thần lực trong cõi người, làm vua bốn thiên hạ, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sinh lên cõi trời. Tuy lại làm Chuyển luân Thánh vương có đầy đủ bảy báu, thành tựu được thần lực trong cõi người, làm vua bốn thiên hạ, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh lên cõi trời, nhưng vẫn còn chưa đoạn trừ được cái khổ của đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh. Vì sao? Chuyển luân vương chưa đạt được bất hoại

[1] Đại chánh, kinh 835. Pāli, S. 55.1 Rājā.

tịnh đối với Phật, chưa được bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, và Thánh giới. Đa văn Thánh đệ tử mang y phấn tảo, xin ăn khắp mọi nhà, dùng ngọa cụ bằng cỏ, nhưng các vị đa văn Thánh đệ tử này đã giải thoát được cái khổ của các đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh. Vì sao? Các vị đa văn Thánh đệ tử này đã thành tựu được bất hoại tịnh đối với Phật; đã thành tựu được bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và Thánh giới. Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vầy:

Ta sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; sẽ thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và Thánh giới."

Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Chuyển Luân Thánh Vương chỉ có ở thời đại mà loài người thọ tám vạn bốn nghìn tuổi và phước của tất cả loài người ở thời đại ấy cộng lại mới bằng phước của Chuyển Luân Thánh Vương. Khi vua Chuyển Luân Thánh Vương xả bỏ báo

thân thì Ngài sẽ sinh lên trong các cõi trời Dục giới. Tuy phước đức của vua Chuyển Luân Thánh Vương lớn như vậy nhưng chưa kiến đạo, thì Ngài vẫn tùy theo nghiệp để lưu chuyển trong các giới loại. Do đó, đời hiện tại này, nếu chúng ta kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu thì sẽ đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai. Nhờ đó, bậc thánh Tu-đà-hoàn chỉ còn lại với thời gian tối đa bảy lần qua lại giữa thiên thượng và nhân gian (trong Dục giới) tu tập để thành tựu quả vị A-la-hán. Vì thế, Đức Phật dạy: "*Ta chưa từng thấy một vị đệ tử của Ta kiến đạo mà phải trải qua đời thứ tám*".

KINH 87

XÁ-LỢI-PHẤT (1)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Bảo là dòng[2]; thế nào là dòng?" Xá-lợi-phất bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn! Nói là dòng, đó là nói tám chi Thánh đạo." Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Gọi là Nhập lưu phần[3], vậy thế nào là Nhập lưu phần?"

Xá-lợi-phất bạch Phật:

---

[1] Đại chánh, kinh 843. Pāli, S. 55. 5. Sāriputta.

[2] Hán: lưu 流. Pāli: *sota,* dòng nước.

[3] Nhập lưu phần 入流分, cũng nói là Dự lưu chi, chi phần của dòng Thánh. Pāli (S. v. 347): *sotāpattyaṅga.*

"Bạch Thế Tôn! Có bốn Nhập lưu phần[1]. Những gì là bốn? Thân cận thiện sỹ[2], nghe học chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, thực hành pháp tùy pháp."

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

"Người Nhập lưu[3] phải thành tựu bao nhiêu pháp?"

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

"Có bốn chi phần mà người Nhập lưu thành tựu. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng và thành tựu Thánh giới." Phật bảo Xá-lợi-phất:

"Như những gì ngươi đã nói, dòng tức là tám chi Thánh đạo. Nhập lưu phần có bốn pháp là thân cận thiện sỹ, nghe học chánh pháp, bên trong tư

---

[1] Bốn Dự lưu chi, xem *Phẩm loại 2*, tr.458b: thân cận thiện sỹ, thính văn chánh pháp, như lý tác ý, pháp tùy pháp hành. Cf. D.iii. *Saṅgīti, cattāri sotāpattyaṅgāni: sppurisasaṃsevo, saddhammasavanaṃ, yonisomanasikāro, dhammānudhamma- paṭipatti.*

[2] Nguyên hán: thiện nam tử 善男子.

[3] Nhập lưu giả 入流者. Pāli; *sotāpanna,* chỉ Thánh giả Tu-đà-hoàn, hay Dự lưu.

duy chân chánh, thực hành pháp tùy pháp. Người Nhập lưu thành tựu bốn pháp, là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng và thành tựu Thánh giới."

Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

*

"Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả A-nan:

"Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh thì giờ trả lời cho không?" Tôn giả A-nan bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Theo ý Tôn giả cứ hỏi, nếu biết tôi sẽ đáp." Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả A-nan:

"Do đoạn được bao nhiêu pháp, mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, ký thuyết rằng người kia đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường dữ, quyết định hướng đến chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, rốt ráo thoát khổ?"

Tôn giả A-nan bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Do đoạn được bốn pháp và thành tựu được bốn pháp mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường dữ, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, mới rốt ráo hết khổ. Những gì là bốn? Thánh đệ tử trụ tâm bất tín đối với Phật đã được đoạn, đã biến tri, thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật. Bất tín đối với Pháp, Tăng và ác giới đã đoạn, đã biến tri, thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng, và thành tựu được Thánh giới. Như vậy, do đoạn trừ bốn pháp, và thành tựu bốn pháp mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp đường dữ, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, mới rốt ráo thoát khổ."

Tôn giả A-nan bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Đúng vậy, đúng vậy! Do đoạn trừ được bốn pháp, và thành tựu được bốn pháp mà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Tri giả, Kiến giả, ký thuyết cho người kia đắc Tu-đà-hoàn,

không đọa vào pháp đường dữ, quyết định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, rốt ráo thoát khổ."

(Trích kinh *Xá-lợi-phất*, số *812*)

Lược giải

Bởi vì kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu nên hành giả đạt được bậc thánh Tu-đà-hoàn và thành tựu bốn niềm tin bất hoại. Bốn niềm tin ấy là tin Phật, Pháp, Tăng và Thánh giới. Nhờ đó, bậc thánh Tu-đà-hoàn chỉ còn lại với thời gian tối đa bảy lần qua lại giữa thiên thượng và nhân gian (trong Dục giới) tu tập để thành tựu quả vị A-la-hán. Vì vậy, Đức Phật dạy: "*Ta chưa từng thấy một vị đệ tử của Ta kiến đạo mà phải trải qua đời thứ tám*".

KINH 88

CA-LÊ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong tinh xá Câu-la-la-tra, nước A-bàn-đề.[2]

Sáng sớm, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đắp y, mang bát, vào[3] Câu-la-la-tra, tuần tự đi khất thực, đến nhà Ưu-bà-di Ca-lê-ca[4].

Khi ấy, Ưu-bà-di trông thấy Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, liền sửa soạn chỗ ngồi, rồi mời ngồi,

---

[1] Pāli, A.10.26 Kālī.

[2] A-bàn-đề quốc Câu-la-la-tra tinh xá 阿槃提國拘羅羅咤精舍. Pāli: Avantīsu Kuraraghare pavatte pabbate, trong thị trấn Kuraraghara, vương quốc Avanti, trong núi Pavatta.

[3] Hán: nhập 入. Có sự nhầm lẫn về địa danh trong bản Hán.

[4] Ca-lê-ca 迦梨迦. Pāli: *Kuraragharikā Kālī*, vợ của người thợ săn chim ưng (?). Bản Pāli: Ưu-bà-di Kālī đi đến chỗ Tôn giả.

đảnh lễ dưới chân Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên xong, đứng lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Như những gì Đức Thế Tôn đã dạy, trả lời câu hỏi của đồng nữ Tăng-kỳ-đa[1]. Thế Tôn đã nói trong bài kệ những câu hỏi của đồng nữ Tăng-kỳ-đa:

Thật nghĩa ở tại tâm,
Tịch diệt mà không loạn[2].
Hàng phục quân dũng mãnh,
Sắc đẹp đẽ đáng yêu[3].
Một mình, chuyên thiền tứ,
Nếm Thiền lạc vi diệu,
Đó gọi là xa lìa,
Bạn bè của thế gian.

---

[1] Tăng-kỳ-đa đồng nữ sở vấn 僧耆多童女所問. Pāli: *Kumāripañha,* "những câu hỏi của Đồng nữ", chỉ các con gái của Mara, trong kinh S.4.25 Dhītaro.

[2] Hán: thật nghĩa tồn ư tâm, tịch diệt nhi bất loạn 實義存於心寂滅而不亂. Pāli: *atthassa pattiṃ hadayassa santiṃ,* đạt đến mục đích (ý nghĩa) và sự tịch tĩnh của tâm.

[3] Pāli: *jetva senaṃ piyasātarūpaṃ,* hàng phục quân đội sắc khả ái, khả hỷ.

Các bạn bè thế gian,

Không gần gũi ta được.

"Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, bài kệ này của Thế Tôn, ý nghĩa như thế nào?

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên trả lời Ưu-bà-di:

"Này chị, có một Sa-môn Bà-la-môn nói: Biến xứ định về đất[1]; không còn gì hơn đây để cầu mong quả này[2]. Này chị, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với biến xứ định về đất, mà được thanh tịnh trong sáng, thì sẽ thấy được căn bản của nó[3], thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận. Vì thấy được cội gốc, thấy được sự tai hại, thấy

[1] Hán: địa nhất thiết nhập xứ chánh thọ 地一切入處正受, môn chánh thọ (tập trung tư tưởng) có đề mục là nhất thiết nhập (hay biến xứ: tập trung trên tính phổ biến của đối tượng) với đối tượng là đất, một trong mười đối tượng của đề mục thiền định biến xứ. Pāli: paṭhavī-kasiṇa-samāpatti.

[2] Pāli: *paṭhavīkasiṇasamāpattiparamā kho bhaginī eke samaṇabrāhmaṇā attho' ti abhinibbattesuṃ,* "Một số Sa-môn, Bà-la-môn cho rằng địa biến xứ định là mục đích (ý nghĩa) tối thượng".

[3] Đây chỉ vị ngọt của định. Pāli: assāda.

được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận, nên đạt được nghĩa chân thật tại tâm, tuy tịch diệt nhưng không loạn.

Này chị, cũng vậy biến xứ định về nước, biến xứ định về lửa, biến xứ định về gió, biến xứ định về màu xanh, biến xứ định về màu vàng, biến xứ định về màu đỏ, biến xứ định về màu trắng; biến xứ định về hư không, biến xứ định về thức là tối thượng để cầu mong quả này.

Này chị, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào cho đến, biến xứ định về thức, mà được thanh tịnh trong sáng, thì sẽ thấy căn bản, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận. Vì thấy được căn bản, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy con đường đưa đến sự diệt tận, nên đạt được nghĩa chân thật tại tâm, tịch diệt mà không loạn, khéo thấy, khéo nhập. Cho nên, Thế Tôn trả lời bài kệ những câu hỏi của đồng nữ Tăng-kỳ-đa:

Thật nghĩa ở tại tâm,
Tịch diệt mà không loạn.
Hàng phục quân dũng mãnh,

Sắc đẹp đẽ đáng yêu.
Một mình, chuyên thiền tứ,
Nếm Thiền lạc vi diệu,
Đó gọi là xa lìa,
Bạn bè của thế gian.
Các bạn bè thế gian,
Không gần gũi ta được.

"Này chị, vì tôi hiểu Thế Tôn bằng ý nghĩa như vậy mà nói kệ như vậy."

Ưu-bà-di thưa:

"Lành thay Tôn giả! Tôn giả đã nói nghĩa chân thật. Xin Tôn giả nhận lời mời thọ trai của con."

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên im lặng nhận lời.

Ưu-bà-di Ca-lê-ca biết Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đã nhận lời mời rồi, liền sắm sửa các thứ đồ ăn thức uống ngon lành, cung kính tôn trọng, tự tay dâng thức ăn. Khi Ca-lê-ca biết Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đã thọ thực, rửa bát, súc miệng xong, liền sửa soạn một chỗ ngồi thấp trước

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cung kính nghe pháp. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên vì nữ cư sĩ mà nói các pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, khiến cho hoan hỷ, sau đó Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Lược giải

Khi chúng ta an trụ trong định - tuệ hữu lậu và định - tuệ vô lậu tu tập thì sẽ dẫn sinh ra mười biến xứ: đất, nước, gió, lửa, màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, hư không và thức giới. Mười biến xứ ấy, không phải do định tâm để tạo ra đất, nước, gió, lửa,… thật như ở bên ngoài mà chúng chỉ là biểu hiện của tâm. Điều đó có nghĩa là từ nơi định tâm sẽ tạo ra những biến tợ như về đất, nước, gió, lửa, xanh, đỏ, trắng, vàng, hư không và thức giới ở trong tâm. Ví như khi chúng ta an trụ trong định tâm thì sẽ nhận thấy những cảnh biến tợ ở trong tâm như ánh sáng, các màu sắc như xanh, đỏ, trắng, vàng, những hình ảnh về Đức Phật, các vị Bồ-tát, hoặc cảm giác toàn thân mình to lớn như bụng to, chân to, hoặc cảm giác thân ngồi hổng trên mặt đất. Tất cả những cảnh tượng ấy đều chỉ là biến hiện của tâm chứ không phải cảnh

có thực như ở bên ngoài. Vì khi đó, nếu chúng ta mở mắt ra thì những cảnh tượng này sẽ hoàn toàn biến mất. Hoặc, do chúng ta lãnh hội được tâm vô lậu tu tập nên đạt được định tâm. Ở trong định tâm rỗng lặng ấy sẽ không sinh khởi khái niệm về thân và cảnh vật. Đây là do đạt được định tâm chứ không phải là si định hay vô ký định. Bởi vì, tâm an trụ trong định nên hành giả sẽ nhận thấy được tâm rỗng lặng và khái niệm về thân cũng như vạn vật không tập khởi. Tuy vậy, định tâm ấy sẽ không thể duy trì được lâu dài, vì tâm hữu lậu tập khởi nên làm mất định tâm ấy. Nếu chúng ta an trụ được trong định tâm thì sẽ tạo ra lạc thọ và khinh an của thân và tâm. Khi đó, chúng ta rất muốn được an trụ trong định tâm thật lâu nhưng điều ấy không thể được, vì tâm hữu lậu tập khởi nên sẽ đánh mất định tâm đó. Vậy nên, chúng ta cần phải an trụ trong tâm vô lậu để tiếp tục nỗ lực tu tập cho đến khi đoạn trừ được hoàn toàn tâm hữu lậu. Lúc đó, hành giả sẽ sống trọn vẹn trong tâm vô lậu rỗng lặng, và đây mới chính là mục đích tu tập của tất cả chúng ta.

KINH 89

SƠ THIỀN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo, với hành, hoặc hình, hay tướng, ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tầm, có tứ, có hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và an trụ sơ thiền; vị ấy không nhớ nghĩ hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy. Nhưng đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vị ấy tư duy như là bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với những pháp này mà sanh tâm nhàm chán, sợ hãi, phòng hộ. Do nhàm chán, xa lìa, phòng hộ,

[1] Đại chánh, kinh 864.

bằng pháp giới cam lồ mà tự làm lợi ích cho mình. Đây là tịch tĩnh, đây là thắng diệu, tức là xả ly tất cả hữu dư[1], ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn."

Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

[1] Để bản: xả ly dư 捨離餘, có thể sót. Nói đủ là: xả nhất thiết hữu dư y 捨離一切有餘. Xem kinh Đại chánh 867.

KINH 90

ĐỆ NHỊ THIỀN THIÊN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo, với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy, mà dứt có tầm có tứ, nội tịnh nhất tâm, không tầm không tứ, có hỷ lạc do định sanh, chứng và trụ đệ nhị thiền; hoặc nhớ nghĩ không hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy; mà đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà tư duy như là bệnh, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là sát hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với những pháp này tâm sinh nhàm chán, xa lìa, sợ hãi, phòng hộ. Do nhàm chán, xa lìa, phòng hộ,

[1] Đại chánh, kinh 867.

bằng pháp giới cam lồ mà tự làm lợi ích cho mình. Đây là tịch tĩnh, đây là thắng diệu, tức là xả ly tất cả hữu dư, ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn."

Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

KINH 91

ĐỆ TAM THIỀN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo, với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy, lìa tham hỷ, an trụ xả, chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà Thánh nhơn nói là xả, với niệm, an trụ lạc, chứng và an trú đệ tam thiền. Nếu không như vậy, mà với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy, đối với các pháp sắc[2], thọ, tưởng, hành, thức mà tư duy như là bệnh tật, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là sát hại,… cho đến thượng lưu Bát-niết-bàn.

[1] Đại chánh, kinh 869.

[2] Nguyên bản không có chữ sắc, y các bản TNM bổ túc.

Nếu không như vậy, do dục pháp, niệm pháp, lạc pháp, nên sinh về cõi trời Biến tịnh[1]; hoặc không như vậy, sinh về cõi trời Vô lượng tịnh[2]; hoặc không như vậy, sinh về cõi trời Thiểu tịnh.[3]"

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

[1] Biến tịnh thiên 遍淨天. Pāli: Subhakiṇṇā.

[2] Vô lượng tịnh thiên 無量淨天. Pāli: *Appamāṇasubha.*

[3] Thiểu tịnh thiên 少淨天. Pāli: Parittasubha.

KINH 92

GIẢI THOÁT[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo, với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy lìa khổ dứt lạc, ưu hỷ trước đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh[2], nhất tâm, chứng và an trụ đệ tứ thiền. Nếu không nhớ nghĩ như vậy, mà đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà tư duy như là bệnh tật, như là ung nhọt, như là gai nhọn, như là sát hại,… cho đến thượng lưu Bát-niết-bàn. Nếu không như vậy, sinh về cõi

[1] Đại chánh, kinh 870.

[2] Hán: xả tịnh niệm 捨 淨念. Thiền thứ tư: xả niệm thanh tịnh. Pāli: upekkhā sati pārisuddhaṃ.

trời Nhân tánh Quả thật[1]; hoặc không như vậy, sinh về cõi trời Phước sanh[2]; hoặc không như vậy, sinh về cõi trời Thiểu phước.[3]"

Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Lược giải kinh 89, 90, 91, 92

Sơ thiền gồm có năm chi là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Nhị thiền gồm có ba chi là hỷ, lạc và nhất tâm. Tam thiền gồm có hai chi là lạc và nhất tâm. Tứ thiền chỉ có một chi là nhất tâm và tương ưng với xả thọ. Nghĩa là, tâm của hành giả an trụ trong định và tuệ hữu lậu tương ưng với các cõi trời thuộc về Sắc giới. Như ba cõi trời thuộc Sơ thiền là Phạm chúng thiên, Phạm phụ thiên, Đại phạm thiên; ba cõi trời thuộc Nhị thiền là Thiểu quang thiên, Vô lượng Quang thiên, Quang âm thiên; ba cõi trời thuộc Tam thiền là Thiểu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên;

---

[1] Nhân tánh Quả thật thiên 因性果實天. Pāli: Vehapphala. Quảng quả thiên..

[2] Phước sanh thiên 福生天.

[3] Thiểu phước thiên 少福天.

bốn cõi trời thuộc Tứ thiền là Vô văn thiên, Phúc sinh thiên, Quảng quả thiên, Vô tưởng thiên. Theo *Trung A-hàm*, kinh *Chi-Ly-Di-Lê*, có những hành giả tuy tu tập đạt được Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền nhưng rồi vẫn dẫn đến việc phải xả giới và từ bỏ đời sống tu tập của người xuất gia. Vì thế, Đức Phật dạy: khi chúng ta tu tập đạt được Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền thì hãy an trụ trong các định tâm ấy quán sát năm thủ uẩn là vô thường, khổ, không, vô ngã để kiến đạo. Từ đó, hành giả an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập để đạt được các thánh quả như Tư-đà-hàm, A-na-hàm và cho đến thành tựu quả vị A-la-hán (Niết-bàn).

KINH 93

TAM CHỦNG TỬ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có ba loại con. Những gì là ba? Con tùy sanh[2], con thắng sanh,[3] con hạ sanh.[4]

"Thế nào là con tùy sanh? Cha mẹ của con không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu; con cũng học theo không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là con tùy sanh.

---

[1] Đại chánh, kinh 874. Cf. Pāli, It. 74. Putta.

[2] Tùy sanh tử 隨生子. Pāli: *anujāta,* (con) giống cha; bằng cha.

[3] Thắng sanh tử 勝生子 hay ưu sanh. Pāli: *atijāta,* con giỏi hơn cha.

[4] Hạ sanh tử 下生子. Pāli: *avajāta,* con thấp kém.

"Thế nào là con thắng sanh? Cha mẹ của con không thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm không nói dối, không uống rượu; nhưng con lại lãnh thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là người con thắng sanh.

"Thế nào là con hạ sanh? Cha mẹ của con chịu lãnh thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu; nhưng con lại không lãnh thọ giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là con hạ sanh."

Rồi Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Tùy sanh và thượng sanh,
Cha có trí đều mong.
Hạ sanh, người không cần,
Vì không thể kế nghiệp.
Phép làm người của con,
Là làm Ưu-bà-tắc;
Đối Phật, Pháp, Tăng bảo,

Cần tu tâm thanh tịnh.

Mây tan ánh trăng hiện,

Vẻ vang dòng quyến thuộc.

Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Con cái đến với cha mẹ sẽ có hai nhân duyên căn bản, đó là ân và oán. Ân là thiện nghiệp, còn oán là bất thiện nghiệp. Vì thế, tùy theo thiện nghiệp hay bất thiện nghiệp của người cha và người mẹ để kết duyên với con cái. Nếu những người cha và người mẹ sinh hạ ra những người con có hiếu thì đây là do thiện nghiệp của người cha và người mẹ ở đời trước. Còn nếu những người cha và người mẹ sinh hạ ra những người con không có hiếu thì đây là do bất thiện nghiệp của người cha và người mẹ ở đời trước. Tuy nhiên, người cha và người mẹ chỉ là duyên, chứ không phải là nhân chính để hình thành nên báo thân của người con. Những người con có quả báo đáng ưa hay không đáng ưa là do nhân thiện hay bất thiện ở quá khứ

của những người con, chứ không phải do cha mẹ, vì cha mẹ chỉ là duyên. Những người làm cha và làm mẹ ai cũng muốn sinh ra những người con tùy sanh hay thắng sanh. Để có được những người con như vậy thì người cha và người mẹ phải tu tập các thiện pháp. Bởi vì từ những nhân duyên thiện đó nên chúng mới dẫn sinh ra báo thân của người cha và người mẹ tốt đẹp và mới kết duyên với những người con cũng có quả báo tốt đẹp.

KINH 94

DÃ HỒ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ, sau nửa đêm Thế Tôn nghe tiếng chồn hoang. Qua sáng hôm sau, Thế Tôn trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng, hỏi các Tỳ-kheo:

"Lúc cuối đêm, các ngươi có nghe tiếng chồn hoang không?" Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, có nghe."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Con chồn hoang kia bị khốn vì ghẻ lở nên nó phải kêu. Nếu có người nào vì con chồn hoang kia mà chữa trị ghẻ lở cho nó, chồn hoang ắt sẽ biết ơn

[1] Đại chánh, kinh 1264. S. 17. 8. Siṅgāla.

và báo ơn. Nay có một kẻ ngu si không có biết nhớ ơn và báo ơn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học như vầy: 'Biết ơn và báo ơn. Một chút ơn nhỏ còn không quên báo đáp, huống chi là ơn lớn."

Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.[1]

Lược giải

Chúng ta tu học thì cần phải biết tri ân và báo ân. Tri ân và báo ân là thuộc về thiện pháp. Bởi vì thiện pháp cho nên chúng ta cần phải tu tập. Vì vậy, Đức Phật dạy: *"Này các Tỳ-kheo, hãy học như vầy: 'Biết ơn và báo ơn. Một chút ơn nhỏ còn không quên báo đáp, huống chi là ơn lớn."*

Đức Phật dạy về hai loại ân, đó là pháp ân và tài ân. Trong đó, pháp ân là loại ân thù thắng hơn tài ân. Vì sao pháp ân lại thù thắng hơn tài ân? Đó là do bậc thiện tri thức chỉ dạy Phật pháp nên chúng ta mới thành tựu được chánh kiến thuộc về văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Nhờ đó, chúng ta mới

[1] Bản Hán, đến đây hết quyển 47, đưa hai kinh cuối: 1265, 1266, vào Tương ưng bịnh (Tụng VI. Tạp nhân. 4. Tương ưng bịnh).

thành tựu được quả báo tốt đẹp của nhân thiên và cho đến tứ thánh quả. Cho nên, trong *Tăng Nhất A-hàm*, kinh số *15*, phẩm *Hữu Vô*, Đức Phật dạy: *"Có hai ân này. Thế nào là hai? Pháp ân, tài ân. Trên hết trong ân, không gì hơn pháp ân"*.

KINH 95

HIẾU DƯỠNG[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn trẻ tuổi tên là Uất-đa-la [2]đi đến chỗ Đức Phật. Sau khi chào hỏi xong, ông lui qua ngồi một bên, bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, con thường đi khất thực như pháp, đem cúng dường cho cha mẹ, khiến cho ông bà được an vui, xa lìa khổ. Bạch Thế Tôn, việc làm của con như vậy có nhiều phước không?"

Phật bảo Uất-đa-la:

"Thật có nhiều phước. Vì sao? Vì nếu có người nào khất cầu đúng pháp, để cúng dường cha mẹ,

[1] Đại chánh, kinh 88. Tương đương Pāli, S. 7. 19 Mātuposaka; Biệt dịch 100(88).

[2] Uất-đa-la 鬱多羅; xem kinh 282. Pāli: Bà-la-môn tên là Mātupasaka.

làm cho an vui, trừ khổ não, đó thật là người có phước lớn."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ rằng:

Như người đối cha mẹ,
Cung kính và cúng dường,
Đời này lưu tiếng thơm,
Khi chết được lên trời.

Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Là những người xuất gia, chúng ta cần phải chia sẻ và hướng dẫn cho cha mẹ, anh em, chị em ruột thịt đều biết tôn kính, tin Tam Bảo và thực tập các thiện pháp. Nếu cha mẹ, anh em, chị em ruột thịt của chúng ta có đầy đủ tiền tài thì phải khuyến khích mọi người phát tâm cúng dường lên ngôi Tam Bảo và chia sẻ những người có hoàn cảnh khó khăn. Mặc dù người xuất gia không làm ra được của cải vật chất, nhưng nếu có tín chủ cúng tặng riêng những tài vật đúng pháp, khi gặp

trường hợp cha mẹ bệnh tật, đau ốm, chúng ta hãy dùng những tịnh tài ấy để chia sẻ cho cha mẹ và dành thời gian thăm hỏi, chăm sóc họ. Do đó, Đức Phật dạy những người xuất gia cần phải tu tập và hành xử như vậy.

KINH 96

NGOẠI ĐẠO[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá.

Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, và Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà- quật. Bấy giờ có nhiều chúng xuất gia ngoại đạo đến chỗ Tôn giả Xá- lợi-phất. Sau khi cùng Tôn giả thăm hỏi nhau, họ ngồi xuống một bên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:[2]

"Thế nào Xá-lợi-phất, Như Lai đời sau có sinh tử không?"[3] Xá-lợi-phất nói:

"Này các Ngoại đạo, Thế Tôn nói rằng: Điều này không ký thuyết."[4] Lại hỏi:

---

[1] Đại chánh, quyển 31, kinh 905. Pāli, S. 16.12. Paraṃmaraṇaṃ.

[2] Bản Pāli, Xá-lợi-phất hỏi Ca-diếp. Xem tiếp đoạn dưới.

[3] Pāli: *hoti tathāgato paraṃ maraṇā,* Như Lai có tồn tại sau khi chết?

[4] Hán: vô ký 無記. Pāli: *avyākata.*

"Thế nào Xá-lợi-phất, Như Lai không có sinh tử đời sau phải chăng?" Xá-lợi-phất đáp rằng:

"Này các Ngoại đạo, Thế Tôn nói rằng: Điều này không ký thuyết." Lại hỏi:

"Xá-lợi-phất, Như Lai vừa có sinh tử đời sau, vừa không có sinh tử đời sau chăng?" Xá-lợi-phất đáp rằng:

"Thế Tôn nói rằng: Điều này không ký thuyết." Lại hỏi:

"Xá-lợi-phất, Như Lai vừa chẳng phải có sinh tử đời sau, vừa chẳng phải không có sinh tử đời sau chăng?"

Xá-lợi-phất đáp rằng:

"Này các Ngoại đạo, Thế Tôn nói rằng: Điều này không ký thuyết." Các xuất gia ngoại đạo lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Thế nào, những điều chúng tôi hỏi, Như Lai có sinh tử đời sau; không có sinh tử đời sau; vừa có đời sau, vừa không có đời sau; vừa chẳng phải có đời sau, vừa chẳng phải không có đời sau. Tất cả đều đáp, Thế Tôn nói rằng: 'Điều này không

ký thuyết.' Tại sao là một Thượng tọa mà như ngu, như si, không khéo, không biết, như trẻ thơ không có trí tự tánh?[1] Sau khi nói xong những lời này, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Lúc ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, và Tôn giả Xá-lợi-Phất ở cách nhau không xa, cả hai ban ngày ngồi thiền tư dưới bóng cây. Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi biết các xuất gia ngoại đạo đã đi rồi, bèn đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, cùng nhau thăm hỏi khích lệ, rồi ngồi qua một bên, đem những việc bàn luận vừa rồi cùng các xuất gia ngoại đạo thưa lại đầy đủ cho Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

"Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, do nhân gì, duyên gì mà Thế Tôn không ký thuyết đời sau có sinh tử; đời sau không có sinh tử; đời sau vừa có đời sau vừa không; chẳng phải có chẳng phải không sinh tử?"

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với Xá-lợi-phất rằng:

"Nếu nói Như Lai đời sau có sinh tử, đó là sắc. Nếu nói Như Lai đời sau không có sinh tử, đó là

[1] Hán: vô tự tánh trí 無自性智.

có sắc. Nếu nói Như Lai đời sau vừa có sinh tử, đời sau vừa không có sinh tử, đó là sắc. Nếu nói Như Lai đời sau chẳng phải có, đời sau chẳng phải không sinh tử, đó là sắc. Vì Như Lai đã diệt tận sắc, tâm khéo giải thoát, nên nói với có sinh tử đời sau, đây là điều không đúng; hoặc đời sau không sinh tử; hoặc đời sau vừa có, đời sau vừa không; hay đời sau chẳng phải có, đời sau chẳng phải không sinh tử, điều này cũng không đúng. Vì Như Lai đã diệt tận sắc, tâm khéo giải thoát sâu xa, rộng lớn vô lượng, vô số, Niết-bàn vắng lặng.[1]

"Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu nói Như Lai có sinh tử đời sau, đó là thọ, là tưởng, là hành, là thức, là động, là tư lự, là hư dối, là hữu vi, là ái,… cho đến, chẳng phải có chẳng phải không có sinh tử[2] đời sau cũng nói như vậy. Vì Như Lai, đã diệt tận ái, tâm khéo giải thoát, nên nói có sinh tử đời sau là không đúng; hoặc không đời sau; hoặc đời sau vừa

[1] Pāli (S. ii. 223), Ca-diếp trả lời: vì điều ấy không liên hệ đến mục đích, không thuộc phạm hạnh căn bản, không dẫn đến yểm ly, không dẫn đến ly tham, diệt tận, tịch tĩnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

[2] Để bản không có hai chữ *sanh tử*. Vì đây là cú nghĩa thứ tư của vấn đề, nên theo các nghĩa trước mà thêm cho đủ ý.

có, đời sau vừa không; hay chẳng phải có, chẳng phải không đời sau, cũng không đúng. Vì Như Lai, đã diệt tận ái, nên tâm khéo giải thoát sâu xa, rộng lớn vô lượng, vô số, Niết-bàn vắng lặng.

"Tôn giả Xá-lợi-phất, do nhân như vậy, duyên như vậy, cho nên có người hỏi Thế Tôn: 'Như Lai hoặc có hoặc không, hoặc vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không sinh tử đời sau.' Thế Tôn đã không ký thuyết."

Sau khi hai vị Chánh sỹ cùng bàn luận với nhau xong, cả hai trở về chỗ của mình.

KINH 97

MỤC-LIÊN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Trúc, Ca-lan-đà, thành Vương Xá. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng ở nơi đây. Lúc ấy, có người xuất gia dòng họ Bà-sa, đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cùng Tôn giả gặp nhau, thăm hỏi khích lệ nhau, rồi ngồi xuống một bên, thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

"Tôi có việc muốn hỏi. Tôn giả có rảnh thì giờ để trả lời cho không?" Mục-kiền-liên đáp lời Bà-sa:

"Tùy những gì ông muốn hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời." Lúc ấy, Bà-sa xuất gia hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên:

[1] Đại chánh, kinh 958. Pāli, S.44.7. Moggalāna (Āyatana). Biệt dịch, No 100(191).

"Nhân gì, duyên gì mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, có người đến hỏi: 'Thế nào, Như Lai sau khi chết có còn, không còn; Như Lai sau khi chết vừa có, vừa không; Như Lai sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có?' Họ đều tùy theo đó mà đáp. Còn Sa-môn Cù-đàm, nếu có người đến hỏi: 'Như Lai sau khi chết có còn, không còn; Như Lai sau khi chết vừa có, vừa không; Như Lai sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có?' mà lại không xác định?"

Mục-kiền-liên nói với Bà-sa:

"Các Sa-môn, Bà-la-môn khác vì không biết như thật đối với sắc, sự tập khởi sắc, sự diệt tận sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc, nên đối với việc Như Lai sau chết có còn, sanh ra chấp trước; hay sau khi chết Như Lai không còn, Như Lai sau khi chết vừa có, vừa không, Như Lai sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không có, ở đó sinh khởi chấp trước. Do không biết như thật đối với thọ, tưởng, hành, thức,... sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, vị ngọt của thức, sự tai hại của thức, sự xuất ly thức. Vì không biết như

thật nên đối với việc Như Lai sau khi chết có còn thì sanh ra chấp trước; sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không, sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có, sanh ra chấp trước. Còn Như Lai, biết như thật sắc, biết như thật sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc. Vì biết như thật nên đối với việc Như Lai sau khi chết có còn, không chấp trước; hay sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không có, sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có, không sanh chấp trước. Biết như thật đối với thọ, tưởng, hành, thức,... biết như thật đối với sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, vị ngọt của thức, sự tai hại của thức, sự xuất ly thức. Vì biết như thật nên đối với việc Như Lai sau khi chết có còn, không đúng; hay sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không có, sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có, cũng không đúng. Vì Như Lai là sâu xa, rộng lớn, vô lượng, vô số, nhưng tất cả đều tịch diệt.

"Này Bà-sa, do nhân như vậy, duyên như vậy, các Sa-môn, Bà-la-môn khác khi có người đến hỏi:

'Như Lai sau khi chết có còn, sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không; sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có,' thì vì họ mà ký thuyết. Cũng vì nhân như vậy, duyên như vậy, đối Như Lai, nếu có người nào đến hỏi: 'Như Lai sau khi chết có còn, sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không có; sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có,' Phật không vì họ mà ký thuyết."

Bà-sa xuất gia sau khi nghe những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Lược giải kinh số 96, 97

Đức Thế Tôn và những bậc thánh A-la-hán đã đạt được Niết-bàn nên ở trong ấy hoàn toàn không sinh khởi khái niệm *'hoặc có hoặc không, hoặc vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không sinh tử đời sau.'* Hoặc *"Sau khi chết có còn, sau khi chết không còn, sau khi chết vừa có vừa không có; sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không có."*

KINH 98

THÂM DIỆU CÔNG ĐỨC[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Câu-ni-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ có người họ Thích là Ma-ha-nam cùng với năm trăm Ưu-bà-tắc đi đến chỗ Phật đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc?" Phật đáp:

"Ưu-bà-tắc là người sống trong sạch tại gia... *cho đến* suốt đời quy y Tam bảo, làm Ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con." Ma-ha-nam bạch Phật:

"Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn?"[2] Phật nói với Ma-ha-nam:

---

[1] Đại chánh, kinh 928. Pāli, S. 55.49 Mahānāma. Cf. No 100 (153).

[2] Bản Pāli: thành tựu bốn chứng tịnh hay bất hoại tịnh.

"Ưu-bà-tắc Tư-đà-hoàn là vị mà ba kết sử thân kiến, giới thủ, và nghi, đã đoạn tận, đã biến tri. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn." Ma-ha-nam bạch Phật:

"Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc Tư-đà-hàm?" Phật nói với Ma-ha-nam:

"Ưu-bà-tắc Tư-đà-hàm là vị mà ba kết sử đã đoạn tận, đã biến tri; tham dục và sân nhuế đã mỏng. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc Tư-đà-hàm." Ma-ha-nam bạch Phật:

"Thế Tôn, sao gọi là Ưu-bà-tắc A-na-hàm?" Phật nói với Ma-ha-nam:

"Ưu-bà-tắc A-na-hàm là vị mà năm hạ phần kết sử tức thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham dục, và sân nhuế, đã đoạn tận, đã biến tri. Ma-ha-nam, đó gọi là Ưu-bà-tắc A-na-hàm."[1]

Bấy giờ, Ma-ha-nam quay nhìn năm trăm Ưu-bà-tắc, nói rằng:

"Kỳ diệu thay các vị Ưu-bà-tắc, sống tại gia thanh bạch, lại được công đức sâu xa như vậy!"

---

[1] Không đề cập A-la-hán. Trong kinh này, tại gia không thể chứng.

Ưu-bà-tắc Ma-ha-nam sau nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ rồi lui.

*

Trưởng giả Chất-đa-la nói kệ này xong, liền mạng chung, sanh vào cõi Vô phiền nhiệt thiên.

Bấy giờ Thiên tử Chất-đa-la nghĩ rằng: Ta không nên đình trú ở đây, mà nên đến Diêm-phù-đề lễ bái các Tỳ-kheo Thượng tọa. Trong khoảnh khắc nhanh như người lực sĩ co duỗi cánh tay, dùng sức Thiên thần hiện đến rừng Am-la, phóng ánh sáng từ thân trời, chiếu sáng khắp rừng Am-la.

(Trích kinh *Bệnh Tướng*, *Tạp A-hàm*, số *574*)

Lược giải

Những người xuất gia và những người cư sỹ tại gia tu tập là muốn đạt được tứ thánh quả. Chúng ta muốn đạt được tứ thánh quả thì cần phải kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu để tu tập. Từ đó, chúng ta sống trong chánh kiến vô lậu tu tập để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu tứ thánh quả và cho đến thành tựu quả vị Phật.

Đức Phật dạy nếu những người cư sỹ tại gia nỗ lực tu tập thì cũng sẽ đạt được các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm. Tuy nhiên, Đức Phật dạy những người cư sỹ tại gia tu tập chỉ đạt được A-na-hàm. Chính ý nghĩa này đã được đề cập đến trong nhiều bản kinh thuộc A-hàm. Vì sao? Với ý nghĩa này, chúng ta có thể nhận định qua hai nguyên nhân: Nguyên nhân thứ nhất là do công đức tu tập của người cư sĩ tại gia không đủ để thành tựu được quả vị A-la-hán trong đời hiện tại.

Nguyên nhân thứ hai là do bậc thánh Tam quả đã đoạn trừ được năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới), nên sẽ không còn phù hợp với đời sống của người cư sĩ tại gia. Vì thế, nếu những người cư sĩ tại gia tu tập đạt được A-na-hàm, thì vị ấy sẽ xuất gia tu tập hướng đến Tứ quả và cho đến thành tựu quả vị A-la-hán.

KINH 99

LỆ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà trong vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Chúng sanh từ vô thủy sinh tử cho đến nay, cứ mãi xoay vần, không biết được biên tế nguyên thủy của khổ.

"Các Tỳ-kheo, ý các ngươi nghĩ thế nào? Nước sông Hằng... nước trong bốn biển lớn là nhiều hay là nước mắt của các ngươi tuôn ra trong vòng sinh tử luân hồi là nhiều?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Như chúng con hiểu ý nghĩa của lời Phật nói, nước mắt của chúng con tuôn rơi trong vòng sinh

[1] Đại chánh, kinh 938. Nước mắt. Pāli. S. 15.3 Assu.

tử luân hồi rất nhiều, nhiều hơn cả nước sông Hằng và nước bốn biển lớn."

Phật nói với các Tỳ-kheo:

"Lành thay! Lành thay! Nước mắt của các ngươi tuôn rơi trong vòng sinh tử luân hồi rất nhiều, chứ không phải nước sông Hằng và nước bốn biển. Vì sao? Vì các ngươi đã từng bị mất cha mẹ, anh em, chị em, thân thuộc, người quen; bị mất mát tiền của, nước mắt tuôn rơi cho những sự mất mát đó rất nhiều vô lượng. Các ngươi cứ mãi bị ném ra nghĩa địa, máu tanh chảy ra, rồi sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

"Này các Tỳ-kheo, các ngươi từ vô thủy sinh tử luân hồi, máu và nước mắt trong thân rất nhiều, nhiều vô lượng.

"Này các Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?" các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, vô thường.

"Nếu vô thường thì đó là khổ chăng? "Bạch Thế Tôn! Khổ.

"Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không."

Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như thế.

"Này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử biết như thế, thấy như thế... đối với sắc giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức, giải thoát, giải thoát sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não."

Phật nói Kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành

*

"Chúng sinh từ vô thỉ sinh tử, mãi luân chuyển, không biết biên tế tối sơ của khổ."

Bấy giờ, có một Tỳ kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo vai phải, đảnh lễ đức Phật, quỳ gối sát đất, chấp tay bạch Phật:

"Thế Tôn, kiếp dài lâu như thế nào?" Phật nói với Tỳ kheo:

"Ta có thể vì ngươi mà nói, nhưng ngươi khó mà biết được!" Tỳ kheo bạch Phật:

"Ngài có thể nói thí dụ không?" Phật nói với Tỳ-kheo:

"Có thể được. Này Tỳ kheo, thí như thành trì bằng sắt, vuông vức một do tuần, từ trên xuống dưới cũng như vậy, bên trong chứa đầy hạt cải. Cứ một trăm năm, có người lấy đi một hạt cải. Số hạt cải kia có thể hết nhưng kiếp vẫn còn chưa hết. Cũng vậy, Tỳ-kheo, kiếp kia dài lâu như vậy. Kiếp dài cả trăm, nghìn, vạn, ức, khổ lớn nối tiếp nhau, mà xương trắng chất thành gò, máu mủ chảy thành sông, trong các đường dữ địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Tỳ kheo, đó gọi là từ vô thỉ sinh tử mãi luân hồi, không biết biên tế của khổ. Cho nên, Tỳ kheo, hãy học như vầy: 'Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

(Trích kinh *Thành Trì*, số *1329*)

"Chúng sinh từ vô thỉ sinh tử, mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Không có một nơi nào mà không có cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, thân thích, sư trưởng. Cũng vậy, Tỳ kheo, từ vô thỉ sinh tử mãi mãi luân hồi không biết

biên tế tối sơ của khổ. Cho nên, Tỳ kheo, hãy học như vầy: 'Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

(Trích kinh *Vô Bất Nhất Xứ*, số *1333*)

"Chúng sinh từ vô thỉ sinh tử, mãi luân hồi, không biết biên tế tối sơ của khổ. Thí như trời mưa lớn tầm tã khắp nơi, cả Đông, Tây, Nam, Bắc không nơi nào là không mưa. Cũng vậy, phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, vô lượng quốc độ qua kiếp thành, kiếp hoại, giống như cơn mưa lớn, giọt mưa khắp nơi trong thiên hạ, không nơi nào là không mưa. Cũng vậy, từ vô thỉ sinh tử luân hồi mãi mãi, không biết biên tế tối sơ của khổ.

"Thí như ném gậy lên không trung, hoặc đầu rơi xuống đất, hoặc là đuôi rơi xuống đất, hoặc quãng giữa rơi xuống đất. Cũng vậy, từ vô thỉ sinh tử luân hồi mãi mãi, hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sanh, hoặc đọa vào ngạ quỷ. Sinh tử vô thỉ như vậy, luân chuyển mãi mãi. Cho nên Tỳ kheo, hãy học như vầy: 'Đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'"

(Trích kinh *Cơn Mưa Trút*, số *1335*)

Lược giải

Bởi vì chúng ta đã sống với vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo tác các nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp, để rồi phải thọ quả báo sinh tử khổ đau trong các giới loại. Bởi sự lưu chuyển sinh tử ấy, chúng ta đã từng sinh ra đời và sau đó lại xả bỏ báo thân trong các giới loại, một cách vô tận. Trong tiến trình đó, chúng ta đã có vô lượng người cha, người mẹ, anh em ruột thịt, thân bằng quyến thuộc… Trong đời hiện tại này, nếu chúng ta đã có niềm tin đối với Tam Bảo thì hãy quán sát sự lưu chuyển sinh tử ấy nhằm sinh tâm nhàm chán, sợ hãi, mà phát tâm tu tập đạo thánh đế. Chỉ có tu tập đạo thánh đế thì chúng ta mới chấm dứt được dòng lưu chuyển sinh tử khổ đau này.

KINH 100

HẰNG HÀ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Bà-la-môn đi đến chỗ Phật, cung kính thăm hỏi. Sau khi chào hỏi xong, ông ngồi xuống một bên, bạch Phật: "Thưa Cù-đàm, đời vị lai sẽ có bao nhiêu đức Phật?" Phật nói với Bà-la-môn:

"Phật đời vị lai có vô lượng như số cát sông Hằng." Bấy giờ, Bà-la-môn nghĩ rằng:

"Các đấng Chánh đẳng Chánh giác đời vị lai sẽ có vô lượng như số cát sông Hằng, ta sẽ theo các Ngài tu phạm hạnh."

[1] Pāli: S.15.8. *Gaṅgā.* Hán, N0 100(339).

Bà-la-môn sau khi đã nghe những gì đức Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Trên đường về, Bà-la-môn vừa đi vừa nghĩ: "Hôm nay ta chỉ hỏi Sa-môn Cù-đàm về chư Phật đời vị lai chứ chưa hỏi chư Phật quá khứ." Ông liền trở lại, hỏi Thế Tôn:

"Thế nào, thưa Cù-đàm, đời quá khứ có bao nhiêu đức Phật?" Phật nói với Bà-la-môn:

"Phật đời quá khứ cũng có vô lượng như số cát sông Hằng."

'Lúc ấy Bà-la-môn liền nghĩ: "Chư Phật Thế Tôn trong đời quá khứ cũng có vô lượng như số cát sông Hằng, mà ta chưa từng thân cận. Giả sử vô lượng các đấng Chánh đẳng Chánh giác trong đời vị lai như số cát sông Hằng, ta rồi cũng sẽ không thân cận vui vầy. Trong hiện tại, ta nên ở chỗ Sa-môn Cù-đàm tu hành phạm hạnh." Nhân đó, ông chấp tay bạch Phật:

"Nguyện xin Thế Tôn cho phép con xuất gia tu phạm hạnh trong Chánh Pháp Luật."

Phật nói với Bà-la-môn:

"Chấp thuận cho ông xuất gia tu phạm hạnh, được làm Tỳ kheo trong Chánh Pháp Luật."

Bấy giờ, Bà-la-môn liền được xuất gia thọ cụ túc. Sau khi xuất gia, một mình ở nơi thanh vắng tư duy về mục đích mà thiện gia nam tử chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà,... *cho đến* đắc A-la-hán.

Lược giải

Đức Phật dạy rằng: *"Phật đời quá khứ cũng có vô lượng như số cát sông Hằng và Phật đời vị lai cũng có vô lượng như số cát sông Hằng"*. Bởi vì ở trong đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai đều có vô lượng Đức Phật ra đời nhiều như số cát sông Hằng, nên thế giới của chư Phật cũng sẽ nhiều như vậy. Qua đó, chúng ta nhận thức được rằng không phải chỉ có một Đức Phật xuất hiện ở nơi nhân gian này với danh hiệu là Thích Ca Mâu Ni; mà vào đời quá khứ cũng đã có vô lượng chư Phật ra đời nhiều như số cát sông Hằng, và ở đời trong tương lai cũng sẽ có vô lượng chư Phật ra đời

nhiều như số cát sông Hằng. Do đó, thế giới của chư Phật cũng sẽ nhiều như vậy. Bởi vì thế giới của chư Phật là vi diệu thù thắng cho nên chúng ta tu tập đều muốn được sinh về nơi những quốc độ ấy. Để sinh về những quốc độ đó thì chúng ta cần phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế bao gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập bát chánh đạo hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập bát chánh đạo vô lậu. Tu tập bát chánh đạo vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Cho nên, chúng ta muốn sinh về những quốc độ an lành và quốc độ của chư Phật thì phải tu tập đạo thánh đế.

MỤC LỤC ĐỐI CHIẾU TRONG TẠP A-HÀM

TÊN KINH	TƯƠNG ƯNG KINH SỐ
KINH 1. VÔ THƯỜNG	1
KINH 2. VÔ TRI (2)	4
KINH 3. VÔ TRI (3)	5
KINH 4. YỂM LY	9
KINH 5. PHI NGÃ	17
KINH 6. LA-HẦU-LA SỞ VẤN (1)	23
KINH 7. ĐA VĂN	25
KINH 8. THIỆN THUYẾT PHÁP	26
KINH 9. NIẾT-BÀN	28
KINH 10. VÔ MINH (1)	33
KINH 11. VÔ GIÁN ĐẲNG	36
KINH 12. DIỆT	37
KINH 13. PHÚ-LƯU-NA	38
KINH 14. BÀO MẠT	42
KINH 15. HÀ LƯU	45
KINH 16. ƯU-ĐÀ-NA	55
KINH 17. HỮU THÂN	62
KINH 18. TRI PHÁP	63
KINH 19. TRỌNG ĐẢM	64
KINH 20. PHÁP ẤN	71
KINH 21. PHÚ-LAN-NA	72
KINH 22. THANH TỊNH	75
KINH 23. CHÁNH QUÁN SÁT	76
KINH 24. THẬP LỤC TỲ-KHEO	82
KINH 25. HOẠI PHÁP	97
KINH 26. TRƯỞNG GIẢ	109
KINH 27. CHÁNH KIẾN	177
KINH 28. THAM DỤC	189
KINH 29. NĂNG ĐOẠN NHẤT PHÁP	205
KINH 30. PHÚ-LÂU-NA	217
KINH 31. ĐẠI HẢI	218
KINH 32. NIẾT-BÀN ĐẠO TÍCH	221
KINH 33. HỮU LẬU VÔ LẬU	231

TÊN KINH	TƯƠNG ƯNG KINH SỐ
KINH 34. THẾ GIAN	235
KINH 35. CÂU-HI-LA (1)	251
KINH 36. CÂU-HI-LA (2)	252
KINH 37. NHỊ-THẬP-ỨC-NHĨ	256
KINH 38. LUẬT NGHI BẤT LUẬT NGHI	262
KINH 39. LỘC NỮU (1)	273
KINH 40. PHÁP THUYẾT NGHĨA THUYẾT	336
KINH 41. CÂU-HI-LA	343
KINH 42. CHUYỂN PHÁP LUÂN	378
KINH 43. NHÂN-ĐÀ-LA TRỤ	397
KINH 44. LUẬN XỨ	398
KINH 45. THIÊU Y	399
KINH 46. BÁCH THƯƠNG	400
KINH 47. KHỔNG	404
KINH 48. MANH	405
KINH 49. NGHI (1)	418
KINH 50. NGŨ TIẾT LUÂN	431
KINH 51. TU-ĐẠT	434
KINH 52. TUYẾT SƠN	438
KINH 53. HỒ TRÌ ĐẲNG	439
KINH 54. NGŨ CHUYỂN	87
KINH 55. HÀNH	446
KINH 56. ĐỒNG PHÁP	463
KINH 57. XÚC NHÂN	465
KINH 58. TIỄN	469
KINH 59. THIỀN	472
KINH 60. CHỈ TỨC	473
KINH 61. TIÊN TRÍ	474
KINH 62. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN	479
KINH 63. ĐẾ THÍCH	505
KINH 64. BỐN MƯƠI THIÊN TỬ	846
KINH 65. NHỊ LỰC (1)	629
KINH 66. TỨ NHIẾP SỰ	636
KINH 67. NHIẾP	637

TÊN KINH	TƯƠNG ƯNG KINH SỐ
KINH 68. THIỆN TRI THỨC	694
KINH 69. THIỆN TRI THỨC	747
KINH 70. QUẢNG THUYẾT BÁT THÁNH ĐẠO	753
KINH 71. SANH VĂN	757
KINH 72. CHÁNH NIỆM	580
KINH 73. TỨ CHÁNH ĐOẠN	863
KINH 74. DỤC ĐỊNH	181
KINH 75. ĐƯƠNG TRI	614
KINH 76. NGŨ LỰC ĐƯƠNG THÀNH TỰU	642
KINH 77. THẤT GIÁC CHI	677
KINH 78. SA-MÔN SA-MÔN PHÁP	762
KINH 79. SA-MÔN SA-MÔN QUẢ	764
KINH 80. SA-MÔN PHÁP SA-MÔN QUẢ	765
KINH 81. NGŨ PHÁP	769
KINH 82. AN-NA-BAN-NA NIỆM	771
KINH 83. BẤT BÌ	782
KINH 84. HỌC (2)	785
KINH 85. LI-XA	801
KINH 86. CHUYỂN LUÂN VƯƠNG	803
KINH 87. XÁ-LỢI-PHẤT (1)	811
KINH 88. CA-LÊ	549
KINH 89. SƠ THIỀN	850
KINH 90. ĐỆ NHỊ THIỀN THIÊN	853
KINH 91. ĐỆ TAM THIỀN	855
KINH 92. GIẢI THOÁT	856
KINH 93. TAM CHỦNG TỬ	860
KINH 94. DÃ HỒ	924
KINH 95. HIẾU DƯỠNG	1064
KINH 96. NGOẠI ĐẠO	1286
KINH 97. MỤC-LIÊN	1339
KINH 98. THÂM DIỆU CÔNG ĐỨC	1309
KINH 99. LỆ	1319
KINH 100. HẰNG HÀ	1327

TẠP A HÀM
Lược Giải

TÁC GIẢ: THÍCH THẮNG GIẢI

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: (024)37822845 - Fax: (024)37822841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản: **Giám đốc Ths. Nguyễn Hữu Có**
Chịu trách nhiệm nội dung: **Tổng biên tập Lê Hồng Sơn**
Biên tập nhà xuất bản: **Nguyễn Thị Thanh Thủy**

Sửa bản in:	Thái Hà
Thiết kế bìa:	Hoàn Thanh Tú
Trình bày:	Vi Xuân

Đối tác liên kết
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THÁI HÀ
119 C5 Tô Hiệu - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: (024) 3793 0480; Fax: (024) 6287 3238
Website: www.thaihabooks.com

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Thích Thắng Giải
Tạp A Hàm lược giải / Thích Thắng Giải. - H. : Tôn giáo ; Công ty Sách Thái Hà, 2025. - 554 tr. ; 21 cm

1. Đạo Phật 2. Kinh A Hàm
294.382 - dc23

TOM0015p-CIP

In 300 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm tại Công ty Cổ phần In Bắc Sơn, địa chỉ: 262 đường Phúc Diễn, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Số đăng ký KHXB: 148-2025/CXBIPH/02-02/TG. Quyết định xuất bản số: 148/QĐ-NXBTG cấp ngày 26/02/2025. In xong và nộp lưu chiểu năm 2025. ISBN: 978-604-941-191-5